

VIÊN GIÁC



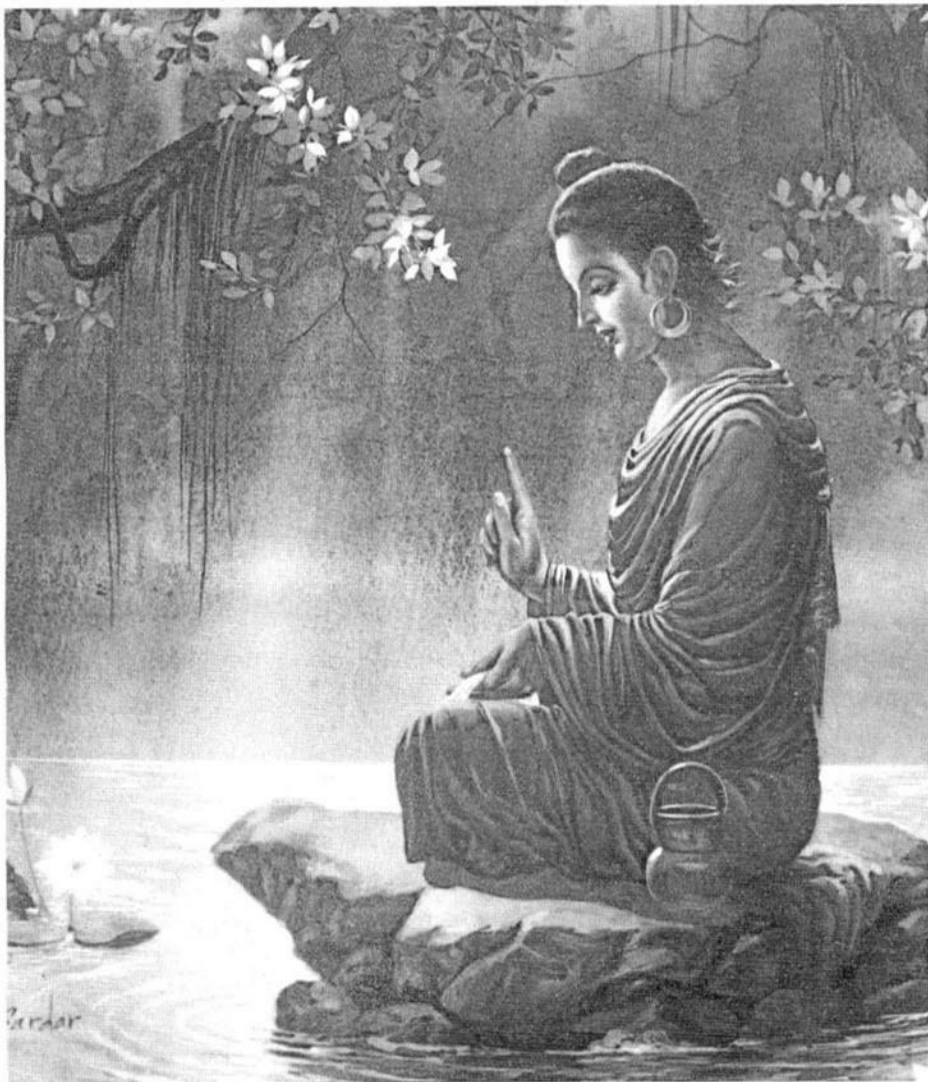
BỘ MỚI
SỐ

25

THÁNG HAI NĂM 1985

FEBRUAR 1985

AUSGABE IN VIETNAMESE UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

trong số này

in dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	Trang
Đạo Phật với Dân Tộc	01
Cảm nghĩ về Thiên	04
Lá Thơ Tịnh Độ	07
Việt Nam Phong Sử	10
Quốc Sử Tạp Lục	12
Bắc Du Chôn Vỡ	14
Phật Giáo với Mác Xít	17
Thơ	21
Allgemeine Buddhalehre	22
Gefangener des Vietcong	25
Die illustr. Gesch. Buddhas	29
Das Wunder, Wach zu sein	32
Thơ	36
Các nhà văn Bách Khoa	37
Đường Không Biên Giới	40
Lời Chúc năm trâu	45
Con trâu trong văn Học	49
Tùy bút gúa khứ và	52
Sau ngày tang	53
Trang Giáo lý	55
Theo dấu chân Đức Phật	58
Cuộc hồng Trần	60
Điều Văn	64
Thoát vòng tục lụy	67
Tin tức	70
Tin thế giới	72
Phương danh	78



Thư tòa soạn

Một năm cũ đã qua một năm mới sắp đến; báo hiệu cho loài người và vạn vật trong vũ trụ này nhiều điều mới lạ và niềm hy vọng vào tương lai.

Quá khứ đau đau thương hay thất bại hoặc thành công rúc rờ đi chẳng nữa, chúng ta cũng không nên nuối tiếc về dĩ vãng. Tương lai chúng ta có quyền hy vọng; nhưng sự hy vọng đó phải đặt hết vào sự tự tin của mình; không là một hy vọng ảo huyền. Do đó chủ Phật và chủ Tổ sư có dạy: "Hiện tại mới là điều đáng quý và hãy sống cho hiện tại đi". Nếu hiện tại đẹp thì tương lai sẽ không bao giờ xấu và quá khứ chẳng lu mờ. Có nhiều người trong chúng ta mãi lo cho tương lai mà quên đi phần hiện tại. Nếu không nắm vững được chân lý ấy thì suốt đời vẫn lặn hụp trong vòng tử sanh, sanh tử không lối thoát.

Năm Ất Sửu sắp trở về với người con dân nước Việt khắp đó đây. Chúng ta có cơ hội nhìn lại sau gần 10 năm xa nước và xa hơn nữa chúng ta nên nghĩ, phải làm gì cho một quê mẹ quá tang thương đổ nát bởi tham sân tật đố của loài người. Gần hơn, trong năm này với niềm hy vọng trong sự sống, chúng ta nên cố gắng làm hết sức mình cho mọi công việc, mọi dự án đã đề ra. Có như thế tương lai mới vững mạnh và hiện tại đỡ tủi thân.

Lời nói bao giờ cũng dễ, nhưng việc thực hành lại khó khăn, vạn nẻo. Vì thế người Phật tử cần những hành động cụ thể trong cuộc sống hằng ngày cũng như sự tu hành của mình, mới là điều đáng quý.

Mùa Xuân đến vạn vật cũng đổi thay; nhưng mong rằng lòng người không nên thay đổi theo chiều thoái mà hãy nên biến đổi theo chiều tiến để niềm hy vọng ấy được củng cố mạnh hơn lên.

Nhân ngày Xuân Di Lạc, ngày hoan hỷ của Đấng Từ Tôn, chúng ta hãy hướng về quê hương và Giáo Hội nguyện cầu cho chủ tôn giáo phẩm và đồng bào Phật tử trong nước vượt qua được những khó khăn, gian khổ, hiểm nguy và cầu nguyện cho đất nước sớm thoát khỏi gông cùm của người Cộng Sản. Cầu nguyện cho những người mất vì tự do của Tổ Quốc và vì sự độc lập cho dân tộc cũng như những người vượt biển xấu số, nhân ngày Xuân Di Lạc năm Ất Sửu này sớm siêu sanh nơi miền Lạc cảnh hưởng chữ an vui và nguyện cầu cho chủ tôn giáo phẩm ở hải ngoại, đồng bào Phật tử các giới, các Tôn Giáo ban các tổ chức, các đoàn thể được vạn sự thắng ý và thu hoạch được nhiều thành quả trong năm này.

NAM MÔ ĐƯỜNG LAI HẠ SANH TỬ THI DI LẠC TÔN PHẬT.

VIÊN GIÁC

CHỦ TRƯỞNG: Thích Nul Điện
Herausgeber

KY THUẬT: Thị Chơn
Layout

CÙNG SỰ CÔNG TÁC CỦA:
Mitwirkung von

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Viet Nam Flüchtlinge i.d. BRD e.V.

TÒA SOẠN: Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion

Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo VN
Vietnam. Buddh. Kulturzentrum

EICHELKAMPSTR. 35a, 3000 HANNOVER 81
Tel. 0511- 864638

THÍCH THANH TỪ

ĐẠO PHẬT VỚI DÂN TỘC VIỆT NAM

Kính thưa quý thánh giá
Thưa quý vị,

Là con dân Việt Nam, chúng ta có bốn phần tìm hiểu, học hỏi những điều gì có liên quan đến đất nước thân yêu của chúng ta. Đạo Phật đã chung sống với người Việt Nam gần hai mươi thế kỷ thì sự liên quan không phải là thứ gì vậy. Hiện nay người Việt Nam coi Đạo Phật là đạo của Tổ tiên truyền lại, nên người bình dân Việt Nam có ai hỏi ông theo đạo nào, họ sẽ không ngần ngại đáp rằng: "Tôi theo Đạo Ông Bà" - Đạo Ông Bà là chỉ cho Đạo Phật - . Câu ấy đã chứng minh sự liên quan mật thiết giữa Đạo Phật với dân tộc Việt Nam là thế nào rồi. Vì thế, người Việt Nam tin Đạo Phật một cách hồn nhiên không cần suy xét, học hỏi. Do sự lưu truyền huyết thống ấy, Đạo Phật đã len trong dòng máu dân tộc và lan khắp mọi tâm hồn người Việt Nam. Chúng ta muốn thấy rõ sự liên quan ấy và lý do nào Tổ tiên ta đã tin theo Đạo Phật, nên xét qua những phần sau :

A.- ĐẠO PHẬT CÓ MẶT TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Đạo Phật có mặt trên lãnh thổ Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ II đầu thế kỷ thứ III, do các Ngài Khương Tăng Hội, Mâu Bác... truyền vào. Đến thế kỷ thứ VI, VII, VIII, do các ngài Tỳ Nị Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông chánh thức truyền Thiên Tôn vào Việt Nam, nên Phật Giáo Việt Nam dần dần sáng tỏ. Mãi đến thế kỷ thứ X, XI về sau, Phật Giáo mới cực thịnh ở Việt Nam. Tức là kể từ đời Đinh, Lê, Lý... nước Việt Nam hoàn toàn tự chủ, Phật Giáo Việt Nam cũng bắt đầu ghi vào lịch sử một trang sử vẻ vang

B.- ĐẠO PHẬT LÀM VẺ VANG CHO DÂN TỘC VIỆT NAM

Độc lịch sử Việt Nam ai không nhớ cuộc ngoại giao lý thú dưới triều Vua Lê Đại Hành với nhà Tống năm 986. Nguyên năm ấy, Tống triều sai Quốc Tử Giám Bác sĩ Lý Giác sang sứ Việt Nam. Để cho Bắc triều không dám khinh người Việt Nam là dân Man Di như trước nữa, Vua Lê Đại Hành nhờ Pháp Sư Đỗ Thuận thay chiếc áo cà sa khoắc chiếc áo phu chèo đò để đón sứ, và tại triều nhớ Khuông Việt Thái Sư Ngô Chân Lưu tiếp đãi sứ.

Khi con thuyền rẽ sóng bập bênh trên mặt nước, ngồi trước mũi thuyền tình cờ Lý Giác trông thấy cặp ngỗng thông thả chập chờn bơi trên dòng sông xanh biếc. Vốn là nhà thi sĩ ông liền khẩu chiếm hai câu thơ :

"Nga nga lưỡng nga nga,
"Ngỗng diên hướng thiên nha.

Dịch :

"Song song ngỗng một đôi,
"Ngựa mặt ngó ven trời.

Pháp Sư tay dang cầm chèo, chèo đều theo nhịp sóng liền ứng khẩu tiếp theo hai câu :

"Bạch mao phò lục thủy,
"Hồng trạo bãi thanh ba.

Dịch :

"Lông trắng phôi dòng biếc,
"Sóng xanh chân hồng bơi.

Lý Giác ngạc nhiên, không ngờ anh phu chèo đò Việt Nam mà có tài xuất khẩu thành thi một cách thần diệu như vậy. Có thể nói từ đó về sau, Bắc triều tự nhiên âm thầm kính nể người Việt Nam. Sau này Vạn Hạnh Thiền Sư, người đã gây dựng cho Triều Lý một nền văn minh rực rỡ ngót hai thế kỷ trong tinh thần Phật Giáo. Tóm lại, từ đời Đinh (968) đến cuối đời Trần (1399) ngót năm thế kỷ nền văn hóa Việt Nam đều trong tay nhà Sư cả. Dưới thời quân chủ mà Vua, Quan đều sùng mộ Phật Giáo và các trường dạy học hầu hết là nhà Sư chủ trương thu hút còn ai không theo Đạo Phật. Vì thế, người Việt Nam sau này coi Đạo Phật là "Đạo của Ông Bà" rất đúng vậy.

C.- PHẬT GIÁO THÂM NHUẦN TRONG DÒNG MÁU DÂN TỘC VIỆT NAM

Để thấy sự thâm nhuần Phật Giáo của dân tộc Việt Nam, chúng ta xét qua các phương diện :

I/- QUA NGÔN NGỮ :

Ngôn ngữ chúng ta hiện nay phần nhiều dùng danh từ nhà Phật một cách hồn nhiên không cần giải thích mà ai cũng hiểu. Tôi có thể đơn cử

một vài thí dụ để chứng minh điều này. Thí dụ khi thấy người bị hoạn nạn đau khổ. Người Việt Nam muốn tỏ lòng thương xót sẽ nói: "Tội nghiệp" ông ấy quá! Hai chữ "tội nghiệp" phát nguyên từ đâu, nếu không phải từ kinh Phật? Vì Phật Giáo cho rằng: Tất cả quả hiện có đều do nhân duyên trước đã gây, không một quả nào không nhân tử có. Cho nên cái nghiệp báo người kia hiện chịu là do tội ác ngày trước gây nên. Do đó, để tỏ lòng thương xót kẻ đau khổ, người Việt Nam bảo: "Rất thương hại thay! Bởi trước kia ông gây "tội ác" nên ngày nay ông phải chịu "nghiệp báo thế này". Nhưng nói thế dài dòng quá, người ta rút gọn lại là "Tội nghiệp". Và một thí dụ nữa: khi dùng xem một cuộc mê tín số người đồng quê, sự tưởng tượng, người bình dân muốn diễn tả lại cho kẻ khác nghe số người đồng quê sự ấy, họ nói: Cuộc mê tín ấy, người ta đồng "hàng hà sa số". Hàng hà sa số là gì? Tức là số cát sông Hằng (Gange) ở Ấn Độ. Khi xưa đức Phật thuyết pháp gần lưu vực sông Hằng, nếu cần diễn tả một con số mà không thể cộn dùng số tính được, Ngài nói: "Hàng hà sa số". Như kinh chép: "Hàng Hà sa số thế giới...". Còn rất nhiều nữa, phạm vi bài này không cho phép tôi dẫn hết. Bấy nhiêu đó cũng đủ chứng minh: Người Việt Nam đã phổ dụng danh từ nhà Phật vào ngôn ngữ hàng ngày của mình, nhờ đó tiếng Việt được thêm phong phú.

2/- QUA CHUYỆN CỔ TÍCH :

Tô tiên chúng ta ngày xưa đã khéo áp dụng Giáo lý Đạo Phật làm nền luân lý nhân bản cho dân tộc. Các Ngài đem phổ cập nó vào nghệ thuật cổ tích lý thú, hấp dẫn kể cho con cháu nghe để xây dựng chúng sống theo khuôn đạo đức từ lúc bé. Tôi xin đơn cử một chuyện ngắn để làm thí dụ. Chuyện "Phượng Hoàng đậu cây khế".

Xưa một nhà có hai anh em, khi cha mẹ mất đi người anh tranh hết cả ruộng vườn để cho người em chỉ mỗi một cây khế.

Người em cũng vui lòng chịu, không dám nói gì đến anh.

Sau, một hôm cô đàn Phượng Hoàng từ đâu bay lại, đậu trên cây khế, có bao nhiêu quả ăn hết sạch.

Người em thấy vậy ra trước gốc cây vừa khóc vừa nói với chim Phượng rằng :

- Cơ nghiệp tôi chỉ có mỗi cây khế đó thôi. Bây giờ các Ngài lại xơi hết cả thì tôi trồng cây vào đâu cho có ăn !

Phượng Hoàng nghe nói bảo rằng :

- Ta vốn hay đậu nơi cây ngô đồng và tầm, mắt chôn hố sen. Ta mà đến đây chẳng qua chỉ để nghỉ chân chốc lát thôi. Ta có ăn một trái

khế nào, thì ta đến trả lại không sợ thiệt.

Nói rồi Phượng Hoàng nhả trong mồm ra rơi xuống một cây khế, bao nhiêu hoa tinh là bạc bao nhiêu quả tinh là vàng cả.

Người em, vì thế mà được giàu có hơn a n h nhiều.

Anh thấy em giàu, hỏi tai duyên cớ làm sao. Em kể lại câu chuyện Phượng Hoàng cho anh nghe.

Anh bèn nghĩ muốn đổi cả vườn ruộng cho em để lấy cây khế, nhưng mong Phượng Hoàng lại đến ăn quả, lại cho cây khế, bằng vàng bằng bạc.

Em bằng lòng.

Nhưng anh, được cây khế, đợi mãi bao lâu. Chẳng thấy chim Phượng Hoàng nào đến cả, chỉ thấy lú qua đen, ngày nào, nó cũng rú nhau đến kêu "xấu hổ! xấu hổ!".

(Trích Truyện cổ nước Nam của Nguyễn văn Ngọc)

Đọc qua mẩu chuyện ấy, chúng ta thấy thế nào rõ ràng lời câu tạo mẩu chuyện theo 1 chiều nhân quả. Kẻ hiền lành thì được quả phúc giàu sang, người gian ác, không sớm, thì chầy phải bị quả đau khổ? Có thể nói hầu hết những mẩu chuyện cổ tích Việt Nam thuộc về loại luân lý đều câu tạo theo lý nhân quả. Những chuyện phổ thông nhất trong quần chúng là chuyện "Con Tâm, con Cầm", chuyện "Kéo cây trà nợ" v. v... đều đi theo chiều này.



3/- QUA VĂN CHUÔNG BÌNH DÂN :

- Thứ bé thơ được Ông Bà kể cho nghe những mẩu chuyện thuần túy Phật Giáo, khi lớn khôn ra làm ngoài đồng áng người nông phu ta có nói đến Đạo Phật nữa chăng? Đây, chúng ta hãy nghe. Trong khi các anh, các chị tay cuốc, tay cấy trên cánh đồng cỏ xanh lúa mướt để giải khuây cơn mệt nhọc, đem hứng thú trong công việc làm ăn, các anh cất tiếng hát lên :

"Ai ơi! hãy ở cho lành,

"kiếp này chẳng gặp để dành kiếp sau:

(Ca dao)

Thức là một tiếng như, một lời khuyên nhẹ nhàng êm ái tràn trề đạo đức. Cứ khuyên nhau ăn ở cho lành, dù hiện đời không được hưởng quả lành, đời sau sẽ hưởng không bao giờ mất. Lòng tin lý nhân quả luân hồi của người Việt Nam chắc như đá, vững như núi, không khi nào lay chuyển được.

Lại chưa hết, chúng ta hãy nghe xa xa có tiếng hát vọng lại :

"Trách người một trách ta mười,
"Bới ta tậ trước, nên người bạc sau.

(Ca dao)

Lời nhắc nhở này thật là thâm thúy, kêu gọi nhau hãy tự xét lỗi mình, phải can đảm qui tội về mình, đừng than phiền trách cứ một ai. Người dân Việt Nam quyết không bao giờ cố quả mà không nhân, bị sự đối xử bạc ác của người, ta đừng trách họ mà phải trách mình, bởi vì mình trước kia đã ăn ở tệ hại với họ lắm rồi. Nếu đồng bào ta mỗi người đều can đảm tự nhận lỗi và qui tội về mình thì còn đâu những việc cãi vả, kiện thưa, giết chóc.

Bấy nhiêu ấy cũng đủ chứng tỏ, người nông phu Việt Nam trong khi làm ăn vất vả, tay lấm chân bùn mà vẫn không quên khuyên nhủ nhau, nhắc nhở nhau sống theo đạo lý nhân quả của nhà Phật.

4/- QUA VĂN CHƯƠNG BẮC HỌC :

- Những áng văn chương bác học của các nhà văn Việt Nam thời xưa còn lưu lại, không ai có thể quên được quyển Truyện Kiều của Nguyễn Du, quyển Cung Oán ngâm khúc của Ôn Như Hầu là hai tác phẩm cổ giá trị nhất. Chúng ta thử xét qua hai tác phẩm ấy xem có ảnh hưởng gì đến Phật Giáo chăng ?

Quyển Cung Oán Ngâm Khúc - Lời dung ngũ, Ôn Như Hầu đã khéo dùng danh từ nhà Phật tô điểm cho văn chương ông thêm đậm nét siêu thoát linh hoạt. Thử dụ :

"Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
"Mượn Hoa Đàm, Đuốc Huệ làm duyên.

Hoa Đàm nói cho đủ là Hoa Ưu Đàm, tên 1 thứ hoa quý ở Ấn Độ. Đuốc Huệ nói cho đủ là đuốc trì huệ, đức Phật vì du trì huệ sáng suốt như ngọn đuốc đưa đường cho người khỏi sa hầm sục hồ. Đó là những danh từ thường dùng nhất trong kinh Phật.

Phần triết lý, tôi xin trích bốn câu sau đây để khảo xét :

"Hình mộc thạch vàng kim ở ở cõi,
"Sắc cảm ngũ ử vũ ễ phong,

"Tiêu điều nhân sự đã xong,
"Sơn hà cũng huyền côn trùng cũng hư.

Chỉ có bốn câu, Ôn Như Hầu đã tả rõ ràng khúc triết lý vô thường của Đạo Phật. Đã tuy cũng chắc vẫn bị gió sương bào mòn búa mòng. Những cây cỏ thọ rùm rả vườn mình trên đỉnh núi cao, tưởng được sông vĩnh viễn, đâu ngờ trải qua những cơn mưa sa, nắng tập dần dần lãnhèo cảnh khô, rồi đến một ngày tàn lụi. Đàn chim bay, cao vút trên không trung, bầy cá lặn sâu dưới đáy biển vẫn không khỏi ử ễ khi mìa chiều gió sòm. Kiếp con người mỏng manh hư huyền đã đành, cho đến núi, sông, trùng, để thay đều tạm. Bờ giả ảo. Tóm lại, loài thực vật, khoáng vật, động vật qua ngòi bút của Ôn Như Hầu chúng ắt đều thấy nó tiêu mòn ử ễ gia theo luật vô thường. Đọc bốn câu này, chúng ta không khỏi liên tưởng đến bốn câu kệ trơ kinh Kim Cang :

"Nhứt thiết hữu vi pháp,
"Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
"Như lộ diệc như điện,
"Ứng tác như thị quán.

Phật dạy người Phật tử phải luôn luôn nhận xét vạn vật có hình tướng, có tạo tác đều là giả huyễn như: chiêm bao, bọt nước, cái bóng, hạt sương, điện chớp...

Như thế, chúng ta thấy rõ triết lý trong quyển Cung Oán Ngâm Khúc đã chịu ảnh hưởng Phật Giáo rất sâu đậm.

Quyển Truyện Kiều - Chỉ cần trích bốn câu ở đoạn kết, chúng ta đã thấy rõ nó đượm mùi Phật Giáo. Bốn câu ấy :

"Đã mang lấy nghiệp vào thân,
"Cúng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
"Thiện căn vốn tại lòng ta,
"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Phật Giáo không thừa nhận có ông Trời thường người làm phúc, phạt người gây tội, mà tất cả đều qui về nơi "nghiệp". Chúng ta tạo nghiệp ác sẽ bị quả báo ác. Như mình cứu giúp người được người đền ơn lại, mình chửi mắng, đánh đập người, sẽ bị người đánh đập lại, chớ không có ông Trời nào chen vào đó cả. Vậy thì, quả báo đau khổ chúng ta đang chịu đây, là bởi nghiệp xưa chúng ta đã tạo. Nghiệp dẫu do mình tạo thì trách trời gần, trời xa chỉ là việc ngớ ngẩn. Lòng lành là động cơ tạo nên cõi phúc, chỉ có lòng lành mới tối quý, tối trọng dù có tài ba làm khuy nh đảo trời đất mà thiếu lòng lành, ầu cũng là việc chuộc tai mạng vạ mà thôi.

xem tiếp trang 6

Cảm nghĩ về THIÊN ĐỐN NGỘ

Trích tập "NGUỒN THIÊN NHƯ HUYỀN"

Về ngành Thiên độc đạo và rất nổi tiếng này những sách biên khảo dịch ra Việt ngữ đã có khá nhiều... như những bản dịch của Trúc Thiên và Tuệ Sỹ về cuốn Thiên Luân của Suzuki, hoặc cuốn Thiên Đạo Tu Tập của Chang Chen Chi, hoặc những bản dịch của Tu viện Chơn Không về các vị Tổ Thiên Tông cũng như về Thiên Đốn Ngộ... hoặc bản dịch về VÔ Môn Quan cùng Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất...

Những sách đó đã trình bày đầy đủ về lịch sử phối thai, về diễn trình nảy nở phát triển, về những chủ trương độc đạo, về tông phong, và về những phương thức thiên xảo của các vị Tổ để đưa các môn đệ vào trạng thái Đốn Ngộ hay satori như là: chuyển ngữ, đánh hét, tham cứu thoại đầu hay công án, để khởi nghĩ tình... hoặc Ngũ vị quân thân yếu quyết, hoặc Tứ liệu giản...

Nên những trang sau đây không nhằm trở lại nhiều về những vấn đề ấy, và chỉ hoài bão nói lên một vài cảm nghĩ, góp một vài ý kiến về một số điểm còn nửa mờ nửa tỏ mà thôi...

1/- HUYỀN THOẠI VÀ SỰ THẬT

THẾ NÀO LÀ SỰ THẬT (La Vérité) ?

Có một số vị, đọc Thiên hoặc tu Thiên, nhưng khi đọc đến cuộc đời đi du hoá của các bậc Tổ thiên, thấy ghi lại những mẫu chuyện mang nhiều sắc thái THẦN BÍ quá, thường khởi tâm hoài nghi, lắc đầu quây quây và thẫm nghĩ rằng: "Những mẫu chuyện này đượm nhiều sắc thái thần bí, hoang đường huyền hoặc quá, huyền thoại quá, và CHE LẬP HẾT SỰ THẬT..."

Tỷ dụ như: khi thấy ghi ngài Mã Minh, lúc sắp thị tịch, thì nhập Long phân tán tammuội

bay lên hư không, toàn thân CHÓI SANG như hàng trăm mặt trời... bay lượn hồi lâu rồi đáp xuống đất, ngồi kết già mà thị tịch.

Hoặc là: một buổi ngài Mã Minh ngồi thuyết pháp, bỗng có gió mưa âm ỉ xối xả kéo đến, trời đất mù mịt. Ngài bảo: "Giây lát nữa, sẽ có ngoại đạo tới nghe trộm pháp...". Sau đó, có một con sâu nằm nép dưới tòa của ngài... Ngài dạy: "Con sâu này là ngoại đạo trá hình". Rồi truyền cho con sâu hiện nguyên hình người, và thú thực rằng:

- Con tên là Ca Tỳ Ma La, có đến 3000 đồ đệ
- Tội thân lực biến hóa của người là thế nào ?

- Con hóa biến cả là việc chẳng khó.
- Con hóa TANH biến được chẳng ?

Ngoại đạo mờ mịt, thưa :

- Chỗ này con chưa rõ...

Đại lược như vậy... Sau đó, Ca Tỳ Ma La quy phục, xuất gia theo Tổ, được truyền thừa và làm Tổ thứ 13 của ngành Thiên Tây Trúc.

Hoặc là: thấy ghi ngài Bồ Đề Đạt Ma bị thuốc độc mấy lần mà không sao cả. Rồi thị tịch, chôn rồi, mà vẫn có người gặp ngài xách gậy, mang giệp đi trên đèo Thông lãnh để về Tây Trúc.

Hoặc là: thấy ghi rằng Tổ thứ 24, tên Sư Tử lúc bị chặt đầu, thì nơi cổ phun ra một vôi như sữa trắng, cao chừng một trượng...

Nên các vị học Thiên đó, hoài nghi, nghĩ rằng các mẫu chuyện đó là HUYỀN THOẠI, và CHE LẬP HẾT SỰ THẬT...

Thiền nghĩ rằng: đó là một ý nghĩ sai lầm lớn.

Vì sao ?

Là vì cần phải tự đặt câu hỏi, và hiểu: THẾ NÀO LÀ SỰ THẬT ?

Xưa kia, viên toàn quyền La Mã Ponce Pilate đã từng hỏi Chúa Ki-Tô: Thế nào là Sự Thật (Qu'est ce que la Vérité?). Nhưng Chúa Kitô cũng không trả lời, vì có lẽ ngài nghĩ rằng nếu trả lời, thì viên toàn quyền cũng chưa hiểu nổi.

Rồi tới những năm trước đây, có một cuốn phim Nhật, tên là Địa Ngục Môn, trong đó có chuyện một tên tướng cướp cướp giết một người đàn bà, rồi giết người chồng... Nhưng tới khi mở cuộc điều tra, hỏi các nhân chứng thì mỗi nhân chứng kể lại câu chuyện một cách khác... Vậy thì, thế nào là Sự Thật ?

Và chỉ có giáo lý nhà Phật, giáo lý ANH HIỆN KHÔNG THỂ NGHĨ BAN, thì mới lý giải nổi cái mê đồ ảo phổ chấp chùng của những lăng kính hay bình diện tâm thức mà thôi.

.....

Sự thật là gì, nó chỉ là những cái mà ta cho là CÓ THẬT, hoặc TƯƠNG là có thật. Tỷ dụ như con sông hoặc trái núi kia... thì chúng ta loài người đều cho là thật có, là sự thật. Vì sao? Là vì chúng ta đều là loài người, đều hàm chứa trong Tầng thức những chủng tức cộng nghiệp tương đồng, đến kiếp này cũng nở xoe ra, nên chiêu cảm những luồng quang minh thô kệch kiên cố nơi Tướng phần vốn xoay v à n miên viễn từ vô thủy, khiến chúng phải biến hiện, phải lóng lại thành những ẢNH TƯỢNG TƯƠNG ỨNG với 6 căn của chúng ta. Nên chúng ta cho con sông kia là nước, uống được, là có thật, là SỰ THẬT...

Nhưng loài ngạ quĩ, loài rồng hay chư thiên, khi nhìn con sông... lại thấy là khác, lại thấy là lửa, là điện đài, là ngọc lưu ly, và cho là có thật, là SỰ THẬT.

Song đối với chúng ta, thì những sự thật của mấy loài ấy, ta lại coi là hoang đường, là huyền thoại.

Vì sao? Vì nghiệp lực khác biệt, đạo lực khác biệt, nhân lực khác biệt, mức độ tâm thức khác biệt, mức độ thô hay tế của những quang minh tâm thức khác biệt, mức độ tự tại lực của tâm thức khác biệt...

Bởi vậy, nên khi nghe nói đến những thần biến của ngài Mã Minh hay ngài Ca Tỳ Ma La, chúng ta thường hoài nghi lắc đầu quây quây... Nhưng tới khi ta tu hành tới mức tâm thức có thể phát ra những luồng quang minh vi tế và nhiều tự tại lực như các ngài, thì tâm thức ta sẽ tương ứng, sẽ coi những thần biến ấy là dĩ nhiên, là có thật, là SỰ THẬT... và sẽ thấy cái thế gian này chỉ là huyền mộng.

Ở pháp hội Hoa Nghiêm cũng vậy, các Đại đệ tử của Phật đều có nhìn thấy, nghe thấy những thần biến của Chư Đại Bồ Tát. Vì đạo lực khế đồng, không tương ứng... Và ngay bây giờ đây giữa những cánh giới nhật dụng thường ngày của chúng ta, giữa những sự vật tâm thức như cây bưởi, cây cam, ngôi nhà, vẫn có xen lẫn lồng vào vô lượng những quang minh của Chư Phật, tạo dựng vô lượng thần biến... mà chúng ta vẫn chẳng hay chẳng biết, chỉ muốn tiếp tục lắc đầu quây quây...

Huyền thoại hay Sự thật chỉ là như vậy... Chẳng một cũng chẳng khác, vì chỉ là tùy thuộc mức độ nghiệp lực, hay đạo lực, hay nhân lực...

2/- NIÊM HOA VI TIỂU

TRUYỀN TÂM AN

Chư Thế Tôn đều có Sức Phương tiện lớn (Upa-

ya), và tùy theo căn cơ cùng thiên tư của chúng sanh tại các cõi, các Ngài thường có nhiều cách để TRUYỀN PHÁP AN, như trong các kinh (Lăng Già và Duy Ma Cật...) có nói rõ.

Truyền pháp an có nghĩa là dùng phương tiện thiện xảo, để khiến cho người đệ tử hoặc vô sở chúng sanh có thể lãnh hội ngay được ý chỉ vi diệu của pháp, do đó nên đăc pháp hoặc đăc một quả vị nào đó.

Những phương tiện ấy là những gì? Tỷ dụ như ở cõi Chư Hương, thì Đức Phật ở cõi đó thường chỉ dùng hoặc cơm thơm, hoặc hương thơm để khiến đệ tử hoặc chúng sanh đăc pháp, mà không cần phải dùng đến ngôn từ vi ở cõi đó, tỷ căn và thiết căn của chúng sanh đều thủ thấng... Ở cõi Ta Bà này, thì Đức Mẫu Ni thường phải dùng đến diệu âm củ ngôn từ, hoặc phóng quang... để khiến chúng sanh đăc pháp, vì ở cõi này, chúng sanh chúng ta thường chỉ có nhĩ căn và nhãn căn là tương đối mạnh lợi mà thôi.

Ở các cõi khác, Chư Thế Tôn có thể dùng nụ cười, dùng ánh mắt, dùng tà áo, hư không, ánh sáng, hoa sen, giòng nước chảy v.v... để khiến chúng sanh đăc pháp. Thực ra, thì với biến thần lực của bậc Vô thượng giác, các Ngài có thể dùng bất cứ phương tiện gì cũng vẫn có thể khiến đăc pháp. Song các phương tiện thường được chọn để phù hợp với căn cơ cùng công nghiệp của chúng sanh.

Những phương tiện nói trên có nghĩa là: Phật dùng những luồng quang minh Thần lực của Diệu Tâm, PHỔ vào những vật đó, rồi tác động vào nhĩ căn, nhãn căn, tỷ căn, thiết căn... của chúng sanh... rồi LỘT vào tác động ý căn, khiến cho những luồng quang minh tâm thức của chúng sanh cũng RUNG CHUYỂN THEO NHỮNG AM HƯỞNG (resonance) của Thần lực, và mỗi lúc mỗi trở thành nhỏ nhiệm vi tế. Vì nhỏ nhiệm vi tế, nên có khả năng LỘT SAU vào tâm thức, và vì lọt sâu, nên chúng sanh đăc pháp.

Tuy nhiên, sự tác động vào nhãn, nhĩ, tỷ, thiết căn... cũng chưa phải là thẳng tắp và vi diệu rất rảo. Nhưng nếu Phật dùng Tâm lực của Ngài, để tác động thẳng vào Ý căn, hoặc Tầng thức sơ năng biến, hoặc Chân thức của kẻ đệ tử, thì có thể coi là vi diệu rất rảo.

Và vụ đó được gọi là TRUYỀN TÂM AN. Tức là lấy Tâm truyền tâm. Lấy ngay những luồng Ba động quang minh cực kỳ vi tế, cực kỳ mãnh liệt và thần tốc của Diệu Tâm, để IN lên nhữg luồng ba động tâm thức của kẻ đệ tử được truyền thừa, để khiến cho quang minh tâm thức của vị này trở thành ly cấu hơn, thanh tịnh hơn, vi tế hơn, mãnh liệt và thần tốc hơn... Do đó, đăc pháp.

Nhưng dĩ nhiên là phương thức này chỉ có thể thực thi cho một vị thôi, cho vị đệ tử nào có căn cơ thuần thực nhất, và tương ứng nhất. Để truyền thừa.

Do đó, nên có tích Niệm Hoa Vi Tiếu. Một hôm, tại nơi hội Linh Sơn, Phật ngồi cầm một cành hoa giơ lên, cả hội chúng đều ngơ ngác (Ngơ ngác vì tâm thức của các ngài đều chưa thuần thực, chưa đủ mức vi tế, chưa tương ứng để thọ lãnh việc IN Tâm Phật lên tâm mình, chưa đủ để tiếp nhận những âm hưởng... Duy có ngài Ca Diếp chum chim cười... Nên Phật dạy: "Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, pháp môn mẫu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoài giáo lý truyền riêng, nay giao phó cho ông...".

Thiền nghi có thể mao muội diễn giải lời Phật dạy như sau: "Ta từ những kiếp không thể tính đếm, tu tập Trí Huệ cùng các hạnh, nên chúng nhập được hoàn toàn Biến Diệu Tâm. Biến này cũng là Biến Đại tịch diệt, Đại Bất niết bàn của Chư Như Lai, chẳng có thể dùng ngôn từ giáo lý mà nói cho ông được... Nó tương tự như một Biến hào quang vô tướng mao nhưng vô cùng mẫu nhiệm và sáng ngời tột bậc. Mẫu nhiệm vì nó có thể làm huyền hiện mọi thứ sắc tướng diệu hữu. Và vì nó sáng ngời, nên Ta có con mắt nhìn thấy tất cả kho tàng chánh pháp... Nay Ta muốn truyền 1 ít phần cái kinh nghiệm tâm linh Bất nhị ấy cho ông để khiến cho giống chánh pháp siêu tuyệt về Tâm linh khỏi bị đứt đoạn. Nên ta mang ngay những luồng ba động nhiệm mẫu của Tâm đó, để IN lên tâm thức ông, khiến ông có thể hay biết ít chút về tiền phong vị của cái tâm vi diệu ấy...".

Rồi Phật lại nói thêm một bài kệ, để khiến kiên cố thêm sự chuyển hiện tâm linh của ngài Ca Diếp...

Sau thời Phật, các bậc Tổ thiền vẫn tiếp tục truyền thừa... Thường là truyền bằng 1 bài kệ. Nhưng trong khi đó, chắc rằng các Tổ cũng vẫn dùng những luồng tâm lực vi diệu để chuyển hiện tâm thức của vị được truyền thừa. Nhưng cũng chắc rằng tâm lực của các vị Tổ kế tiếp không thể nào có được mức độ vi diệu mãnh liệt và thần kỳ như Tâm lực của Phật..



(Còn tiếp)

Căn bản luân lý Đạo Phật là nhơn quả nghiệp báo. Tao thành nghiệp là do thân, khẩu, ý, mà trong đó ý là chủ động. Bôn câu kết quyển Truyện Kiều, Nguyễn Du đã đem áp dụng triết lý phần giáo lý này để khuyên răn người đời. Thực là khéo léo, đạo đức thay!

5/- SỰ TÍN NGƯỞNG HỒN NHIÊN :

- Nếu không phải là con chiến của Đạo Đa Tô của Đạo Cơ Đốc thì tất cả người Việt Nam khi gặp tai nạn cấp bách tự nhiên trong tâm mỗi người đều nhớ tưởng Phật. Thí dụ : khi vượt thuyên qua sông lớn gặp sóng to, gió cả có thể nguy hiểm đến tánh mạng, lúc đó không ai bảo ai tự nhiên mỗi người miênga lăm râm niệm Phật, hoặc niệm Quan Thế Âm Bồ Tát cầu cứu khổ cứu nạn. Đây là bằng chứng cụ thể hội giống Phật pháp đã gieo sấn trong tâm hồn người Việt Nam, chỉ chờ gặp duyên là nảy mầm đâm tước.

Tóm toàn phần trên, chúng ta thấy tổ tiên ta từ ngàn xưa đã nhận thấy sự lợi ích của Phật Giáo, cần phải khuyến khích trường sâu rộng mọi tầng lớp dân chúng, lấy Phật Giáo làm nền luân lý nhân bản cho Quốc Gia. Cho nên các ngài khéo léo phổ biến nền giáo lý ấy vào mọi hình thức, mọi phương tiện.

Mỗi tối, trong gian nhà tranh ẩm cúng, quanh ngọn đèn dầu leo lét, đàn cháu quây quần bên cụ Ông, cụ Bà nghe chuyện đời xưa. Với cái giọng khàn khàn, cụ Bà kể lại nào chuyện "Con Tâm con Cám" v.v... cho chúng nghe. Khi kết luận mỗi chuyện đều không khỏi câu: "Đó! làm lành thì gặp lành, làm ác thì gặp ác, các cháu thấy chưa?". Chỉ một câu ấy thôi cũng đủ làm cho đàn trẻ hít hà, nháy nhòm!

Vốn hấp thu từ thuở bé lý nhân quả ấy, khi trưởng thành vác cày, vác cuốc ra đồng, các anh nông phu làm sao không hát những câu.

"Ai ơi! hãy ở cho lành,
"Kiếp này chẳng gặp để dành kiếp sau.

Những khi trường làng đông của, các chú học sinh còn để chơm nghĩ học ở nhà, được rảnh việc, soạn lại những chông sách cũ, bác đồ nháy chúng trà nóng hổi, ngâm nga những câu:

"Đã mang lấy nghiệp vào thân...

Như mùi trà hòa cùng mùi đạo lý, bác đồ nghe lòng khoan khoái hừng khởi lạ.

Thực là thần diệu thay! Tổ tiên ta khéo léo làm sao khiến hàng người nào cũng hấp t h ụ được đạo lý nhà Phật trong những thú vui tùy trình độ, hoàn cảnh của mình.

(Còn tiếp)

Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Tạ Thành Minh

Được thơ, biết nói quý địa còn có tâm - pháp của Nho, Phật, các hạ lại hết sức dâm dương, , tôi rất lấy làm vui đẹp! Đến như những lời khen tôi, thật là đũa ngọn cỏ khỏi lấu cao, , khoe mát cá hơn châu ngọc, quá dùng theo lối khách sáo ngoài đời, khiến cho người xiết bao hổ thẹn! Ấn Quang vẫn một kẻ dụng tăng, hằng đón lấy cạnh thừa cơm hẩm nơi nhà bậc phú trưởng giả để tự nuôi sống, nếu có ai không chê rằng nặng mũi, cũng đem để chia sớt cho nhau. Những cử sĩ Tử Huật Như bảo rằng thức ăn ấy có ích cho người đời, nên mấy phen đem lời kẻ quê mùa này in ra lưu bố, tuy về ý có phần khại thủ, song văn chương không đáng để nhìn. Chẳng lẽ bộ Văn sao của tôi lại làm lớn mắt xanh của các hạ, thật, nghĩ cảm thẹn không cùng! Trong ấy, những điểm: chánh tâm, thành kính, dùng để đối trị sự tìm cầu bên ngoài, sự không biết kiêng sợ của người đời nay, cũng có đôi phần ích lợi cho kẻ sơ học. Nhưng nếu bậc thông tông hiểu giáo được trông thấy chắc không khỏi bất nhận ra. Tuy nhiên, nếu mua hết những thức ăn khó tiêu của tông giáo, thì cạnh thừa cơm hẩm ấy, cũng có thể bồi bổ nguồn khí, đợi đến khi sức khỏe phục hồi, lại dùng thứ cao lương mỹ vị mới được thật ích.

Về các pháp môn: Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, , thủ nào hợp cơ, xin xem kỹ bài Tịnh độ quyết nghị luận trong Văn sao của tôi sẽ tự rõ. Bậc đại thông gia tuy gồm tu Thiền, Tịnh, song tất lấy Tịnh độ làm chủ. Nếu như hạng người thường, không cần phải nghiên cứu khắp kinh luận sâu xa, chỉ nên làm lành dứt dứt, một lòng niệm Phật, cầu về Tây Phương mà thôi. Hạng người ấy vẫn sinh sống theo đời mà gồm tu đạo xuất thế, ,



tuy tợ hồ bình thường không chi kỳ lạ, song được sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Vì kẻ quê, mùa dốt nát chỉ dùng lòng chơn thành tin tưởng niệm Phật, nên có thể thâm hợp cùng đạo mẫu, cảm thông với trí Phật. Người thông hiểu giáo lý nơi tâm thường hay tính toán suy lường, nên trọn ngày thức thần ở trong vòng phân biệt, so lại không bằng sự chơn thành của hạng ngu tôi kia. Cho nên, kẻ quê dốt niệm Phật rất dễ được lợi ích. Bậc đại thông gia như có thể buông bỏ tất cả cũng dễ được lợi ích; trái lại nếu chỉ suy lường nghĩa lý, chớ những không đắc ích, e có khi trở thành bình hoặc chưa được cho là được, lạc vào phảingông cuồng.

Phép tham thiền chẳng phải là cơ duyên của người đời nay, dù có học cũng thành sự hiểu biết về văn tự, quyết không thể tỏ suốt tâm tánh. Tại sao thế? - Vì thiếu bậc thiện tri thức dắt dìu chỉ định, lại người học chẳng biết tham thiền là thế nào, phần nhiều tuy gọi tham thiền, song thật ra là ngộ nhận. Trong bài luận "Tông cộng giáo không nên lẫn lộn" và "Tịnh độ quyết nghị", tôi đã chỉ phân đại khái về việc trên đây. Người đời nay, không luận căn cơ thượng, trung, hạ, đều phải gìn luân thường, giữ lòng thành kính, tin chắc lý nhân quả, làm những điều lành và chuyên niệm Phật cầu sanh về Tây Phương. Nhân quả là cái lò lớn để nung phẩm luyện thành trong đạo pháp thế và xuất thế gian. Nếu trước tiên không nghiên cứu về nhân quả, say khi thông hiểu tông giáo, e cho còn sự lỗi lầm đối với vấn đề này, và đã lỗi lầm tất có phần sa đọa. Vì thế, chớ cho nhân quả là can cột mà xem thường. Phạm phu vì tâm lượng nhỏ, hẹp, nên không hiểu thấu những chỗ nói về nhân quả trong kinh, , thất ra, các đấng Như Lai thành chánh giác, chúng sanh đọa tam đồ, đều chẳng ngoài đạo lý

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Mã Khế Tây (I - III)

I

Thời khóa niệm Phật nên tùy chỗ thích hợp riêng của mỗi người mà lập. Theo nghi thức ở Niệm Phật đường của các chùa hiện nay, đều trước tụng kinh A Di Đà, kể tụng ba biến chú Vàng sanh, xong lại đọc bài kệ khen Phật. Đến cuối bài, tiếp niệm "Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại từ đại bi A Di Đà Phật", rồi dùng dây di quanh theo bàn Phật mà niệm. Phép di nhiều quanh phải từ Đông qua Nam, Tây qua Bắc, đó gọi là thuận, là tùy hỷ, và như thế mới có công đức. Ở Tây Vực rất trọng phép vi nhiều, nước ta cũng dùng phép này, kiểm cả sự lễ bái để tỏ lòng kính thành. Nếu đi từ Đông qua Bắc, Tây qua Nam, tức là trái ngược, có tội lỗi, điều này cần nên biết. Đi nhiều quanh niệm Phật được, một lúc, rồi ngồi xuống niệm thầm, ước một khắc lại niệm ra tiếng. Khi sắp xong, quỳ niệm Phật mười câu, Quan Âm Thế Chí, Thanh tịnh hai chúng, mỗi thánh hiệu đều ba lần, kể đọc bài văn phát nguyện, tụng tam tự qui y, rồi lễ Phật lui ra. Người tại gia, nếu chỗ nơi chật hẹp khó đi vi nhiều, thì quỳ, dùng, hoặc ngồi niệm cũng được. Tóm lại, phải tùy tiện theo cảnh duyên, tinh thần sức khỏe của cá nhân mà định, nếu nhờ người khác lập pháp thức cho, e không được hoàn toàn

"Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm", là cảnh giới của người đã niệm đến trình độ tâm Phật hợp nhau. Đến lúc ấy, tuy thường niệm Phật nhưng không có tướng khởi lòng động niệm tuy không khởi lòng động niệm, mà vẫn hằng xưng niệm, hoặc ước niệm. (Chưa đến lúc tướng ứng, nếu chẳng khởi động tâm niệm mà niệm, thì không niệm được). "Không niệm" đây, đừng nhận lầm là chẳng niệm Phật, vì đó là chịch trạng thái tuyệt sự khởi tâm động niệm, thật ra thì mỗi câu Phật hiệu vẫn nổi nhau không hở dứt. Cảnh giới ấy không dễ gì được, chonên nhận lầm. Phép quán tướng tuy tốt, nhưng cần phải biết tượng Phật mình thấy, thuộc về duy tâm hiện; nếu nhận lầm là cảnh ngoài, có khi bị ma dựa phát cuồng. Duy tâm hiện là tướng Phật tuy rõ ràng, song không phải hình tượng chất ngại, thật có, nếu nhận định như thế thì thành cảnh ma. Lúc niệm Phật mắt nhắm hay mở cũng thuộc về việc tùy nghi... Kiêm trì thánh hiệu Quan Âm, rất được chỗ mong tựa, tất cả mọi người đều nên tu như thế. Khi làm việc, không giữ được tịnh niệm, vì chưa đến cảnh giới một lòng chẳng loạn. Như thế tất khó

ấy. Nên lấy pháp thiên cần ở đời để làm phước tiện vào đạo mẫu, như các thiên: Văn Xương âm chất, Thái Thượng cảm ứng chẳng hạn. Máy quyển ấy, nếu xem kỹ và thật hành theo, thì mỗi người đều có thể thoát néo luân hồi hoặc ít ra cũng làm được hạng dân lương thiện. Niệm Phật tuy trọng ở sự văn sanh, nhưng khi niệm đến cùng cực cũng ngộ được chân tâm, chẳng phải đối với đối hiện tại hoàn toàn không lợi ích. Trước xưa, thiên sư Minh Giáo Tung mỗi ngày niệm thánh hiệu Quan Âm mười muôn câu, về sau những kinh sách ở đời, ngài không đọc mà biết cả. Nên xem Tịnh độ thập yếu, Tịnh độ thánh hiền lục, sẽ biết niệm Phật là nhiệm mẫu. Về điều này, trong Văn sao của tôi cũng thường nói đến. Các hạ bảo: "niệm Phật không được lợi ích ngay trong đời hiện tại", đó là bởi chính mình chưa nghiên cứu các kinh luận của Tịnh tông. Cho đến quyển Văn sao của tôi, có lẽ các hạ cũng đọc qua như người chạy ngựa xem đèn, không tế tâm tìm hiểu.

Đến như giới luật, chẳng những chỉ riêng về hình thức bên ngoài, mà nếu không giữ lòng thành kính cũng là trái phạm. Nhân quả chính là trụ cột của luật, nếu không biết hoặc mơ hồ đối với đạo lý này, tức là trái luật, lỗi lầm. Người niệm Phật, như giữ được tâm niệm hợp với chánh lý, thì trong một hạnh gồm, đủ cả: Luật, Giáo, Tịnh, Thiên. Nên biết, từ các pháp môn kia đều phải dứt hết hoặc nghiệp không còn mây tớ, mới được giải thoát. Riêng môn Tịnh độ, nếu người trừ sạch phiền não được vắng sanh, tất mau chứng pháp thân, kẻ nghiệp chướng còn nặng khi về Cực Lạc, cũng đã lên cõi thánh. So lại hai phương diện, một bên toàn dùng sức mình, một bên nương nhờ sức Phật, sự hơn kém cách xa như vực với trời. Có nhiều kẻ thông minh, mỗi khi đọc sách về tông Thiên thấy có ý vị, liền tự cho mình là thiên khách, muốn làm bậc cao, nhơn. Hạng ấy, không biết Thiên, Tịnh là thế nào, làm chước lấy lỗi, tự tôn tự đại. Những kẻ có kiến giải như thế quyết không nên bắt chước. Nếu noi theo, thì với việc thoát sanh tử, e cho trái qua kiếp số như bụi cúng khó mong cầu.

Xin xem kỹ lại quyển Văn sao của tôi sẽ tự rõ.



khỏi sự ngăn cách, bởi một tâm không có hai dụng. Nên thường định tâm soi vào trong.

Mỗi người đều phải giữ bốn phần, như người trên có bà nội, cha mẹ, dưới có vợ cùng em dái, chức nghiệp lại, nhân nhà rất dễ tu trì. Ở hoàn cảnh ấy chẳng thiết thật dụng công, còn muốn xuất gia làm chi? Có chắc rằng người xuất gia, lại được cơ duyên tốt như thế, để chuyên tâm tu hành chăng? Nên biết, xuất gia có bốn phần của kẻ xuất gia, đâu phải bỏ tất cả công việc? Như Ấn Quang đây xem ra như người vô sự, nhưng cũng bị bận buộc hầu hết tháng năm, không rỗi rảnh để chuyên tâm niệm Phật, huống là kẻ khác ư? Vậy nên tùy sức tu trì, dùng tướng nghĩ việc chi ngoài bốn phần

Đó là hạnh phúc cho người, mà cũng là điều ta mong ước.

II

Người tu hành rất cần yên tâm tịnh dưỡng. Người nên Tịnh Am, sao chẳng xét tên nhớ nghĩa, cứ sanh thêm việc để cho mọi người lớn chán, chính mình lại vướng lấy các chứng: vật hơi, xây xam, đau đầu? Nếu người còn chẳng biết tự trọng, tất rồi sẽ thổ huyết, nhẹ thì thành phế tật, nặng hoặc đến thân mạng không toàn. Chúng đó lại để cho người đời mai mỉa rằng: người học Phật tu hành, chẳng những không lợi ích còn bị tổn thêm! Rồi cũng từ nguyên nhân ấy, một hạng kém hiểu biết sanh lòng phi báng bào: đó là sự tai hại của Phật pháp. Họ lại tìm đủ cách ngăn trở kẻ khác tu niệm, phá mất căn lành của người, mấy ai tìm hiểu lỗi ấy do người không thật hành đúng theo Phật giáo. Vậy người phải biết điều hay đó, gắng giữ tròn bốn phần người tu, làm sao cho được sự cảm thông trong thâm lặng. Bệnh của người đều do chính mình chuộc lấy, không tự xét tình, lại còn hỏi ai?

Vậy người nên mau cải lỗi và nhiếp tâm niệm Phật, kinh điển cũng tạm đình lại đừng xem. Cứ y theo lối ta, độ một vài tháng sẽ được bình phục. Nếu chẳng thế, thì xin tuyệt nghĩa thầy trò, ngày khác có gặp nhau cũng đồng như người đi đường mà thôi!

III

Danh là bề ngoài của sự thật. Có thật có danh vẫn không lấy làm vinh, vì đó thuộc về bốn phần. Không thật có danh, đã nhiều thẹn nhục, huống, chi còn muốn đăng lên báo để khoe động tai mắt của khách bốn phương? Việc ấy nếu làm ra, mọi người sẽ nghi ngờ bàn luận, tất trở thành cái thật án trộm danh khi dối.

Người chỉ biết một, chẳng biết hai, nên ta phải đôi phen giải bày chỉ rõ. Với Phật pháp người tuy, có lòng tin sâu, nhưng lại ulla phở trương, kết giao, du ngoạn; đó là điều chướng ngại lớn cho sự tu hành. Và lại người tuổi mới hơn hai mươi, mà đã kết giao nhiều như thế, sau này khi học Phật được tinh thông, chắc mỗi ngày không có lúc nào rỗi rảnh. Nên yên tịnh trầm lặng, sự lợi ích sẽ vô cùng!

Phải gắng dè dặt và tự kiểm thúc lấy!

(Còn tiếp)

THƠ



Anh vẫn nhớ Quê hương ngày Tết đến

Còn bao lâu, em ơi, ngày Tết đến?
Ngày quê hương rộn rã pháo mừng Xuân
Ngày quê hương chim múa hót vang rền
Hoa dóm mật, cho bướm ong khoe sắc.

Anh vẫn nhớ những năm: đêm trừ tịch,
Mắt chập chồn, hồn nổ nư bình minh,
Nếp vào cha, nhìn pháo nổ sáng trời,
Quần áo mới, tiền "lì xì" năm mới.

Anh vẫn nhớ, ngôi chùa làng mỏng một,
Mẹ chúng mình di hái lộc đầu năm,
Hai đứa mình lăm nhăm một lời xin,
Cho ước nguyện ngày mai không trắc trở.

Anh vẫn nhớ, quê hương, ngày Tết đến,
Có nắng vàng, có hơi lạnh gay gay,
Có buổi cơm dùm hơi ấm gia đình,
Có em đến trong hồn anh tươi thắm.

Anh lang bạc, nên hồn cứng lang bạc,
Sống hôm nay với hạnh phúc ngày qua,
Với quê hương quanh quẩn ở nơi này,
Trên phố lạ của bao người xa lạ.

Anh vẫn biết, thế là anh đã mất,
Trong hồn anh bóng của một mùa Xuân,
Kể từ khi anh đánh mất tình thân,
Tình mật ngọt: gia đình, tình hai đứa,
Tình quê hương, tình bạn hữu, láng giềng,
Tình của tiếng nói: thương yêu, triu mến.

Anh vẫn biết, em ơi, mùa Xuân đến,
Xuân của đất trời, Xuân của thời gian,
Anh vẫn mong, vẫn đợi có một ngày,
Người tạo cho người hạnh phúc mùa Xuân.

Lünen, ngày 19.01.1985
■ BÌNH DƯƠNG



Việt Nam phong sử

Nguyễn Văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mặc Khách sưu lục

(Kỳ 24)
CHƯƠNG 86

*Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ nghèo một khi.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Một mình, Trịnh Tông nói mình.
Quân Tây Sơn của Nguyễn Huệ tiến vào kinh thành Thăng Long. Lúc ấy Chúa Trịnh Tông lên lầu Ngũ Phụng bố trận. Đến khi trận bị hãm, Trịnh Tông thay đổi ý phục ngồi ở bành voi quyết chiến, từ phía sau kéo voi chạy trong hồ Minh Đường hướng về cửa Yên Hoa(1) mà chạy, qua sông Yên Lãng liền gọi đò, nhưng người ta ở bốn phía đều chạy trốn cả, chỉ tìm được ba chiếc thuyền con, mỗi chiếc chở được ba, bốn người.

Trịnh Tông gấp rút xuống thuyền cho chèo sang bờ phía Bắc, trông lại chẳng thấy còn 1 ai, mới hối hận.
Về sau Trịnh Tông bị tên Tráng ở huyện Diên thuộc Hà Lôi bắt dâng cho Nguyễn Huệ.
Thơ phong dao này là lời của Chúa Trịnh Tông than thở lúc bốn ba chạy giặc.

Này, sau thời Trung Hưng ở Lam Sơn, thiên hạ là thiên hạ của nhà Lê, nhân tài là nhân tài của nhà Lê dưỡng dục và xử dụng, họ Trịnh tự chuyên nắm hết chủ quyền.
Lần thứ nhất bị giết vì cái án bí mật năm Canh Tý(1780), lần thứ nhì bị bỏ rơi vì kiêu binh Tam Phú(1782), nhân tài trở thành lúa thừa như lá mùa thu, hào kiệt ít ỏi như sao buổi sáng, gây thành cái mầm tai họa để gọi quân cướp ở ngoài vào, đến lúc ấy kêu Trời, Trời cũng nổi làm sao được?

Bạc hiên thần đời trước có câu: "Bình thời

hữu khinh khí yếm bạc chí tâm, tặc lâm nạn vô hoàn cấp khả sử chí tốt". (Trong thời bình yên có lòng khinh bạc bỏ rơi chân ghệt, thì lúc lâm nạn không có binh sĩ cần thiết nào có thể sai khiến).
Làm người phải lấy đó làm gương.

CHƯƠNG 87

*Chàng về Vạn Vạn (?) chàng đi,
Con chàng bỏ đổi ai nuôi cho chàng ?*

Thơ phong sử này thuộc phú mà tỷ.
Vạn là xã Vạn Hà (nay là xã Kiến Trung).
Vạn (?) là xã Cổ Đô thuộc tỉnh Thanh Hóa, phủ Thiệu Thiên.
Chàng chỉ Nguyễn Nho Quan.
Nguyễn Nho Quan trong thời vua Lê Hiến Tông (1740-1786) thi đỗ Trạng Nguyên làm quan đến chức Tế Tướng, lúc già yếu trí sĩ trở về, nhân dân ở Bắc Hà nhớ thương mới đặt câu hát như thế.

Nguyễn Nho Quan được thiên hạ cậy nhờ, cũng như con trẻ nương tựa vào mẹ hiền.
Nay định Tế Tướng đã rời bỏ, cánh đồng xanh đã trở về thì Ngai còn được nhân dân làm sao nương nhờ nữa được?
Có câu ngạn ngữ: "Tế Tướng Vạn Hà, thiên hạ âu ca" là đây. (Nguyễn Nho Quan ở xã Vạn Hà làm Tế Tướng thì thiên hạ được thái bình âu ca).

Lại tra sách Vạn Hà phổ Lục, ngày Nguyễn Nho Quan trí sĩ về vườn, Trịnh An Vương gửi thơ

rằng :

"Tôi gởi lời kính thăm Thầy, tôi thấy lòng Thầy trung thành thậm cảm, trước là giúp bề trên, sau là yêu tôi mà Thầy giữ lấy lễ chính. Tôi đã được ân nghĩa còn lâu, tôi chẳng quên đâu.

Ngày trước tôi đã đưa cho túi trầu đến hầu mà Thầy cố từ, khi bấy giờ tôi chẳng dám ép, rầy đã thung dung, tôi cho đem đến, lấy cho cam lòng tôi. Xin gởi lại Thầy".

Do đó có thể thấy ơn đức và danh vọng của quan Tế Tướng họ Nguyễn lúc bấy giờ. Tiếc rằng sách sử ghi chép không đến việc này, cho nên gồm biên vào.

Trên từ đời Tiên Lê đến đời Hậu Lê cộng được 37 chương, (phụ thêm phần họ Trịnh).

CHƯƠNG 88

*Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn, hết số thì thôi !*

Thơ phong sử này thuộc phú. Đầu cha chỉ Nguyễn Văn Huệ, kỷ nguyên là Quang Trung.

Chân con chỉ Nguyễn Quang Toán, kỷ nguyên là Cảnh Thịnh.

Chữ quang (trong Quang Trung) có chữ tiêu ở trên, cho nên nói là đầu cha.

Chữ cảnh (trong Cảnh Thịnh) có chữ tiêu ở dưới, cho nên nói là chân con.

Nguyễn Văn Nhạc, người ở Tây Sơn, làm viên tuần biên lại ở Văn Đồn, vì cờ bạc mà thua mất tiền thuế của quan mới trở về Tây Sơn làm trộm đạo.

Trong niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 đời vua Lê Hiến Tông (nhằm năm Ất Dậu 1765), Văn Nhạc cùng em là Văn Huệ, Văn Lữ đánh phá Quy Nhơn chiếm lấy thành dựng lên cờ Tây Sơn.

Kể đến tướng đất Bắc là Hoàng Ngũ Phúc (của Chúa Trịnh) tiến xuống miền Nam đánh lấy kinh đô Phú Xuân (của Chúa Nguyễn) dâng biểu xin cho Nhạc làm Tây Sơn Hiệu Uy Tiên Phong Tướng quân.

Hoàng Ngũ Phúc rút quân về Thuận Hóa. Nguyễn Nhạc chiếm lấy đất Quảng Nam tự lập làm Tây Sơn Vương.

Lúc ấy Nguyễn Hữu Chính từ Bắc Hà chạy vào quy phục nhà Tây Sơn, trừ hoạch mưu kế cho Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Nhạc cho em là Nguyễn Huệ làm Long Nhượng Tướng quân, cho Nguyễn Hữu Chính làm Hữu Tướng quân chia đường tiến đến Thuận Hóa.

Quan Trấn thủ Thuận Hóa là Phạm Ngô Cầu mở cửa thành đầu hàng. Nguyễn Huệ bèn chiếm lấy

Phú Xuân.

Nguyễn Hữu Chính khuyên Nguyễn Huệ lấy danh nghĩa Phù Lê Diệt Trịnh (tôn phũ vua Lê, tiêu diệt Chúa Trịnh) đem quân ra Bắc Hà.

Nguyễn Huệ tiến quân đánh phá, đuổi Trịnh Khải, vào kinh đô Thăng Long, ở trong phủ Chúa Trịnh, yết kiến vua Lê ở Điện Vạn Thọ, dâng sổ bộ binh dân.

Vua Lê phong Nguyễn Huệ tước Uy Quốc Công và gả cho Công Chúa Ngọc Hân.

Vua Lê Hiến Tông băng (1786). Triều thần xin Tây Sơn cho lập Lê Mẫn Đế lên ngôi.

Năm đầu niên hiệu Chiêu Thống (1787), Nguyễn Nhạc phong cho em là Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương cai trị từ Hải Vân trở ra ngoài, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương cai trị đất Gia Định. Nguyễn Nhạc tự xưng là Trung Ương Hoàng Đế.

Lúc ấy Nguyễn Hữu Chính ở Nghệ An được vua Lê Mẫn Đế bí mật triệu ra Bắc Hà. Nguyễn Hữu Chính truyền hịch mộ quân được hơn một vạn (10.000) đi gấp ra Thăng Long, đánh đuổi Trịnh Bồng.

Vua Lê Mẫn Đế trao cho Nguyễn Hữu Chính chức Bình chương quân quốc trọng sự.

Nguyễn Huệ ghét Nguyễn Hữu Chính tung hoành ở Bắc Hà, gọi Nguyễn Hữu Chính vào mà Chính không đến, bèn sai Võ Văn Nhậm đem quân ra Thăng Long.

Nguyễn Hữu Chính bị bắt, vua Lê Mẫn Đế chạy ra Kinh Bắc.

Vua Lê Duy Kỳ (Lê Mẫn Đế) cho bọn thị thân Lê Quýnh cùng tông thất nhà Lê hơn 30 người với phiên thần Hoàng Ich Hiếu bảo vệ Thái Hậu chạy sang Long Châu bên Tàu cầu viện.

Lưỡng Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đem việc cầu viện tâu lên vua nhà Thanh.

Vua Cao Tông nhà Thanh sai Tôn Sĩ Nghị điều động binh mã ở bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu kịp thời sang đánh phá. Quan Trấn thủ Tây Sơn là Ngô Văn Sở cho chạy thư về Bắc Bình Vương cáo cấp, nói rõ thanh thế của quân Thanh.

Nguyễn Huệ liền lập đàn ở núi Bân Sơn, tự lập làm Hoàng Đế, cải nguyên là Quang Trung, dẫn quân ra chống quân Thanh.

Tôn Sĩ Nghị bỏ lúy chạy qua sông mà chết (2)

Vua Quang Trung (toàn thắng) xin với quan Phúc Khang An nhà Thanh chủ trương giảng hòa, giao cho bọn văn thần ở Bắc Hà là Ngô Thời Nhậm, Bùi Huy Ich soạn tờ biểu, gõ cửa quan xin vào châu.

Vua nhà Thanh sai sứ sang sách phong cho Vua Quang Trung làm An Nam Quốc Vương.

Nguyễn Huệ mất. Nguyễn Quang Toán lên nối ngôi, được nhà Thanh sách phong, kỷ nguyên là Cảnh Thịnh.

Vua Thế Tổ triều Nguyễn ta khôi phục kinh đô



QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

Từ An Nam đến Đại nam

Bầu Cầm

— Học giả Mặc Khách sưu lục —

LỜI TÒA SOẠN :

Vì lý do không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Tòa Soạn để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tịnh tài để bù đắp vào công lao khổ nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hộ thứ cho.

(tiếp theo)

Lúc bấy giờ, nha tướng (tướng nanh vuốt) của Khúc Hạo là Dương Diên Nghệ (18), người châu Ái, thấy Thừa Mỹ bị bắt, nên quyết chí báo thù mới đem quân đến vây đánh Lý Khắc Chính. Bại trận, Khắc Chính chạy về Nam Hán. Chúa Nam Hán có ý muốn vỗ về cho yên ổn, nên cho Diên Nghệ chức tước, quyền vị, và bảo những kẻ tã hữu rằng: "Dân ở đây (Giao Châu) hay làm loạn, ta phải làm như thế để ràng buộc họ mà thôi (19)

Sử chỉ chép như vậy nhưng không ghi rõ chúa Nam Hán cho Dương Diên Nghệ tước vị gì.

Đến năm thứ 2 hiệu Trường Hưng (931) đời Hậu Đường, Dương Diên Nghệ vẫn có chí khôi phục, nuôi 3.000 tráng sĩ làm con nuôi (gia tử); Lý Tiên biết việc ấy, đưa tin về báo với chúa Nam Hán; Diên Nghệ đem quân vây Lý Tiên, chúa Nam Hán sai thừa chỉ là Trần Bảo dẫn quân đến cứu; nhưng binh cứu viện chưa tới nơi thành đã bị mất; Lý Tiên trốn về, Trần Bảo đến vây thành, Dương Diên Nghệ ra nghênh chiến, Trần Bảo thua mà chết; Diên Nghệ tự xưng Tiết độ sứ, cai trị Giao Châu (20).

Tháng 3 năm Đinh Dậu (937), Dương Diên Nghệ bị nha tướng là Kiều Công Tiễn giết chết và lên thay (21).

.....

Tháng 9 năm Mậu Tuất (938), Ngô Quyền (22) cũng là một nha tướng và con rể của Dương Diên Nghệ, khởi binh giết được Kiều Công Tiễn.

Khi Ngô Quyền đem quân vây phủ thành, Kiều Công Tiễn sai sứ đem cửa ấu sang cho chúa Nam Hán để cầu cứu. Ý chúa Nam Hán muốn thừa cơ hội loạn lạc để chiếm lấy nước ta, nên mới sai con là Hoàng Tháo, nguyên tước Vạn Vương, được phong làm Giao Vương, đem quân sang cứu Công Tiễn (23).

Chúa Nam Hán Lưu Cung sai con dẫn binh đi trước, rồi tự mình đem binh đóng đồn ở Hải Môn để làm thanh viện. Lưu Cung có hỏi kế Sùng Văn Sứ Tiêu Ích, Ích đáp: "Nay mưa dầm đã lâu đường biển hiểm trở xa xôi. Ngô Quyền là tay kiệt liệt, chớ có khinh thường. Đại quân phải thân trọng, dùng nhiều kẻ hướng đạo, rồi mới có thể tiến lên được". (24)

Lưu Cung không nghe lời đó, sai Hoàng Tháo đem chiến thuyền tiến vào cửa Bạch Đằng (25)

(18) Khâm Định Việt Sử tiên biên, quyển 5, tờ 17a, chép rằng: "Diên Nghệ, Ái Châu nhân. An Nam kỳ yếu tác Đinh Nghệ. Kim tủng Cương mục cải Diên Nghệ, người châu Ái. Sách An Nam kỳ yếu

chép là Đinh Nghệ. Nay theo sách Cương Mục mà sửa lại". Bởi vậy, có nhiều sách vẫn chép là Dương Đinh Nghệ.

(19) Khâm Định Việt Sử (tiên biên, quyển 5, tờ 16b-17a), Đại Việt Sử Ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 18a), Đại Việt Sử Ký tiên biên (ngoại kỷ, quyển 7, tờ 1b) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, tr. 312) đều chép việc này vào năm quý vị (923). Việt Kiêu Thư (quyển 4, tờ 18b) lại chép vào năm thứ 1 hiệu Trường Hưng (930) và chép là chúa Nam Hán sai Lương Khắc Chân, Lý Thủ Dung sang đánh Giao Châu, bắt được Tĩnh Hải Quân tiết độ sứ Khúc Thừa Mỹ đem về (như thế là chép theo Tân Ngũ Đại sử, quyển 65, tờ 3a). An Nam chí lược, hiệu bản của Viện Đại Học Huế, phần chữ Hán, trang 115, chép: "Dương Đinh Nghệ, Ái châu nhân dã, Khúc Hạo tướng. Lưu Nghiễm ký cầm Khúc Thừa Mỹ thụ Đinh Nghệ tước, mệnh dĩ Lý Tiên vi Giao châu thứ sử, dĩ Lý Khắc Chính thứ kỳ thành. Nghiễm vị tả hữu: Giao Chỉ dân hiếu loạn, dẫn khả kỳ mi nhi dĩ. Minh niên Đinh Nghệ quả bạo, cử chúng vi thành, Khắc Chính hội tấu. Đinh Nghệ cử kỳ cảnh, vi Kiêu Công Tiên sở sát = Dương Đinh Nghệ, người châu Ái, tướng của Khúc Hạo. Khi Lưu Nghiễm đã bắt Khúc Thừa Mỹ rồi, phong tước cho Đinh Nghệ, khiến Lý Tiên làm thứ sử Giao Châu, cùng với Lý Khắc Chính giữ thành. Nghiễm bảo kẻ tả hữu rằng: "Dân Giao Chỉ ưa làm loạn, chỉ nên ràng buộc họ mà thôi". Quả nhiên, năm sau, Đinh Nghệ làm phản, đem quân vây thành. Khắc Chính chạy, Đinh Nghệ chiếm cứ bờ cõi, sau bị Kiêu Công Tiên giết". An Nam chí nguyện, hiệu bản của PQVDHV quyển 3, tr. 181, cũng chép như thế, song có ghi rằng Dương Diên Nghệ xưng tiết độ sứ được 3 năm thì bị Kiêu Công Tiên giết. An Nam chí lược và An Nam chí nguyện đều chép "chúa Nam Hán phong tước cho Dương Diên Nghệ ngay sau khi bắt Khúc Thừa Mỹ" thì không hợp lý. Theo Khâm Định Việt Sử, Đại Việt Sử Ký toàn thư và Đại Việt sử ký tiên biên thì đúng hơn: Dương Diên Nghệ cất quân đánh Lý Khắc Chính, Lý thua trận phải chạy về Nam Hán, lúc bấy giờ chúa Nam Hán mới chịu cho Diên Nghệ tước vị. Còn như An Nam chí nguyện chép "Diên Nghệ chỉ xưng tiết độ sứ được 3 năm" cũng sai lầm, vì Diên Nghệ bắt đầu xưng tiết độ sứ từ năm Tân Mão (931), đến năm Đinh Dậu (937) mới bị Kiêu Công Tiên giết, cộng được 7 năm; nếu kể từ năm đánh đuổi Lý Khắc Chính (quý vị, 923) thì cộng được 15 năm.

(20) Khâm Định Việt Sử, tiên biên, quyển 5, tờ 17b; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 18b; Đại Việt Sử Ký tiên biên, ngoại kỷ, q. 7, tờ 3a. Riêng Đại Việt sử ký tiên biên, sau khi chép sự kiện lịch sử dẫn trên, có chêm thêm: "Sơ Đinh Nghệ tư phục Khúc Hạo chỉ thù nãi thiết giao diệt trường chiêu tập châu trung hào kiệt, kích dĩ đại nghĩa, đồng mưu cứu

sự, toại công Hán tướng Lý Khắc Chính bạch chi = Lúc đầu, Đinh Nghệ nghĩ đến việc phục thù cho họ Khúc, nên đã lập trường đánh vật để chiêu tập những kẻ hào kiệt trong châu, nói khích lấy đại nghĩa để cùng mưu việc lớn, thành thử mới đánh bại được tướng Nam Hán là Lý Khắc Chính". Còn Việt Kiêu Thư, quyển 4, tờ 18b, chép rằng Lý Tiên biết Dương Diên Nghệ có nuôi 3.000 gia tử, nhưng vì ăn hối lộ, nên không báo việc ấy cho chúa Nam Hán biết.

(21) Khâm Định Việt Sử, tiên biên, quyển 5, tờ 17b; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 19a. Đại Việt Sử Ký tiên biên, ngoại kỷ, q. 7, tờ 3ab, có dẫn lời bàn của sử thần Ngô Thì Sĩ như sau: "Hán Đường chi quý, đã súc giả tử cái dương trí lực tương giác chi thời, hoặc hoạn nạn tương tưng, hoãn cấp đặc lực, tử thu vi kỳ tử, dĩ kỳ vi phúc tâm; bất tri lang tử nan tuần, mạn tàng hối đạo, thiên tính chi bất khả giả dã. Đinh Nghệ giả chi chí ư tam thiên kỳ cấp dã dung năng hối hổ = Cuối các đời Hán, Đường, người ta hay nuôi con nuôi, ấy là trong lúc đối chọi với kẻ khác bằng trí và bằng sức, hoặc theo nhau trong cơn hoạn nạn, khi hoãn khi cấp đều đặc lực, thì nhận làm con để mong làm kẻ tâm phúc; nhưng chẳng biết rằng sói con khó dạy, cát của cầu thá là dữ cho kẻ trộm đến, tính trời không thể mượn được. Đinh Nghệ nuôi con mượn đến ba ngàn kíp khi bị nạn, há có thể hối được chăng?".

(22) Ngô Quyền: người làng Dương Lâm huyện Phúc Lộc (nay là Phúc Thọ) tỉnh Sơn Tây bảy giờ, đời đời là quý tộc, cha là Ngô Mân, làm chức châu mục. Ngô Quyền sinh ra, trạng mạo khác thường; lúc lớn lên, càng khôi ngô, mắt sáng như điện, bộ đi như hổ, có trí dũng, sức có thể cử nổi cái vạc, làm tướng nhanh vượt của Dương Diên Nghệ, được Diên Nghệ gả con gái cho và sai giữ Ái Châu; đến khi nghe Công Tiên giết Diên Nghệ, Quyền từ châu Ái đem quân ra giết Công Tiên. (Khâm Định Việt Sử, tiên biên, quyển 5, tờ 18ab; Đại Việt sử ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 20b; Đại Việt sử ký tiên biên, ngoại kỷ, quyển 7, tờ 6a). An Nam chí nguyện, hiệu bản của PQVDHV, quyển 3, tr. 182, chép Ngô Quyền là người Ái Châu, bởi vì Quyền đã đem binh Ái Châu ra vây đánh Công Tiên.

(23) Khâm Định Việt Sử, tiên biên, quyển 5, tờ 18b. Đại Việt Sử Ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 19a) và Đại Việt Sử Ký tiên biên (ngoại kỷ, quyển 7, tờ 3b) chép: "Lưu Cung cho con là Vạn Vương Hoảng Tháo làm Tĩnh Hải Quân tiết độ sứ, và đổi phong làm Giao Vương". Việt Sử lược bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo cổ, qu. 1, tờ 23b, cũng chép chúa Nam Hán cho con là Vạn Vương Hoảng Tháo làm Tĩnh Hải Quân tiết độ sứ, nhưng không chép đổi phong làm Giao Vương. An Nam chí nguyện (hiệu bản của PQVDHV, qu. 3, tr. 181) và An Nam chí lược (hiệu bản của Viện

Dịch giả

LÊ HUY THIÊN

BẮC DU CHƠN VÔ



(Tiếp theo)

Khi ấy Huyền Khoáng Thái tử tôn cha làm Thái thượng hoàng, tôn mẹ làm Hoàng thái hậu, đưa cha mẹ về cung dưỡng lão. Rồi trở lại đến phong bá quan văn võ đều thêm một cấp. Đãi yến quần thân, rồi ban chiếu ân xá tù tội. Lại tuyển Phạm thị phong làm Chánh cung, tuyển ba mươi sáu cung nga, lập bảy mươi hai vườn ngự uyển xưng hiệu Tây hà quốc vương.

Năm sau Phạm hoàng hậu sanh đặng một trai, Tây hà quốc vương đặt tên con là Kế Xương Thái tử.

Sau Kế Xương Thái tử mười hai tuổi, thì Thái thượng hoàng, và Hoàng thái hậu đều băng; Tây hà quốc vương tổng tang y lễ. Kế Xương Thái tử thông minh hiền hiếu như cha.

Nói về Diệu Lạc thiên tôn đời vua Tây hà quốc vương mất tang rồi, mới hóa hình đạo sĩ đến độ, e lâu ngày vua Tây hà đắm việc hồng trần, sau khuyên không đặng. Còn bấy lâu không độ, là có ý để cho Tây hà quốc vương cư tang cho trọn hiếu, và Kế Xương Thái tử cho lớn khôn. Chẳng phải như kẻ chưa con, mà nói sự tu hành trái lẽ lắm.

Ngày kia Tây hà quốc vương ngự ra hoàng lăng mà thăm lăng cha mẹ, mới đi về nửa đường thấy đạo sĩ ngồi lơ lơ giữa lộ; dường như hình đất hình cây. Quan hộ giá nạt dưới cũng không tránh! Quan hộ giá tâu lại vân vân. Tây hà quốc vương phán rằng: "Đạo sĩ ấy có đức mới không sợ quả nhọn. Để trẫm đến xem người ấy ra thế nào?". Khi ngự giá đến gần, thấy đạo sĩ hình dung đoan chánh, tướng mạo thanh kỳ, ngồi lơ lơ như Phật cốt. Tây hà quốc vương biết là người lương thiện, truyền ngừng long xa lại, bước xuống xe bái đạo sĩ,

đạo sĩ đáp lễ. Tây hà quốc vương phân hỏi rằng: "Chẳng hay vì cớ nào, thầy ngồi giữa đường lâm thinh thế?". Đạo sĩ nói: "Thiệt không có cớ chi, thấy Bệ hạ đi lạc đường, nên tôi chỉ đường cho Bệ hạ". Tây hà quốc vương phân hỏi rằng: "Quả như đi có kẻ dẫn đường, không lẽ sai mà thầy phải chỉ!". Đạo sĩ nói: "Quan dẫn lộ thì đất đường dường gian thì không. Còn tôi chỉ đường cho Bệ hạ, là đường lai thế, chớ không phải đời này". Tây hà quốc vương phân rằng: "Thầy chỉ đường lai thế cho trẫm đặng, thì thầy chắc là tiên". Đạo sĩ nói: "Tôi là Sơn nhân(1)". Tây hà quốc vương phân hỏi rằng: "Sao thầy biết đặng việc lai thế?". Đạo sĩ nói: "Biết đời này là biết đời sau, biết khi vui thì biết khi thảm. Biết lúc hiệp thì biết khi lìa. Chẳng những biết việc lai thế mà thôi, biết thâu một trăm đời cũng đặng". Tây hà quốc vương phân hỏi rằng: "Thầy cất nghĩa việc đời cho trẫm nghe thử?". Đạo sĩ nói: "Bệ hạ nghe bài thơ này thời đủ hiểu". Nói rồi liền ngâm lớn rằng:

"Phú quý lợi danh như nước chảy,
"Sắc tài tử khí tựa mây tan.
"Ngựa xe áo mào không bền bỉ,
"Nhắm mắt hườn ra đống cốt tàn."

Tây hà quốc vương nghe qua phân rằng: "Thầy đã biết đời việc chẳng bền; cơ nghiệp lợi danh không chắc, thì thầy biết phép trường sanh. Trẫm xin thỉnh về đền, đặng chỉ đường lai thế". Đạo sĩ nghe nói, vùng khốc lớn than rằng: "Tôi đi tu hồi nhỏ, nay đã bốn mươi lăm tuổi, hằng dưỡng tánh thanh nhân, chắc không dám bước vào cửa địa ngục". Tây hà quốc vương nghe qua nói giận, truyền quan chỉ huy là Hằng Thông chèo đạo sĩ cho rành. Đạo sĩ cười rằng: "Muốn chèo bản đạo cũng không khó. Bản đạo xin hỏi một điều: Bệ hạ có biết mình là người chỉ giảng sanh chăng?". Tây hà quốc vương phân rằng: "Trẫm thiệt chẳng biết, mà Khanh hiểu thấu hay sao?". Đạo sĩ nói: "Lẽ nào tôi không hiểu sự ấy!". Tây hà quốc vương phân rằng: "Khanh nói dối rằng biết thấu việc trẫm đời, cớ chi làm chắc? Rõ ràng khốc miệng dối đời không lẽ dối trẫm đặng". Đạo sĩ cười ngất nói rằng: "Nếu không bằng cớ, thì tôi buộc tội chết vào mình sao!". Tây hà quốc vương phân hỏi rằng: "Khanh lấy chi làm bằng cớ?". Đạo sĩ nói: "Xin cho tôi một chậu nước trong thì đủ bằng cớ".

Khi ấy Tây hà quốc vương truyền chỉ huy Hằng Thông múc chậu nước trong đem lại. Đạo sĩ nói "Xin Bệ hạ soi vào chậu nước, thì thấy việc đời sau". Tây hà quốc vương ngó vào chậu nước thấy một ông tiên dường nói chuyện với Ngọc Đế. Đạo sĩ hỏi rằng: "Bệ hạ thấy trong chậu nước ra thế nào?". Tây hà quốc vương phân rằng "Có một ông tiên dường nói chuyện với Ngọc

đế thị phải". Đạo sĩ nói: "Xin Bệ hạ soi một lần nữa, coi có khác hay chẳng?". Tây hà quốc vương ngó vào, thấy một con trâu cây ruộng. Đạo sĩ hỏi: "Bệ hạ thấy vật chi chẳng?". Tây hà quốc vương phân rằng: "Không thấy hai hình hồi này, có một con trâu cây ruộng mà thôi". Đạo sĩ hỏi: "Bệ hạ hiểu chưa?". Tây hà quốc vương phân rằng: "Trăm nghĩ không ra, bản cũg không thấu, xin thầy cắt nghĩa cho rành?". Đạo sĩ nói: "Ngọc hoàng thượng đế chia một phần hồn, giảng sanh là Bệ hạ. Như bệ hạ tu hành sẽ thành một ông tiên ngồi dựa bên Ngọc đế. Như Bệ hạ đời nay không tu luyện, kiếp khác sẽ hóa hình như lần sau". Tây hà quốc vương phân rằng: "Đạo sĩ dùng phép yêu đặng mạ tròng đên trâm, Hàng Thông chém đạo sĩ cho rồi?".

Khi ấy Hàng Thông vưng lệnh, mới cầm gươm lại gần, bị Đạo sĩ thổi một hơi, Hàng Thông nhào hốt! Đạo sĩ đặng vắn lên nửa lưng. Tây hà quốc vương thấy vậy hãi kinh, ăn năn khộ kịp. Liên quí lay tịnh không mà chịu lối. Đạo sĩ cười chuôm chiêm, ngâm thơ như vậy :

"Ai cũng mong giàu có,
 "Người đều ghét khó hèn.
 "Nghèo tu may mấy kiếp,
 "Giàu dữ, khộ nhiều phen,
 "Kẻ tội làm cầm thú,
 "Người tu hóa Phật Tiên.
 "Nếu vua không tính lại,
 "Kiếp khác họa theo liền.

Tây hà quốc vương quí lay bạch rằng: "Quả nhưn nguyện qui y theo Tiên trưởng, xin chỉ nẻo tu hành?". Đạo sĩ ở nửa lưng ngâm 2 câu thơ như vậy :

"Muôn về chốn Tiên cung,
 "Phải vào non Linh tú.

Ngâm thơ rồi biến mất, Tây hà quốc vương lay tịnh không mà vái rằng: "Đệ tử kính vưng lối sư phụ". Nói rồi ngó quần thân mà phân rằng: "Nay trăm xuất gia, không trị nước nữa; quyết vào non Linh tú mà tu hành. Vậy thì các khanh đừng tùy giá(2) làm chi, hãy trở về triều, tôn Ông cung Kế Xương tức vị. Các khanh lấy lòng trung giúp nước mà thôi". Bá quan quí lay tâu rằng: "Thiên hạ nhiều người tu hành lắm, nào thấy ai thành tiên. Còn Bệ hạ nhưn đức như trời xanh, thương dân như con đố lẽ nào kiếp sau còn mắc đọa hay sao? Ấy là lời đạo sĩ dối đời. Xin Bệ hạ đừng tin, sau ăn năn không kịp!". Tây hà quốc vương phân rằng: "Quả nhưn quyết chí đi tu, các khanh giảng thế nào cũng không đặng, chẳng nên tâu nhiều lời. Hãy cứ theo chỉ của trâm". Bá quan tâu rằng: "Bệ hạ đã quyết lòng, chúng tôi khộ dám nghịch chí. Vậy thì chọn ít trăm binh bảo giá, đưa Bệ hạ lên non; thì chúng tôi mới vừa ý". Tây hà quốc vương cười và phân rằng: "Khi

trước trăm còn trị nước, thì biết có thân này. Nay đã xuất gia, không màng việc chi cả, chẳng dung các khanh bảo giá, đừng tâu nữa uông lối. Phán rồi đi thẳng qua hướng tây, quyết tìm non Linh tú. Bá quan ngó chừng theo cho tới hết thầy, mới chịu về trào.



Còn Tây hà quốc vương đi một mình, hèn lâu mới tới núi Linh tú. Xảy gặp đạo sĩ, Tây hà quốc vương mừng quá, làm lễ rồi bạch rằng : "Xin sư phụ dặt diu đệ tử?". Đạo sĩ nói : "Người đã đến đây, hãy đứng đây nghe ta dạy việc?". Nói rồi hiện hình Diệu Lạc thiên tôn và thuật chuyện kiếp trước. Lại giảng qua sư thiên đương địa ngục, luân hồi báo ứng v.v.. Rồi dạy phép ngồi cho đến thành và hôn và xác. Tây hà quốc vương lay ta ơn. Diệu Lạc thiên tôn giảng kinh một hồi, rồi dặn rằng : "Người tu luyện, phải giữ ngũ giới là 5 điều răn: Nhứt bất sát sanh(không cho sát hại) . Nhì bất du đạo(cấm trộm cướp). Tam bất tà dâm(cấm gian dâm). Tứ bất tử nhục(cấm rượu thịt). Ngũ bất vọng ngữ(cấm nói dối). Người phải lay trời, chịu giữ năm điều ấy, rồi cứ ngồi mãi mà đời ta". Tây hà quốc vương y lời. Diệu Lạc thiên tôn đặng vắn bay mất.

Còn Tây hà quốc vương ở một mình tu hành tại đố, đố ăn trái cây, khát uống nước suối, rồi cứ ngồi trên núi mà chờ thầy.

Nói về bá quan về trào, tâu với Hoàng Hậu và Thái Tử vắn vắn. Hoàng hậu, Thái tử khóc rông mẹ con quyết tìm vua cho gặp. Bá quan tâu rằng: "Trong nước chẳng phép một ngày mà khộ chúa. Nương nương muốn đi tìm Bệ hạ, trước phải tôn Thái tử tức vị cho rồi, cách bốn mươi chín ngày mới dám bỏ ngai đi thăm Bệ hạ. Hoàng hậu y tâu, bá quan đều tôn Kế Xương Thái tử lên ngôi. Xưng hiệu Hiệp Tướng, tôn mẹ làm Hoàng thái hậu. Đãi yển quần thân, ăn xá tử tội, cũng nhưn đức như vua cha.

Đủ bốn mươi chín ngày, vua Hiệp Tướng truyền dọn hai xe. Hoàng thái hậu và vua Hiệp Tướng đồng lên núi Linh tú, bá quan hộ giá rất đông, đi tới đầu cũng thấp hướng cấm dọc đườg thơm ngát; vang vái kiếm cho đặng vua chạ nước về.

Đoạn đến Linh tự sơn,kiếm cùng núi không gặp một người mà hỏi thăm,thấy những chim kêu vượn hú.

Đi giầy lâu đến đầm từng rậm,thấy bên tả có hạc múa,bên hữu có vượn kêu,chính giữa có bản thạch lớn,một ông ngồi trên bản thạch,hình vóc ốm o,da như vỏ cây,mặt như hình gỗ coi lại cho kỹ là Tây hà quốc vương. Hoàng hậu và vua Hiệp Tướng,đồng lại ôm Tây hà quốc vương mà khóc.Bá quan xem thấy cũng động lòng,đồng quí lay tung hô vạn tuế. Còn hai mẹ con lay lục năn nỉ,xin rước Tây hà quốc vương về đến.Tây hà quốc vương làm thỉnh không nói lại.Mẹ con cứ năn nỉ hoài. Tây hà quốc vương cứ làm thỉnh như cũ.

Giầy lâu gió thổi như bão,đã chạy cát bay. Đến khi lặn gió,thì không thấy Tây hà quốc vương,chắc là bị gió thổi nên bay mất!Hoàng thái hậu và Hiệp Tướng hoảng đê,mẹ con than khóc một hồi.Bá quan tâu rằng:"Trận bão này là trời làm cho dứt tình,hết biết chỗ mà kiếm nữa! Song Thái thượng hoàng có lòng tu luyện,chắc đặng thành tiên.Trời khiến như vậy,người cái sao đặng.Xin Hoàng thái hậu và Bệ hạ ngự về triều,sẽ treo bảng cho thiên hạ hay rằng:"Nếu ai kiếm đặng Thái thượng hoàng mà báo tin hoặc rước về thì đặng chức đại thần.Chớ bây giờ ở đây mà khóc hoài cũng vô ích".Mẹ con y tấu lên xe,đồng về triều với bá quan văn võ.Rồi phóng bảng rao khắp nơi,song thiên hạ kiếm tìm chẳng đặng!

Chú thích :

- (1) Sơn nhơn, là người ở núi, chữ nhơn đứng bằng chữ sơn là chữ tiên.
- (2) Tùy giã là theo bảo hộ vua.

(Còn tiếp)



tiếp theo trang 11

Phú Xuân,(đem quân ra Bắc Hà)bắt vua Quang Toàn nhà Tây Sơn ở Thọ Xương đem về. Nhà Tây Sơn mất.

Câu phong dao này nói nhà Tây Sơn khởi lên năm Kỷ Dậu(1789)nhằm niên hiệu Quang Trung, dứt năm Nhâm Tuất(1802)nhằm niên hiệu Cảnh Thịnh,được tất cả 14 năm,vận số đến đây mới dứt hẳn là tiền định.

Tuy cử binh lần thứ nhất diệt được họ Trịnh cử binh lần thứ nhì phá được quân Thanh,nhờ anh em cứu thù lẫn nhau,không có luân lý để thu phục kẻ hào kiệt,pháp thuật chuyên chế,không có ân trạch để kết chặt lòng dân thì cũng gần như Nguy Hồ trong thời nhà Trần, Nguy Mạc trong thời nhà Lê vậy,làm sao mong lâu dài được?

CHƠ THÍCH :

- (1) Yên Phu mới đung
- (2) Sách chép sai,Tôn Sĩ Nghị không chết trong trận này.

(Còn tiếp)

tiếp theo trang 13

Đại Học Huế,phần chữ Hán,(tr.115)lại chép : "Lưu Cung cho con là Vạn Vương Hoàng Tháo làm Giao Châu tiết độ sứ".

(24) Cương Mục,tiên biên V,18b;Sử Ký toàn thư,ngoại kỷ,V,19a;Sử Ký tiên biên,ngoại kỷ VII,3b-4a.

(25) Bạch Đằng : sông Lục Đầu tại tỉnh Bắc Ninh chia làm hai nhánh chạy vào tỉnh Hải Dương,một nhánh theo Mỹ Giang,một nhánh theo Chu Cốc Sơn,hợp lưu tại xã Đoan Lễ, đây là sông Bạch Đằng.Sông này từ giới phận huyện Thủy Đường tỉnh Hải Dương chạy đến giới phận huyện An Hưng tỉnh Quảng Yên,rồi chuyển sang hướng Nam 29 dặm và tuôn ra cửa Nam Triệu. Ngày xưa,Ngô Quyền phá quân Nam Hán(938) và Trần Quốc Tuấn phá quân Nguyên(1288) ở sông này.(Cm,tb,V,19b-20a).

(Còn tiếp)



Phật Giáo

VỚI

Mác Xít

Tác giả : Francis Story
Dịch giả : Trần Quang Thuận
Giới thiệu : T.T. Trí Quang
Nguyên bản : Buddhism answers
the Marxist challenge

LỜI NÓI ĐẦU

Những bài trích ở tác phẩm này thành quả của công trình nghiên cứu công phu của tác giả, nhưng kết luận tác giả đưa ra hết sức khoa học, không thiên vị, rất khách quan và độc lập. Tác giả phân tích giữa giáo lý Theravada của Phật giáo và học thuyết duy vật của Marx trên phương diện lý thuyết cũng như thực hành. Những bài này đầu tiên được đăng trên một tờ báo tiếng Anh tại Miến Điện năm 1952. Các loạt bài đó, đã cố gắng trình bày rằng Phật giáo trong khi phủ nhận quan niệm tin tưởng chung của các tôn giáo - tin tưởng có một vị Thượng Đế, một vị tối cao, một đời sống vĩnh viễn trong Thiên đàng hay Địa ngục - vẫn chú trọng quan niệm về đời sống tạm lịnh và một vũ trụ quan hoàn toàn trái hẳn với tư tưởng duy vật hiện đang bành trướng tại Đông, phương cũng như Tây phương. Tôi thiết tưởng chủ trương trên cần phải được minh định một cách rõ ràng vì hai lý do. Trước tiên, vì chúng ta đã tiến đến một giai đoạn phát triển tư tưởng cần phải chọn giữa 2 khái niệm trái ngược nhau, một bên là chủ nghĩa duy vật đi đến hậu quả coi nhẹ luân lý hay sự sống thiêng liêng và quan niệm duy linh hay duy đức do các tôn giáo đề cập, ra và cũng là nền tảng của văn minh và tư tưởng triết học của thế giới. Tôi nhận thấy, phải nhấn mạnh rằng nền tảng siêu nhiên của tôn giáo không còn đứng vững trước hệ thống đạo đức của thế giới hiện đại và Phật giáo có thể cung cấp yếu tố hợp lý mà thế kỷ thứ 20 đòi hỏi cho những giá trị tinh thần. Tôi hết sức tin tưởng ở điểm này và cũng vì lý do đó tôi đã trở thành một Phật tử. Tôi chắc rằng niềm tin tưởng này không riêng cho cá

nhân tôi mà cho cả thế hệ tôi, thế hệ của những người không bị mù quáng bởi cảm tình ủy mị tôn giáo và của chủ nghĩa duy vật hoài nghi. Trong thời kỳ niên thiếu tôi thường cảm thấy băn khoăn về ý nghĩa của cuộc sống, về mục đích và những định luật chi phối về kiếp sống của con người. Những định luật này, theo tôi, thật ra không phải là ngẫu nhiên hay tiến định, nhưng tôi thấy các tôn giáo, mặc dù tôi rất khâm phục giáo lý đạo đức, vẫn không giải thích một cách cụ thể, cặn kẽ và thỏa mãn. Thường thường người ta hay chấp nhận như thực tại sẵn có, riêng tôi, tôi không thể nào chấp nhận như vậy được, nhất là sự chấp nhận như thế trái ngược với luật xác suất (law of probability) và kinh nghiệm của con người. Tôi đã tìm thấy trong Phật giáo những giải đáp thỏa đáng về phương diện tình cảm cũng như tinh thần và lý trí.

Lý do thứ hai bắt tôi phải soạn tập sách này là gần đây, có một số người muốn phổ biến quan niệm duy vật tại Miến Điện và tại các quốc gia khác, đã cố tình muốn chứng minh giữa chủ nghĩa duy vật và Phật giáo có nhiều điểm tương đồng. Tôi đặc biệt chú trọng đến tài liệu xuất bản cách đây hai năm bằng tiếng Miến Điện về vấn đề này. Tác giả của tập tài liệu nhỏ này đã khai thác sự khó hiểu biết một cách cặn kẽ chủ nghĩa Mác Xít của Đạida số Phật tử, hơn nữa phần nhiều dân chúng có khuynh hướng chấp nhận một cách dễ dàng khi cần tự phán xét tận tường. Tác giả đã viết: "Chủ nghĩa Mác Xít ra đời rất cần thiết... đủ để chứng minh thuyết Anatta Sansana (Ta bà vô ngã) của Đức Phật và cho người ta mau thấu hiểu giác ngộ Loka Nibbana, hoặc gọi là Saupadisesa Nibbana (Niết Bàn trong Thế gian hay Lokuttara Nibbana (Niết Bàn xuất Thế gian Quan niệm sai lầm này sơ dĩ được trình bày vì tác giả hỏi hột ngộ nhận chủ trương vô ngã của Phật Giáo và của chủ nghĩa Mác Xít. Sau khi dân chúng khái niệm mà tác giả mệnh danh là "Chủ nghĩa duy vật Phật Giáo" và chủ nghĩa duy vật Mác Xít, tác giả nói ông ta đã nghiên cứu "duy vật biện chứng pháp" và duy vật sử cương, đã tìm thấy quan niệm "luật lệ thiên nhiên" "tính vô thường" và "tính vô ngã" của Marx được cắt nghĩa một cách tường tận và ông cho rằng Marx chính là hiện thân của Đức Phật, là một vị Bồ Tát. Sau cuối tập tài liệu này, tác giả cho Marx hoặc là một vị Bích Chi Phật hay một vị Bồ Tát vì ông ta đã thấu đạt được ý niệm vô thường của "Sắc". Bất kỳ một Phật tử nào cũng hiểu rằng Rupa (sắc) thường muốn được để hiểu nên cho Rupa là hình sắc, nhưng thật ra quan niệm vật chất của triết học Tây phương không hoàn toàn giống hẳn quan niệm về Rupa của Phật giáo. Đầu sao nếu mới thấu hiểu được ý nghĩa vô thường của vật chất chưa có thể chứng ngộ

Bích Chi Phật hay Bồ Tát. Trong Phật Giáo Rupa hay sắc không phải chỉ hoàn toàn là vật chất. Không ai có thể chứng ngộ Bích Chi Phật nếu không thực hành Tứ Diệu Đế, nghĩa là am hiểu đặc tính của Kamma (Nghiệp), và sự liên quan giữa Kamma và luân hồi; nếu không am hiểu chân lý của luật nhân quả và thực hành Bát Chánh Đạo để đi đến Niết Bàn, Chủ nghĩa Mác-Xít không hiểu gì về Tứ Diệu Đế hay Bát Chánh Đạo, ngược lại chủ nghĩa này còn phủ nhận các đạo lý trên.

Sassata-Ditthi hay là "Thường kiến" là một quan niệm hết sức sai lầm của hầu hết các tôn giáo. Ucheda-Ditthi hay "Giả kiến" (không kiến) là quan niệm ngược lại, quan niệm sai lầm của chủ nghĩa Mác-Xít. Ucheda-Ditthi là sự tin tưởng vào một sự hiện hữu của Ngã hay Ngã chấp, nghĩa là chấp nhận có một thân thể vật chất và những tư tưởng, suy lý v.v... từ thân thể phát xuất ra và đến khi chết không còn gì nữa cả, những hành động tốt, xấu v.v... đều trở thành con số không. Đây là chủ nghĩa Mác-Xít và hoàn toàn không giống lời dạy của Đức Phật. Chính Đức Phật đã khuyên nhủ hàng đệ tử hãy từ bỏ quan điểm trên vì quan điểm đó sẽ mang lại tội lỗi và làm cho người ta phải tái sinh vào những cảnh sống khổ cực. Lê dĩ nhiên lý thuyết trên không làm sao hướng dẫn người trở thành một Bích Chi Phật Giáo lý của Đức Phật hoàn toàn khác hẳn với hai quan niệm cực đoan trên.



Chủ nghĩa Duy Vật Biên Chứng dựa trên lý thuyết chủ trương rằng vạn vật trên thế giới đều huyền, không thực tại, trừ vật chất, vật tất cả, ngay như trí tuệ hay tâm tư của con người cũng đều do những nguyên nhân vật chất xuất phát, những vật chất này do liên hệ với nhau mà tạo ra vạn vật. Theo chủ nghĩa duy vật thì "Tâm, Thức" đồng nghĩa với óc não. Nói 1 cách khác, những biến chuyển tâm linh của con người là hoàn toàn do sự phối hợp các hiện tượng vật chất bên ngoài và những tế bào vật chất của óc não điều kiện hóa, và những tế bào ấy là một bộ phận của thân thể không khác gì ruột gan hay dạ dày. Căn cứ theo học thuyết này, tâm thức không có hoạt động độc lập và hoàn toàn bị những điều kiện nhân quả vật chất chi phối. Phương thức chúng ta hành động hay suy nghĩ không có liên quan gì với ý chí của chúng ta cả mà chỉ là kết quả của những

diễn tiến máy móc tiếp tục trong thể chất của óc não, và những diễn tiến này được kích động bởi những biến cố hay những sự kiện của thế giới vật chất bên ngoài. Vũ trụ do đó được xem là một bộ máy hoàn toàn tuân lệnh của luật nhân quả vật chất, và cá nhân con người không có nghĩa gì hết, mà chỉ là một bộ phận của bộ máy, bắt buộc phải đi theo những chiều hướng đã được quyết định trước bởi những điều kiện vật chất tiên quyết. Chính vì những lý

thuyết này nên Marx đã cố tìm kiếm ý nghĩa và lẽ lối tiến hóa lịch sử hoàn toàn dựa vào những yếu tố vật chất; về con người, chủ nghĩa hay triết lý thuyết của ông ta cho ta thấy những yếu tố vật chất quyết định đặc tính và hoạt động về phạm vi xã hội; triết thuyết ấy cho sự kiện kinh tế là điều kiện duy nhất quyết định vận mệnh con người. Nói một cách khác, con người là con người hiện hữu - tốt hay xấu, đạo đức hay phi luân, sung sướng hay khổ cực - vì hoàn cảnh, họ hoàn toàn bị những sự kiện những hoàn cảnh và những biến chuyển của thế giới bên ngoài nung đúc họ là con vật nô lệ của hoàn cảnh.

Căn cứ theo hệ thống nhân quả có tính cách máy móc và không uyển chuyển này, chủ nghĩa Mác Xít không có đường thoát, và không khác gì chủ nghĩa tiền định của Calvin ngoại trừ có một điều là Mác Xít chống lại các hệ thống tôn giáo hay triết học dựa vào các nguyên tắc luân lý đạo đức.

Như thế, chúng minh rằng chủ nghĩa duy vật Biên chứng pháp không có chấp nhận 1 nguyên tắc đạo đức nào trong vũ trụ. Họ khờ thể chấp nhận được, vì đạo đức dựa trên khả năng sử dụng lý trí tự do lựa chọn giữa điều ác và điều thiện; nếu tâm trí con người do các yếu tố vật chất chế ngự thì làm sao có thể tự do lựa chọn được. Hơn nữa, nếu đã chủ trương vật chất ưu tiên, thì tự nó đã gạt hẳn mọi nguyên tắc đạo đức. Quan niệm luân lý không thể nào liên hệ với vật chất, thân thể con người khờ thể nào là luân lý hay phi luân lý, vì thân thể con người không khác gì cái bản hay cái ghế. Chính những hoạt động của cơ thể, do lý trí kích thích, tạo thành sự phân biệt đạo đức và xây dựng mức độ luân lý. Tất cả mọi tôn giáo đều chấp nhận và chủ trương như thế nhất là Phật giáo lại càng nhấn mạnh rõ ràng hơn. Muốn liên hệ luân lý với những gì hoàn toàn có tính cách vật lý hay vật chất là một điều phi lý không tưởng tượng được.

Như thế, ta nhận thấy rằng thế giới quan hay vũ trụ quan Mác Xít không phải do định luật luân lý chi phối mà hoàn toàn phải do nhân quả vật chất định đoạt. Đạo đức đã được thay thế bằng nguyên tắc thuận lợi, nghĩa là bằng những phương tiện hữu hiệu cốt đạt được điều

gì người ta mong muốn: và điều mà người ta mong muốn đây chỉ là sự thụ hưởng vật chất. Đối với chủ nghĩa Mác Xít, con người chỉ có một chủ đích trong cuộc sống - đạt được sự sung sướng cực độ ngay bây giờ, và sự sung sướng hoàn toàn theo ý nghĩa hạn chế vật chất vì chủ nghĩa Mác Xít không chấp nhận thế giới tinh thần hay Lokuttara. Chính vì chủ nghĩa này nên đã phát sinh ra chủ trương "chiến tranh giai cấp" mục đích là thúc đẩy mọi người trong cuộc tranh đấu không ngừng để đạt được những thắng lợi vật chất.

Luật đạo thái tự nhiên của con người là ai mạnh sẽ được tồn tại; nhưng luật lệ rừng rú không phải là luật lệ của người văn minh, nhất là không phải luật lệ của tôn giáo. Sự kiện này áp dụng cho mọi tôn giáo dù ở hiện hành hay đã mai một. Mọi tôn giáo đều hướng dẫn tác phong của con người đến mức độ cao hơn là sự khoái lạc vật chất mặc dù sự hưởng dẫn ấy chưa được hoàn toàn. Khoái lạc hay thụ hưởng thế gian chỉ có thể đạt được do sự tranh đấu không ngừng giữa cá nhân này và cá nhân khác, giữa quốc gia này và quốc gia khác không khác gì loài vật tranh giành nhau giữa rừng rú. Thế giới chỉ là một bãi chiến trường từ loài nhỏ nhất như côn trùng, đến loài lớn nhất như voi hổ, vì muốn loài muốn bảo vệ và duy trì sự sống của mình chống lại kẻ mạnh và đồng thời hưởng thụ khoái lạc lẫn áp kẻ yếu. Đây là nguyên tắc căn bản mà chủ nghĩa Mác Xít đã đề cập ra để chống lại luật lệ đạo đức do các tôn giáo lớn chỉ dẫn từ khi con người đứng trong tình trạng man rợ ăn lông ở lỗ. Chủ nghĩa duy vật biện chứng không chấp nhận một động cơ nào cao quý của cuộc sống hơn là định luật tự nhiên dựa vào sự ham muốn và làm thỏa mãn các thú tính bằng mọi phương diện vật chất.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng là một khoa học khi cắt nghĩa luật nhân quả, nhưng lại không chấp nhận diễn tiến nhân quả ngoài những phương tiện hay cơ cấu vật chất. Chủ nghĩa duy vật biện chứng chống lại tôn giáo chủ trương có diễn tiến nhân quả dựa vào nguyên tắc đạo đức. Mọi tôn giáo đều chủ trương có cuộc sống khác ngoài cuộc sống hiện tại, và cuộc sống tương lai do hành động, lời nói và ý nghĩa của kiếp sống hiện tại tạo thành. Phật giáo đã chủ trương quan niệm một cách khẳng định dựa vào thuyết Kamma (Nghiệp) và luân hồi, hai nguyên tắc này đều bị chủ nghĩa Mác Xít phủ nhận. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, mọi ý niệm về kiếp sống tương lai, sự liên tục giữa cuộc đời này và cuộc đời khác đều là mê tín dị đoan. Vì vậy nên chủ nghĩa Cộng Sản đã nêu ra khẩu hiệu như "Tôn giáo là thuốc phiện đầu độc dân chúng" Marx chủ trương không có kết quả của ý nghĩ hoặc hành động;

không có kiếp sau, con người không phải là 1 tổng thể suy nghĩ và tự quyết định. Theo Marx con người có ra không khác gì là kết quả của mọi nguyên nhân vật chất và chết đi trở thành cát bụi như những vật chất khác. Tôn giáo, dù được phát minh ra, mục đích để thoa dịu hạng người cùng khổ, để họ chấp nhận số phận hẩm hiu của mình bằng cách đưa ra một lý thuyết cốt mang lại cho họ một hy vọng tốt đẹp hơn ở đời tương lai, sau khi đã xuống lỗ. Nếu chúng ta nghiên cứu lịch sử Tôn giáo từ thời Thượng cổ đến bây giờ qua mọi hình thức mọi biến thái, mọi giai đoạn, chúng ta nhận thấy quan niệm nêu trên không khoa học một tí nào cả. Nhưng lý thuyết do Cộng Sản chủ trương này, không cần được nghiên cứu 1 cách khoa học vì nó đã trở thành 1 Giáo điều chính trị, không khác gì học thuyết cho dân tộc Đức là hơn hết của đảng Nazi.

Chủ nghĩa duy vật vì vậy chủ trương đến kiếp sống hiện tại của con người, những lo âu nghĩ ước muốn, hy vọng của họ không thể nào vượt xa hơn kiếp sống vật chất ngắn ngủi hiện tại. Tất cả hệ thống tư tưởng, hay tôn giáo nào chủ trương hay cho giá trị đạo đức là quan trọng, hoặc hạnh phúc tinh thần của con người là cần thiết, theo Marx, đều sai lầm cả. Học thuyết "đoản kiến" này (Ucheda-Vada) là một trong những hệ thống triết học thời Phật tại thế, chính Đức Phật đã bác bỏ hoàn toàn lý thuyết trên trong kinh Brahmajala. Thật ra, chủ nghĩa duy vật biện chứng không có gì mới lạ cả mà chỉ là một thoái hóa của tư tưởng nhân loại. Điều này mọi người phải nhận định rõ ràng khi lựa chọn giữa hai nếp sống Phật giáo và Mác Xít.

Còn một điểm nữa tôi cần thêm ở đây. Trong khi xuất bản những loạt bài này một độc giả viết thư cho tôi, trách tôi đã xuyên tạc thái độ của Cộng Sản đối với Tôn giáo. Độc giả ấy viết rằng tại nước Nga không có thành kiến chống lại Tôn giáo và không có tài liệu Cộng Sản nào tuyên truyền chống lại Tôn giáo. Độc giả ấy còn trách tôi căn cứ vào lịch sử cũ để chỉ trích những lời của Marx và Lenine. Tôi muốn nhân cơ hội này trả lời những phê bình kia và giải thích cho những vị cùng một quan điểm của độc giả trên.

"Mọi vật đều vô thường biến chuyển" vì vậy nên chủ thuyết Cộng Sản cũng không thể đứng ngoài luật lệ ấy được. Tuy nhiên, chủ thuyết này không thay đổi, ít nhất trên khía cạnh này. Những lời trích yếu sau đây chứng minh điểm trên.

Trước nhất là bài thuyết trình "khoa học và tôn giáo của ông D.I. Sidorof ở trong báo Komshmol'skaya Pravda", cơ quan thanh niên Sô Viết ngày 3.4.1952.

"Một trong những di sản tai hại còn sống sót đó là Tôn giáo. Tôn giáo chủ trương trật tự Xã hội tư bản, un đúc vào đầu óc của tín đồ quan niệm số mạng, định mệnh, tiêu cực, duy trì cơ sở mê tín dị đoan về phát triển Xã hội và thiên nhiên". Sau nhiều đoạn tương tự, bản thuyết trình tiếp tục "Quan niệm tôn giáo về xã hội phản lại quan niệm Cộng Sản. Thiên Chúa Giáo cho hoàng tử, vua Czars là do mệnh Trời. Phật giáo chia dân chúng thành 4 giai cấp: từ giai cấp pariahs (thấp hèn nhất) đến giai cấp brahmins (cao quý nhất). Đạo Do Thái chủ trương nô lệ và áp chế".

Diễn giả trên thật ra không hiểu Phật giáo khi nói Phật giáo chia dân chúng làm 4 giai cấp, và do đó phản lại tuyên truyền Cộng Sản đối với dân chúng Á Đông nói rằng, Cộng Sản phân biệt sự sai khác giữa tôn giáo Đông phương và Tây phương. Phật giáo Á Đông phải cần thân để đừng bị đánh lừa bằng những lời tuyên truyền xảo trá. Chủ nghĩa Cộng Sản đối với Phật giáo cũng như những tôn giáo khác giống hệt như nhau, nghĩa là đều chống lại tôn giáo cả.

"Tôn giáo", nhà Cộng Sản trên tiếp tục, "vấn là một lý thuyết phản động rất tai hại vì đã huấn luyện, nhồi sọ thái độ khinh khi đối với những gì trên thế gian này, do đó đã làm cho người ta xao nhãng bốn phần xây dựng chủ nghĩa Cộng Sản. Do đó chúng ta cần phải tranh đấu nhiều trong chiến tranh lý tưởng này. Chúng ta chỉ thắng được những mê tín dị đoan tôn giáo bằng sự tranh đấu khoa học, bằng quan niệm khoa học duy vật biện chứng. Sự tuyên truyền đó phải hăng mạnh, phải dùng mọi phương tiện đập tan mê tín dị đoan".

Căn cứ vào những điểm dẫn chứng trên, chúng ta nhận thấy rằng, Cộng Sản không cần nghiên cứu đến Phật Giáo để phải làm lẫn giữa Phật Giáo và Ấn Độ giáo, không hiểu rõ giáo lý nhà Phật để cho rằng giáo lý ấy là mê tín dị đoan, kỳ thật giáo lý nhà Phật còn tiến bộ hơn chủ nghĩa duy vật biện chứng của Karl Marx nhiều.

Giáo sư Stepanyan trong buổi nói chuyện ở Đài phát thanh Mạc Tư Khoa ngày 6.6.1952 cho rằng tin tưởng Tôn giáo đang bị quan điểm của duy vật biện chứng hàng phục, và thi hành chương trình "Cải tạo thiên nhiên" là điều hết sức quan trọng.

Buổi phát thanh khác nhan đề :

"Mục tiêu chúng ta là chủ nghĩa Cộng Sản " Đài phát thanh Mạc Tư Khoa ngày 12.6. 1952 nói rằng đảng Cộng Sản phát huy chiến dịch bài trừ tôn giáo vì tôn giáo "đi ngược lại

quan điểm khoa học thực nghiệm", vì tín ngưỡng và thực hành tôn giáo không đi đôi với danh nghĩa của một đảng viên Cộng Sản .

Tại Prague, thủ đô nước Tiệp Khắc, trong buổi khai mạc hội khoa học chính trị ngày 21-22, tháng 6 khi ông M.Kopecky, Tổng trưởng tuyên truyền, cắt nghĩa mục đích của Xã hội mới là kiến tạo một dụng cụ hùng mạnh nung đúc tinh thần chủ nghĩa Cộng Sản và ông ta nhấn mạnh đến khía cạnh bài trừ tôn giáo cho đó là vấn đề tối quan trọng.

Chúng tôi hy vọng những lời dẫn chứng trên đủ chứng minh công việc làm của chúng tôi không có tính cách xuyên tạc thái độ của Cộng Sản đối với Phật Giáo. Chúng ta đôi khi quá khờ khạo vội vàng chấp nhận lối tuyên truyền xảo trá của Cộng Sản phù hợp với địa phương và hoàn cảnh. Cần bản nhận xét đúng đắn là để cho Cộng Sản tự cắt nghĩa. Chúng tôi muốn đương đầu với họ theo sự cắt nghĩa của họ, trên nền tảng khoa học và sẽ thách thức họ với những công kích quá hàm hồ đối với tư tưởng tôn giáo. Đó là mục tiêu của tập sách này.

Chúng tôi xin cảm ơn Ông S.CHAKRAVARTY đã bỏ thì giờ duyệt lại bản thảo.

(còn tiếp)

FRANCIS-STORY
Rangoon, tháng 9-1952

Thơ

Xuất gia



*Người về chỉ thấy cỏ hoa,
Vườn xưa hiu quạnh, buồng nhà vắng không!*

*Dù ta tìm sắt gan đồng
Cứng mềm theo giọt lệ nóng xót xa...
Sanh chi trong cõi Ta bà
Cho người khổ lụy, cho ta náo nùng!
Kiếp nào hứa hẹn thủy chung
Kiếp này vướng mắc vào vòng nhân duyên?
Người ơi, xin bớt ưu phiền
Cho ta cứng nhẹ đôi niềm ăn năn.*

*Người đi nương ánh đạo vàng
Người về chiếc bóng trần gian một mình!*

*Bao giờ thành đạo quang vinh
Ta nguyện trở lại vô minh độ người.*

■ THỊ NGUYỄN (München)

thơ



Hồn Xuân

Muôn lá non xanh tắm nắng vàng
Hát lên hơi thở' tiếng XUÂN vang
Múa reo NHÂN ÁI mừng Xuân đến
Đầy đó hương hoa tỏa lan tràn...

Lung núi đóm xanh phản ảnh trời
Khoác màu VÔ THUY khắp nơi nơi...
Tĩnh an tràn ngập hồn cô lệ
Vang tiếng tử bi phủ muôn loài

Trăng sáng phải TRĂNG chôn GIAO TRÌ ?
Chiều hoài muôn lối ĐÀO TRINH đi ...
Bước trong nhân thế, hồn cô quanh
Cưỡi giữa ĐÊM ĐEN vắng Sao Vĩ

Ôi, NANG ban Mai chiều ngập tràn
Đâu còn đau đớn chôn u hoang
Nói lên CHÂN LÝ Vững màu nhiệm
Đó, lẽ TỐI CAO - Ánh Đạo Vàng

Sanh chúng hằng sa, nguyện lạc an
Ưu phiền vô tận, ĐOẠN TRÚ' tan
Pháp Môn vô số, Nguyễn minh giải
TÔI THƯỜNG PHẬT TÔN, Nguyễn Giác Hoàn !

Âm hưởng lan xa ... tận LIÊN TRÌ
THUYỀN nan chớ PHÁP, sông cuông si !
Như như lãng lướt, kìa CHÂN GIÁC
Bản Thể' hòa tan ... Bất Tử Nghì ... !

■ HUỖNH THẠCH SƠN (LA ROCHE D'OR)
Cổ Ni Cồ Thích Nữ GIÁC-HẠNH

Lên Chùa

Lên chùa nghe tiếng mõ cầu kinh
Hồn nhe lảng lảng thoát bóng hình
Hương khói trầm xông quên tục lụy
Ưu đàm khói sáng gọi tâm linh
Phát tâm cầu nguyện lòng thanh thoát
Sám hối điều sai trí giác minh
Tiến đức tu hành mong thiện quả
Chuông ngân trí tuệ mãi tăng sinh.

■ C.S. NGUYỄN KẾ

Xuân đất khách

Quê người Xuân đã trở về,
Đón Xuân lòng vẫn náo nức chưa vui.
Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
Trà dứa lên miệng nhớ mùi quê hương.

Nhớ xanh mùi lá bánh chưng,
Nhớ cay gừng mít, nhớ chua dứa hành.
Nhớ tuổi xác pháo sân đình,
Quê hương xa vắng, hỏi mình nhớ ai?

Nơi đây, hớp mắt cười vui,
Mừng rằng năm mới gặp người đồng hương.
Gần xa qui tụ bốn phương,
Đồng chung cảnh ngộ, tình thương càng nồng.

Trắng tay sự nghiệp phải xong,
Chỉ còn là những long đong, phủ phàng.
Ngồi đây chờ đón Xuân sang,
Nhìn nhau, nghe giọng lại càng nhớ quê.

Quên đi cho hết nỗi nể,
Gột đi cho hết ê chề tháng năm.
Ngày dài, nhớ núi, mong sông,
Vài câu tâm sự nói lòng cho khuây.

Chờ cho sóng gió qua ngày,
Quê ta, ta lại nắm tay ta về.
Mắt nhìn cảnh cũ há hề,
Tĩnh say ngày tháng, để huê gió trăng.

Xuân ẤT SỬU (85)
■ THANH-NGUYỄN

Tu tại gia

Tu "nhân" trần gian hưởng điện đào
Tu "trì nghiêm giới" triết minh cao
Tu vui "tĩnh trí" khi chiều tối
Tu đón "đạo quang" lúc sớm chào
Tu đức "khoan dung" vun hạnh phúc
Tu nhân "bác ái" nhuộm thanh tao
Tu tâm "quán tưởng" hồn trong sạch
Tu tuệ "tử duy" thức đạt dào.

Chiều vàng vui cảnh huyền linh
Thường đời chinh chiến thường tình trở trêu
Xa xa nắng lọt mây chiều
Thoát vòng danh lợi phiêu phiêu ý tình
Lắng nghe tiếng gọi vô hình
Kiếp tu cố gắng luyện mình chu viên
Giữ sao ý đẹp lời hiền
Tưởng hoa sen nở "Lạc viên" tuổi màu
Trắng in bóng tỏa bên lầu
Cuộc đời giấc mộng đêm thâu canh dài.

Tây Đức 12-1984
■ Tôn nữ CHUNG-ANH

Allgemeine Buddhalehre

Text von Hohehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển



KAPITEL V

DIE FÜNF SITTENREGELN (PAÑCASTLA)

A. Zur Einführung

Auf die "Zufluchts"-formel folgt dann das feierliche Ablegen der für alle Laienanhänger der Buddhalehre verbindlichen fünf Gelübde oder Sittenregeln (pañcasīla). Sittenregeln (prātimoksa) bezeichnet die grundlegende moralische Gesetze eines von Buddha gewiesener Befreiungsweg Beschreitender.

B. Themen

- I. Bedeutungen von den Fünf Sittenregeln.
- II. Bestandteile der Fünf Sittenregeln.
 - 1) Abstehen vom Töten (Pānatipāta)
 - 2) Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)
 - 3) Abstehen von unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnenlüste (kāmisumichācāra)
 - 4) Abstehen vom Lügen. (Musāvāda)
 - 5) Abstehen vom Rauschmitteln. (Sura-meraya-majja pamādashāra)

C. Schluß-folgerung

Buddha-Schüler, die die Sittenregeln nicht erfüllen, seien nicht mehr Buddhisten.

Nicht-Buddhisten mögen diese Sittenregeln auch ins Herz nehmen.

II. BESTANDTEILE DER FÜNF SITTENREGELN

1. Abstehen vom Töten (Pānatipāta)
2. Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)
3. Abstehen vom unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnesgelüste (kāmisumicchācāra)
4. Abstehen vom Lügen (Musāvāda)
5. Abstehen vom Rauschmitteln (Sura-meraya-majja pamādhāra)

Unter Abstehen von Rauschmitteln versteht man das Vermeiden vom Genuß berauschender Getränke, Drogen. Diese sind doch Gift, deshalb soll man sie nicht nehmen.

Nicht nur davon abstehe, sondern auch anderen Menschen das Nehmen von Rauschmitteln nicht zwingen oder anbieten.

Es gibt aber auch Ausnahmen, wobei man auf das Nehmen von Rauschmitteln nicht verzichten kann, z.B. bei Krankheit, bei der man berauschende Getränke, oder Drogen nehmen muß, zur Linderung der Schmerzen sich aber unter ärztliche Betreuung begeben muß. Nach der Heilung soll man die Einnahme von Drogen.

Buddha hat das Abstehen von Rauschmitteln aus folgenden Gründen verboten.

a) Aufrechterhaltung dem Keim der Weisheit

Rauschmitteln sind tatsächlich gefährlicher als Gift. Wir sterben an einem Becher Gift, wobei unser Dasein nicht mehr existiert; das Nehmen von Rauschmitteln zerstört langsam unseren Weisheitskeim, Verständniss, und wir werden stets dem Kreislauf von Geburt und Tod in unzählbaren Kapas unterworfen.

b) Vorbeugung vor allen Ursachen zur Entstehung unheilbarer Handlungen

Berauschende Getränke sind selbst nicht sündig wie Töten, Nehmen des Nichtgegebenen, Unkeuschheit, können aber andere unheilbare Sitten verursachen. Man wird davon benommen, wobei einem nicht klar ist, was heilsam und unheilsam ist.

Hierbei wird eine Erzählung vorgetragen, sodaß diese Ansicht bestätigt wird.

Während der Feldarbeit hat ein junger Bauer einen riesigen bösen Geist gesehen, der aus dem Nichts, vor ihm stehend erschien, und dieser Geist wollte ihn umbringen. Vor Angst hat der Bauer um sein Leben gebeten.

Der böse Geist sagte :

- Wenn du eine der 3 folgender Dinge verwirklichen kannst, dann wirst du dein Leben behalten : entweder bringst du deinen Vater um, oder du schlägst deine Mutter, oder du trinkst einen Literen Weinbrand aus, die Flasche steht doch auf dem Tisch in dem Wohnzimmer deines Vatershauses. Nach einer kurzen Bedenkzeit hat der Bauer dem bösen Geist erwidert.

- Bitte, laß mich doch diesen Liter Weinbrand austrinken. Der böse Geister war zufrieden über die Wahl des jungen Bauers, dann war er verschwunden.

In der Mittagspause kehrte der Bauer heim, sah die Flasche Weinbrand auf dem Tisch im Wohnzimmer, welche sein Vater gekauft hat, um dessen Gäste anzubieten, zum Anlaß einer Familiensfeier. Er rannte schnell zum Tisch, schnappte die Flasche und nahm einen langen Zug bis die Flasche leer getrunken war.

Sein Vater konnte diesen unerzogenen Sohn nicht ertragen. Warum hat er

die teuer gekaufte Flasche Weinbrand für seine Familiensgäste ausgesoffen. Der Alte war sehr wütend und schimpfte bitterlich, dann holte er einen Stock aus der Ecke, ging auf seinen Sohn zu und schlug gedankenlos auf ihn ein, um seiner Äger abzuschütteln. Im benommenen Zustand konnte der junge Bauer nicht mehr klar denken, was Recht und Unrecht, Moral und Unmoral ist, hat er den Stock aus der Hand seines Vaters weggenommen und ihn zurückgeschlagen. Durch einen kräftigen Schlag wurde der Vater getötet. Währenddessen wurde er von seiner Mutter weinend festgehalten. Noch nicht zufrieden hat der Junge seine Mutter auch noch geschlagen. Die Nachbar kamen zur Hilfe, und haben ihn festgenommen. Er wurde verhaftet, dann ins Gefängnis geschickt wegen Tötung an seinem Vater und körperlicher Verletzung an seiner Mutter. In der Gefängnis-Zelle wurde er wach und erkannte, daß das Nehmen von berauschenden Getränken die gewichtigste Sünde, als die anderen beiden, ist, welche der böse Geist ihm gestellt hatte".

Zusammenfassend kann man sagen, daß berauschende Getränke sowie allgemein gesagt berauschende Mittel Unheilsame Übel verursachen. Hierunter sind 10 Unglücklichen, welche durch das Nehmen von berauschenden Mitteln entstehen würden :

1. Meist Verlieren des eigenen Vermögens
2. Der Betroffene ist krankheitsanfällig
3. Wachsende Gier des Tötens
4. Streitsucht
5. Verminderung des intellektuellen Verstandes
6. Reduzierung der verdienenden Tugend-Eigenschaften
7. Ohne Erfolg in beruflicher Laufbahn
8. Kein langes Wohlleben
9. Körperliches und seelisches Leiden
10. Verfallen nach dem Tod in die Hölle

Das Nutzen vom Abstehen von Rauschmitteln

a) Aus individueller Hinsicht

Jener, der sich das Nehmen von berauschenden Mitteln abgewöhnen kann, wird in den obenbeschriebenen Unglücklichen nicht verfallen, sondern die 10 Heilsamen und Glücklichen gewinnen, welche im gegensatz zu den 10 Unglücklichen sind.

b) Aus der gemeinschaftlichen Hinsicht

Das Abstehen von Rauschmitteln bringt uns eine glückliche Familie, gesunde Kinder, Eintracht in der Gemeinschaft, ...

c) Schlußfolgerung

1. Ein buddhistischer Laie, der die 5 Sittenregeln nicht ernsthaft ausübt, ist kein Buddhist. Wir haben ja den positiven, vorteilhaften Gebrauch von diesen fünf Sittenregeln, aus der individuellen- und gemeinschaftlichen Hinsicht, wahrgenommen. Wenn die Zuflucht zum Drei-Juwelen (Buddha, Dharma, Sanga) als das grundlegende Fundament zum Erreichen des Heiligen-Stand eines Buddhist bezeichnet wird, seien die Fünf Sittlichkeitsregeln als dessen Stufen. In der Anfangsphase wäre es sehr bemerkenswert, wenn ein Buddhist alle fünf Sittlichkeitsregeln praktiziert. Wegen individuelle Umstände kann der Praktiker auch nur einen Teil davon ausüben, welchen er wirklich ausüben kann.

Wenn ein Buddhist keine von diesen Fünf Sittlichkeitsregeln praktizieren könnte, wie würde er als Buddhist genannt? Ein Nicht-Buddhist kann zwar tugendhaft leben, wie Nichtnehmen das Nichtgegebenen, ohne lügen, Nichtnehmen vom Rauschmitteln; deshalb können wir uns als Buddhist bezeichnen, wenn wir diese nicht tun!

Lesen Sie bitte weiter auf Seite 35

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil Von Indien nach Südvietnam

1. Von Indien nach Südvietnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

Dritter Teil

17. IN VIETCONG HAFT

Weil mein linker Fuss immer noch schmerzte und auch das Bein noch geschwollen war, entschloss ich mich, nach Saigon zum Krankenhaus Grall zu fahren, um mich dort von französischen Ärzten behandeln zu lassen. Ob der Vietcongsicherheitsdienst mir die Erlaubnis, nach Saigon zu fahren, geben würde? Ich hatte böse Vorahnungen; wagte es dennoch per Fahrrad in die Stadt und zum Polizeigebäude zu fahren. Als ich meinen Wunsch vorzutrug, nach Saigon zu fahren, wurde man fast zornig, und man verhaftete mich auf der Stelle, ohne mich aber sofort zu verhören. Man verfrachtete mich in einen Jeep, mehrere schwer bewaffnete Vietcongs sprangen auf, und wir rasten zum Vihàra zurück. Dort mußte ich die Schlüssel abgeben, man öffnete selbst die Gartentür und die Türen des Vihàra. Die Vietcongs nahmen nicht ihre Sandalen oder ihre Tropenhüte ab, erstes Zeichen ihrer Respektlosigkeit. Ein Vietcong ging in die Buddhahalle und untersuchte sofort den Opferstock - welcher zu seiner grossen Enttäuschung nur Spinnweben enthielt.

Andere Übereifrige Vietcongs durchwühlten meine Schreibtische, Schränke, und Regale. Man nahm meine Briefmarkensammlung und Manuskripte über Buddhismus und andere Themen in Beschlag. Ein bleicher, froschäugiger Unteroffizier fragte nach meinen Waffen als ob es gang und gäbe sei, daß buddhistische Mönche oder Ausländer Inhaber von Waffen seien. Er schaute auch unter die Tische und in allen Ecken, Waffen aber gab es keine. Dann fragte der Kerl nach Geld. Ich nahm meine Brieftasche hervor; er fand fünfzigtausend Piaster, 275 DM, 15 amerikanische Dollars, zehn schwedische Kronen und 50 portugiesische Eskudos, alles in allem kein Vermögen, aber sichtlich erfreut steckte er das Geld ein. Ein Zivilist war auch mit den Vietcongs, später erfuhr ich, daß er der Gefängnisdirektor war. Als die Vietcongs genug herumgestöbert hatten, verschlossen sie das Vihàra wieder, zuvor gab mir der Zivilist meinen auf dem Tisch liegenden buddhistischen Rosenkranz und sagte: "Diesen dürfen Sie mitnehmen!". Ich dachte: trotz aller Schlechtigkeit gibt es noch etwas Gutes in dem Vietcong.

.....

Ich wurde ohne Handschellen zurück zum Jeep geführt. Einige auf den Bergabhängen arbeitende Bauern hatten meine Verhaftung gesehen, dies war gut, denn nun würde wohl ganz Vung Tau rasch wissen, daß ich im Kerker der Kommunisten sei. Schon vor der Fahrt zum Vihàra hatte der Zivilist mir ein blaues amerikanisches Hemd gegeben und mich aufgefordert, mein gelbes Gewand auszuziehen und dieses blaue Hemd anzuziehen. Ich verstand, man wollte verhüten, daß Vorbeigehende sahen, daß man einen Mönch verhaftet hatte. Auf dem Wege zum Vihàra hatte ich auch einen mir gut bekannten vietnamesischen Theravàdamönch gesehen, der seinen Almosengang ging. Als unser Jeep in seine Nähe kam, sah er auf, doch ich bin nicht sicher, daß er mich erblickte. Ich freute mich, noch einmal diesen Mönch getroffen zu haben, war es vielleicht wie ein Omen?

In einem Büro der Polizeistation, an dessen Aussenwand mein Fahrrad stand, erlaubte man mir, mich zu setzen. Der froschäugige und bleichgesichtige Vietcongpolicist stellte nun eine Liste aller beschlagnahmten Sachen auf und wollte, daß ich unterschriebe, ich verweigerte dies, zumal er mir gar keine Zeit lassen wollte, das vietnamesische Schriftstück durchzulesen. Dann erlaubte er mir das Lesen, aber ich war nicht fähig, seine Bemerkungen zu lesen, darum blieb ich bei meiner Weigerung. Darob schaute er mich böse an, doch als er sah, daß ich keine Furcht zeigte, grinste er irritiert und schob das Papier auf die Seite. Danach wurde ich wieder zum Jeep geführt und zum Schei durch die Gegend gefahren, damit ich nicht wissen sollte, wo ich eingesperrt wurde, aber ich wusste schon, daß das Gefängnis nur ein paar Schritte von Polizeigebäude entfernt, also gleich nebenan lag. Das Gefängnis, welches vielleicht einst von Franzosen gebaut wurde, lag unter Tamarinden und war von Aussen kaum zu sehen, denn es bestand nur aus mehreren Steinbaracken ohne Etagen. Hohe Mauern und Stacheldraht umsäumten das Gelände. Ich wurde an mehreren Baracken mit Eisen- oder Stahlgitter vorbeigeführt, Gefangene konnte ich aber keine sehen. Man öffnete eine Zelle, über der ich P 2 las, das sollte wohl Phong 2 (Zimmer 2) bedeuten. Die Tür bestand aus doppeltem Wellblech und hatte zwei Eisenquerriegel, welche durch zwei Handschellen geschlossen waren. Das Fenster war vergittert und im Innern mit einer doppelten Holzlade geschlossen. In der geräumigen Zelle sah ich zwei Reihen Holzbretter auf drei Balken ruhen, etwa nur zehn Zentimeter vom Zementboden ab. Die Bretter waren fast roh und ungehobelt. Am Fussende beider Reihen gab es je eine

lange Eisenstange, welche durch in den Zementboden eingetriebene Holzpfähle lief. Rechts der Zelle lag ein Gefangener an Händen mit Handschellen und an den Füßen mit Eisenfesseln an die Eisenstange befestigt. Ich musste mich neben ihn legen, und man zog die Eisenstange aus der hinteren Öse, damit man auch mich mit den Füßen an diese Stange fesseln könne. Mein linker Fuß war so dick geschwollen, daß die Fessel nicht passte. Zuerst wurde der bisher "freundliche" Direktor böse und drohte mir mit Schlägen, doch der Vietcongwartet sagte ihm, daß die Fessel nicht passe, darob resignierte der Direktor, befahl aber, mich am rechten Fuß und an den Händen zu fesseln, gesagt, getan. Nun lag ich da, ein Gefangener der Vietcong! Ich klagte nicht, ich fürchtete nicht, sondern war mächtig neugierig, was nun alles passieren würde. Ein neuer Lebensabschnitt hatte begonnen, und die Frage war nur die, ob dies der endgültig letzte war. Ich konnte es einfach nicht glauben, daß nun das Ende gekommen sei, daß das Böse doch noch über mich siegen würde. Ja, ich war freiwillig in diesem Lande geblieben, obwohl ich wie viele Hunderttausende hätte fliehen können. Ich wollte selbst sehen und wenn nötig auch am eigenen Leib erfahren, wie Menschen unter einer kommunistischen Diktatur behandelt werden, und darum war ich bereit, alle Gefahren auf mich zu nehmen.



Ich sah, daß es ein vergittertes Oberfenster gab, durch welches frische Luft, aber auch Regen hindurch konnte. Es war kühl in der Zelle, ich fror und hatte wegen dem geschwollenen Fuß Fieber. Es gab einen Deckenventilator, aber er war zum Glück abgestellt. Mein Soci malorum (mein Leidenskamerad) war ein Philippino und sprach fließend Englisch. Ich hörte, daß er nur drei Tage vor mir verhaftet worden war, hier in Vung Tau, wo er und seine vietnamesische Frau eine Villa hatten. Der Philippino Marcel Riggolo war sein Name, war in Saigon als Nachtclubmusiker angestellt gewesen

und fuhr an seinen freien Tagen zu seiner Familie in Vung Tau. Mehrere Male hatte die Sicherheitspolizei ihm die Reiseerlaubnis gegeben, doch vor drei Tagen wurden er und seine Frau abends spät verhaftet und ohne Anschuldigung in diesen Kerker geworfen; seine Frau war in einer anderen Zelle mit vielen weiblichen Gefangenen zusammen. Scheinbar war er verdächtigt CIA-Agent zu sein; der Philippino lachte und sagte, daß man auch mich als CIA-Agent verhaftet habe. Davon wusste ich nichts, denn bisher hatte man mich überhaupt nicht beschuldigt, sondern ganz einfach eingesperrt. Herr Rigolo war Katholik, ebenso seine Frau; überhaupt sollten die meisten Gefangenen Katholiken sein, denn der Vietcong hatte ganz besonders Antipathie gegen Katholiken, obwohl es auch einige sogenannte Katholiken unter den Vietcongs gab. Der Chef der Wache war z.B. ein Katholik, und wie ich bald sehen sollte, bevorzugte er Katholiken. Ich bekam heute kein Mittagessen, sondern musste bis fünf Uhr nachmittags warten; dann wurde die Tür geöffnet und wir erhielten eine Schale ziemlich trockenen Reis mit gekochtem Schlinggewächs, wie es üppig auf den Hügeln um Vung Tau wuchs; ich wusste nicht, daß man dieses Gewächs essen konnte. Der Philippino meinte, daß dies das billigste Gemüse und auch sehr ungesund sei, denn alle, welche es täglich essen, bekommen Durchfall. Während des Essens wurden uns die Handschellen abgenommen und nachher wieder angelegt. Zum Trinken bekamen wir nur Zisternen- oder Regenwasser. Es regnete, wir waren in der Monsunzeit, welche von Juni bis November dauert, wenigstens in dieser Gegend. Das Dach war beschädigt, wahrscheinlich durch Granatsplitter, es wurde nicht repariert, welches verursachte, daß ein steter Regennuss genau neben meinem Schlafplatz auf den Zementboden und teilweise auch noch auf die Holzpritsche fiel; darum schob ich mich etwas ab, denn vorläufig waren wir nur zwei Gefangene in der Zelle.

Fast eine Woche lang blieben wir in Handschellen und Fussfesseln, oder besser gesagt, ich wurde danach von ihnen befreit und dies kam so: nachdem ich etwa zwei oder drei Tage im Kerker gewesen war, wurde ich plötzlich zum Verhör gerufen. In Handschellen musste ich mit einer Wache hinter mir gehend zum kleinen Verhörraum neben unserem Gebäude gehen. Der Verhörerleiter war noch nicht dort, ich durfte mich an ein kleines Tischchen mit Decke setzen und warten. Bald kam ein junger Mann, recht gut aussehend; er war etwa 25-30 Jahre alt und

trug Zivilanzug, aus einer langen Hose und blumigen Hemd bestehend, er hätte besser nach Hawaii gepasst, als an diesen trostlosen Ort. Der Verhörer trug nicht die typischen schwarzen Vietcong Gummisandalen sondern blitzblank geputzte schwarze Schuhe. Er setzte ein freundliches Lächeln auf und lud mich wieder zum Sitzen ein. Die Wache nahm meine Handschellen ab und setzte sich selbst ein paar Meter von uns auf einen Metallklappstuhl, mit dem Maschinengewehr auf den Knien. Der Verhörer begann mir zu sagen, daß wir in Englisch sprechen könnten, und es zeigte sich recht bald, daß er diese Sprache d.h. die amerikanische Version davon, fließend sprach.

Er merkte meine Verwunderung darüber und erklärte, er habe in Saigon Englisch gelernt und schmunzelte dabei. Ich vermutete, daß er Englisch bei der American-Vietnamese Association gelernt hatte und vielleicht auch in einer amerikanischen Agentur arbeitete und dort für die Vietcong spionierte, er gab dies etwas verblümt zu. Eifrig machte er während dem Verhör Anzeichnungen in einem Schreibblock; das Verhör ging etwa auf diese Weise:

Frage: "Wie heißen Sie?"

Antw.: "Rudolf Petri Alias Thuong Toa Anuruddha".

Fr.: "Nationalität?"

Antw.: "deutsch".

Fr.: "west oder ost?"

Antw.: "West".

Ich beantwortete viele der üblichen Fragen mehr, alle hatte man bereits im Büro des Polizeipräsidiums aufgenommen.

Dann fragte der Verhörer: "Wissen Sie, warum Sie verhaftet wurden?"

Wahrheitsgemäß antwortete ich mit nein, dann sagte er: "Sie sind nicht ordnungsgemäß in Vung Tau gemeldet".

Ich protestierte und sagte, daß ich seit etwa sechs Jahren in Vung Tau angemeldet sei, wie mein Braumbuch bewiese.

Der Vietnameser lächelte etwas nervös und meinte, daß dies jetzt nicht mehr gültig sei, denn alle Ausländer hätten sich erneut anzumelden, sonst würden sie bestraft.

Ich sagte: "Radio Hanoi hat nur alle Ausländer, welche in Saigon, Cholon und GiaDinh aufgefordert, sich bei der neuen Verwaltung zu melden, von weiteren Orten war keine Rede".

Auf diese Klarstellung antwortete er nicht, sondern vergrub sich in die Papiere: Plötzlich sagte er: "Sie sind Amerikaner und kein Deutscher, ich kann das hören".

Ich grinste und sagte, daß ich überhaupt kein Amerikanisch-Englisch spreche und

außerdem nie in Amerika gewesen sei. Hierauf sagte er: "Sie sind absichtlich geblieben, sie wollten spionieren!"

Trotz der garnicht rosigen Situation, konnte ich mir ein erneutes Lächeln nicht verkneifen und ich antwortete:

"Ich glaube nicht, daß die Amerikaner noch etwas in Südvietnam zu spionieren haben, denn sie wissen bereits alles, sie waren ja lange genug in diesem Lande".

Irritiert zuckte er mit den Schultern. Vielleicht war ich sein erster Fall als Verhörer, denn er machte den Eindruck, noch ein Anfänger zu sein, welcher dumme Fragen stellt.

Wir unterhielten uns eine Stunde, dann war Mittag. Beim Abschied sagte er plötzlich:

"Alles ist ein Irrtum, ich werde mit meinem Chef sprechen, um Sie frei zu lassen, vielleicht schon morgen". Freundlich schüttelte er mir die Hand und ich konnte wieder in meine Zelle zurückkehren. War er wahr, was ich da so eben gehört hatte, sollte ich wirklich so schnell wieder freikommen, was es nicht Bluff?

(Fortsetzung folgt)

*Ein wichtiger Hinweis für alle Leser.
Die V. BEUST & KREUZNER REISEBÜRO GMBH empfiehlt sich für alle Reisearrangements, so auch nach Fernost, speziell für in Deutschland lebende Vietnamesen. Eine Beratung erfolgt unmittelbar durch unsere erfahrene Mitarbeiterin*

Frau MY ANH HANISCH

Sie ist selbst Vietnamesin und kann somit in ihrer Muttersprache ebenfalls zu allen Anfragen Stellung nehmen. Zögern Sie nicht, Ihre künftigen Reisearrangements ausschließlich über unser Büro abzuwickeln.

Sie erreichen uns täglich:

*Montags - Freitags 9.00 - 18.00 Uhr
Samstags 10.00 - 13.00 Uhr*

(Logo v&K mit Anschrift und Telefonnr.)

v. Beust & Kreuzner
Reisebüro 0221 *...persönlich im Service!*
Am Hof 23 · 5000 Köln 1 ☎ 219656-58

Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Văn - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



Nach dem Tod des Königspaares Bimbisaras und Vaidehi fühlte sich Ajatasattu in seiner Macht sicher. Eines Tages sah er im Traum seinen Vater, der zu ihm sagte:

- "Ajatasattu, glaube nicht, daß ich dich hasse, das tue ich nicht. Immerhin bist du immer noch mein Sohn. Ich bin jetzt ein Buddhas Jünger und verzeihe dir. Ich wünsche dir ein hundert Jahre langes Leben, bereue dich und folg dem rechten Weg".

Als der König erwachte, bekannte er alle seine Sünde und bereute sich tief. Er hatte ein schlechtes Gewissen und war sehr unglücklich darüber, seinen Vater getötet zu haben.



Wer säht, der erntet. Das jüngste Karma von der Ermordung des Vaters und der Verhaftung der Mutter ergab sich zu einer unheilbaren Erkrankung des Königs Ajatasattu. Sein ganzer Körper war voll von Geschwüren bedeckt, die Schmerzen verursachten. Obwohl seine treulosen Hofbeamten schmeichelten: - "Die Krankheit hat keinerlei Verbindung mit Vatersmord zu tun, die Ursache liegt eher in ungünstigen Wetterbedingungen", konnte Ajatasattu keine Ruhe finden. Er hatte immer ein unerklärbar ängstiges Gefühl.



Eins litt der König Ajatasattu unter einer unheilbaren Krankheit. Traurig sagte ihm sein Leibarzt:

- Eure Majestät, Ihr seid nicht nur körperlich, sondern auch seelisch in einer sehr schlechten Verfassung. Ich habe alles, was in meiner Macht steht, getan, um Euch zu helfen. Aber jetzt weiß ich nur noch einen Weg, der Euch mit Sicherheit zum Heil führt.

- Welchen Weg meinst du jetzt? sag's mir.

- Eure Majestät, der erhabene Buddha ist der einzige, der Euch helfen kann.

Anders als sonst, wo der König in Wut und Zorn geraten war, verhielt er sich ganz friedlich und sanft, als er den Namen des Buddha erwähnen hörte. Er fragte:

- Ob der Buddha mir mein Mordkomplott mit Devadatta verzeihen kann?.
- Gewiß, Eure Majestät, darüber braucht ihr keine Sorgen zu machen. Denn die Liebe des Buddha ist grenzenlos, das weiß jeder.

Darauf entschloß sich der König einen Besuch in der Absicht eines Entschuldigungsersuchens und Wiedergutmachung abzustatten.



Nun ließ der König Elefanten und voll von Opfertagen geladenen Wagen holen und machte sich auf dem Weg zu dem Heiligen. Unterwegs bereute er sich tief mit steigendem Schuldgefühl über seine Verschwörung mit Devadatta.



Bei der Ankunft machte König Ajatasattu eine Verehrungsbeugung am Fuß des Buddha. Danach wurde ihm von dem Erhabenen segensreiche Belehrung zuteil. Nach seiner Zufluchtnahme bei dem Triratna (Buddha, Dharma und Sangha) wurde Ajatasattu ein tugendhafter Staatsoberhaupt und gleichzeitig ein aktiver Unterstützer des Buddhismus.



Als Devadatta von der Bekehrung des Königs Ajatasattu hörte, geriet er in großer Zorn und wurde sofort in die Hölle verdammt. Es war die ersten Früchte seines Mordkomplotts gegen den Buddha.



Während der König Ajatasattu Reue empfand und gerettet wurde, verbrannte sich Devadatta mit einer heftigen Flamme seines Zornes und fiel so in die Hölle, wie jeder gewöhnliche Mensch, der sich von den fünf törichten Faktoren des Geistes lenken läßt. Nur die mächtige Weisheit des Buddha kann die Wahrheit aller Wesen durchdringen.

Nach dem Tod des Königs Suddhodana erklärte der Prinz Lu-Li (Tib.: Hphags-skeys-po) Kapilavastu den Krieg.



Aus persönlichen Gründen, die in der Geschichte des Hauses der Sakya lagen, wollte der Prinz Luu-Li unbedingt die Heimatstadt des Buddha erobern:

Der Vater des Prinzen Luu-Li, König von Sravasti, das zum Lande Kosala gehört, hatte den König von Kapilavastu um die Hand einer der Töchter des Hauses Sakya gebeten. Dieser Bitte wurde bedauerlicherweise von Kapilavastu nicht entsprochen.

Dafür bekam der König von Sravasti eine Dienerin zur Frau. Aus dieser Ehe wurde der Prinz Luu-Li geboren. Als der Prinz die Heimatstadt seiner Mutter besuchte, wurde er ausgelacht und beleidigt, daß er von keinem Adelgeschlecht stammt, sondern von einem der niedrigsten. Von Wut und Zorn erfüllt schwur der junge Prinz:

"Ich werde eines Tages alle Kinder der Sakya vernichten!".

Buddha hatte von der Geschichte gehört und bedauerte sehr den falschen Stolz der Sakya, der das ganze Geschlecht zur totalen Vernichtung führte.



Buddha saß unter einem Baum am Wegesrand und wartete auf die Strafexpedition des König gewordenen Luu Li. Mit dem Licht der Wahrheit und der Ausstrahlung seiner tugendhaften Weisheit konnte Buddha den Zorn des rachedurstigen Königs Luu-Li besänftigen. Sofort befahl der König seiner Truppe den Rückzug.



Dreimal begegnete der König dem Buddha auf dem Weg zur Eroberung Kapilavastu's. Dreimal kehrte er friedlich heim. Doch die vierte Begegnung konnte den König Luu-Li von seiner Absicht nicht abbringen. Selbst Buddha wußte, daß er die Einwirkung des schwerwiegenden Karma der Sakya nicht mehr beeinflussen konnte.



Mitleidig verfolgte der Ehrwürdige Moggallana die Kriegsszene. Mit dem Willen soviel wie möglich Kriegsoffer aus dem Hause der Sakya zu retten, benutzte er seine übernatürliche Kraft, stieg in die Luft empor, holte 500 Angehörige der Sakya und legte sie in seine Almosenschale. Als er sie an einem sicheren Ort herausholen wollte, sah er in seiner Schale lauter Blut. Denn es ist eine Tatsache, daß sogar mit Wunder niemand einen anderen von seinem Karma befreien kann.

(Fortsetzung folgt)

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Moli Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

4. ACHTSAMKEIT AUF DIE STELLUNG UND DIE BEWEGUNGEN DES KÖRPERS

a) *Achtsamkeit auf die Stellungen des Körpers:*

Dies kann zu jeder Zeit und an jedem Ort geübt werden. Beginne damit, die Achtsamkeit auf Deinen Atem zu richten. Atme ruhig und tiefer als gewöhnlich. Sei Dir der Stellung Deines Körpers bewußt, ob Du nun gehst, stehst, liegst oder sitzt. Wisse, wo Du gehst, wo Du stehst, wo Du liegst, wo Du sitzt. Sei Dir des Zwecks Deiner Stellung bewußt. So könntest Du Dir zum Beispiel bewußt sein, daß Du an einem grünen Berghang stehst, um Dich zu erfrischen, um das Atmen zu üben oder eben nur, um dort zu stehen. Wenn es keinen Zweck gibt, sei Dir bewußt, daß es keinen Zweck gibt.

b) *Achtsamkeit bei der Tee-Zubereitung:*

Bereite eine Kanne Tee zu, um ihn einem Gast zu reichen oder um ihn selbst zu trinken. Verrichte jede Bewegung langsam, in Achtsamkeit. Laß keine Einzelheit Deiner Bewegungen vorübergehen, ohne Dir ihrer bewußt zu sein. Sei Dir bewußt, daß Deine Hand die Kanne am Griff anhebt. Sei Dir bewußt, daß Du den duftenden heißen Tee gerade in die Tasse gießt. Folge jedem Schritt mit Achtsamkeit. Atme ruhig und tiefer als gewöhnlich. Halte Dich an Deinen Atem, wenn Dein Geist umherschweift.

c) *Achtsamkeit beim Abwaschen des Geschirrs:*

Wasche das Geschirr entspannt ab, so als sei jede Schüssel ein Objekt der Kontemplation. Betrachte jede Schüssel als 'Wahre-Wirklichkeit'. Folge Deinem Atem, um Deinen Geist am Umherschweifen zu hindern. Versuche nicht zu hetzen, um mit der Arbeit fertigzuwerden. Sieh das Abwaschen des Geschirrs als die wichtigste Sache im Leben an. Das Abwaschen des Geschirrs ist Meditation. Wenn Du das Geschirr nicht mit Achtsamkeit abwaschen kannst, wirst Du auch nicht meditieren können, während Du in der Stille sitzt.

d) *Achtsamkeit während der Kleiderwäsche:*

Wasche nicht zuviele Kleidungsstücke auf einmal. Suche Dir nur drei oder vier Kleidungsstücke aus, um sie auf einmal zu waschen. Finde die bequemste Sitz- oder Stehhaltung heraus, um Rückenschmerzen zu vermeiden. Schrubbe die Kleidung entspannt. Hefte Deine Aufmerksamkeit an jede Bewegung Deiner Hände und Arme. Achte auf Seife und Wasser. Wenn Du mit dem Schrubben und Spülen fertig bist, sollten sich Dein Geist und Dein Körper so sauber und frisch fühlen, wie Deine Kleidungsstücke es sind. Denke daran, ein Halblächeln beizubehalten, und konzentriere Dich auf den Atem, wann immer Dein Geist umherschweift.

e) *Achtsamkeit beim Hausputz:*

Teile Deine Arbeit in einzelne Abschnitte ein: Sachen aufräumen und Bücher wegstellen usw., Scheuern der Toilette, Scheuern des Badezimmers, Fegen der Fußböden und Staubwischen usw. Nimm Dir für jede Aufgabe genügend Zeit. Bewege Dich langsam, dreimal langsamer als gewöhnlich. Konzentriere Deine Aufmerksamkeit völlig auf jede Aufgabe.

Wenn Du zum Beispiel ein Buch ins Regal stellst, dann sieh das Buch an; sei Dir im klaren darüber, was für ein Buch das ist, sei Dir bewußt, daß Du Dich in dem Prozeß befindest, es ins Regal zu stellen, daß Du beabsichtigst, es an diesen bestimmten Platz zu stellen. Sei Dir bewußt, daß Deine Hand nach dem Buch greift und es aufnimmt. Vermeide jede abrupte und hastige Bewegung. Halte die auf den Atem gerichtete Achtsamkeit aufrecht, besonders dann, wenn Deine Gedanken umherschweifen.

f) *Achtsamkeit während des Badens:*

Genehmige Dir 30 bis 40 Minuten, um ein Bad zu nehmen. Selbst eine Sekunde lang beeile Dich nicht. Von dem Augenblick an, wo Du das Badewasser vorbereitest, bis zu dem Augenblick, wo Du saubere Kleidung anziehst, verrichte jede Bewegung leicht und langsam. Sei achtsam auf jede Bewegung. Richte Deine Aufmerksamkeit ohne Vorliebe und Angst auf jeden Teil Deines Körpers. Sei Dir jeder Wasserströmung an Deinem Körper bewußt. Zum Zeitpunkt, wenn Du fertig bist, sollte Dein Geist genauso friedvoll und leicht gestimmt sein wie Dein Körper. Folge Deinem Atem. Betrachte Dich so, als seist Du ein sauberer, duftender Lotusteich im Sommer.

g) *Auf den Kieselstein gerichtete Achtsamkeit:*

Sitze in der vollen oder halben Lotusstellung. Reguliere Deinen Atem wie in 3 c. Wenn Dein Atem langsam und gleichmäßig ist, fange an, alle Deine Muskeln zu entspannen, während Du das Halblächeln beibehältst. Betrachte Dich so, als seist Du ein Kieselstein, der in einen klaren Bach fällt. Während des Sinkens besteht keine Absicht, Deine Bewegung zu beeinflussen. Sinke bis zum Punkt völliger Ruhe auf den feinen Sand des Flußbettes nieder. Fahre fort, über den Kieselstein zu meditieren, bis Dein Geist und Dein Körper sich in völliger Ruhe befinden: ein Kieselstein, der auf dem Sand ruht. Halte diesen Frieden und diese Freude eine halbe Stunde lang aufrecht, während Du Deinen Atem betrachtest. Kein Gedanke an Vergangenheit oder Zukunft kann Dich von dem Frieden und der Freude wegzerren, die jetzt gegenwärtig sind. Das Universum existiert in diesem gegenwärtigen Augenblick. Kein Wunsch kann Dich von diesem gegenwärtigen Frieden weglocken, nicht einmal der Wunsch, ein Buddha zu werden oder der Wunsch, alle Wesen zu befreien. Denke daran, daß das Ziel, ein Buddha zu werden und alle Wesen zu befreien, nur auf der Grundlage des reinen Friedens im gegenwärtigen Augenblick erreicht werden kann.

h) *Plane einen Tag der Achtsamkeit:*

Wähle einen Tag der Woche aus, irgendeinen Tag, der zu Deinen Lebensumständen paßt. Vergiß die Arbeit, die Du während der anderen Tage verrichtest. Organisiere keine Treffen, und lade keine Freunde ein. Verrichte nur solche einfachen Arbeiten wie Hausreinigen, Kochen, Kleiderwaschen und Staubwischen. Wende die in 4 e beschriebenen Methoden an. Wenn dann das Haus ordentlich und sauber ist und alle Deine Sachen in Ordnung sind, nimm auf die in 4 f beschriebene Weise ein Bad. Bereite Dir hinterher Tee zu und trinke ihn (4 b). Du könntest einen buddhistischen Text lesen oder

Briefe an gute Freunde schreiben. Hinterher gehe spazieren, um das Atmen zu üben (3 b, 3 c, 3 f). Während Du einen buddhistischen Text liest oder Briefe schreibst, halte Deine Aufmerksamkeit aufrecht. Laß Dich nicht durch das Sutra oder den Brief zu irgend etwas anderem weglocken. Während Du den Text liest, sei Dir bewußt, daß Du gerade liest; während Du den Brief schreibst, sei Dir bewußt, daß Du gerade schreibst. Verhalte Dich genauso, wenn Du Musik hörst oder Dich mit einem Freund unterhältst (3 d, 3 e). Bereite Dir am Abend ein leichtes Mahl zu, vielleicht nur eine kleine Frucht oder ein Glas Fruchtsaft. Setze Dich hin und meditiere eine Stunde lang, bevor Du ins Bett gehst. Befolge die Methoden, die in 4 g, 3 f oder 3 g beschrieben sind. Unternimm am Tage zwei Spaziergänge von 30 bis 45 Minuten Dauer. Lies nicht, bevor Du ins Bett gehst. Statt zu lesen übe Dich 5 bis 10 Minuten lang in völliger Entspannung (2 a). Sei Herr Deines Atems. Atme ruhig (der Atem sollte nicht zu lang sein), und folge dabei dem Heben und Senken Deines Bauches und Deiner Brust, wobei Deine Augen geschlossen sind. Jede Bewegung sollte an diesem Tag mindestens zweimal langsamer sein als gewöhnlich.

(Fortsetzung folgt)

(Fortsetzung von Seite 24)

Wir bekehren uns zum Buddhismus, weil wir das weltliche Leben überwinden möchten. Wenn wir auf diesen Weg gehen möchten, sollen wir praktizieren, was Buddha uns belehrt hat. Er ist unser heiliger Wegweiser.

2. Nicht-Buddhisten mögen auch diese Fünf Sittlichkeitsregeln ausüben. Diese Fünf Disziplinen seien keine Transzendentalphilosophie, und keine Geheimwissenschaft. Die sind ja nur eine moralische Lehre, welche eine harmonische Gesellschaft nicht vernachlässigen kann. Deshalb sind diese Fünf Sittlichkeitsregeln keine eigenen Disziplinen eines Buddhisten, sondern auch für Alle, die ein gesundes, gelassenes, glückliches, tugendhaftes, moralisches Leben durchführen möchten.

Eine Gesellschaft, in der alle Menschen diese Fünf Sittlichkeitsregeln ausüben, ist eine vorbildhafte und die moderste Gesellschaft dieser Welt.

(Fortsetzung folgt)



Thơ



Chiều Đông

tặng Mẹ C.T.S.

Chiều Đông
gió
gọi
Trăng về
Chạnh
lòng
Quê Mẹ
Đêm Hè
Đã
Xa

Mẹ ơi
con khóc đêm qua
Vì con đã
trót sinh ra làm Người
Đêm
con mở mắt nhìn trời
Mẹ ngồi bên đống băng Lối Xa Xưa
Trăng soi qua cửa song thưa
Tóc khô trán héo mẹ chưa biết cười
Mẹ đi trời ở trên trời
Chúng ta dưới thế làm người khổ đau
Đêm sâu mưa dội qua rào
Chẳng bao giờ thấy lúc nào mẹ vui

Mẹ ơi
con bỏ ra đi
Suốt tuần mẹ khóc
lấy gì làm thay
Con tôi ốm yếu thế này
Rồi đây sương gió sẽ vấy trong thân

Mẹ ơi con hiện thân này
Chẳng qua để Mẹ mang dầy xót xa
Khi xưa Mẹ sinh con ra
Biết đâu nông nỗi con ra thế này
Mẹ ơi con ở Bên Này
Lời thương nhớ Mẹ gửi đây Bên Kia

(TRONG HỒI TẮT HỒI, đã xuất bản 1984)

■ NGUYỄN CHÍ TRUNG

Hoa Tuyết

Núi cao thác đổ cuối nguồn
Bên trời lặn dện, suối buồn mù sương
Tử Ta xa cách CHÙA thương
Rong rêu ý niệm, Quê hương ngọt ngào
Lời kinh Sám Hối thươ' nào
Đạo Thiên mai một hư hao ý đời
Tâm kinh rớt mất từng lời
Tiếng Thầy thuyết giảng bên Trời...ngủ say!
Hạt nhân Thức tỉnh đêm ngày
Câu kinh Bát Nhã còn say hương Thiên
Tử Ta rớt bỏ bút nguyên
Trên cao vấn đợi, thiên duyên vấn chờ
Thuyền trôi chửa thấy bến bờ
Ngày về bến Giác còn mơ không gian
Lá xanh nhuộm đỏ lá vàng
Nhớ CHÙA xa BẠN ngút ngàn tư tâm
Giúp nhau đạo lý tình thâm
Chữ đây một bóng âm thầm luyện lưu
Tháng mười lá khóc mưa thu
Trời Tây cô lẻ âm u lạnh hồn
Suối reo Thác đổ trên non
Âm vang ngày cũ vẫn còn say hương
Tử Ta xa cách phố phường
Thập lên hiện hữu con đường đá di
Thành tâm nguyên dẫu Tử Bi
Hào quang chiếu sáng Tu Trì chúng sanh
Ôn trên Đạo cả phước lành
Vui miễn kinh kệ lòng thành cao xa
Cam lộ Tuyết trở ngàn Hoa
Trên cao ẩn hiện Phật Bà QUAN ÂM.

■ THUY KIM (Ravensburg)

Sắc Không

Bước một bước là đã về nguyên thủy
Lùi một li đã trở lại trần ai...
Thì vẫn vậy, năm qua và tháng lại
Khác gì dấu thế tục với liên đài.

Ta vẫn ngỡ Niết Bàn là thế thế
Nào ngờ dấu lâm lạc đã bao ngày,
Phút giác ngộ ngộ ngang thân tứ đại
Hề! cần khôn là một giấc mơ dài!

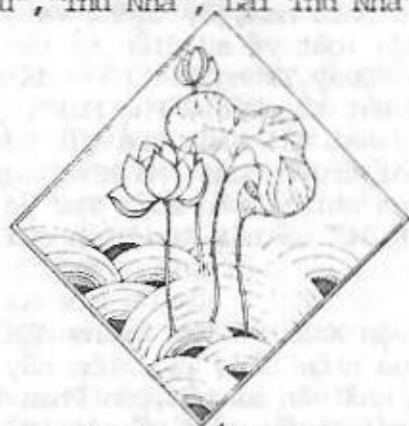
Mới rõ Phật 49 năm lằng lể,
Tổ Đạt Ma cũng chưa nói một lời!
Rồi mai đây về đâu mà giải thoát
Chúng sanh dấu mà độ khỏi luân hồi?

■ THỊ NGUYỄN
New York 84

CÁC NHÀ VĂN NHÓM BÁCH KHOA

Bách khoa là một tạp chí bán nguyệt san gồm đủ mục khoa học, giáo dục, văn hóa, văn chương, xuất hiện từ năm 1956 tới 1975. Về lãnh vực văn chương nghệ thuật đã có một thành tích rực rỡ nhất. Nhóm Văn Hóa Ngày Nay trước đó dù có tên tuổi của Nhật Linh, những tạp chí Văn Hóa Ngày Nay và Tân Phong vì thọ mạng ngắn ngủi nên chỉ giới thiệu được các tài năng như Nguyễn thi Vinh, Linh Bảo, Thu Vân, Phương Khanh, Nhật Tiến, Duy Lam, Tường Hùng... Bách Khoa may mắn vì sống dài hơn, dù phát hành và tiêu thụ không là bao, nhưng nhờ mức quảng cáo các ngân hàng nên ông chủ nhiệm kiêm chủ bút Huỳnh văn Lang gồng gánh tờ báo gần 20 năm, bài vở được Lê Châu tổng thư ký tòa soạn đảm trách, đã giới thiệu nhiều tài năng văn chương hơn.

Loại đầu, Bách Khoa cho đăng truyện "Kinh Hoa Yên Vân" của Lâm Ngự Đông, được ngòi bút sắc sảo của kịch tác gia Vi Huyền Đắc phiên dịch. Cây bút dịch thứ hai là Kiều Yên (một bút hiệu của Vũ Đình Lưu) dịch các truyện "Liêu Trai" độc đáo không thua Đào Trinh Nhất và dĩ nhiên không thua Nguyễn Hoat. Vũ Đình Lưu còn lấy thêm bút hiệu là Cổ Liên để viết các bài bình luận, về văn nghệ. Nhạc học gia Trần Văn Khê từ Paris gửi về, những lá thư viết theo loại bút ký, kể lại những bước đường của ông đi phổ biến nhạc Việt cổ truyền trên khắp Âu Châu. Bà nhà văn Võ Phiến, Võ Hồng, Vũ Hạnh trước kia do các tạp san khác khám phá, nhưng không nổi tiếng. Phải nhờ có tạp chí Bách Khoa, tài nghệ của họ mới khởi sắc hơn. Vũ Hạnh nổi tiếng về chuyện đường rừng miền Tây Nguyên, viết sống thực hơn cây bút đường rừng hồi tiền chiến là Lan Khai. Sau này ông cho xuất bản các tác phẩm: "Vượt Thác" (truyện ngắn), "Mùa Xuân Trên Non Cao" (truyện ngắn), "Lửa Rừng" (truyện dài), "Bút Mạn" (truyện ngắn), "Ngôi Trường Di Xương" (phóng sự), "Con Chó Hào Hùng" (truyện dài). Võ Phiến với bút pháp tinh vi, diễn tả tỉ mỉ kiểu sỏi, tóc chẻ làm tỉ như Marcel Proust, như Michel Butor viết về thời gian ông theo kháng chiến chứng kiến chế độ Cộng Sản trong liên khu 5 như: "Chí Tình", "Người Từ", "Đêm Xuân Trắng Sáng", "Mùa Đêm Cuối Năm". Độc đáo nhất là các truyện viết về làng quê của ông như: "Giã Từ", "Thủ Nhà", "Lại Thủ Nhà".



phong tục và cảnh sống thôn quê. Đó là bà Văn Trang, em vợ của nhà văn Hồ Hữu Tường. Sau này bà gom góp một ít truyện và giao cho nhà xuất bản Phủ Sa (do Ngọc Linh chủ trương) để xuất bản tập truyện "Một Lá Thư Tình". Bách Khoa có đăng một loạt truyện dài "Phân Đầu" của một cây bút phụ nữ khác là Tuyết Hương, những truyện dài này không được xuất bản, sau đó Tuyết Hương sang Pháp du học (năm 1958). Viết về phóng sự đã có hai cây bút phụ nữ là Mộng Trung, (chị ruột của bà Văn Trang) và Minh Đức Hoài Trinh (em của nữ sĩ Linh Bảo). Mộng Trung viết về cảnh sống của Việt kiều trên đất Pháp cũng bước đường phổ biến nhạc Việt xứ người theo bước chân của Nhạc học gia Trần Văn Khê. Còn Minh Đức Hoài Trinh viết về những nơi mình đã đi qua: Âu Châu, Á Châu, Phi Châu, Trung Đông... Bà Mộng Trung còn làm thơ và viết phóng sự

Sau đó, ông viết về loại truyện phân tích chỉ lý tâm trạng các nhân vật, thiên về tú tượng như "Một Mình Đàn Ông"... Trên văn đàn, Võ Phiến chiếm một địa vị thật cao suốt 20 năm qua, một nhà văn hàng đầu bên cạnh Vũ Khắc Khoan, Sơn Nam, Thanh Tâm Tuyền. Riêng Võ Hồng bút pháp cổ điển trong sáng, quyền rũ, độc giả nhiều hơn qua: "Lá Văn Còn Xanh" (truyện ngắn), "Hoa Bướm Bướm" (truyện dài), "Như Cánh Vạc Bay" (truyện dài), "Cây Rừng Trầm Mặc" (truyện ngắn), "Gió Cuồn" (truyện dài).

Cũng về bên văn, Bách Khoa giới thiệu cùng lượt với hai ông Võ, một ông Vũ, một cây bút phụ nữ viết về

về hôn nhân giữa trai Việt gái Pháp hoặc gái Việt trai Pháp. Sau này bà cho xuất bản: "Giọt Thời Gian" (thơ), "Hôn Nhân Đi Chùng" (phóng sự). Còn Minh Đức Hoài Trinh sau đó trở thành nhà văn, nhà thơ qua các tác phẩm: "Lang Thang" (thơ), "Bó Vó" (truyện dài), "Hắn" (truyện ngắn), "Trùng Chi" (kịch thơ), "Mơ" (thơ), "Hai Góc Cây" (truyện dài), "Bức Thành Biên Giới" (truyện dài), "Thiên Nga" (truyện dài).

Phải kể thêm hai nhà văn Phan Du, tác giả "Cổ Gai Xóm Nghèo" (truyện ngắn), "Hai Châu Lan Tô Tâm" (truyện dài), "Hang Động Mới" (truyện ngắn) và Nguyễn Văn Xuân qua truyện dài "Bão Rừng" qua tập truyện "Hương Mãn", qua biên khảo "Theo Bước Lưu Dân" và Phan Văn Tạo qua truyện ngắn "Chiếc Bong Bóng Lớn". Đây là ba nhà văn có khuynh hướng xã hội...

Về thơ, phải kể Đoàn Thêm qua "Nhạc Dế", "Vườn Mây", "Hòa Âm", "Thủy Triều", một nhà thơ đi sâu, vào cái đẹp hào hoa nghiêng về thẩm mỹ. Đoàn Thêm còn viết thêm cuốn biên khảo "Thử Tìm Hiểu Hội Họa". Sau đó Tường Linh cho đăng loại thơ trữ tình và quê hương qua tập "Nghìn Khuya", "Thu đi! Tử Đò". Huy Lực nhà thơ tình yêu qua tập thơ "Trời Thơ Bao La".

Vào thập niên 60, nhà văn Võ Phiến lập ra nhà xuất bản Thời Mới để cho xuất bản các tác phẩm những nhà văn trẻ của nhóm Bách Khoa. Khởi đầu là "Quay Trong Gió Lốc" (tập truyện ngắn) của Lê Tất Điều, "Mùa Trong Sương" (kịch) của Thế Uyên, "Tượng Đá Sion Non" (tập truyện) của Y Uyên "Thơ Dài" (truyện ngắn) của Túy Hồng.



Bên nhóm Hiện Đại đã lảng xê nhà thơ nữ kiêm nhà văn là Nhã Ca thì nhóm Bách Khoa trong thập niên 60 đã lảng xê Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Thụy Vũ, Trưng Dương, nhóm lên một phong trào văn nghệ, phụ nữ viết táo bạo. Cho tới năm 1975, Nguyễn Thị Hoàng cho xuất bản 30 tác phẩm, tiêu biểu nhất là "Vòng Tay Học Trò" (truyện dài), "Một Ngày Rời Thôi" (truyện dài), "Trên Thiên Đường Ký ức" (hồi ký), "Cuộc Tình Trong Ngục Thất" (truyện dài). Quyển "Vòng Tay Học Trò" gây chấn động vào năm 1967 nhất vì diễn tả mối tình giữa cô giáo và cậu học trò. Túy Hồng cho xuất bản trên 10 truyện ngắn có, dài có, tiêu biểu gồm có: "Thơ Dài" (truyện ngắn), "Vết Thương Dây Thi" (truyện ngắn), "Tôi Nhìn Tôi Trên Vách" (truyện dài), "Những Sợi Sạc Không" (truyện dài, đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1961). Nguyễn Thị Thụy Vũ cho xuất bản cũng trên 10 tác phẩm, tiêu biểu là: "Mèo Đêm" (truyện ngắn), "Lao Vào Lửa" (truyện ngắn) "Chiều Mênh Mông" (truyện ngắn), "Cho Trần Gió Kinh Thiên" (truyện dài), "Khung Rêu" (truyện dài, đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1961)... Trưng Dương sáng tác ít hơn, chỉ bảy, tám tác phẩm, thuần là tập truyện ngắn như: "Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn", "Mùa Không Ướt Đất", "Cơn Hồng Thủy Và Bông Hoa Qủy", "Chung Cí" v.v... Bên phía nam, gây tiếng vang đủ đời nhất là Thế Uyên với truyện dài "Tiền Đồn", qua bút pháp lưu loát và sự diễn tả táo bạo đã được độc giả nhiệt liệt hoan nghinh. Lê Tất Điều tiếp theo "Quay Trong Gió Lốc" đã có "Đêm Dài Một Đời" (đoạt giải thưởng Văn Chương do Trung Tâm Văn Bút tổ chức), "Phá Núi". Y Uyên sau "Tượng Đá Sion Non" cho ra, "Ngựa Tĩa", "Đuốc Sậy". Đó là hai tài năng trẻ rất vững chãi không bị ma lực thời thượng cuốn hút. Sau đó, Đỗ Tiên Đức với truyện dài "Má Hồng" (giải Văn Chương Toàn Quốc 1970), Bùi Đăng với "Cúi Mặt" (đã quay thành phim), Trần Hoài Thu với 2 tập truyện "Nổi Bó Vó Của Bảy Ngựa Hoang", "Những Vì Sao Vinh Biệt" và Bùi Kim Định qua tập truyện "Chợ Đêm", qua truyện dài "Ngược Giồng".

Lớp Võ Phiến, Vũ Hạnh, Võ Hồng, Phan Văn Tạo, Phan Du, Nguyễn Văn Xuân và Văn Trang đến với độc giả, bằng những bước chân âm thầm, khác hẳn những nhà văn của nhóm Sáng Tạo. Nhóm này liệt Võ Phiến là nhà văn thuộc trường phái tân cổ điển, Vũ Hạnh là nhà văn xã hội, còn Phan Văn Tạo, Võ Hồng, Phan Du quá đôn hậu, chưa phải, là những tay chọc trời khuấy nước về mặt tư tưởng như họ. Những khi Võ Phiến tung ra quyển "Một Mình", "Thư Nhà", "Giã Từ", "Đàn Ông", chúng đó họ mới thấy được sự thâm trầm và tế nhị về mặt tư tưởng của tác giả. Lê Tất Điều là một cây bút nhân đạo, có óc hải hước thật tế nhị. Y Uyên viết về chiến tranh ở các tỉnh miền Trung, còn Thế Uyên và Trần Hoài Thu đi sâu vào đời lính hơn.

Nếu ai đó bị quyền nữ về văn điệu trong tập "Vườn Mây" của Đoàn Thêm thì họ lại xa lạ, ngơ ngàng trước âm điệu trong "Hòa Âm" và "Thủy Triều" của tác giả. Đoàn Thêm không chịu đứng ở vị trí nhà thơ cổ điển như Quách Tấn, Đông Hồ, Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bùi Khánh Đạm. Ông muốn đi xa hơn, không phải về mặt tư tưởng mà về hình thức cấu trúc và âm điệu. Ông đã

thất bại nặng nề. Trong khi đó, Tướng Linh vẫn tạo sức quyến rũ với loại thơ quê hương dân tộc, với thơ trữ tình. Anh khiêm nhường và chân thành hơn nên độc giả không khi nào bỏ rơi anh. Nối tiếp theo bước chân của Tướng Linh là Thành Tôn với tập thơ "Tháp Tình", Thái Tú Hạp với "Nẻo Về", Luân Hoàn với "Trời Sông", Hà Nguyên Thạch với "Chân Cầu Sông Vỡ", Hoàng Lộc với "Trái Tim Còn Lại" (giải thưởng 1971 do Trung Tâm Văn Bút tổ chức) đều là những nhà thơ có chân đứng trên thi đàn.

Bốn nhà văn, nữ Nguyễn thị Hoàng, Túy Hồng, Trưng Dương và Nguyễn thị Thụy Vũ cùng với Nhà Ca bên, nhóm Tiếng Nói đã gây chấn động trên văn đàn từ khoảng 1966 đến 1971, tức là đến khi xuất hiện nữ tiểu thuyết gia Lê Hằng. Nguyễn thị Hoàng và Trưng Dương có tham vọng, tung hoành ở lãnh vực tư tưởng triết học Tây Phương. Túy Hồng thì khiêm nhường hơn, chỉ thích viết loại tiểu thuyết khuê phòng (roman de chambre) nhưng chỉ có một cái nhìn sắc bén vào đời sống nội tâm của nhân vật, có óc châm chọc tàn nhẫn và độc, dao về thói đời, nên bước đi của chị vững chắc hơn. Nguyễn thị Thụy Vũ chuyên viết về đời sống các gái điếm trong các snack bar trong thời kỳ Mỹ tham chiến ở Việt Nam, về đời sống ở xóm nghèo, óc hài hước cũng tinh tế và bén nhạy như Túy Hồng.

Vào bán, thập niên, đầu 70, Bách Khoa tạo thêm một đợt sóng mới hùng vĩ không kém: đó là Hoàng Ngọc Tuấn qua cuốn, "Cổ Bê Tuyết Với Trên Cao Nguyên", Nguyễn Mộng Giác với "Đường Một Chiều ... Và Bách Khoa cố gắng đào tạo thêm hai nhà văn nữ là Võ Ưu (tên thật là Ngô thị Kim Cúc và Du Ly (đọc trại tiếng Julie) để đối đầu với bốn nhà văn nữ do tạp chí Văn khám phá là : Trần thị Ng H (tức là Trần thị Nguyệt Hồng), Nguyễn thị Ngọc Minh, Âu thị Phục An và Ngô thị Kim Thanh.

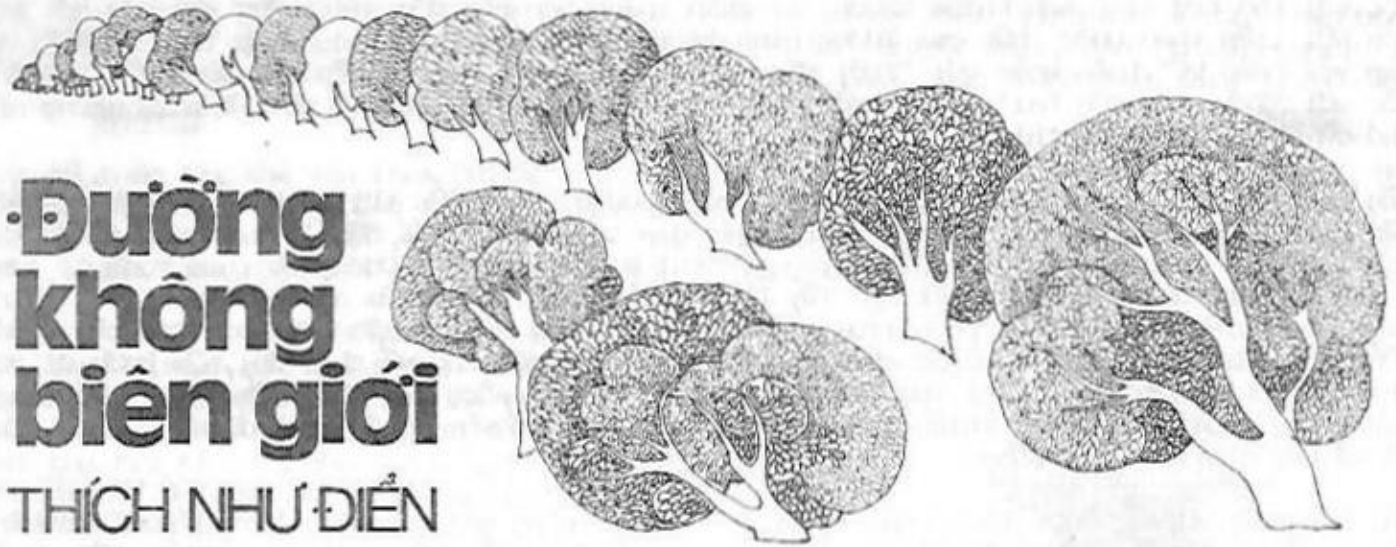
Bách Khoa có ba lần tổ chức cuộc phỏng vấn vĩ đại do Nguyễn Ngụ 1 (chữ Nguyễn được dùng sự sửa là Nguyễn, cũng như chữ Ý được sửa là I). Lần đầu là cuộc phỏng vấn các nhà văn về đề tài "Viết cho mình hay, viết cho ai?". Câu hỏi đó bị nhóm Sáng Tạo cho là ngớ ngẩn, hời hợt, nhưng nếu bỏ cái óc thói thường và vọng ngoại do nhóm này mắc phải thì đó là câu hỏi thâm thúy vô cùng vì nếu ai đó đặt đến cái tình thần bất nhị sẽ thấy rằng trong ta có người trong người có ta. Hầu hết các văn gia, đều hướng ứng. Bên Nhóm Sáng Tạo thì chỉ có Đoàn Quốc Sỹ tỏ ra niềm nở với người phỏng vấn. Mai Thảo thì miễn cưỡng trả lời... Lần thứ 2 là cuộc phỏng vấn các nhạc sĩ tân cũng như cũ. Ba cuộc phỏng vấn đó, ngoài vụ soi sáng đường lối sáng tác của các nghệ sĩ, Bách Khoa cố, cao vọng kết hợp các trường phái của văn chương, của âm nhạc, của hội họa ngồi chung lại với nhau.



Bách Khoa là một tạp chí về phần văn nghệ không chủ trương ồn ào, không gây hấn. Giữa lúc các nhà văn trẻ đua đòi chủ nghĩa thời thượng, dùng chủ nghĩa triết học thật kêu, hoặc hung hăng đá phá người đi trước, hoặc vô ngại rộng to về tình, thần sáng, tạo thì nhóm Võ Phiến, Võ Hồng, Vũ Hạnh, Nguyễn văn Xuân, Phan Du văn tinh táo viết bằng lối văn cổ điển và rồi từ ở phạm vi hoạt động, khiêm nhường ngồi bút họ đi sâu dần vào không khí sôi động hơn, vào canh sông và đời sống nội tâm phức tạp hơn. Ngay cả khi Nguyễn thị Hoàng, Túy Hồng, Trưng Dương và Nguyễn thị Thụy Vũ gióng lên tiếng trống nổi loạn trên văn đàn nữ giới, tạp chí Bách Khoa vẫn có một Ý Uyên đơn giản mà sâu sắc, một Lê Tất Điều tươi cười mà thâm trầm, trào lộng mà bất ngạt bao dung...

Bách Khoa rất chú trọng về bút ký để giúp độc giả hiểu biết thêm cảnh sống Việt kiều ở hải ngoại. Bút ký của Trần văn Khê, của Mộng Trung, của Minh Đức Hoài Trinh, của nữ sĩ Minh Quân, một vài truyện ngắn của Linh Bảo được độc giả hoan nghênh nhiệt liệt. Nữ sĩ Minh Quân không phải do Bách Khoa khám phá, chị trước đó đã viết trên nhiều báo lật vạt qua hàng chục bút hiệu. Đến khi đoạt giải nhất và giải, khuyến, khích, trong kỳ dị giải truyện ngắn do Trung Tâm Văn Bút tổ chức vào năm 1966, chị trở nên nổi tiếng và cộng tác với Bách Khoa đều đặn và trung thành.

Trong 20 năm, bán nguyệt san Bách Khoa ra mắt đều đặn, cuộc hành trình lúc nào cũng thông dong, chậm rãi, việc làm lúc nào cũng tự tôn, khiêm cung. Bách Khoa trên hành trình văn học ngoài như một ông công chức lớn tuổi, không có óc bon chen, nhưng một khi đã lắng xê một nhà



Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(Kỳ thứ 20)

Sau khi từ Canada về tôi đã đi Bonn để lo Visa đi các nước Đông Nam Á Châu thăm đồng bào hiện còn đang ở trong các trại tỵ nạn; nhưng đến ngày lên đường vẫn có một số nước chưa kịp cấp Visa. Có nhiều nước như Nhật, Phi Luật Tân cấp Visa trong vòng 2 tiếng đồng hồ - Còn Singapore hoặc Đài Loan cần phải có người bảo lãnh. Nam Dương, Thái Lan và Mã Lai thì còn lâu hơn như thế nữa.

Mang giấy thông hành của người tỵ nạn đi xin Visa cảm thấy nó nao nao trong dạ; buồn vui lẫn lộn chẳng biết nói sao. Buồn cho thân phận của người Việt - quê hương còn đó nhưng hình như đã mất. Vui vì dấu sao chẳng nửa mình vẫn còn diễm phúc đi đó đi đây so với đồng bào còn đang bị giam nhốt trong gông cùm của Cộng Sản. Khi người có phận sự cấp chiếu khán hỏi tôi quốc tịch gì - tôi trả lời rằng: là người tỵ nạn. Ông ta hỏi lại một lần nữa.

- Người tỵ nạn có phải là người vô quốc tịch không?

- Ông muốn nghĩ sao cũng được - tôi trả lời thế.

Có nhiều người khuyên nên chọn 1 quốc tịch nào đó để đi đó đi đây; nhưng tôi vẫn chưa quyết định. Dấu sao đi nữa với Pass - port của người tỵ nạn vẫn có thể đi nhiều nước; nên ở tôi chưa có quyết định nào cả.

Khi đi xin giấy Visa các nước khác mới thấy thân phận mình bé nhỏ lạ thường. Vì quê hương mình vẫn còn đó; nhưng không có đất để dung thân; tiếng nói của mình không còn một giá trị nào để được quốc tế lưu ý. Vui thì họ cho, buồn thì họ dừng lại. Quả thật

thân phận của người tỵ nạn chúng ta chẳng khác nào một quả bóng đá. Người ta để yên thì mình nằm đó. Người ta đá đi, mình lại bay chạy tứ tung.

Người cấp giấy chiếu khán ở tòa Đại Sứ Thái Lan đã đóng dấu lên Passport của tôi cho phép được nhập nội Thái với lý do đi du lịch nhưng sau khi đọc kỹ giấy tờ xin đi thăm trại tỵ nạn của tôi, Ông ta đã đóng dấu hủy bỏ lên Visa vừa cho, viện cớ rằng việc này phải có Bộ Nội Vụ Thái Lan xét mới có thể đi được. Thế là đành hỏng một chuyến đi. Vì ở đó có biết bao nhiêu người đang khổ sở từ vật chất đến tinh thần và cần sự hiện diện của chúng tôi. Nhưng cuối cùng vẫn không đi được. Cầm giấy thông hành mà dớn dau vô kế - tôi tự hỏi vì sao vậy? - những câu trả lời thì có ngàn lối khác nhau.

Hồi tháng 10 năm 84 tôi có gặp Thượng Tọa Abiyana người Anh đang ở tại Phật Học Viện Quốc Tế của Thượng Tọa Thích Đức Niệm, có cho hay rằng Người cũng từ Phi Luật Tân sang Hồng Kông và Thái Lan để thăm đồng bào tỵ nạn nhưng khi đến Thái rồi, họ không cho vào trại để thăm, chẳng biết lý do gì.

Có nhiều người Việt Nam ở Đức hoặc Pháp lâu năm, có quốc tịch của người xứ này; nhưng khi xin đi Thái Lan vẫn gặp nhiều khó khăn; có lúc được cấp chiếu khán; nhưng cũng có lắm người bị bác đơn.

Trước khi rời Đức tôi có được Visa của Singapore, Phi Luật Tân, Đài Loan và Nhật Bản. Còn Mã Lai Nam Dương và Hồng Kông vẫn trong

tình trạng chờ đợi, còn Thái Lan như mới vừa trình bày trên. Có lẽ rằng sau khi về lại Đức chuyến này, một số nước trên sẽ gửi giấy cho phép đến chùa; nhưng đã quá muộn.



Đến Singapore ngày 22 tháng 1 năm 1985 sau 20 giờ bay qua Amsterdam, Rom, Dubai, Bangkok và cuối cùng là Singapore. Nơi đây không có người thân hoặc bạn bè đi đón nên tôi phải tự làm mọi thủ tục giấy tờ, rồi một mình leo lên xe car về khách sạn.

Đường từ phi trường về khách sạn thấy 2 bên những cây phượng cảnh lá sum sê che rợp cả lối đi. Thỉnh thoảng những loài hoa đại cùng các cây hoa trang, hoa dâm bụt ẩn ẩn hiện hiện đó đây, làm tôi nhớ Việt Nam trong muôn thú. Thấy Singapura đẹp và sạch như Thụy Sĩ ở Âu Châu. Trong đầu tôi thoáng hiện một dấu hỏi thật to tướng. Tại sao Singapore khoảng 75% dân số là Tàu, mà Tàu ở đây sao văn minh và sạch sẽ lắm thế? Trong khi đó Tàu ở Việt Nam và ngay Tàu ở tại Mỹ thuộc thành phố San Francisco cũng dơ nhớp như thường. Nghe đâu vì Chính phủ phạt vụ những kẻ phạm rất nhiều nên ai cũng ráng giữ cho quê hương họ sạch sẽ. Nếu ra đường nhỏ xuống đất một bãi nước miếng bị phạt 25 đô la và liệng một cái tàn thuốc bất cứ nơi công cộng nào cũng bị phạt 50 đô la nếu cảnh sát bắt được. Vì thế Singapore mới đẹp như vậy.

Nhìn quê hương họ để nhớ lại quê hương mình. Tuy gần nhau trong gang tấc mà xa nhau ngàn vạn dặm. Đất nước người ta đang đã phát triển trong khi đó đất mẹ của mình bị bê lũ vớt vát dày xéo làm cho tang thương đổ nát, càng ngày càng rách rưới nhiều hơn.

Đến khách sạn thấy có nhiều người Nhật, người Ấn, người Âu Châu ở đây. Nhật họ thường đi cả một phái đoàn và chỉ vài người biết ngoại ngữ, ngoài ra đều được hướng dẫn bằng tiếng Nhật. Có một bà Nhật đến hỏi tôi bằng tiếng Nhật không ngại ngần; vì họ nghĩ mình là người Á Châu, có lẽ ai cũng biết tiếng Nhật. Tôi định trả lời bằng tiếng Anh như vẫn hay nói chuyện với người Singapore hoặc những người ngoại quốc khác; nhưng sợ bà ngỡ nên tôi

lại trả lời bằng tiếng Nhật. Bà nghe như là một chuyện đương nhiên cũng chẳng buồn hỏi tôi là người của nước nào đến.

Trong khách sạn, ngoài đường phố, ở siêu thị đâu đâu cũng thấy có viết tiếng Nhật kèm phía dưới tiếng Anh. Vì người Nhật du lịch ở đây rất nhiều và không phải người Nhật nào cũng hiểu tiếng Anh cả; nên người địa phương họ làm thế.

Sáng ngày 23 tháng 1 tôi thuê một chiếc xe để tìm đến trại tỵ nạn của đồng bào mình. Trại nằm gần phi trường và từ ngoài nhìn vào thấy có vẻ đơn sơ so với nhà cửa chung quanh. Trại này nằm trên đường Hawkins số 25 nên người ta thường hay gọi là trại Hawkins cho người tỵ nạn.

Khi vào đến trại người gác cổng hỏi tôi giấy chứng minh thư - người ấy cầm Passport vào trình cho Ông trại trưởng. Sau một hồi đứng phờ nằng cảm thấy xốn xang, Ông ta mới ra công và hỏi tôi một vài điều cần thiết. Sáng ra tôi không được vào thăm đồng bào vì chưa có giấy cho phép của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc; nhưng sau khi hỏi mục đích và lý lịch của tôi, Ông ta biết tôi có ở Nhật và ở Đức lâu năm, nên vồn vã mời vào trại bằng tiếng Nhật thay vì nói tiếng Anh như lối xã giao thường lệ.

Vì đến quá gấp và đi cũng quá gấp nên 1 số quý vị trong Ban Đại Diện của trại đã kêu gọi đồng bào trên loa phóng thanh đến phòng họp để nghe tôi nói chuyện. Chỉ trong vòng 15 phút sau gian phòng đã đầy người và câu chuyện bắt đầu. Trong sự trao đổi với đồng bào tôi nhận thấy có một số đồng bào từ các trại Mã Lai và Nam Dương đến đây để chờ chuyến bay đi ngoại quốc. Được biết trại này chỉ là trại chuyển tiếp. Người ở lâu nhất chỉ 3 đến 6 tháng là cùng, không lâu như ở những nơi khác. Trước khi câu chuyện chấm dứt tôi có ủng hộ cho trại một số tiền của đồng bào Phật tử tại Đức, Canada, Pháp, Thụy Sĩ, Úc và Đan Mạch đóng góp; nhưng ở đây mọi người đều đồng ý nhường số tiền ấy lại cho Chùa Phật Giáo tại Galang-Indonesia. Số tiền này tôi chuyển ngay vào ngày hôm sau cho Đại Đức Thích Hạnh Tuấn để trùng tu và tái thiết Chùa.

Trước khi ra về, đến danh lễ Phật trong một gian phòng chật hẹp; nhưng khá kempt và trang nghiêm thanh tịnh. Quý vị Phật tử ở trại này cho biết là ở đây ít nhận được kinh sách và báo chí của các chùa Việt Nam ở ngoại quốc. Do đó yêu cầu nếu có thể được, các chùa, các Hội Đoàn người Việt gửi sách vở báo chí v.v... đến địa chỉ: VIETNAMESE REFUGEE CAMP-

25 Hawkins Road-Singapore để bà con ở đây được nhờ.

Trước mặt trái có dựng một nơi thờ tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát; nhưng nhang khói vắng tanh, như khách trần ai đã lãng quên phần linh thiêng hiển hách đó. Có nhiều người bảo, vì không có Thầy trú trì nên hóa ra như vậy. Đa số các Thầy đến ở đó tạm một thời gian rồi đi định cư các nước thứ 3, chứ mấy ai lút tâm về việc này. Bên Thiên Chúa hoặc Tin Lành có các Linh Mục, các Soeur đến giúp đỡ người tỵ nạn và ở luôn tại các trại, nên mỗi đạo tình rất thâm thiết. Vì họ đã có chân đứng ở một nước thứ 3, sẽ có ngày trở lại. Còn Phật Giáo vì trông cây Bồ-Đề trên băng giá nên cần phải dưỡng sinh nhiều hơn nữa. Nên quý Thầy, quý Cô sau khi đã định cư được ở một nước thứ 3 rồi, về lại các nước Đông Nam Á Châu để giúp đỡ đồng bào trong các trại có lẽ có ý nghĩa nhiều hơn, như quý Cha, quý Soeur đã làm hơn là ở những nơi mà thị phi và đồ kỹ càng ngày càng gia tăng mãnh liệt. Ở những nơi đó hình như đồng bào mình ít thấy cần thiết về giá trị của tinh thần nữa; mà ở đây - trong các trại tỵ nạn - sau bao cơn thập tử nhất sinh trên biển cả, đồng bào mình có một niềm tin rất vững mạnh vào những gì thiêng liêng cao cả nhất của đời họ ngoài giá trị của vật chất ra. Nếu quý Thầy và quý Sư Cô nào làm được việc hướng đạo đó, chắc bà con Phật tử ở trong các trại tỵ nạn quý hóa vô cùng.

Trên đường trở về lại khách sạn tôi miên mang suy nghĩ cho số phận của người mình phải bỏ nước ra đi, trong lúc Singapore đang trên đà kiến thiết, xây dựng quê hương của họ; mà quê hương mình như vậy đó.

Ngày hôm sau nhân chuyến lăm du thành phố, có đi thăm nhiều ngôi chùa và nhiều thắng cảnh, tình cờ gặp một Thượng Tọa người Việt-Nam đã ở đây hơn 30 năm rồi. Pháp danh của Ngài là Thích Cảnh Thanh. Thượng Tọa trú trì chùa Long Sơn rất nổi tiếng - chùa có rất nhiều du khách ra vào, kiến trúc thật xịn như các chùa tổ tại Việt Nam vậy. Địa chỉ của chùa như sau: 371 Race Course Road, Singapore 0821. Tel. 2986563. Nếu ai đó có lần ghé Singapore; nên ghé chùa này để thăm cho biết một di tích lịch sử của Phật Giáo Việt Nam ở xứ này.

Thượng Tọa thấy tôi xá Phật và mặc áo nhứt bình nên vây tay lại hỏi rằng có phải người Việt Nam không? - Thượng Tọa mừng quýnh vì lâu lắm rồi Ngài không nói tiếng Việt nên giọng có vẻ cứng đi rất nhiều, thay vào đó tiếng Tàu rất thông thạo. Tôi - Con người hay suy tư; nên mỗi một chuyện vui hay buồn, hay hoặc dở cũng hay phân tích và lý luận; nên

lại nghĩ rằng: Nếu một mai đây đàn hậu học người Việt ở Hải Ngoại nếu không chú trọng phần dạy tiếng Việt cho con em mình, hay ngay cả đến mình không luyện tập tiếng Việt chắc một ngày nào đó cũng không khác gì Thượng Tọa Thích Cảnh Thanh !



Rời Singapore ngày 25 tháng giêng năm 85 để đến Phi Luật Tân. Chiếc máy bay 747 của Hãng hàng không Singapore đã mang tôi vào vùng đất nóng sau hơn 3 tiếng đồng hồ bay. Khi ngang qua hải phận Việt Nam, người xướng ngôn viên cho biết cách Việt Nam 20 cây số về hướng biển Nam Hải, tôi nghe như đau nhói trong tim và quặn đau trong từng thớ thịt. Từ trên bầu trời nhìn xuống chỉ thấy mây và nước nhưng lạnh lẽo vô song, mặc dầu ở đây đang vào mùa ấm. Ai có xa nước lâu năm mới thấy ray rức nổi lòng, khi gần quê hương nhứt không và chưa bao giờ được đặt chân đến. Nơi đâu và bất cứ giờ nào tôi cũng có thể đi đến được, ngoại trừ nước Việt Nam - có nhiều người bảo tôi "Thầy lấy tựa đề ĐƯỜNG KHÔNG BIÊN GIỚI cũng không đúng lắm". Tôi hỏi tại sao. Họ bảo rằng: "Đã không biên giới, nhưng tại sao Việt Nam Thầy không đến được? Tôi trả lời rằng: "Tôi sẽ đến đó được chứ; nhưng với điều kiện là Việt Nam không còn Cộng Sản nữa".

Ôi quê hương, tình người và Đạo Pháp! bây giờ đã ra sao rồi, khi mà chung quanh mọi người đều hướng về đất mẹ ?

Ở Âu Châu giờ này là trừ 25-30 C. Trong khi đó Manila cộng 30 C nên nóng đi là nóng. Thân thể tôi phải thay đổi một nhiệt độ là 60 C; nên khó chịu vô cùng. Khi ở xứ lạnh mong cho được nóng; nhưng khi nóng quá cũng cảm thấy khó chịu. Quả thật cuộc đời, con người... là những gì khó định nghĩa được.

Vừa xuống máy bay tôi đã được một số quý vị Phật tử Việt Nam lập nghiệp ở Phi lâu năm đến đón trong những chiếc áo dài dân tộc. Nếu họ không mặc áo dài chắc tôi chẳng biết ai đã đi đón mình. Vì người Phi, người Tàu, người Việt thấy giống nhau nhiều lắm. Sau những thủ tục giấy tờ, tôi đã gặp Soeur

Pascale Trùu - một người nữ tu bên Đạo Thiên Chúa Giáo nhưng rất giỏi về mọi mặt hoạt động cho người tỵ nạn cũng như ngoại giao. Nên đã có lần Linh Mục Tài nói với tôi rằng "Bà là Đại Sư của Việt Nam Cộng Hòa tại Phi đảo". Tôi thấy lời nói ấy của Cha chẳng sai sau khi tôi đã tiếp xúc với Soeur và thấy Soeur làm việc. Năm 1975, khi còn ở Nhứt, tôi có nghe sự hoạt động của Soeur tại Phi như đây là lần đầu tiên gặp Soeur trên đất khách.

Trước khi đi Phi tôi có liên lạc với Soeur và một gia đình của một người Phật tử thuần thành ở Đức, hiện làm việc tại Phi, nên mới có sự đón tiếp ấy.

Trên đường phố Manila thấy người qua kẻ lại rộn rịp vô ngần, xe hàng, xe tư nhân, xe đạp chạy vô trật tự làm tôi liên tưởng Sài Gòn trước 75 khá nhiều. Lúc ở Singapore tôi thấy gần Việt Nam bao nhiêu, khi qua Manila, thấy giống Việt Nam hơn thế nữa.

Về nhà trọ ở lại đêm ngày 25, để chiều mai 26 tháng giêng tháp tùng theo Soeur Pascale và một số quý vị Phật tử khác để đến thăm trại Palawan cách Manila chừng hơn 1 tiếng đồng hồ bay, về phía Nam.

Bên phi trường của thành phố đã thấy quý Thầy, quý vị trong Ban Đại Diện của trại, của chùa và các em Phật tử, Oanh vũ đã đứng đó chờ, và đặc biệt có Cha Cannet người Mỹ, nói tiếng Việt cũng khá thông thạo.

Cha Cannet dắt tôi và Thầy Như Định cùng một số quý vị trong Ban Đại Diện về chùa. Ở đó các anh em Phật tử đã chuẩn bị sẵn sàng dưới sự hướng dẫn của Thầy Nhật Trí, sắp thành 2 hàng tề chỉnh để đón rước. Ba hồi chuông trống vang lên đón rước mọi người vào chánh điện; sau khi dành lễ Tam Bảo tôi có vài lời với mọi người và hẹn gặp lại trong những buổi nói chuyện tới dài và lâu hơn.

Trại là một vùng heo lánh về phía Nam thành phố, nằm gần phi trường. Ở tại đây hiện còn 2.000 người, đa số đã xin đi Canada, Mỹ hoặc Úc. Mái nhà lợp tranh, tường là vách lá, dựng lên từ năm 79 nên có nhiều nhà đã bị dột nát rất nhiều khi có mưa rơi hoặc nắng dọi. Mọi người ở đây đều được đi học tiếng Anh và trẻ em cũng được học tiếng Việt. Có giáo sư người Phi, người Tàu và người Việt dạy. Đặc biệt trại này do người Việt quản lý, nên không khí có vẻ dễ chịu hơn ở Singapore nhiều hơn. Hệ thống phát thanh của trại cũng khá hoàn hảo nên mỗi khi có việc gì đều thông báo cho tất cả trại một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Thông thường ở trại 6 giờ dậy, sau đó nghe

đọc tin tức trên đài, ăn cơm sáng, lãnh phần ăn cho ngày, đi học và về ăn trưa. Buổi chiều nghỉ - có lẽ vì trời quá nắng! Tối lại đi nhận thư - cứ 2 ngày một lần phát - ăn cơm tối sau đó sinh hoạt cộng đồng - có thể xem phim, hoặc sinh hoạt tại chùa, nhà thờ hoặc thánh thất.

Trong trại có nhiều nhà tiêu, nhà tiểu và giếng nước công cộng. Đồng bào mình gánh nước về nấu cơm hoặc tắm giặt ở nhà. Gạo ở Phi rất rẻ, 1 kg chừng 4 đến 6 Piso. Cứ 1 US\$ đổi được 18 Piso và 1 DM đổi được gần 6 Piso. Nhưng khổ một điều là ở đây nấu cơm bằng củi, không bằng dầu hoặc điện như các xứ Âu Tây. Nên các bà mẹ Việt Nam vẫn còn không học lắm. Vì đây là trại tỵ nạn. Thành thạo có vài hàng quán nhỏ nhỏ bán bánh kẹo và vật dụng hằng ngày cho bà con mình trong trại. Có một vài quán cà phê nhỏ nhỏ trông dễ thương và nam nữ vẫn thường hay tụ tập nơi đây mỗi khi rảnh rỗi.

Vật giá ở Phi rất rẻ so với Đức, nhưng lương ở đây rất thấp. Nghe nói một kỹ sư mới ra trường lương tháng chừng 600-1000 Piso tức tương đương từ 100 đến 200 DM. Ngược lại một bó rau muống ở đây chừng 1 Piso trong khi đó ở Đức hoặc các nước khác ở Âu Châu phải trả 5 US\$ mới có được.

Mới bước vào cổng của trại thấy 2 bên là các nơi thờ tự rất trang nghiêm. Đầu tiên là chùa Phật Giáo - chùa này xây theo lối Phật Giáo Khất Sĩ - vì trước đây đã được Đại Đức Thích Giác Lượng hướng dẫn để xây - nay Đại Đức đang trụ trì Tịnh xá Pháp Duyên tại San Jose Hoa Kỳ. Đối diện với chùa là Thánh Thất Cao Đài trông vẫn còn đơn sơ lắm; như kinh kê ngày 2 buổi không vắng tiếng công phu. Sau nữa là Giáo Đường Nữ Vương Hòa Bình do Cha Cannet coi và các Soeur người Phi phụ trách. Bên đối diện là nhà thờ Tin Lành và sau cùng là văn phòng Ban Điều Hành của Trại.

Tôi ở lại đây từ 25 cho đến 30.1 mới về lại Manila để tiếp tục đi trại tỵ nạn Pataan ở miền Bắc Manila với Linh Mục Tài. Ở Palawan để nghe tiếng các kẻ, tiếng kẻ kêu, chuột chạy và tiếng côn trùng rên rĩ về đêm, nằm nghe mà nhớ quê hương trong muôn thủa. Tối ngày 26 có một buổi giảng cho đồng bào Phật tử tại chùa. Trưa ngày 28 có tổ chức Lễ Thành Đạo của Đức Phật. Hôm ấy Ban Đại Diện chùa và quý Thầy có mời các Tôn Giáo bạn và các phái đoàn đến dự lễ, dùng cơm chay. Tối ngày 29, trước khi về lại Manila tôi có nói chuyện về đời sống của đồng bào tại Châu Mỹ và Châu Âu ở sân công cộng của trại, đã được nhiều người nghe và chú ý.

Trước khi rời trại tôi có trao cho quý Thầy, chùa, Ban Đại Diện của trại, giúp đỡ một số đồng bào nghèo... một số tiền do đồng bào Phật tử khắp nơi đóng góp để an ủi họ.

Ở đây ăn rau muống, nằm giường tre, tắm nước lã, nghe tiếng côn trùng thây nhớ thường Việt Nam vô kể. Vì dầu khổ; nhưng còn có hy vọng để đi diệp cú - còn bà con mình ở quê nhà không biết bao giờ mới thoát ra khỏi được gông cùm của người Cộng Sản.

Trưa ngày 30 tôi phải về, các anh em Phật tử vận động để được đi ra sân bay đưa tôi về Manila - nhìn quanh phi trường thấy toàn màu áo lam để mê. Hy vọng với niềm tin và ý chí đó lớp trẻ sẽ đứng lên để gánh vác non sông và Đạo Pháp của những thế hệ đàn anh đi trước để lại.

Nhìn chung, trại tỵ nạn tại Palawan rất tốt, tư phụng dưỡng tình cảm cho đến cách sống và hy vọng với tài điều khiển của Ban Đại Diện trại sẽ giúp cho đồng bào mình có cuộc sống thoải mái hơn; mặc dầu còn đang ở trại.

(Còn tiếp)

ĐẠI BẮC ngày 4.2.1985



tiếp theo trang 39

văn hoặc một nhà thơ nào là đứng sự có một cương vị khá sáng chói ngay. Nhưng tạp chí văn học nào cũng yêu mệnh ca vì nếu không tồn cô quá thì cũng đưa đời thời thượng. Bách Khoa chủ trương sự kết hợp các trường phái, văn đăng tùy bút của Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội với văn phong rất tài cổ điển, văn đăng bài của Văn Trang và Nguyễn Văn Xuân, phản ánh của Bùi Hiến... thời tiền chiến; vậy mà văn đăng theo, thể thức từng kỳ truyện dài "Cát Lầy" của Thanh Tâm Tuyên, truyện dài "Tiền Đôn" của Thế Uyên rất thời thượng, táo bạo, khốc liệt. Các tạp chí văn nghệ nổi tiếng như Hiện Đại, Sáng Tạo, Văn Nghệ, Thế Kỷ Hai Mươi, Nghệ Thuật thọ mạng cao lắm là 3 năm vì chỉ chú trọng văn nghệ thời thượng mà thời nhân gọi là hiện sinh Đền khi tạp chí Văn, ra đời vào năm 1962, tổng thư ký toà soạn tạp chí này noi theo gương Bách Khoa, kết hợp rất nhiều trường phái, nên sống dài cho tới ngày tàn của chế độ Cộng Hòa miền Nam (30.4.75).

Thơ



Khóc Cha

Tôi tiễn cha tôi, bước cuối đời,
Tình thâm, một kiếp, thế này sao?
Tuôn dòng lệ nóng, tôi khóc mãi,
Khóc mãi cho đời... ngả biệt ly,
Cho thân cốt nhục thành tro bụi,
Để mùa thu tới, gió mang đi,

.... Tôi khóc, tháng năm dài vô tận,
Cha tôi vàng vố ngút ngàn cơn đau,
Tôi khóc, nhớ cha giờ tan liêm....
Cha đi!

đã đến phút lìa tan?
Tôi khóc, cho tôi quá lối lằm,
Đã không biết trước có ngày cách chia!

Thôi câu chuyện cũ... là giấc mộng,
Để người đi thêm tỉnh giấc mê đời, (1)
Câu thơ đầu cô còn dang dở,
Cũng có người nối tiếp viết vần sau,

Cha đi, con cúi xin Đức Phật,
Đón người về nơi cực lạc Phương Tây,
Để từ đây thôi hết đoạ dầy,
Hết câu sinh tử,
Vòng luân hồi quản quại tằm thân run... (1)
Dòng lệ nóng, cõi lòng đau,
Con lễ Phật...

■ TÂM LƯƠNG
Tastrup-Danmark

(1) Trích dẫn tứ ý và thơ trong kịch thơ dài "Tình trong giấc mộng" của thi sĩ Lê Hữu Khải:

"Ham chi một kiếp làm người,
"Chưa sinh đã khổ, thác rồi còn đau,
"Lão, bệnh, tử, nhip cầu oan trái,
"Vòng luân hồi quản quại tằm thân run.



Không cần nhắc nhớ, các bạn đồng hương của Phú Văn cũng biết chắc rằng nam nay là năm tuổi của mình- Năm Ất Sửu- năm "Trâu cây".

Trâu, không chỉ có tượng quan mặt thiết với nông gia Việt Nam mà lại còn thiết thân với những người Việt tha hương, bởi công việc hằng ngày thường nhắc nhở chúng ta:

Trâu đi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.
Cây cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây, trâu đây, ai mà quản công;
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

trước khi gia bộ lần đùng ra chết có đàn vô rãng: "em ơi, khi anh chết, em hãy đòi cho mồ anh heo cỏ rồi em mới đi, lấy chông khác... nghe!". Bà vợ Trang Túc khóc lóc thảm thiết lắm, nhưng sau khi an táng xong, hằng ngày bà cứ ra mộ, chông vừa quạt cỏ vừa khóc lóc. Trang Túc hóa ra một đạo sĩ đến hỏi: "Bà đau đớn khóc thường cho chông, nhưng tại sao bà lại quạt cỏ làm gì?". Bà ta trả lời: "Chông thiếp trước khi chết có trăng trời rằng hãy đòi cho cỏ trên mồ heo uả hết rồi mới đi lấy chông khác được! Thiếp đợi mãi mà cỏ trên mồ ngày càng xanh tốt, nên phải ra sức quạt cho nó... heo đi!". Trang Túc chán quá, về nhà nhâm nhi rượu để với chum ruốt chাম muối ớt mà sáng tác bài thơ "Gò chầu". Thơ rằng: "Than ôi cuộc đời trôi nổi, sông hôm nay mai đã chết rồi.. ngựa người cưỡi, ruộng người cày, con người mang mồ, vợ người ấp yêu". Ý Trang Túc than tiếc cuộc đời phù du. Khi chết đi thì ngựa của mình nuôi để cho người khác cưỡi; ruộng của mình để lại cho người khác tự do cày cấy; con của mình lại bị người khác chưỡi rùa; vợ của mình thì để kẻ khác thường yêu. Chữ "người" trong bài thơ trên là người chông mới của vợ mình. Đó là lời giảng dạy của ông thầy Việt văn của Phú Văn. Khi Phú Văn tới bị gọi lên trả bài, Phú Văn lại đọc ngược một chữ, thay vì "ruộng

Phiếm luận: PHÙ VÂN

LỜI CHÚC NĂM TRÊU

Phù Văn tôi không phải là hạng người quan yếm thế muốn lôi kéo các bạn đồng hương vào làm... hậu thuẫn, nhưng hai chữ "trâu" và "cày" có liên đới với nhau một cách hết sức là "đa diết". Sống ở cái xã hội tiến bộ này, riêng việc chạy đuổi theo thời biểu làm việc đã bỏ hơi tai, huống chi còn phải sắm những nhu cầu cần thiết tối thiểu về vật chất, nên chúng ta phải lo "cây sâu, cuộc bầm" để thanh toán tiền nhà, điện nước, điện thoại; phải "keo cày" tra nó xe, đóng bảo hiểm... Thế cho nên ai cũng chịu khó "cày" thêm giờ, làm Überstunden, over time... Phù Văn tôi cũng thường tự an ủi và chịu "cày như... trâu" để dành dụm chút đỉnh gởi quà cáp chi viện cho thân nhân, bà con ở quê hương.

Hồi còn mài đũng quần ở ghế nhà trường, học về Trang Túc; Phú Văn tôi "tra bài" chỉ nhâm có một chữ "cày" mà gây nên một... huyền thoại của tuổi ô mai. Số là anh chàng Trang Túc tánh vốn "đa nghi", muốn thử lòng kiên trì của bà vợ "đầu gối, tay ấp,"

người cày", Phù Văn lại đọc: "vợ người-cày". Ông thầy nghiêm khắc thuộc loại Quân, Sư, Phu đã cho Phú Văn tôi "uông cả phê đen không đường" và một mản "morran" tạm gọi là "cạn táo ráo mang". Khi được hỏi nhận xét về bà vợ của Trang Túc, Phú Văn tôi đã không ngần ngại mà phang cho một câu: "Vợ Trang Túc ngu quá, tại sao bà không xây mồ bằng xi-măng Hà Tiên loại thượng hạng thì có làm gì mà mọc được". Học trò cười lên muôn vợ lớp, còn Ông thầy của Phú Văn thét lên "be be" và tổng cô Phú Văn tôi ra khỏi lớp...

*

Phù Văn tôi thích chuông về thực tế, từ ngày qua Đức ty nạn Công san; để tránh sự tui hồ "ngựa tay nhân tiến trợ cấp xã hội hay lao động", nên cũng bỏ công "đi cày" như bao nhiêu người khác, quên bên cái quạ khu...vi đại của mình, để:

Ru nhau đi cày, đi cày,
Bây giờ kho nhọc, cơ ngày phong lưu.
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,

Chồng cây, vợ cây, con trâu đi bừa.

"Cây" là một "mỹ từ" quen thuộc trên đầu môi chót lưỡi của bà con tỵ nạn Việt Nam. Ngoài Việt ngữ, thu tìm trong các quốc gia khác có một chữ nào vừa êm ái vừa có biểu tượng hành động thật ử là...hấp dẫn đó? mở hỏi như vậy không? Chắc là không rồi. Đồng từ "cây" của Việt ngữ lại chia rất dễ: tôi cây, anh cây, chúng ta cây, nếu nôm na ra tiếng Đức là: ich cay, du cay, wir cay và nếu ở thì quá khứ như hôm qua anh đi cây,, gestern cay du, hoặc ở thì tương lai như ngày mai nó đi cây, morgen cay er. Nếu tụi Đức mà biết được sự dễ dàng này thì sẽ khóc thét lên và mặc sức kêu tố tụng mấy đời của họ để ra thứ chữ "kỳ quái, lai căng" ra mà ...ruả!

Vì thế chúng ta nên xem lại bài thơ "về đi cây" của cụ Tú Xương:

Hàn tử, chẳng biết Hàn,
Tây tử, chẳng biết Tây,
Quốc ngữ cũng tịt mít:
Thôi đi về đi cây!

...

Được tiên thì mua rượu,
Rượu say rồi cười trâu.
Cười trâu thề mà vững,
Cổ ngựa cũng không đau.

...

Thề là "cây" liên quan với "trâu", xin các bạn nghe bài "Vinh con Trâu" của Học Lạc - Nguyễn Văn Lạc:

Mãi sung cho làm cũng là trâu,
Ngâm lai mà coi thật lớn đầu,
Trong bụng làm nhăm ba la sách,
Ngoài cầm lem đem một chòm râu.
Mặc mùa đốt dít tôi bới chày,
Lam lẽ bôi vôi nhón nhác sâu.
Nghe ngo gia đòi quen nghe ngo,
Nam đã y dân gầy biết chỉ đâu!

Thật tình Học Lạc cũng chẳng chê trách gì Trâu mà Ông chỉ muốn mặt sát bọn người vô học, đốt nát, loại "đàn gậy tai trâu", mà lại lên mặt khinh đời, chỉ biết "làm thân trâu ngựa" không phải để "đền bù trúc mai" mà chỉ muốn mua chuộc người khác. Các bạn của Phú Văn sẽ kêu lên khó chịu: "Biết rồi, khô lam, nói mãi!" hoặc giả "nói cho làm cũng nước mắm dưa cải, nói mãi cũng chỉ dưa cải nước mắm!". Phú Văn xin trở về Nam Trâu cây, về cái quan niệm "đi cây" của cụ Tú Xương. Cụ Tú mang tâm trạng của kẻ sĩ thất chí ở chốn quan trường, cụ cay cú vì chỉ "chớp" được một cái...Tu kếp:

Mấy khoa hưởng thì không đầu cả,
Nhà nghèo, vợ khó phải:

Nuôi nâng nạm con với một chồng,
Thề mà cụ Tú vẫn chịu chơi:

Vợ quen dạ để cách nam đời.
Cười cùng, cụ than trách:

Bắc thang lên hỏi ông Trời nghe,
Trêu gheo người ta thề nửa thối?
Nhưng tánh ngông không bỏ, Xuân đến, cụ Tú sáng tác bài "Tết đến" để "Thanh Minh - Thanh Nga" với bạn bè:

Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo,
Tiền của trong kho chẳng lĩnh tiêu,
Rượu cúc nhân đem, hàng biếng quây,
Tra sen muôn hỏi, giá còn kiêu.
Bánh đường sắp gói, e mồm chày,
Giò lụa toan làm, số nang thiu.
Thôi thề thì thối, đành Tết khác,
Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo.

Dù sao cụ Tú cũng cảm thấy:

Hố với anh em chúng bạn quen.

Vì bà vợ cụ cần nhân:

Một duyên, hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Cò chồng hồ húng cũng như không.
(Đưa cho vợ)

Nhưng cụ Tú vẫn tự an ủi:

Chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết,
Kiết cú như ai cũng rượu che.
(Năm mới)

Với "trâu", với "cây" đối với người nông dân Việt Nam như hình với bóng. Tiếc thay Phú Văn ở đất lạ quê người không được nghe:

Lao xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cải cây, tay dắt con trâu.
Bước chân xuống cánh đồng sâu,
Mặt nhăm, mặt mỡ, đuôi trâu ra cây.

Các bạn tuổi "Suù" đứng ngại năm nay là năm tuổi. Phú Văn tôi cần phải ca ngợi các bạn đã đứng số... "Trâu". Các bạn cũng nên tự hào về số tuổi... "Trâu" của mình, bởi vì "con trâu là đầu sự nghiệp":

Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà,
Trong ba việc ấy thật là khó thay.
Bởi vậy trâu được nông gia quý mến và giữ gìn cẩn trọng:

Năm đây, chớ chẳng ngủ đầu,
Thúc mà giữ lấy con trâu, con bò.
Năm đây, mà chẳng ngủ cho,
Thúc mà giữ lấy con bò, con trâu.

Các bạn gái của Phú Văn cũng đừng nên lo ngại và buồn phiền về cái số tuổi... "Trâu" nặng nề cục mịch của mình, bởi vì:

Muôn giàu thì nuôi trâu nãi,
Muôn lun bại thì nuôi bò câu.

Hoặc giả các bạn gái được sông trở lại thời quan lai phong kiến của Việt Nam, mà lỡ "khôn ba năm, chỉ đại... một giò" vì nghe lời đường mật, dụ dỗ của mấy tên Sở Khanh, để hấn vào một sớm mua Xuân "quạt ngựa truy phong" khi hay tin các bạn "phận liễu nửa chừng nẩy nét ngang", có

nghĩa là mang chúng bệnh "cam tích" ăn không tiêu, là lời ca của Phạm thế Mỹ: "bây giờ...mây tháng rồi hỏi em?" hoặc rõ ràng như ban nhạc AVT hay hát: "cái bầu ba tháng là trông thấy liền!". Đến lúc đó các "cô gái ngoan" mới thử thi với mẹ đẻ xin sớm "cao chạy xa bay" để tìm chỗ "đắp bầu tằm sù", tranh cái và lang nước bắt nộ phạt dôi trâu:

Phênh phênh lòn giữa lòn ra,
Mẹ ới con chẳng ở nhà được đâu.
Ở nhà lang bắt mất trâu,
Cho nên con phải đâm đầu ra đi.
Thế cho nên các bà, các cô ngày xưa phải cộ trau dôi từ đức: công, dung, ngôn, hạnh để "treo cao giá ngọc" nhằm kiếm được một tằm chông xứng đáng, để chúng ban khỏi phải chê cười:

Con gái khôn mà lấy tháng chông dại,
Như cái bông hoa lòi cãm bãi cứt trâu!
Phân trâu thi (xin lỏi) các bà, các cô chê là...dở dáy, gớm ghiếc. Nhưng dưới chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại thi thậm chí đến phân...người còn được dùng làm phân bón hoa mau. Việc hốt phân người cũng cấp đủ chỉ tiêu cho Bác và Đảng- sang kiến về đỉnh cao trí tuệ...phân người, cũng là một việc vô cùng khó khăn, vì Bác và Đảng bỏ dôi dân chúng dài dài, đã không đủ ăn thì làm sao mà...rặn cho đủ số lượng qui định!

Nhưng các cô càng "treo cao giá ngọc" thì lại càng "ông...chê" là ế chông. Đến lúc này thì các đảng "tu mi nam tử" được xếp vào hạng "cứt trâu" mới có dịp ngạo báng:
Đi đâu mà chẳng lấy chông,
Người ta lấy hốt chông mông mà gào.

Các bạn của Phú Văn sẽ chuỗi thâm: "Mẹ kiếp, lão Phú Văn chỉ nói lang bang về trâu và cày, thế mà dám cho chạy cái tựa LỜI CHÚC NAM TRAU". Phú Văn phân tích những lời chúc từ trước đến nay.

Số là chưa đến Giang Sinh, Tết Tây, Tết ta Phú Văn tôi thấy người ta chúc nhau ào ào; nào là sức khỏe, bình an, hạnh phúc, phát đạt, thăng lỏi, thịnh vượng...không có một lời tốt lành nào là không dám sử dụng đến, cứ sợ như là không có dịp dùng (mà cố dùng thì cũng chẳng mất mát, tổn kém gì cả!). Chứ nghĩa, ôi là chủ nghĩa. Tôi nghiệp!

Không phải chỉ ở đây mà ngay hồi còn ở quê hương, Phú Văn tôi cũng đã học, đã dùng, đã bắt chước...để chúc tụng nhau. Hãy nghe cụ Tu Xương, nghèo kiệt xác mà cũng chúc Tết:
Lặng lặng mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu,
Phen này ông quyết đi buôn cõi,
Thiên hạ bao nhiêu đũa giả trâu.



Lặng lặng mà nghe nó chúc con,
Sinh năm để bầy được vương tròn,
Phở phường chật hẹp, người đông đúc,
Bông bẻ nhau lên chúng ở non.

Chúc Tết như cụ Tu Xương nhà ta là hết cỡ...thợ mộc rồi, Phú Văn tôi xin "dò nón chao thua". Thế những ở hai ngoại mà Phú Văn tôi chúc các bạn "sinh nam để bầy" để các bạn được hưởng tiền...Kinder geld, thì không riêng gì các bạn sẽ "đuà" Phú Văn thâm tẻ mà ngay cả chính phủ Đức cũng dám...I can you (xin hiệu là xin can anh) vì ngân quỹ của Đức dám... sập tiệm làm!

Qua đây mấy năm Phú Văn tôi cũng nhận được nhiều lời chúc, thế mà "tay trắng vẫn hoàn...trắng tay", công danh sự nghiệp đều tiêu tán...thoảng cả! Vì thế Phú Văn tôi dăm nghi ngờ và làm một sự "xet lại". Hàng năm, nếu những lời chúc đều trở thành sự thật ca, thì thế giới này đã trở thành một thiên đàng- (khác với cái thiên đàng cộng sản để lừa bịp, my dân); chẳng còn chiến tranh; chẳng còn chế độ cộng sản (chủ nghĩa chuyên chính vô sản đã chết ngay trong trứng nước, bởi vì ai ai cũng giàu sang cả), Phú Văn tôi khỏi làm kiếp lùa đày tha hương, kéo cày trả nợ.

Lời chúc ai cũng khỏe, khỏe...như vâm, khỏe...như trâu. Chỉ tội nghiệp cho mấy cha đóc-tơ thất nghiệp dài hạn, bởi vì ở các phòng mạch các bác sĩ chỉ có việc ngồi...đuôi ruồi, kiếm được một con bệnh đến...mỏi mòn con mắt! E rằng các vị Y khoa phải xoay qua hạnh nghề...quét "lả bạc" ngoài đường phố, bởi vì ai cũng

giàu sang "vung tiền ra cửa sổ".

Tiếp đến là lời chúc ai cũng giàu sang, phú quý, thăng lối, thịnh vượng, "tiền rủng rập bạc bẽ". Giàu sang thì hay sinh tật "ăn chửi vung vít", như Nguyễn công Trứ thuở còn lên voi mà chưa xuống chó:

Dem ngàn vàng chuốt lấy trần cười,

Chối cho lịch mới là chối,

Chối cho dài các, cho người biết tay.

Chỉ tội cho mấy nhà băng, chẳng còn thân chủ nào đến gởi tiền cả, bởi vì ai cũng giàu có, tiền bạc như là...mùa thu, chẳng sợ trộm cướp. Các nhà băng rồi cũng đến lúc đẹp tiệm để mở những chôn "ca lâu tửu quán" mà thôi.

Phù Vân sợ đến lúc đó mình không tìm kiếm được một tên phi công nào rồi rảnh chịu lái máy bay đưa anh em mình trở về sông yên lành ở quê hương, bởi vì hẳn ta cũng không đủ thì giờ để "du hí".

Có tiền của, hạnh phúc rồi, ai cũng muốn sống đến "trăm tuổi" nhưng mong rằng "đừng bạc đầu râu", vì nói như Nguyễn Khuyến:

Mái tóc chòm đen, chòm lóm dóm;

Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung lay.

Nhấp nhem bốn mắt tranh mờ tỏ,

Khấp khểnh ba chân đỡ tỉnh say.

thì hoá ra chẳng còn "đớp hít" được, "cái thá" gì cả thì uống phi của trời làm ru!

Vì thế con người lại đến lúc tìm về đời sống tinh thần, tìm cái nhân, cái thanh tu tính mình:

Một chữ nhân lại đáng giá muôn chung,

...
Thở một túi phàm để câu nguyệt lộ,
Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà,
Thu xuất trần, tiên vẫn là ta.
(cầm, kỳ, thi, tửu- Nguyễn công Trứ).

Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi,
Gẫm việc đời mà ngắm kẻ trọc thanh.
(Kẻ si- Nguyễn công Trứ).

Em chẳng no, mà chẳng đói,
Thung thăng chiếc lá, rượu lũng bầu.
(Nước lụt hỏi thăm bạn- Nguyễn Khuyến).

Bởi Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,
Cảnh phù du trông thấy cũng nức cười,
Thôi công đầu chuốt lấy sự đời...
(Uống rượu tiêu sầu- Cao bá Quát).

Cho nên người ta hướng về triết lý đạo Phật:
Mây toà sen rớt mùi hương ngũ,
Nấm thức mây phong lớp áo châu,
Sóng lớp phê hừng coi đã rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
(Chùa Trần Bắc- Bà Huyện Thanh Quan).

Thở thè rủng mai chim cúng trái;
Lung lờ khe Yến cá nghe kinh,
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giệt mình trong giấc
mộng!

Này xuôi Giải oan, này chùa Cửu vông,
Này am Phật tích, này động Tuyết quynh
Nhạc trông lên ai khéo vẽ hình.

...
Lần trăng hạt niêm nam vô Phật,
Của Tư Bi công đức biết là bao.

(Phong cảnh Hương Sơn- Chu mạnh Trinh)

Phù Vân xin chấm dứt nơi đây. Xin các bạn tìm trong bài này như là một lời chúc tốt lành và thích hợp nhất cho các bạn. Mong rằng điều ước của các bạn sẽ được thi hiện trong năm mới.

*PHÙ VÂN (Hamburg)

(Ất Suối tân niên)

Quảng cáo



Tin cần lưu ý :

Văn phòng du lịch V. BEUST & KREUZNER REI - SEBÜRO GMBH chuyên lo vấn đề du lịch kể cả vùng Đông Nam Á cho người Việt Nam sinh sống tại Tây Đức.

Mọi chi tiết xin liên lạc trực tiếp qua Bà MỸ ANH HANISCH, là một người Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm, bà MỸ ANH sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của quý vị bằng tiếng VN hoặc nhiều ngôn ngữ khác về những vấn đề liên quan đến việc đi du lịch.

Quý vị đừng do dự khi dự định đi du lịch, nghỉ hè trong tương lai. Xin liên lạc với chúng tôi trong giờ làm việc :

Thứ Hai đến Thứ Sáu từ 9.00 đến 18.00
Thứ Bảy từ 10.00 đến 13.00
(Quý vị có thể liên lạc với VBK bằng t h đ tin hoặc qua điện thoại).

v. Beust & Kreuzner
Reisebüro

0221

...persönlich
im Service!

Am Hof 23 · 5000 Köln 1 ☎ 219656-58



Con trâu trong Văn học Việt Nam

Năm nay là năm Ất Sửu, cầm tinh con Trâu nên chúng tôi xin cùng quý vị độc giả tìm hiểu chỗ đứng của con Trâu trong văn học Việt Nam

Là một động vật nhai lại, ăn cỏ lại có sức khỏe nên con Trâu là bạn thân của nông dân Việt Nam từ ngàn xưa. Do đó trong văn chương bình dân, chỗ nào ta cũng thấy nhắc tới con Trâu qua những thành ngữ, tục ngữ hoặc ca dao

Trâu cày, ngựa cưỡi là để chỉ công việc nặng nhọc nhưng rất có ích cho loài người. Thế mà khi muốn mắng những kẻ làm bậy, vô luân thường đạo lý, người lại bảo bọn này là Đò trâu, đò chó thì có ức cho Trâu và Chó hay không? Trâu vốn ưa nước, những ngày hè oi bức nó thường đắm mình trong vũng bùn rồi lắc đầu, quấy đuôi, vẩy bùn ra khắp chung quanh cho nên mới có câu: Trâu lấm vẩy quanh. Câu này còn có nghĩa là những kẻ làm bậy thường hay đổ lỗi cho người khác như trường hợp Thị Mầu đã vu oan, giá họa cho tiểu Kính Tâm!

Bây giờ mà đem những điều nhân nghĩa, dân chủ tự do v.v... ra mà giảng giải cho bọn cán bộ hoặc công an khu vực thì cũng hoài công vô ích, khác nào như đem đàn gậy tai Trâu! Chính lũ bộ đội thường hay hục hặc với bọn công an tham nhũng cũng chỉ vì Trâu buột ghét Trâu ăn. Rồi chúng đã dùng súng để bắn nhau khiến dân lạc làm thiệt mạng những người dân đen thấp cổ, bé miệng thật là Trâu, bò húc nhau, ruối, muối chết! Người dân miền Nam xưa nay vẫn ăn no, sung túc, thế mà chỉ ít lâu sau khi Cộng Sản miền Bắc cưỡng đoạt miền Nam là thóc cao, gạo kém, báo lụt thiên tai phá hoại mùa màng nên mọi người vẫn báo nhau rằng Trâu trắng đi đâu, mất mùa đến đấy. Trâu trắng ở đây còn ai khác hơn là bọn Duẩn, Giáp, Đồng Khu?

Chẳng phải đến bây giờ ở các nước Âu Mỹ, các bà mới đòi bình quyền, bình đẳng. Ở nước Việt Nam, các bà các cô đã bình đẳng với Nam giới từ lâu rồi... Bình đẳng trong công việc làm

vất và ở ngoài đồng cùng với con Trâu. Vì thế nên ca dao đã có những câu:

*Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cày, vợ cấy, con Trâu đi bừa.*

Hoặc là

*Bây giờ trời đã gần trưa,
Chồng vác lấy bừa, vợ dắt lấy trâu.*

Như trên đã nói con Trâu là người bạn thân nhất của nông dân Việt Nam vì việc cày bừa chưa được cơ giới hóa. Vợ chồng bác xã Bồng trong cuốn truyện dài Con Trâu của Trần Tiêu suốt đời chả chỉ mong ước tậu được một con trâu nái là gì? Hai người này lúc nào cũng nghĩ rằng Ruộng sâu, Trâu nái vì ruộng có cày sâu, trâu có là trâu nái (tức trâu cái đẻ trâu con) thì mới khá được. Cũng vì thế mà ca dao thường nhắc cho nông dân nhớ:

*Tháng Tư đi tậu Trâu, bò,
Để ta sắp sửa làm mùa tháng Năm.*

Khi đã tậu (mua) được trâu rồi, nhà nông đi cho tới lúc

*Lao xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cái cày, tay dắt con Trâu.*

Và vừa đi ra đồng, nhà nông không quên khuyên khích con Trâu của mình rằng:

*Trâu ơi! Ta bảo Trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng, Trâu cày với ta.
Cày, cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây, Trâu đấy, ai mà quản công!
Bao giờ cây lúa có bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng Trâu ăn...*

Bây giờ là đã ra tới ruộng rồi, không để mất thì giờ, nhà nông

Bước chân xuống cánh đồng sâu,

Mắt nhắm, mắt mở đuổi Trâu ra cày...

Và cứ như thế, nhà nông đã chẳng quan ngại gì vất vả, cực nhọc :

Ruộng đầm, nước cà, bùn sâu,
Suốt ngày cùng với con Trâu cày bừa.

Tuy bò cũng có thể kéo cày, kéo bừa như Trâu nhưng nhà nông vẫn thích Trâu hơn bò vì Trâu còn hơn khỏe bò. Để chăm sóc cho Trâu, nhà nông thường cho con đi cắt cỏ, chăn Trâu. Vì thế mà chú bé chăn Trâu trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư đã sung sướng hát :

Ai bảo chăn Trâu là khổ ?
Chăn Trâu sướng lắm chứ !....

và gây nguồn cảm hứng cho nhạc sĩ Phạm Duy sáng tác ca khúc EM BÊ QUÊ. Khi đi chăn trâu chú bé không quên rằng Trâu nào ăn cỏ đồng ấy để khỏi gây xích mích với những chú bé chăn trâu khác ở các cánh đồng bên cạnh. Rồi vì Trâu ta ăn cỏ đồng ta nên khi lớn lên chú chỉ thích lấy vợ cùng làng, vừa đầm đàng vừa khỏe mạnh, cái khỏe mạnh của những cô Gái mới hày, bé gãy sừng Trâu.

Nói đến chuyện chăn trâu thì không thể nào quên được Có Lau tập trận của chú bé Đinh Bộ Lĩnh ở đất Hoa Lư, khi đi chăn Trâu cho chú mà đã có chí khí khác thường, để rồi sau lớn lên, theo Trần Lãm, dẹp được loạn 12 sứ quân, và thống nhất giang sơn về một mối.

Lại còn chuyện Trâu vàng ở Hồ Tây (Hà Nội) và chuyện ngụ ngôn Trí khôn điếc kẻ nhũ sau : Ngày xưa Hồ thấy Trâu bị người đi cày quất tháo, đánh đập thế nào cũng phải chịu liền hỏi Trâu rằng :

- Trâu ơi! Mày to lớn thế sao lại chịu để cho thằng người bé nhỏ nó đánh ?

- Nó tuy bé, Trâu đáp, nhưng Trí khôn nó lớn. Hồ lấy làm lạ lại hỏi người :

- Người kia! Trí khôn của mi để đâu cho ta xem ?

- Ta để ở nhà, người vừa làm, vừa đáp lời Hồ.

- Vậy mi về nhà lấy ra cho ta xem đi !

- Chịu thôi! Ta về lấy rồi ở đây Hồ ăn thịt Trâu của ta thì sao? Nếu Hồ muốn ta về lấy Trí khôn ra thì hãy để ta trói Hồ lại đã.

Hồ bằng lòng để cho người trói. Trói Hồ xong người lấy báp cây vừa nện vô đầu Hồ, vừa nói Đây là Trí khôn của ta, mi đã biết chưa? Thấy thế, Trâu thích quá, ngửa mặt lên trời, vừa chạy, vừa cười Hồ ngu, không may va vào vách đá, gãy cả hàm răng trên nên về sau thành ra Trâu có sừng thì cũng hàm trên.

Gần đây, một số đồng bào Việt Nam vượt biên, ty nạn Cộng Sản, tới được mấy trại tạm cư ở

Đông Nam Á, chớ mái mà chưa được đi định cư thường than với nhau là: Trâu chậm, uống nước đục...

Trong Truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du, khi tả bon sai nha hung ác đến khám nhà Vương Ông đã viết: Đâu Trâu, mắt ngựa ào ào như sóng. Rồi đến đoạn Thúy Kiều bán mình, tu cho là còn mắc nợ với Kim Trọng mà không trả được ở kiếp này, Cụ Nguyễn Du lại viết :

Tái sinh chưa dứt hương thế,
Làm thân trâu ngựa, đến nghi trúc mai.

để tỏ ý rằng, theo thuyết luân hồi của nhà Phật, người có nợ ở kiếp này mà chưa trả được thì kiếp sau phải thác sinh làm Trâu ngựa để trả nợ cho chủ cũ.

Trong cuốn truyện ngụ ngôn bằng thơ là LỤC SỨC TRANH CÔNG ghi chép cuộc tranh luận để kể công trạng của 6 con vật nuôi ở trong nhà là: Trâu, Chó, Dê, Ngựa, Lợn, Gà, thì Trâu đã nói một mạch dài có những câu như :

... Có Trâu sản tằm tơ, lúa má
Không Trâu, không hoa, quả, đậu, mè
Lúa gặt, cất lên đã có Trâu xe,
Lúa chắt trữ lại để dành Trâu đập....

Về thơ Đường luật bát cú cũng có mấy bài ta con Trâu như sau :

CON TRAU GIÀ

Một năm xương khô, một năm da,
Bao nhiêu cái ách đã từng qua.
Đuổi kia biếng vầy Diên Đan hóa (1)
Tai nạn buồn nghe Nịnh Tứ ca (2)
Sớm thả đồng đào, ấn đùng đình
Tối về chuồng quế, thơ nghi nga
Có người đem đất tổ chuồng mới (3)
Ôn đức vua Tể lại được tha (4)

KHUYẾT DANH

CON TRAU

Mài, sừng cho lắm cũng là Trâu,
Ngâm lại mà coi thật lớn đầu.
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cầm lém dèm một chòm râu
Mặc mưu dốt dít tới bởi chạy
Lâm lê bởi chuồng, nhón nhác sấu.
Nghé ngo già đời quen ghé ngo (5)
Năm đây đàn gậy biết chi đầu !

Học Lạc

Tới đây, chắc quý vị cũng đồng ý với chúng tôi rằng: Con Trâu, một con vật hiền lành và chịu khó, bạn thân của nhà nông Việt Nam, đã được nhắc đến nhiều trong nền văn học bình dân cũng như bác học của chúng ta. Chúng tôi mong rằng cùng với năm Ất Sửu này, hình

anh con Trâu Việt Nam sẽ đem tới quý vị mọi sự may mắn, tốt lành và thịnh vượng...

Chú thích :

(1) **Điền Đan hóa :** Là Điền Đan, Thối Chiến quốc bên Tàu, nước Yên đánh nước Tề, đã hạ được hơn 70 thành, chỉ còn một thành Cử Tức Mặc là đứng vững mà thôi. Lúc đó có tướng nước Tề là Điền Đan dùng mưu bắt một nghìn con trâu đục khỏe mạnh, mình khoác áo đỏ vẽ nhiều màu sắc sặc sỡ, sừng buộc những lưới gấm nhon và sắc, đuôi buộc sẵn một nắm cỏ khô tẩm dầu. Khi ra trận, quân Tề xua đàn trâu đi trước rồi theo liền sau mà đốt những nắm cỏ khô tẩm dầu buộc ở đuôi trâu. Bị nóng trâu cuống cuống lên, chạy xông thẳng vào trận địa quân Yên làm cho quân Yên hoảng sợ, ngỡ là ma quỷ hiện hình, tán loạn hàng ngũ bỏ chạy thoát thân, giấy xéo lên nhau mà chết rất nhiều. Thừa thắng xông lên, quân Tề chiếm lại được những thành trì đã mất và sau trận đại thắng này vua Tề đã phong cho Điền Đan làm An Bình Quân.

(2) **Ninh Tử ca :** Bài hát của Ninh Tử. Ninh Tử tức là Ninh Thích, tài giỏi ở thời Chiến quốc nhưng chưa biết cách nào để tiện thân được nên sống rất nghèo nàn, khổ sở. Sau Ninh Thích lập kế đi buôn, ngồi trên xe cho Trâu kéo chở hàng hóa đi bán suốt ngày ở ngoài chợ. Đêm đến, Thích về nằm ngủ ở bên cửa thành, thường gõ vào sừng trâu, nghe ngao hát, bày tỏ chí khí của mình. Một tối Tề Hoàn Công nhân tiện khách ra ngoài thành, tình cờ nghe được bài hát của Ninh Thích, liền cho mời vào hỏi, thấy ứng đối trôi chảy, liền thu dùng và phong cho làm quan to để giúp việc nước.

(3) **Tổ chuông mới :** Theo tục lệ ngày xá thí mỗi khi đúc xong một quả chuông, bằng đồng thì phải làm lễ giết trâu, lấy máu trâu bôi vào chuông thì tiếng chuông đánh lên mới ngân nga và vang ra xa. Lễ này gọi là Hân chung, tức là Bôi chuông.

(4) **Vua Tề :** tức là vua Tề Tuyên Vương, thấy người ta dạt con trâu đi để giết lấy máu tổ chuông mới liền tỏ lòng thương trâu và ra lệnh tha cho con trâu này khỏi bị giết.

(5) **Nghé ngo :** tiếng kêu gọi mẹ của con Trâu con, còn gọi là con Nghé.



Quảng cáo

Tiệm Tùng Hương tại Schwanthalerstr. 63, 8000 München 2. Tel. 089-533298/576430 có bán thực phẩm, sách báo, băng nhạc.

- Đây đủ các loại thực phẩm khô, tươi và đông hộp.
- Các món ăn thuần túy Việt Nam: giò lụa, Lạp xưởng, nem chua.
- Các loại hàng giá trị: kem hoa lan, dầu xanh, dầu gió, Salonpass.
- Áo gấm Thượng Hải hoa chữ thọ cho cô dâu và soie Pháp.
- Bán và cho mượn các loại sách kiếm hiệp. Tủ sách gia đình dạy nấu ăn.
- Băng nhạc mới nhất thâu nguyên thủy tại Mỹ
- Băng Video màu mới nhất trên thị trường (Hệ thống Pal, VHS).
- Tủ Hồng : nhạc kịch sống III, phim màu DM 120.-
- Thanh Lan : Hát cho tình yêu (băng ca nhạc phim màu DM 140.-
- Tuyệt tình ca (cái lướng), phim màu DM 120.-
- Hoa Mộc Lan (cái lướng hồ quảng) phim màu DM 120.-

Nhân gửi thực phẩm, sách báo, băng nhạc, băng Video qua bưu điện theo lối Nachnahme. Muốn có danh sách sách báo, băng nhạc, băng Video, thực phẩm xin gửi thư kèm 1DM tem lệ phí bưu điện.

Thomas Mannstr. 33
53 Bonn 1

Đ.T. 0228/639033

Erkratherstr. 6

4 Düsseldorf 1

Đ.T. 0211/352192

Albertusstr. 7

5 Köln 1

Đ.T. 0221/246021

ASIEN-SHOP

亞洲店



- * CỬ SỞ THƯỜNG MAI ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM NGÓT 10 NĂM PHỤC VỤ ĐỒNG BÀO TẠI TÂY ĐỨC
- * CHUYÊN BÁN SỈ VÀ LẺ CÁC LOẠI THỰC PHẨM ĐỘC ĐÁO, ĐỒ KỶ NIỆM VÀ SÁCH BÁO, BĂNG NHẠC ĐẶC BIỆT CHÍNH THỨC NHẬP CẢNG TỪ Á CHÂU VỚI GIÁ PHẢI CHĂNG.

* ĐẠI LÝ BÁO TIỀN PHONG, SÓNG VIỆT.

* HÀNG NGÀY ĐỀU CÓ RAU CẢI TƯỚI.

* NHẬN GỬI HÀNG ĐI XA KHẮP TÂY ĐỨC THEO LỐI CHUYÊN HOÁ GIAO NGÂN RẤT ĐẢM BẢO VÀ NHANH CHÓNG VỚI GIÁ CHÍNH THỨC.

Gia đình ASIEN SHOP kính mời

Quá khứ và Niềm tin

LỜI TÒA SOẠN :

Đây là một trong bảy tác phẩm trúng giải Văn Học Nghệ Thuật 84 về bộ môn Tùy Bút và Thơ do Hiệp Hội "DR HERMANN SCHMITT VOCKENHAU - SEN STIFTUNG" tổ chức dành cho người tỵ nạn Đông Dương hiện sống tại nước Đức. Năm 1983 giải Hội Hoa đã được hội tổ chức, và năm 1985 giải về Âm Nhạc và Trình Diễn Sân Khấu cũng sẽ được tổ chức.

Được biết giải Tùy Bút và Thơ năm nay có người Việt và một Kampuchea trúng giải.

Hơn Ba năm rồi, từ ngày tôi rời quê hương, từ bỏ những thân thương nồng ấm và bao kỷ niệm ngọt ngào của tuổi thơ. Tôi phải ra đi, mang thân xác và niềm nhung nhớ, để đánh đổi hai chữ Tự Do. Tôi đã được ý nguyện, xứ sở xa lạ này đã là quê hương thứ hai của đời tôi.

Những ngày đầu xa xứ, tôi tin rằng, với cuộc sống mới sẽ xóa nhòa trong tôi những gì của quá khứ. Nhưng niềm tin đó đã vỡ vụn, kỷ niệm chẳng phai nhòa theo ngày tháng, mà mãi ám ảnh tôi. Còn gió lạnh lại nhắc tôi nhớ những ngày gần Tết nơi quê nhà. Vài cánh hoa vàng đại nở bên đường, lại gợi tôi nhớ những mùa xuân sum họp...

Thời gian thì cứ trôi, giờ trong tôi chỉ thấy, băng khuâng và mất mát. Chẳng biết bao giờ tìm lại cảnh đoàn tụ nơi mái ấm ngày xưa.

Hàng tháng những lá thư từ quê nhà gửi sang, là những viên thân được đổi với tôi. Nét chữ sô lệch trên giấy, vàng úa, có những chữ hoen màu mực vì nước mắt. Tôi đọc ngẫu nhiên, như muốn nuốt trọn những giọng chữ này và hình dung ra mẹ tôi mắt lòa, tay run, bên ngọn đèn dầu leo lét, ngồi viết. Nước mắt tôi tuôn trào khi cầm thơ.

Những viên thuốc ngủ mỗi đêm, đã giúp tôi khi thấy lại, những kinh hoàng của năm tháng tù đầy, cảnh lên đèn đôi khát trên biển cả của chuyến đi đầy hải hùng và nước mắt, cùng hình ảnh những người thân. Nhưng rồi, những viên thuốc kia chẳng còn giúp tôi tìm được giấc ngủ an bình khi màn đêm trùm xuống. Nỗi xót xa và niềm thương nhớ vẫn đầy vơi. Nếu có ai hỏi tôi, quá khứ có còn tao nên thương nhớ, đau khổ hay ác mộng, thì tôi chỉ lên như nấp nhãn trên trán và mái tóc đổi màu để thay câu trả lời đó...

Những nơi quê hương mới, với cuộc sống tự do và tình người đã cho tôi niềm tin. Vết thương đời của tôi chắc rồi sẽ lành, khi những bàn tay nhân ái còn mở rộng để đón nhận những người thân yêu của tôi qua chương trình đào tạo. Tôi đã hình dung ra hình ảnh ngày tôi khóc ngất trong vòng tay mẹ tôi. Niềm khao khát và mong chờ ấy, ngày đêm tôi vẫn nguyện với đấng linh thiêng, không những cho tôi và cho tất cả những người tỵ nạn thống khổ ở khắp mọi nơi trên trái đất này.

Reutlingen 6/1984
VŨ NGỌC LONG

Thơ

Mấy vần thơ dạo

Đầm xa thấp thoáng búp hoa sen
Như đục lòng ta tới cửa Thiên
Ngan ngát lá xanh, giòng nước gợn
Dịu dàng cánh trắng, tỏa hương lên
Thu sang nhị kết, dài gương ngọc
Đông tới cảnh khô, cuộn ú huyền
Sanh chốn bùn lầy không nhuộm tục
Danh hoa Quân tử, hạnh thần tiên.

Chiều vàng vui cảnh huyền linh
Thường đời chinh chiến, thường tình trở trêu
Xa xa nắng lợt mây chiều
Thoát vòng danh lợi phiêu phiêu ý tình
Lặng nghe tiếng gọi vô tình
Kiếp tu cố gắng luyện mình chu viên
Giữ sao ý đẹp lời hiền
Tướng hoa sen nở lạc viên tươi màu
Tràng in bóng tỏa bên lầu
Cuộc đời giấc mộng đêm thâu canh dài.

Tây Đức 10-1984
■ Tôn nữ CHUNG-ANH





SAU NGÀY TANG

Vành trăng lưỡi liềm đêm nay mờ ảm đạm, điểm những tia sáng vàng vọt trên những hàng dứa xanh lao xao bởi làn gió bắc nhẹ. Lẫm lẫm bước đi trên con đường mòn sau 3 năm dài xa cách tâm hồn nó trông trái xa vắng. Hầu như nó có cảm tưởng nó cũng không phải là nó của ngày nào, mà có còn chăng giờ đây chỉ là cái xác không hồn chập choạng trong đêm. Nhưng có một điều nó biết rất rõ ràng. Cha nó vừa chết trong ngày hôm nay. Dòng điện tín ngắn ngủi "CHA ĐÃ CHẾT" từ mẹ nó là kết quả của 3 ngày phép mà nó được thủ trưởng đơn vị cho về để gọi là chỉnh sách nhân tạo của Đảng và Nhà Nước. Tháng trước đây nó đã nhận một cái điện tín "CHA ĐAU NANG" cũng ngắn ngủi. Nhưng cô lẽ chưa đủ cái nội dung tang thương để được đánh giá đúng mức về tình trạng gia đình của nó trong hiện tại. Nên chắt như nịt nó không được về phép. Rồi nó tự rùng mình, cũng may mắn lắm nó mới được về phép ngày hôm nay để kịp nhìn xác cha già lần cuối. Chợt nhiều lần nó đã thấy từ bạn bè nó, không dễ gì xin được những cái phép từ đơn vị với cha chết mẹ đau.

Trong căn nhà tranh tối tàn lụi xụp, lối ra đường vào không đủ một người đi. Thế mà hôm nay cũng quây quần được gần độ mười người, kẻ ngồi người đứng xúm xít nhau trông cũng hơi rộn rịp. Nó đã hiện ra trước sự ngạc nhiên của mọi người. Vài tiếng kêu, A! thằng Hai, nó về rồi nè, a! sao may hay lạ vậy chắc cô ai đánh điện cho nó chứ gì... Chỉ có mẹ nó và các em nó là không nói được lời nào, chỉ có biết lời kẻo, ôm đầu ôm chân nó mà khóc nức nở. Nó đứng bất động qua màn nước mắt. Có một cái gì tức nghẹn từ bụng tím, nó mơ hồ như không còn biết gì nữa.

Giờ đây thì nó đã tỉnh lại, để nhìn được rõ ràng ở trong góc của căn nhà, Cha nó đang nằm yên tại đó. Lấn những bước chân nặng nề đau thương. Bây giờ thì nó đã đứng thật gần Cha nó. Nó nhớ lại ngày nào khi còn là cậu bé, mỗi lần từ xa đi về được Cha ôm chầm vuốt ve. Còn hôm nay ông đã bất động. Quạt mát mừng xanh cũ mỏng manh, thân hình ông vốn đã

gầy mòn, còn điểm thêm những màu sắc ảm đạm hơn. Một cái giường cũng không làm cho yên lòng người chết. Ba bốn năm nay chưa được thay đổi. Mạnh chiếu mỏng manh bộ quần áo cũ trên người, đầu đầu người ta cũng tìm thấy nét nghèo nàn của gia đình. Ngồi bên xác Cha những giọt nước mắt lan dài trên má tự hồi nào nó cũng không hề hay biết. Dĩ vãng trở về như một giấc mơ buồn. Nó sanh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nghèo, Cha thì đầu tắt mặt tối làm lung nuôi con, Mẹ thì tảo tần sớm hôm mua bán. Những cảnh nghèo cực độ đời mãi. Hầu như chưa lúc nào nó sống trong niềm vui trọn vẹn. Rồi nó lớn lên, nó cũng phải làm lung nuôi em phụ giúp cha mẹ. Cảnh gia đình nhờ nó mà dần dà trở nên đầy đủ, êm ấm và vui tươi. Rồi ngày 30.4. đến đã kéo theo tai họa cho gia đình. Nó cũng phải đi nghĩa vụ khi vừa mười tám tuổi. Cha già trở lại năng nhọc sớm hôm, mẹ già lại tiêu tụy vô vàng, các em thì không ai trông giữ. Nó cứ thế mà đi, đi theo lệnh đòi của Đảng và Nhà Nước để làm nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công dân. Đã ba năm rồi sự liên hệ gia đình với nó hầu như vắng bật. Mặc dù không thư từ nhưng nó thấy rõ ràng gia đình nó sẽ bữa cháo bữa rau, quần quật cả ngày mà sẽ không đủ ăn. Cha mẹ nó chỉ ngày càng khổ cực hơn thêm. Ba năm rồi nó kéo lê tâm thần ốm yếu trên khắp nẻo đường đất nước. Những bữa bọ bọ dền lộn ăn với muối rang đã làm nó và các bạn nó trong cùng đơn vị trở nên kiệt quệ bệnh hoạn. Ngoài những giờ học tập trực gác thường nhật, nó và các bạn còn phải làm công tác lao động sản xuất để tạo ra vật chất như rau, khoai, bắp để đơn vị cùng ăn. Đầu đầu nó cũng thấy màn đen tối bao trùm. Gia đình, bạn thân nó. Hiện tại thì không lối thoát, tương lai thì mù mịt tăm tối. Trong đơn vị sau một ngày làm việc mệt nhọc thiếu ăn. Buổi tối lại phải ngồi hàng giờ để nghe các tay chính trị viên làm công tác tư tưởng. Mặc thẳng chính trị viên giảng thao thao bất tuyệt trên bục. Nó cứ để tâm hồn bay bổng tận nơi đâu. Nơi quê nhà chame thân yêu nghèo khổ, em dai đang chờ. Hoặc có nhiều hôm nó vừa ngồi vừa nhìn nhớ, cố chống lại cơn đói cơn căm vì thiếu ăn buổi chiều, để gắng khắc phục bản thân không để lộ ra ngoài cái tư tưởng thiếu tiên bộ mà nó hay nghe nói từ các tay chính trị viên trong các đơn vị bộ đội, khi nói chuyện với những thành bộ đội miền Nam sau ngày giải phóng.

Rồi nó cũng phải qua Miền theo lệnh gọi. Nhiều lần nó đã suýt chết về tay bọn Công Sản Khmer, hoặc dân làng trong thôn xóm bản xứ. Ở đâu nó cũng thấy kẻ thù. Nó có làm gì tội tình đâu mà ai cũng ghét. Một lần xenó bị bọn Công Sản Khmer phục kích. Cũng may nhờ nó lẹ chân, Phật Trời phò hộ, nó bỏ ngay vào một rãnh mương nằm im bất động, trong

khi đó bọn Khmer đang tàn sát ban bè nó ở bên ngoài. Một lần ngay trong gia đình người bạn xứ. Nó và ban bè nó đang ngồi quanh một cái bàn tròn để tán gẫu. Bỗng một trái lựu đạn từ ngoài bay vào và nó tung nó bất tỉnh nhân sự. Khi tỉnh ra thì thấy mình đang nằm trong nhà y tế của đơn vị. Một mảnh thịt đùi đã mất đi chỉ để lại những lần nhói đau từ trong xương thịt. Lần đó nó nằm nghỉ bệnh được 2 tháng, nó nghỉ lại nó giận cho nó phải chỉ nó chịu trốn lại nhà khi bị bắt thì hành nghĩa vụ tại Miên. Chờ qua đây rồi, các ông căn bộ đảng cao cấp của nó ra lệnh bắt bớ, dân áp dân Miên thì dĩ nhiên thế nào cũng phải có ngày này. Ai làm thì người bạn xứ đâu biết họ chỉ đồ tôi lên đầu một lũ bộ đội Việt Nam. Chờ họ nào phân biệt được nó và ban bè nó cũng là nạn nhân của chế độ bạo quyền ở Hà Nội như họ.



- Hai! Mày về từ bao giờ mà bây giờ mới đến? Mày nó hơi nhỏ. Bà đã ngồi cạnh nó từ bao giờ mà nó chẳng hề hay.

- Một ngày đường, đường xa quá lại khô đốn xe. Con đi từ sáng mà bây giờ mới tới được.

- Thôi ba mấy giờ đã chết rồi, cô khóc, có buồn ông cũng không sống lại được. Giờ chillo cho mấy em máy. Chờ tao thì già rồi sống chết cũng mặc.

- Ba chết hồi nào?

- Hồi trưa hôm qua. Tự nhiên ông đau bụng lại và kêu la um sùm. Tao sợ quá nên mang ông vào nhà thường Huyện. Ở đó sau khi mấy ông bác sĩ cách mạng chích cho ông một mũi, tao thấy ông ngủ cũng hơi yên bụng, trở về nhà dự định xem lại các em máy, xem tại nó ra sao và nấu cho ba mấy miếng cháo. Khi tao mang cháo trở lại nhà thường thì mới hay người ta đã mang ông vào trong nhà xác và ông đã chết. Tao lật đật đi đánh điện cho mấy liên. Nghe nói mấy ông bác sĩ cách mạng hay chích cho những người già và người vô dụng chết để đỡ tốn thuốc, tốn công. Chắc Ba mấy cũng bị vậy. Ông chết lẹ quá.

- Nhà còn tiền bạc gì để mua hòm cho ba và lo chôn cất không?

- Nhà đâu còn đồng nào, làm bữa nào ăn bữa này. Nhưng có bà con cô bác chung quanh, chắc họ cũng sẽ giúp đỡ ít nhiều để làm đám táng ba mấy cho xong nội trong ngày mai.

Đêm hôm ấy nó không thể nào chợp mắt được. Ngồi cạnh xác cha già mà tâm trí tràn ngập nỗi buồn. Nhìn lại nó bây giờ chỉ thấy đời nó vô nghĩa, toàn màu đen vây phủ quanh mình. Nó tư thì thâm, rồi phải chờ đợi đến bao giờ, mãi đến bao giờ mới có sự đổi đời, mới thực sự thoát ra cảnh túng cùng cở cực này. Cách mạng là bỏ những cái xấu xa để đem lại những điều tốt đẹp hơn. Ngược lại, cách mạng hiện nay, theo ý nghĩ của nó, chỉ toàn đem lại đồ vỡ và tan tành. Còn nói gì, chối cái gì thì nó cũng là thằng đứng cùng trong những con người mạo danh là cách mạng đó. Một thằng công an, một thằng bộ đội ít hay nhiều cũng tiếp tay giữ vững cho chế độ. Phải quảng sảng đi, phải trở tay lật đổ nó đi, phải trở về với dân tộc với gia đình thì niềm hạnh phúc sẽ đến sau những tháng ngày mong đợi.

Trời bên ngoài bắt đầu sáng. Cả một mảng đêm bắt đầu tan biến nhường lại cho ánh mặt trời. Nó đứng dậy, đi ra ngoài hít thở làn gió sớm và dự tính bước chân đi tìm một con đường mới cho cuộc đời sau ngày xong mồ mã Cha già.

VĨ NAM

TIN CẦN BIẾT

Việc xin chiếu khán đi hành hương Úc nhân lễ Khánh Thành chùa Pháp Bảo tại Sydney đã được sứ quán Úc tại Bonn chấp nhận nhưng với điều kiện là phải mua vé máy bay khứ hồi trước. Vậy những vị nào đã làm đơn gửi qua nhờ chùa hoặc tự làm trực tiếp với sứ quán muốn mua giấy máy bay đoàn thể xin ghi tên tại chùa và gửi tiền mua vé cho đến hết ngày 15 tháng 3 năm 1985 để chúng tôi lo giúp cho quý vị. Khi gửi tiền về chùa xin gửi cho chúng tôi một bản phụ để biết rằng tiền đã chuyển ngày nào và ai đã chuyển. Kính mong quý vị lưu ý cho: Giá tiền 2.600DM Pagode Viên Giác, Deutsche Bank Hannover. Konto Nr. 865 0228. BLZ 250 700 70.

Có một số Phật Tử muốn đi du lịch từ nước này qua nước khác nhưng không có thân nhân, nếu ở khách sạn quá tốn kém mà cũng không gặt hái được nhiều niềm vui trong kỳ nghỉ hè. Do đó có một số người đề nghị nên trao đổi với nhau trong việc trên. Nếu người ở nước này muốn đến nước kia hoặc ngược lại người nước kia muốn đến nước này xin gửi thư qua trung gian của chùa Viên Giác để chúng tôi giúp đỡ và giới thiệu dùm quý vị. Xin cho biết muốn đi lúc nào, có bao nhiêu người đi, ở lại bao lâu v.v... và những điều mong ước. Mong quý vị lưu ý và hỗ trợ công việc trên để có được kết quả tốt đẹp.

PHÉP QUÁN TƯỢNG NIỆM PHẬT

A) PHÉP QUÁN TƯỢNG

I.- CHỦ ĐÍCH

Chuyển đổi hiện cảnh thành thiện cảnh, trừ các duyên lự, vọng tưởng, thân tâm được định tĩnh.

II.- SỰ TU TẬP

1) TRƯỚC KHÍ QUÁN TƯỢNG :

a/ Điều hòa ăn uống ăn đồ nhẹ, chớ để quá đói hay quá no; ăn đồ nặng thì tâm thân mê mẫn lâu tiêu; quá đói thì xót bụng ngồi không bền; quá no thì thân thể nặng nề, hơi thở mạnh gấp.

b) Điều hòa giấc ngủ : cần tập ít ngủ để tâm thân được sáng suốt. Khi tập nếu có muốn ngủ thì nên nghỉ, nhưng lúc nào cũng cần cố gắng.

c) Điều hòa thân thể : Thân thể sạch sẽ, rửa mặt cho tinh tảo. Nếu tắm trước, được nửa giờ thì tốt.

d) Chỗ ngồi phòng tập : chỗ ngồi dịu mềm để có thể ngồi lâu không tê, không nhức. Phòng tập nên lựa chỗ rộng, ít hay không người, để ánh sáng lờ mờ hay không ánh sáng cũng được. Lựa chỗ an tĩnh.

Cách ngồi : ngồi bán già xấp chân, để bấp chần mặt trên bấp chần trái (hoặc chân trái trên chân mặt) kéo lại cho sát bên mình, ngón chân ngang bấp vẽ; hay ngồi kiết già thì để chân mặt trên bấp chần trái, bán chần trái trên bấp chần mặt (hoặc trái lại); ngồi kiết già thì được lâu, lưng thẳng nhưng khó tập. Để bàn tay mặt trên bàn tay trái, uốn mình 5 7 lần cho giảng xương cốt, ngồi thẳng lưng, không cong đằng trước, không gù đằng sau. Rồi sửa đầu cho thẳng, sống mũi ngang hàng với rún, không xiên bên này bên kia, mắt ngó thẳng ra trước, không cúi xuống, khi ngửa lên con mắt nhắm lại vừa không thấy ánh sáng bên ngoài. Phải ngồi yên như vậy vững như núi đầu mình tay chân không lay động.

e) Điều hòa hơi thở : khi ngồi vừa thẳng

chưa nhắm mắt, nên hít không khí vào lỗ mũi rồi thở ra bằng miệng, thở chậm chậm. Thở ba lần như vậy rồi mới nhắm mắt. Đến khi ngồi tập, phải để ý hơi thở đừng cho mạnh gấp có tiếng, đừng cho bức tức không thông, đừng cho thô phù không êm, thở một cách thông suốt nhẹ nhàng.

2) TRONG KHÍ QUÁN TƯỢNG :

a) Trì chú : Mật niệm ba lần chú tịnh pháp giới : "An lam tóa ha" Mật niệm 3 lần chú tịnh ba nghiệp : An ta phạ bà phạ thuật đã ta phạ đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hàm.

b) Quán tưởng : Sau khi nhờ công đức trì chú ba nghiệp đã được thanh tịnh, người tu hành tu theo phép quán tưởng. Quán tưởng nghĩa là quán xét những đức tánh của đức Phật, Phật có vô lượng công đức trí huệ, không thể một lần quán hết được, cho nên cần phải lần lượt thứ lớp quán xét từng đức tánh một, tùy theo trình độ và nghiệp lực của mình. Thí dụ chúng ta thường nhiều sân hận thì khi tu tập chúng ta tập quán đức tánh từ bi hỷ xả của đức Phật : nhiều mê mờ sợ hãi, chúng ta quán đức tánh trí huệ hùng lực của đức Phật v.v...

c) Quán tượng : Nếu pháp quán tưởng khó thể đối trị nghiệp lực vọng tâm, chúng ta có thể tu theo pháp quán tượng. Nghĩa là quán 1 trng 32 tướng tốt, 80 tùy hình hảo của Phật. Ví dụ chúng ta quán tướng bạch hào của Phật (tướng sợi lông trắng giữa hai chân mày), quán sợi lông trắng dài, trong trong lông, uốn éo xoay theo chiều phải. Sợi lông ấy do đức Phật trải qua vô lượng kiếp tu hành thanh tịnh mới kết thành như thế. Khi nào tướng ấy hiện hiện rõ ràng trước mắt, không mờ mờ loạn động thì phép quán ấy mới thành tựu. Khi thành tựu được phép quán này chúng ta bắt đầu quán tướng khác, cứ lần lượt như thế; cho đến lúc nào và bất cứ ở đâu, tất cả hình tướng trang nghiêm của Phật đều hiện hiện trước mắt người tu hành, rõ ràng như xem vật giữa bàn tay, tức phép quán tượng này được thành tựu.

d) Quán tượng : Nếu tu phép quán tượng không thành, thì nên tu theo phép quán tượng. Người hành trì thỉnh một bức tượng đức Phật Thích

Ca hay đức Phật A Di Đà đầy đủ tướng tốt, để vừa tầm con mắt, cho ánh sáng chiếu vào, đừng quá sáng, cũng đừng quá tối, cũng đừng cho ánh sáng chiếu vào mặt mình. Mở mắt vừa chiêm ngưỡng chân dung của bức tượng, quán xét tướng tốt một, chuyên tâm quán tưởng hình tượng không còn vọng động tạp niệm. Cho đến lúc nào bất cứ mở mắt hay nhắm mắt, hình ảnh đức Phật nổi bức tượng ấy đều nghiêm nhiên rõ ràng hiện trước mắt, tức là pháp quán tưởng này được thành.

e) Sổ tức quán

Ngoài ba phương pháp trên, còn có một phương pháp sổ tức rất dễ thật hành và có ảnh hưởng nhiều trong sự đối trị vọng niệm phiền duyên. Sổ tức quán là quán tưởng và đếm từng hơi thở, theo hơi thở ra vào nhẹ nhàng thông thả, đếm từng tiếng một, đếm xuôi đến con số mình đã định rồi đếm ngược lại. Điều cần nhất là phải chuyên tâm vào hơi thở, không để tạp niệm xen vào; nếu có quên hay nghỉ, trừ những con số mình đếm thì cần phải bỏ, bắt đầu đếm lại như trước cho được rõ ràng minh bạch. Khi nào tu pháp sổ tức quán này mà tâm trí hoàn toàn định tĩnh, tức có thể bắt đầu tập các phép quán khác.

CHỖ Ý : Chủ đích của pháp quán tưởng là diệt trừ vọng tưởng, làm cho tâm trí được định tĩnh, nên kinh luận có rất nhiều pháp môn sai khác nhau như pháp Ngũ định tâm quán hay 16 phép quán trong kinh Quán vô lượng thọ. Tuy trung, pháp môn nào cũng không ngoài mục đích ấy, cho nên người hành trì có thể tùy theo hoàn cảnh khả năng mà thật hành tu tập. Pháp môn nào có công năng đối trị vọng tâm là có thể tu hành được.

f) Cảnh đối trị

Trong khi tu quán, nếu thấy tinh thần mê mẩn đầu muốn gục xuống, thì phải để tâm nơi chính giữa hai con mắt; khi thấy tâm loạn động, thân ngồi không vững, thì phải để tâm nơi rún để đối trị. Khi trong ngực hơi tức, thì nên phóng xả tâm trí, bớt chuyên chú để tâm được nhẹ nhàng khoan khoái. Khi móng tâm lơ đãng, thân muốn nghiêng ngả, miệng chảy nước miếng, thì phải chuyên chú nhiều hơn để đối trị. Trong khi ngồi quán tưởng, cố thấy cảnh giới gì lạ, không nên sanh tâm mừng hoặc sợ, cần phải luôn luôn nhớ vạn pháp là như huyễn không thật; tự nhiên thân tâm khinh khoái, trí huệ phát triển.

3) NHỮNG CHỦ ĐIỂM CẦN NHỚ :

Muốn phép quán tưởng được lợi ích, cần phải chú ý những điểm chính sau này :

a) Kiên chí ngày nào cũng tập theo thì giờ đã định.

b) Tuần đầu tập ngồi trong 15 phút, tuần thứ hai tập ngồi nửa giờ, đến tuần thứ 5, thứ 6 tập ngồi 45 phút. Cứ tập lần và tăng thêm cho

đến 1 giờ hay hai giờ chẳng hạn.

c) Nên tập lúc 4, 5 giờ sáng sau khi thức dậy, hay buổi tối trước khi đi ngủ. Buổi sáng bao giờ cũng tốt hơn.

d) Trong thời gian tu tập, cố gắng đừng cho những người xung quanh biết; nhất là đừng khoe sự tu tập của mình cho người ngoài.

e) Sau khi ngồi tu quán, nếu cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng sáng suốt, tức buổi tập ấy có kết quả đúng pháp.

f) Trong khi tu tập thấy thân tâm có gì thay đổi lạ lùng thì tìm hỏi thầy bạn để khỏi lạc vào tà pháp.



B) PHÉP QUÁN NIỆM NIỆM PHẬT

I.- CHỦ ĐÍCH

Chuyển đổi tà niệm thành chánh niệm; chuyển đổi ác cảnh thành thiện cảnh; dứt sạch các vọng niệm, chứng ngộ thực tướng các pháp.

II.- SỰ TU TẬP

1) TRƯỚC KHÍ TU TẬP.-

Điều hòa ăn uống, hơi thở, giấc ngủ theo như pháp môn quán tưởng.

2) QUAN NIỆM VÀ TRÍ DANH NIỆM PHẬT.-

Phép niệm Phật có phương pháp trì danh niệm Phật là giản dị và hợp với căn tánh của chúng sanh đời mạt pháp này. Kinh Di Đà Sơ Sao có câu: "Đương tất trong các đường tắt" là chỉ cho phương pháp trì danh này. Trì danh niệm Phật là niệm trì danh hiệu đức Phật A Di Đà tức là niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, niệm niệm nhớ nghĩ rõ ràng, không để tạp niệm xen vào. Có những phương tiện thật hành như sau :

a) Sổ thập niệm Phật :

Cứ mỗi hơi thở ra niệm và đếm 10 câu niệm Phật; khi thở vào cũng như thế; hoặc 1 hơi thở ra vào niệm và đếm 10 câu niệm Phật (thời gian thực hành cũng như phép quán tưởng trên). Nếu vì nghiệp lực và hoàn cảnh không thể ngồi lâu tu tập được, thì ít nhất trước khi đi ngủ và sau khi thức dậy phải khong thả rõ ràng niệm và đếm 10 danh hiệu Phật trong 10 hơi, làm cho thường sẽ được lợi ích nhiều.

b) Truy đánh niệm Phật :

Câu này nối liền với câu kia, chữ trước nối tiếp chữ sau, không gián đoạn dứt khoảng. Phương pháp này chú trọng sự liên đới tương tục, nên bất cứ thở ra hay thở vào, đều phải chú tâm niệm Phật, cứ tiếp tục như thế cho hết thì giờ mình đã định.

c) Số châu niệm Phật :

Cứ niệm một danh hiệu là lần một hạt chuỗi, chuyên tâm không để cho vọng niệm xen vào. Số chuỗi niệm tùy theo nguyện của mình. Ví dụ nếu nguyện mỗi lần niệm hai chuỗi 108 hạt thì hôm nào cũng như vậy, không được thêm hay bớt trừ khi bệnh hoặc nguyện niệm thêm.

d) Phán văn niệm Phật :

Chú ý nghe rõ tiếng niệm Phật của mình miệng, niệm thì tai chú ý nghe, không bỏ sót, bất cứ niệm lớn tiếng hay nhỏ. Chủ đích của pháp môn này là chuyên nghe từng tiếng từng chữ niệm Phật của mình để ngăn trừ các ngoại trần không cho len lỏi vào.

e) Ban châu niệm Phật :

Túc tử vừa đi vừa niệm, hoặc đi kinh hành trong chùa hoặc đi bách bộ trong sân chùa những nơi có bóng mát.

f) Chuyên niệm niệm Phật :

Năm pháp trên là phương tiện tu hành của những lúc ngồi hoặc đi tịnh niệm; phương pháp này thì bất cứ lúc nào ở đâu cũng có thể niệm. Niệm trong lúc đi đứng nằm ngồi, niệm trong thời ăn uống ngủ nghỉ, hề mong tâm đồng niệm là niệm Phật. Niệm cho đến lúc thuần thục, không gián đoạn xen hở, bao giờ đến chỗ thuần niệm nghĩa là không mong niệm niệm Phật là tâm vẫn tưởng nhớ đến Phật, không để ý nghe mà tai vẫn nghe tiếng niệm Phật. Đến khi nhứt tâm bất loạn thì pháp môn này thành tựu.

3) CÁCH THỨC NIỆM PHẬT.-

Các lối niệm Phật trên, tùy theo hoàn cảnh trường hợp và căn cơ hoặc :

a) Cao thanh niệm Phật :

Niệm tụng lớn tiếng, hòa nhịp theo điệu mõ, thứ lớp, điều hòa, tuần tự, theo nghi thức đã định sẵn. Ngày nào cúng tụng, theo thời giờ đã định, không biến nhất trên nãi, nhất là phải thành kính trang nghiêm khi đứng trước bàn Phật; và phải vẫn tưởng tịnh thành tướng nhớ đến Phật. Phương pháp này nên thực hành khi nào đông người, đồng tụng và ở những nơi rộng rãi không thể tịnh niệm được.

b) Duyệt thanh niệm Phật :

Không niệm lớn tiếng, chỉ niệm thầm nhỏ vừa đủ mình nghe. Cách thức này nên dùng trong những lúc ngồi tịnh niệm và khi làm lễ trước bàn Phật một mình, vừa chú tâm nghe tiếng niệm Phật của mình, vừa quán tưởng hình dung đức Phật, không để các tà niệm xen lẫn vào.

c) Mật niệm niệm Phật :

Không niệm có tiếng như hai cách trên; ở đây chỉ niệm Phật bằng tâm trí, bằng ý tưởng mà thôi, không dùng miệng lưỡi; nghĩa là đảo thải tất cả vọng tưởng phan duyên, chuyên tâm quán tưởng hình dung đức tướng, và thẩm lặng niệm trì danh hiệu Phật. Phương pháp này nên áp dụng trong những lúc ngồi tịnh niệm, hoặc lúc đi giữa đường hay đang làm việc và ở những chỗ không có bản Phật.

4) THỰC TƯỚNG NIỆM PHẬT :-

Hai phương pháp quán tưởng và quán niệm Phật trên chỉ là phương tiện để đi đến Pháp thật tướng niệm Phật này. Thật tướng niệm Phật tức là tìm hiểu chân lý và thông đạt thật tướng của sự vật. Thật tướng của sự vật là tướng "lý tướng": đức Phật đã giác ngộ lý ấy, nên người muốn sống in hợp như đời sống, giải thoát của đức Phật phải đoạn trừ tất cả thiên chấp (có, không, đoạn, thường) để thể hội lý nghĩa trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Thâm đạt lý trung đạo (sự thật các pháp) tức là niệm Phật không còn phân biệt mình là người năng niệm đức Phật là người sở niệm. Vì Phật và chúng sanh đều không ngoài tu tâm thanh tịnh, nên niệm Phật tức là niệm giác tánh của mình, ngoài giác tánh ấy không có một đức Phật nào đang niệm. Niệm Phật đến chỗ thuần diệu ấy, tức là hợp với bản giác thanh tịnh, ta với Phật không hai không khác. Khi thấy có phiến não đang trừ, không thấy có Niết Bàn đáng chứng, tâm hôn trong sáng, tư bi trí huệ; dùng phương tiện cứu khổ chúng sanh, cũng không còn thấy tướng chúng sanh để độ. Nói 1 cách khác thật tướng niệm Phật tức là giác ngộ sự thật của vạn pháp, sống đúng như thật của nhứt thế Phật.



xem tiếp trang 59

THEO DẤU CHÂN ĐỨC PHẬT

Reportage Audio - Visuel
SIDDHARTHA SAKYAMUNI

Thế theo lời mời của tác giả và Ban tổ chức Đại Đức Thích Như Điển đã đến Paris 13.10.84 cùng Thượng Tọa Thích Minh Tâm để tham dự cũng như chứng minh lễ trình chiếu lần đầu tiên reportage Audio-Visuel THEO DẤU CHÂN ĐỨC PHẬT tại Salle de Conférence F.I.A.P. Buổi khai mạc chiều hôm nay chỉ trình chiếu version tiếng Pháp. Ban tổ chức đã xin lỗi khán giả người Anh người Mỹ cũng như người Việt Nam là vì thời giờ quá eo hẹp nên rất tiếc không thể chiếu các version khác, nhưng hứa là trong tương lai sẽ cố gắng chiếu từng thứ tiếng riêng thêm.

Khi bắt đầu chiếu, số khán giả người Pháp đã đến mua vé coi chật rạp; đây là điểm đáng khích lệ cho Ban tổ chức. Điểm khác cũng đáng chú ý đó là Ban tổ chức từ người bản xứ, đến người xấp chỗ ngồi, lẫn anh xướng ngôn viên đều là người Pháp. Đạo Phật bắt nguồn từ Ấn Độ; người Âu Mỹ đã có riêng tôn giáo cổ truyền của họ nhưng nay bắt đầu nghi ngờ cứu và thực hành theo giáo lý Đức Phật thì phải nói đây là sự biến chuyển lớn trong nền văn minh Âu Mỹ.

Đây là lần đầu tiên, một nhóm giáo sư và chuyên viên đại học Âu Châu đã cùng nhau hợp tác khảo cứu và thực hiện một chương trình Audio-visuel lẫn phim ảnh về lịch sử cũng như những dấu tích liên quan đến đời sống Thái tử Đạt Đa; một nhân vật độc nhất vô nhị trong lịch sử nhân loại, ngài đã trưởng thành trong cung vàng điện ngọc nhưng đã từ bỏ cung điện ra đi để tìm chân lý cho chúng sanh.

Một công trình thực hiện rất công phu, đây khó khăn và tốn kém để mang lại cho mọi người thấy rõ những dấu tích, những hình ảnh sống thực lịch sử liên quan đến đời sống Đức Phật Thích Ca.

NẾU BẠN LÀ NGƯỜI THEO ĐẠO PHẬT :
Bạn đã đọc nhiều kinh sách hay ít ra một vài lần bạn đã được kể lại một phần nào về đời sống Đức Phật Thích Ca. Nhưng lần này; đoàn khảo cứu và thực hiện phim ảnh đã vượt trùng dương, vượt qua nhiều khó khăn để đến tận

vùng Hy Mã Lạp Sơn cùng nhiều vùng khác ở xứ Ấn và Népal để mang về cho bạn thấy những hình ảnh sống thực lịch sử về các thành tích có liên quan đến đời sống Đức Phật Thích Ca và những di tích của một nền văn minh Ấn Hà một trong những nền văn minh cực thịnh trong lịch sử nhân loại. Nào vườn Lâm Tỳ Ni, nơi giáng trần của Thái tử Sĩ Đạt Ta; trụ đá kỷ niệm do vua Asoka dựng lên cách đây trên hai ngàn năm vẫn còn oai nghiêm đứng vững đến minh chứng nơi lịch sử này. Rồi thành Ca Tỳ La Vệ nơi mà Thái tử trưởng thành; cửa Đông và cửa Tây Vương thành đã ghi lại vết tích sự biến chuyển lớn của đời ngài khi ngài lần đầu tiên được ra khỏi cung thành để thăm dân chúng, Ngài thấy bốn sự thật của cuộc đời đã khiến ngài phải quyết định từ bỏ cung điện ra đi tìm chân lý. Đoàn khảo cứu, phim ảnh đã băng rừng vượt núi lần theo dấu vết Sĩ Đạt Ta để đi về phía Khố Hạnh Lâm nơi mà suốt 6 năm ròng rã ngài đã tu khổ hạnh theo các giáo phái cực đoan; rồi con sông Ni Liên Thiên; nào làng Sujata... nào Bồ Đề Đạo Tràng, nào Kim Cang Tòa, chính dưới gốc cây Bồ Đề này, Bồ Tát Tất Đạt Đa đã tọa thiền liên tục bốn mươi chín ngày đêm, vượt qua hàng ngàn chướng ngại để đạt đến sự thành đạo hoàn toàn.

Rồi thành Ba La Nại, vườn lộc huyền... nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, chuyển pháp luân, và cũng chính nơi này giáo hội tăng già lần đầu tiên được thiết lập.

Trong reportage cho thấy đoàn khảo cứu đến Vương Xá Thành (Rajgha) lịch sử của vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha) thuộc vua Tần Bà Sa La (Bimbisara); rồi Linh Thủ Sơn; nơi Đức Phật thuyết giảng kinh Pháp Hoa; nào là nơi Đệ Ba Đạt Đa đã lần tăng đá để giết hai Phật; nền ngôi nhà Y sĩ Jivaka; nào những di tích chùa tháp mà ngài tam tạng Pháp sư Huyền Trang đã thấy khi đến nơi này vào thế kỷ thứ bảy. Rồi Trúc Lâm Tịnh xá (Veluvana); rồi đại học Nalanda; một đại học đầu tiên trên thế giới đã đào tạo ra nhiều bậc đại sư như ngài Mã Minh, Long Thọ, Giới Hiền, Huyền Trang... để tiếp tục cuộc hành trình; xin bạn hãy tiếp tục cùng đoàn phim ảnh vượt qua con sông Hằng, một con sông lịch sử trong nền văn minh Ấn Hà để tìm lại dấu vết một xứ Cộng Hòa văn minh cực thịnh trên thế giới, vào thế kỷ thứ bảy trước kỷ nguyên tây lịch. Chính nơi đây Đức Phật chấp nhận nữ giới được đi tu như nam giới...

Đoàn khảo cứu vượt qua một số dãy núi non và vài vùng đồng bằng sông Hằng để đến Xá Vệ Quốc; nơi mà trong kinh Di Đà tụng hàng ngày thường có câu "Xá Vệ Quốc Kỳ Thọ Cấp Cô Độc..." chính là chỗ này. Một khu vườn lịch sử do ông trưởng giả Cấp Cô Độc đã đem vàng ra

lót trái để mua cho được miếng vườn này của Thái tử Kỳ Đà... chính nơi đây: Đức Phật ngài đã An Cư Kiết Hạ hai mươi lăm lần nhiều giáo lý quan trọng được thuyết giảng tại đây rất nhiều di tích lịch sử vẫn còn lưu lại dấu vết... nào cây Bồ Đề Ananda; giếng nước Snanagar; nơi cô gái giả bụng chứa đê vu oan cho Phật...

Kusinagar, nơi mà sau bốn mươi lăm năm thuyết pháp độ sanh; Đức Phật ngài đã nhập đại niết bàn tại đây trong khu rừng cây Sala này. Đoàn thực hiện phim ảnh đã cố gắng tối đa để ghi lại nhiều chi tiết để cho bạn thấy những chứng tích lịch sử. Những chi tiết rất nhỏ như hình ảnh cây Sala ra thế nào cũng được quay và chụp rất kỹ cho bạn thấy.

Một công trình rất công phu do nhiều Giáo sư chuyên viên đã cùng nhau nhiệt tâm thực hiện. Một reportage thính thị sống thực, linh động mà bạn không thể nào quên được.

NẾU BẠN KHÔNG PHẢI LÀ NGƯỜI THEO ĐẠO PHẬT :
Đây là một công trình thực hiện công phu, tốn kém để đưa bạn tìm lại dấu vết nền văn minh Ấn Hà, một nền văn minh cực thịnh trên thế giới; mấy ngàn năm trôi qua mà đến nay khi những học giả các xứ văn minh Âu Mỹ khi nghiên cứu đến nền văn minh này họ phải kính phục trên nhiều phương diện; nhất là về phương diện văn hóa, triết học... có nhiều phát minh mà các nhà bác học Âu Mỹ hiện đại đang nghiên cứu để bắt chước những phát minh thời đó, nhưng họ vẫn chưa tìm ra.

Nhiều hình ảnh văn minh kiến trúc, tranh ảnh... cũng được thấy trong reportage audio - visuel này. Khán giả đã vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt reportage.

Sau phần trình chiếu. Một trong những tác giả reportage này là Tiến sĩ Lâm Trung Quốc đã lên trả lời các câu hỏi của khán giả. Kết thúc buổi lễ càng làm phần khởi hứng thêm đó là Ban tổ chức đã mời Đại Đức Thích Như Điển và Thượng Tọa Thích Minh Tâm lên rút thăm và phát giải trúng cho khán giả tham dự. Sự hiện diện của hai vị Thượng Tọa Đại Đức Việt Nam giữa một đám đông khán giả đã số là người Âu Mỹ cả là một sự nổi bật và hiếm có. Các khán giả này tỏ ra rất vui mừng và mong rằng họ sẽ được dịp học hỏi giáo lý và thực hành Đạo Phật nhiều hơn.

Theo tin cho biết là Đại Đức Thích Như Điển trụ trì chùa Viên Giác đang hợp tác với ban film ảnh reportage này để dịch và chuyển âm từ tiếng Pháp ra tiếng Đức và tiếng Nhật. Rất mong công việc sớm hoàn thành để đồng bào bên Đức cũng như các xứ khác được xem reportage giá trị này.

Hiện tại reportage THEO DẤU CHÂN ĐỨC PHẬT đã có sẵn version tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Việt. Vây các đoàn thể Việt kiều cũng như Tự Viện các nơi muốn chiếu có thể liên lạc về : Dr. LAM

La Voie du Milieu

B.P. 541

75667 Paris Cedex 14 - FRANCE

tiếp theo trang 57

III.- NHỮNG CHỦ ĐIỂM CẦN NHỚ

1) PHƯƠNG PHÁP TU QUAN NIỆM PHẬT

Sơ lược kể một vài pháp môn, đức Phật tùy theo căn cơ chúng sanh còn chỉ dạy nhiều phương pháp nữa. Những chúng ta trng khi thật hành, tùy theo căn tánh, chỉ nên lựa một pháp môn thiết hạnh cho triệt để; tập từ dễ đến khó và khi thuần thục được pháp nào thì có thể tập qua pháp khác.

2) Một ngày ít nhất để dành nửa giờ hay một giờ niệm Phật, trước khi đi ngủ, hay buổi sáng sau khi thức dậy. Những giờ ấy thanh tịnh nên tu tập được nhiều kết quả. Trừ 2 pháp chuyên niệm và thật tướng niệm Phật, vì 2 pháp môn này lúc nào cũng thiết hạnh được.

3) Nên nhớ rằng người tu niệm sẽ gặp nhiều trở lực; ngoài các hoàn cảnh khế thuận tiện còn có nội ma và ngoại ma, luôn luôn đến phá và thử thách. Người hành trì phải rất dũng mãnh tinh tấn, mới khỏi bị ma làm thối thất.

4) "Phật cao một thước, mà cao một trượng". Các loài ma có thể hiện thành nhg hiện tượng kỳ lạ để lừa gạt khủng bố người tu hành. Chg ta cần phải bình tĩnh sáng suốt để đối trị, để phân biệt tà quỷ.

5) Không nên khởi tâm vui mừng, cúng như khg nên sợ hãi khi thấy những hiện tượng kỳ lạ trong khi tu niệm Phật. Chỉ nên nhứt tâm quán tưởng, niệm trì danh, hiệu Phật, xem vạn pháp là giả ảnh, không chắc thật.

.....

C) KẾT LUẬN

Pháp quán tưởng và quán niệm Phật là 2 pháp môn tu hạnh, hợp với căn cơ chúng sanh hiện đại, và rất dễ thực hành. Chỉ có thực hành mới sống đúng như lời Phật dạy. Hàng Phật tử khg thể xao lãng, không thể không thực hành một trong hai pháp môn trên được. Sự thật hành ở nơi đây bao hàm cả nghĩa tinh tấn dũng mãnh hành trì, không bao giờ thối thất, gián đoạn.

Đừng có nên quá hăng hái lúc ban đầu, đến nỗi sanh bệnh và lạc vào ma đạo. Cần phải giữ mực trung bình, thông thả hướng tiến 1 cách chắc chắn, mới mong có nhiều kết quả thiết thực. Thật hành hai pháp môn trên này tức thực hành năm hạnh : Tinh tấn, hỷ xả, thanh tịnh, trí huệ và từ bi.

(Còn tiếp)

TÂY PHƯƠNG

CUỘC HỒNG TRẦN

Anh M. mến !

Thế là một mùa Xuân lại đến. Đi và đến là phương thức vô thường của cuộc sống này vậy. Riêng đối với người Việt tha hương chúng ta đây là cái Xuân thứ 9, đánh dấu ngày lìa xa quê cha đất tổ, bỏ lại sau lưng tất cả những gì yêu dấu nhất. Ngậm ngùi, gạt lệ ra đi. Với lễ vô thường thì đi cũng có ngày về Anh à! Cái ngày về đó sớm hay muộn còn tùy vào ý chí, tâm huyết của mỗi người con dân nước Việt. Anh hiểu ý tôi chứ!

Trong nước năm nay đông bào mình đón 2 cái Xuân. Tôi tạm gọi một cái là Tết Chính phủ, và một cái là Tết Cổ truyền Dân tộc. Vì lẽ nào có sự việc ấy, chắc Anh cũng như mọi người đã rõ rồi. Tôi xin được miên đàm nơi đây nhé! Chỉ biết rằng khi người ta thương nhau thì dù có đen cũng thành trắng được, hề khi ghét nhau dù có trắng, nó phải lặn cho bằng được. Chỉ có thế thôi. Oi! Nhân tình thế thái, vô thường là ở chỗ đó? Sinh diệt tương tục biến đổi không sao lường được.

Chắc Anh cũng ngạc nhiên không ít, khi đọc tiêu đề của thơ này "Cuộc Hồng Trần". Tết nhất mà đàm đạo vấn đề này chẳng hợp thời tĩ nào cả! Anh M. à! phạm làm việc gì, hoặc giả trong cuộc sống người ta thường "ôn cố

tri tân" mà. Nhất là trong những ngày cuối năm, tôi thường hay chiêm nghiệm lại quá trình "sống" của mình trong năm cũ, để hoan hỷ đón nhận cái quả tốt hoặc không tốt trong năm mới vậy. Mỗi cái Tết tự nó đã thể hiện, đánh dấu một thời điểm trong chu trình sinh diệt rồi. Cái Tết "Ất Sửu" năm nay đối với riêng tôi có phần khác nhiều hơn những Xuân qua. Chẳng là trong những tháng cuối năm, ở cái tỉnh Hannover này có nhiều biến chuyển trợ duyên rất nhiệt trên đường tu học của tôi, lần lượt tôi xin kể cho Anh nghe nhé!

Như Anh biết là trong năm qua, sau Đại lễ cầu hành mừng Khánh Đản, Chùa Viên Giác đã tổ chức ba tháng An Cư Kiết Hạ. Mùa An Cư này là một đại duyên cho Phật tử ở xứ này vậy.

Qua những lớp học giáo lý Phật Đà, khóa chuông mõ, khóa tụng niệm, sau 3 tháng đã có nhiều Phật tử xa gần lãnh hội được những nghi thức tụng niệm, biết xử dụng chuông mõ, Có được như thế cũng là nhờ ân Tam Bảo gia hộ Anh M. à!

Ngoài ra mỗi cuối tuần trong mùa An Cư vừa qua đều có thọ "Bát Quan Trai Giới". Hết thấy là 12 lần thọ Bát. Số Phật tử thọ Bát đều không đông (Anh cũng hiểu vì sao rồi! Bởi người ta còn bận bịu gia duyên nên chưa có duyên đây thôi!) nhưng sự tham dự đều đã cùng việc công phu hộ giới của Quý Bác Đạo Hữu tín tâm đã nói lên được niềm tin hướng về Tam Bảo của người Việt tha hương nơi xứ này rồi.

Nói về số tuổi quý vị thọ Bát có Bác lớn nhất đã ngoài 70, còn người trẻ nhất khoảng 16. Ba thế hệ, ba mái đầu sách tấn nhau trên đường tu học đạo giải thoát, cùng là Ban Đạo nhau nương náu dưới Ánh đạo mầu Tử Bi Hỷ Xả của Chư Phật.

Trước khi xả giới trong ngày hôm sau, Thầy thường dành nửa giờ cho các học viên trình bày cảm tưởng của mình trong suốt 24 giờ tu học giới hạnh người xuất gia. Hầu hết những cảm tưởng đều tựu chung là trong 24 giờ qua thân tâm họ thật thanh tịnh, có điều kiện xa lìa những ràng buộc thế gian nên đỡ lìa phược tiện quý báu giúp cho học viên dễ dàng lãnh hội Phật pháp; trong 24 giờ đó học viên có cảm tưởng như mình đang sống ở một cõi an lạc nào đó, chứ không nghĩ là đang hiện hữu trong ngôi Viên Giác Tự ở cõi ta bà này.

Cũng trong những giờ như thế, Bác Diệu Tính thường xin phép Thầy có đôi lời khuyên nhủ dân con cháu, trong đó có cả tôi nữa. Bác dạy chúng tôi rằng :

"Các cháu còn trẻ, sức khỏe còn dồi dào, tâm thần chưa nhiễm trần ô hãy gắng mà đến chùa công quả, tu học đạo giải thoát. Chú còn già như Bác rồi, mắt thì kém, sức thì yếu, ngồi lâu không được, đứng lên quý xuống thân thể đã rã rời, tụng kinh lại yếu hơi, đọc kinh thì chữ không rõ. Đây các cháu thấy tuổi già học đạo khổ vậy đây. Các cháu còn nhớ, Thầy trụ trì ở đây vẫn thường dạy chúng ta rằng :

"Chớ đợi tuổi già mới học đạo
 "Mở hoang lăm kể tuổi xuân xanh

Vậy các cháu gắng nghe lời dạy của Thầy Tổ, lời khuyên bảo của các Cha Mẹ".

Anh M. à! Kinh sách vẫn ghi rõ ràng rành rành đây lời Thầy dạy bảo vẫn còn đây, lời khuyên nhủ của Bác vẫn còn vang vọng bên tai, nhưng có mấy ai lãnh hội được đâu!



Vào cuối tháng 12, trong khi làm báo Viên Giác số 24, Bác Diêu Tỉnh hôm ấy đang chobáo vào phong bì để gửi đến quý Đạo Hữu xa gần. Bác có gọi tôi đến để có chuyện muốn tỏ bày Bác bảo :

"Anh à! độ này trong người tôi khg còn khỏe nên vắng đến chùa. Chẳng như dạo nào, trong mùa An Cư, cứ mỗi cuối tuần đều đến chùa thọ Bát, mà lúc ấy trong người thật khỏe, thật thanh tịnh, dù 24 giờ tu học với số tuổi Bác ngàn này thật gian nan. Nay cứ mỗi cuối tuần lễ Phật định kỳ, có muốn đi cũng không được, đi xe điện một mình thì không biết chữ nghĩa gì cả sợ đi lạc. Còn nhờ các Anh Chị nhà Bác thì thật không dễ, mình cũng hiểu cho hoàn cảnh các Anh Chị ấy còn bận bịu gia duyên nên không thể đưa Bác đến chùa lễ Phật được. Tuổi già thật là khổ. Bác chỉ biết ở nhà đọc kinh, trì chú, lần hạt niệm Phật cho thân tâm an lạc, còn mai sau nhớ con vô thường đến viếng, mình vẫn an lòng mà chỉ biết nguyện về Tây Phương Cực Lạc thôi anh à".

Tôi có thưa với Bác rằng, nếu được phép cháu sẽ đến đón Bác đi chùa trong những lần lễ Phật định kỳ sắp tới, khi các Anh Chị bận rộn

không đưa Bác đi được. Và cũng không ngờ đó là câu chuyện đăm đạo cùng Bác lần cuối Anh M. à!

Anh M. ơi! lời hứa với Bác tôi nào thực hiện được đâu. Vì sau đó một tuần tôi bị tai nạn xe. Tưởng rằng mình đã về châu Phật rồi. Cũng may thân mạng tôi và mấy cháu không hề hấn gì. Xe hư phải bỏ sửa. Trong lúc bỏ xe sửa, lại được hung tin, Bác đau nặng phải đưa vào nhà thương. Việc thăm viếng rất giới hạn. Tôi không có phương tiện, nhưng sự thật là tất cả xảy ra mau quá không ngờ được. Tôi thăm hứa rằng khi bệnh tình Bác thuyên giảm, và được phép vào thăm, tôi sẽ ghé thăm Bác.

Dù định này cũng chưa thực hiện được vì cuối tuần ấy tôi tháp tùng cùng Thầy Trụ Trì trợ một Phật sự ở miền Nam. Lúc trở về sau đó vài ngày, mãi lo chuyện làm ăn nên cũng chưa đi thăm được, thì được tin Bác qua đời. Hôm lễ an táng cho Bác tôi có đến, ngoài thân bằng quyến thuộc của Bác, còn có sự tham dự đông đảo của người đồng hương cư ngụ tại đây. Buổi lễ thật đơn sơ, theo nghi thức Phật giáo nhưng trang nghiêm thăm đày đạo tình. Ai nấy đều xúc động qua bài kệ "Cuộc Hồng Trần" cùng bài diếu văn của Bác trai, trong lúc mọi người thấp nhang, bài "Lòng Mẹ" được cử lên, mọi người không cầm được giọt lệ. Tôi tin rằng trong giây phút ấy, mọi người hiện diện đều chìm trong thôn thức tâm can. Riêng tôi tôi buồn như chính mình đưa tiễn người Mẹ hiền qua bên kia thế giới, buồn vì mất đi 1 người Bạn đạo kính mến Anh M. à! Đoàn người chậm chạp, lễ lết đưa linh cữu Bác đến mộ phần. Trên tay mỗi người có một nén hương. Lúc đi mọi người niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật. Dù mình gắng nhất tâm niệm Phật, mà bên tai vang vang giọng kẻ lê thươg tiệc Mẹ hiền của chị T., con gái Bác. Tôi gắng lăm mới điều phục được tâm tư, hầu giữ cho được "nhất niệm" Anh M. à! cũng vì quá xúc động.

Ra đến mộ phần, nhìn một cái hố đã được đào sẵn để đặt chiếc quan tài. Tâm tư tôi chợt ngưng hẳn lại, bỗng đứng biện mất hết. Hoàn tỉnh lại, trong đầu tôi chỉ có một câu hỏi duy nhất rằng "Cái cuối cùng của một đời người chỉ có thể thôi sao?". Một cái hố đất được đào vơi vãi, hai bên chiều dài tận vắn ếp cũng như hai đầu chấn hai miếng tôn rổ hầu đất khỏi sụp. Chỉ đào cho vừa đủ chiếc quan tài đặt vào đây! Trời ơi! lúc còn sống ai cũng đua chen, muốn nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con khôn, tiền tài danh lợi. Mãi rằng bước mình trong ngũ dục. Bị tám gió nó quay cuồng không lối thoát. Có ai nhận chân được

cái khổ ấy bao giờ đâu. Quả thật như thế Anh M. à! Anh còn nhớ trong Tứ Thập Nhị Chương Đức Phật có dạy rằng: Người ta thường cho rằng bị giam hãm trong nhà tù là khổ. Nhưng sự khổ ấy chưa bằng nỗi khổ bị ràng buộc bởi gia đình, vợ, chồng, con cái. Vì người sống trong nhà tù còn có thể giờ nhàn rỗi, và có khi được ra. Trái lại người ở gia đình lúc nào cũng phải lo nghĩ về việc nhà cửa, làm ăn... Nên rất khổ... "

Thật vậy, lúc sống thì bươi chải, lo lắng đủ điều để nuôi cái mạng mình, của người thân mình. Ai cũng vì thế mà sanh ra ích kỷ hẹp hòi cả. Lúc chết rồi những người mình thương hoặc người thương mình, có ai muốn theo mình đâu. Bao nhiêu tiền tài, của cải gây dựng được có mang theo được gì đâu. Trước khung cảnh thế lương âm đạm ấy mới nghiệm được cái không thực của cái thân tứ đại mình đang mượn tạm để trả nghiệp cùng cái nghiệp Anh M. à! Trong giây phút này có ai tranh dành với mình đâu Anh nhỉ?

Trong bối cảnh ấy, tôi chợt nhớ đến cái chết của một em bé 4 tháng cách đó không lâu cùng tại nạn xe buýt chết, mình mới thể nghiệm được cái Tánh Thường hằng trong cái tướng Vô thường của Vạn pháp!

Trước phần mộ Bác tôi nguyện rằng đã không giữ được lời hứa đưa Bác đi chùa, tôi sẽ chờ Bác đi về Cực Lạc cố quốc trong lời nguyện của mình sau mỗi buổi công phu trog

ngày. Tôi tin rằng Bác rất hài lòng, và trên lộ trình về cõi hương tôi không vắng người Ban đạo kính yêu ấy. Càng ngẫm nghĩ, càng thấy Đạo Phật không chỉ dạy cho chúng ta cái bị quan để xa lìa thế thể. Trái lại Đức Phật đã dạy ta biết cái sanh, già, bệnh, chết, để mình biết tu tập cái không sanh, không già, không bệnh, không chết; để mình có thể chứng nghiệm được cái thường, lạc, ngã, tịnh ngay trong cõi này, không ở chỗ nào khác, không trước không sau.

Nếu ở đây chúng ta thấy cái chết như thế nào cũng là biết được thế nào là sự sống, phải thế không Anh M. Cũng bởi cái mạn vô minh, ngã mạn nó che lấp đầy thôi. Bảo rằng con người không ích kỷ thì không đúng, cái ích kỷ ấy cũng chẳng qua vì mình chấp cái ngã của mình mà có. Chỉ có thế thôi! Điều không thiên thì miễn bản, còn phạm điều thiên mà còn chấp vào cái năng, sở, có người làm và có kẻ nhận thì cái việc thiên ấy còn giới hạn và hẹp hòi quá. Nó có thể là Tử, là Bi, là Hỷ, là Xả nhưng chưa là Đại Tử, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả; có thể là Niết Bàn nhưng chưa là Đại Niết Bàn.

Giả dụ rằng tất cả những hành vi thiên, lợi mình lợi người được gói ghém trong chữ Thi ân, thì điều thứ 8 trong luận bảo vương tam muội rõ ràng là kim chi Nam, là địa bản, là tư lương cho những ai tu pháp Đại thừa vậy. Điều thứ 8 dạy rằng: "Thi ân thì đừng cầu đền đáp, vì đền đáp là thi ân có ý mưu đồ".

Thi ân cũng còn có nghĩa là bố thí, gồm có tài thí, pháp thí và vô úy thí. Trong cuộc sống của chúng ta hiện nay, tôi tạm cho rằng tất cả những Phật sự mà chúng mình đang thực hiện cũng không ra ngoài tính thân ấy vậy. Nhưng mấy khi mà chúng mình hành được trọn vẹn ý nghĩa ấy phải không Anh? Không ít thì nhiều, vô tình hoặc cố ý, cái ích kỷ của chúng mình vẫn còn lảng vảng trong mọi Phật sự. Nên có nhân có quả, có người có ta. Kết quả dù có đầy nhưng vẫn còn hạn hẹp nhiều lắm, vì mình còn chấp chặt vào cái ngã của ta. Hết còn nhân còn quả, còn người còn ta thì cái vô thường vẫn còn hiện hữu.



Cái vòng xích 12 mắt nhân duyên tương tục nhau, không biết mắt nào là đầu và khoen nào là cuối. Phạm là con người, làm sao không biết thương, biết yêu phải không Anh? Nhưng cái Ai ấy nhớ hẹp bởi ta còn Thủ, bởi ta luôn muốn cái gì cũng thuộc về mình cả, nên còn luân hồi. Chư Phật Chư Bồ Tát thương yêu chúng sanh như con đẻ, tình thương ấy thật bình đẳng vì đã không còn cái Thủ, cái Ngã nữa nên mới là Đại Tử, Đại Bi.

Tôi tạm giả dụ mọi Phật sự của mình như một phân số. Nếu tử số là mình, đối tượng là mẫu số. Nếu cái Ngã, ích kỷ của mình là con số 1 thì không thể có cái tâm đại thừa trong Phật sự được. Còn vô ngã là tử số không, nếu đem số 0 mà chia cho bất cứ mẫu số nào thì kết quả của phân số ấy cũng là 0. Cái nghĩa của kết quả 0 này, không phải là không có gì cả, nhưng ở đó thể hiện được cái tánh không của nhà Phật rồi. Đó là cái tánh Bình Đẳng, Chơn Như, Viên Giác, ... vậy.

Trường hợp thứ nhì, giả dụ mẫu số của phân số ấy là ta, còn mọi đối tượng là tử số. Nếu mình mang bất cứ một tử số nào chia cho cái mẫu số 1, dù cái ngã, cái ích kỷ của mình, thì kết quả của nó còn hạn hẹp lắm. Nhưng nếu mẫu số của phân số ấy là 0, dù cho cái vô ngã của mình, thì kết quả của phân số ấy không thể nghĩ bàn Anh M. à!

Trong cả 2 trường hợp, bài tính chia ấy dụ cho sự thi ân, việc hành đạo. Tử số và mẫu số dụ cho năng và sở, có người có ta, còn thân còn sở. Nhưng đối lập ấy khởi lên khi mình còn vọng chấp vào cái ngã, cái ta. Cái ngã sanh cũng bởi lòng ích kỷ, y vào cái tâm vọng niệm so sánh của mình, nên là vô thường là sanh diệt, là nguồn gốc của mọi khổ đau.

Bởi thế Đức Phật xem thi ân như đôi dép bỏ. Cũng là nghĩa trên vậy. Có được như thế hành giả đâu còn bị tâm gió bụi vậy đâu Anh M. nhí! Vì xem là đôi dép bỏ nên mọi việc làm của mình đều không có cái ích kỷ trơ đơ vậy. Kết quả của những Phật sư ấy sẽ là những con số không như đôi dép bỏ, đó là luận về tánh, còn về tướng sẽ là 1 con số không thể nghĩ bàn được.

Anh M. lần này tôi chỉ mong được cùng Anh tâm sự một vài quan điểm về cái chết và sự sống thôi. Thế mà cũng đã khá dài rồi đây. Cái chết, tôi thiết nghĩ chỉ vốn vẹn trơ câu sau:
Thân này thật là ngắn ngủi! Nó sẽ ngủ 1 giấc dài dưới 3 thước đất, vô ý thức, bị vứt bỏ như khúc cây vô dụng.

Còn về sự sống cũng chỉ gói ghém trong câu này:
Như từ trong đồng bùn như đàng vớt mới sanh ra hoa sen thanh khiết ngát ngào làm đẹp ý mọi người, cũng thế, chỉ từ nơi chôn phàm phu mù quáng mới sản xuất những đê tử bậc chánh giác, đem trí huệ soi sáng thế gian.

Còn sống như thế nào thì nội dung không ra ngoài 2 chữ BỐ THÌ. Anh cũng biết Bồ Thì là hạnh thứ nhất trong 6 pháp Ba la mật của Bồ Tát Hạnh đó.

Nhân dịp Xuân về, tôi mạn phép ghi lại mẩu vần thơ của Tổ Sư Hoàng Bá thân tặng Anh thay lời chúc vậy:

"Vượt khỏi trần gian việc chẳng thường
"Nắm chặt đầu giây vững lập trường
"Nếu chẳng một phen sương thấm lạnh
"Hoa mai đâu để ngửi mùi hương.

Mến,
TÂY PHƯƠNG



Ngày Xuân uống rượu một mình

Nhớ ngày xưa Xuân đến
theo Mẹ lễ Chùa làng
lông lằng lằng điệu với
chân bước nhẹ mở màng
Hai mắt nhìn chẳng mới
tướng Phật cười Từ bi
khỏi trăm hương ngút bay
người tiếp người chen bước
Mẹ kéo đi chẳng hay.

Ba mươi năm qua lạ
giờ lưu lạc xứ người
Xuân về trong đơn lạnh
chẳng thân thích họ hàng
Nhìn tuyết rơi ngoài ngõ
lông băng giá võ vàng
Tối bên bàn thờ Phật
thắp một nén hương lòng
ngước lên nhìn Từ Phụ
Phật vẫn mỉm miệng cười
và nhìn sâu trong mắt
thấy cả cõi vô thường
bông tuyết bông tuyết
rượu đem rót đầy ly
ngồi nhâm nhi nhìn Phật
đôi lúc cất lời mới
Phật chỉ cười chẳng nói...

Rồi rượu cạn người mê
lạc về đến quê xưa
thầy gia đình tan nát
Cha cái tao chưa về
Em chiến trường biên giới
Vợ dốt tình phu thế
Mẹ nay đã lưng còng
mắt lòa lần từng bước
ra bờ giếng rửa mì
để nấu nồi cơm độn
cúng Tổ Tiên giao thừa...

Rồi bông oà bật khóc
và chợt tỉnh cơn mê
Hương đã tàn lụi ngọn
Phật vẫn mỉm miệng cười
ngoài sân tuyết vẫn đổ
ngập trắng cả một trời
như khăn số ai thất
để tang một kiếp người

■ HẠ LONG

ĐIỀU VĂN

CỦA

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI SUNGEEI, BESI CAMP - MALAYSIA TRONG
ĐẠI LỄ CẦU SẪU CHO ĐỒNG BÀO TỰ NẠN TRÊN BIỂN CẢ TRONG KHÍ TÌM TỰ DO

NAM MÔ BỒN SỬ THÍCH CA MAU NÍ PHẬT

Kính bái hương linh chư liệt vị mệnh chung,

Ánh nền lung linh trên Phật điện, hào quang Phật đài đang soi tỏ thành tâm những người con Phật đang cuối đầu đánh lễ, nguyện cầu đn Tam bảo độ trì cho tất cả hương linh siêu thoát, được phúc âm vắng sinh cực lạc.

Xin cần bái chư liệt vị hương linh, vì tự do yêu dấu, giả tử đất mẹ ra đi, và hy sinh để lại xác thân mình giữa lòng biển xanh thăm thẳm. Chư vị hương linh đang vất vả vô định giữa vòng liêu sinh giả tử. Hay quỳen hồn theo đám vân hương, hay nương theo ánh đạo tử, tộu vị về nơi đây, Bồ Đề Lan Nhã Tử chứng giám cho giờ phút chúng tôi đang đốt ánh nền nguyện, nguyện cầu hồng ân Tam bảo, độ trì chư vị hương linh vào miền lạc quốc.

Những ngày qua là tổ quốc ngậm ngùi, những ngày qua là dọa dầy tù ải, những ngày qua là gian khổ hiểm nghèo, những ngày qua là vượt thoát ra đi, cho mỗi một người, cho mỗi gia đình, và cho một đất nước thương đau, mà tử nơi chôn nhau cắt rún ấy, tất cả chúng ta đây đành cần rặng nuốt lệ tử biệt rồi xa, với ngàn bao luyến nhớ, với ngàn bao tiễn biệt dạn dờ, và với bao vô vọng mong, ngóng, nhớ, thương.

Một thuyền rồi một thuyền và lại một thuyền nan vượt thoát ra đi, đằng sau lưng là bấy qui đồ hạm hực, chục chố săn đuổi, và phía trước, là nguồn khơi bể cả, là sóng loạn mưa gào, là phong ba bão táp, và phía trước, là bấy thú lang man đá bao tàn, đang sẵn sàng để vỗ vập thuyền nan nhỏ bé. Thế nhưng, vì tự do, vì lẽ sống của con người, thuyền bấp bênh vẫn lướt càn trên sóng nước. Rồi phong ba chợt đến, rồi bể gầm sóng dữ, thuyền con chao đảo giữa đại dương mịt mù thăm thẳm. Rồi sấm sét nổi cơn thịnh nộ ngàn đầu, rồi mưa rào giăng, mào giữa lối đi Lo âu, sợ hãi giữa từng cơn sóng cuộn, giữa bão táp bập bùng, cơn gió lạnh cắt xéo da thân, run rẩy kiệt mòn hơi sức. Với tay cầu nguyện Phật Trời, với tay ra van xin tử thần tha mệnh những tử thần đầu buồng tha, mệnh số như đã an bày cho những con người khốn khổ. Lịm, lịm dần đi khi thân xác đã rã rời, khi cổ họng đã chát nong mùi biển mặn, khi chất lạnh đã thấm vào làn da, dần sâu vào tận buồng gan tụy... Và thế là buông, là trôi, là bập bênh trên sóng nước vẫn muôn đời phủ phàng, và chẳng hề nương nhin cho những số phận bạc phước bao giờ. Từng tầng thấp sóng âm âm vỗ đến, cuốn trôi một hình hài vào lòng biển thăm, hơi sức cuối cùng, mẹ gào thét thân con vừa chìm sâu dưới lòng biển cả, vợ không nắm được tay chống chỉ trong tấm gang tặc, và chỉ trong thoáng mong manh. Nước đá lùa đi giữa bọt ngâu trắng xóa, bàn tay đưa lên vẫy gọi lần cuối, chợt nổi chợt chìm, rồi cách xa mạn thuyền sâu vào lòng biển. Ôi quặng thất! Ôi đớn đau! Ôi xót xa! Mẹ nhảy với cứu con giữa lòng nước cuộn, con lao mình vào sâu lớp ba đào đang cuốn trôi thân xác cha mình, vợ trầm mình theo xác chồng đang ngắt ngoài, đang tận lúc gần cuối cuộc đời, với tay khỏi làn sóng vang lối, cứu sinh. Mẹ ôm chặt con thở bé dại, chị ghì thân em thật chắc, em bầu lấy cổ anh xiết chắc, kinh hoàng, run rẩy, và những mong tai ương thoát biển. Nhưng biển vẫn chưa hài lòng, gió táp chưa dừng cơn tàn khốc, vẫn dữ dằn, vẫn ác liệt phủ phàng, vẫn vô tình cướp đi bao sinh mệnh, vẫn ré phân bao tình thiêng mẹ con, cha con, vợ chồng, anh chị em, và bao thân thương cắt ruột. Mỗi liên hệ càng ràng buộc nhau hơn lúc nào, để rồi, cha vì con, vợ vì chồng, anh vì em, và tất cả vì sống còn của nhau, đã không còn biết, không còn nghĩ gì đến khốc liệt, đến thảm họa của biển sâu vô tình mà chỉ còn biết phải níu, phải kéo, phải cứu sống lại những thân thương, đang dần lịm

trôi theo sóng nước tử thần, đâu biết rằng thần chết chẳng bao dung bao giờ. Một người, một mệnh, và rồi cuốn lôi thêm bao là sinh mệnh nữa. Rồi vợ, rồi chồng, rồi cha rồi mẹ, rồi anh em rồi chị em, rồi cháu rồi bà... và rồi như một tuần tự, đắm sâu chìm lấp vào lòng biển thăm mù khơi, để rồi lúc nào đó, vào nơi nào đó, thân xác vừa tan chẳng còn chút vẹn toàn, là vô định là đất đỏ, là môi ngon cho đàn cá háu ăn tranh rìa.

Lạy trời cao sao phủ xuống tang thương! Lạy cao xanh sao trùm lên màu tằm tối! Thuyền nan bé nhỏ còn lại, ôi sao xơ xác lạ lùng, cột buồm nghiêng ngã, động cơ bất động, mảnh ván thuyền không còn sức chịu đựng trước các đập dồn, mái dầm trời dạt, sức người kiệt ngã quá hải hùng. Bể sâu vẫn chưa tha, vẫn gặm thết, vẫn cuốn trào, để rồi cuối cùng làm tan vỡ, lật úp thuyền nan mỏng manh, và nhận chìm dưới lòng biển sâu ngàn dặm, chẳng lưu vết tích nào của bao sinh mạng, có chăng chỉ là những mảnh gỗ thuyền, thối tử nay bênh bồng trôi dạt giữa biển khơi để chờ ngày rửa nhục. Và thế là không còn ai, và thế là không còn sống sót, và thế là cảm lạnh buốt xuôi vĩnh viễn theo sóng cuồng gió loạn nghiệt oan, để rồi còn có ai đây đối đầu theo tìm.

Vẫn chưa hết lại một thuyền nan nữa đang lênh đênh trên biển cả, hàng chục con người giữa khoang thuyền nhỏ hẹp, tưởng chừng như sức chen chúc đủ làm thuyền con rạn nứt, vãn ra đi và quyết chí ra đi, và phía trước là nguy biển khôn lường, là trời cao chừng như chưa cảm thông với thêm muốn thật bình thường và gian dị của con người: TỰ DO. Tự do ấy thật gần mà thật xa quá, phải trả ngần một giá vô ngần bên cạnh thần chết luôn chờ chờ vỗ nắm lấy. Rồi đứng đi chệnh vênh, rồi hướng tới vô định, thuyền chỉ còn là tấm nhỏ bé giữa vòng tròn biển thăm mênh mông. Động cơ không còn sức đẩy, máy tắt đầu khô, thuyền đã bập bênh. Những mái dầm những mảnh, vẫn mỏng manh, những cánh tay trần đã bắt đầu chèo chống. Rồi nâng lên cao, nâng nực nồng, nâng thiếu sót những tấm thân da người đang nai sức chịu đựng, muối biển mặn cấu rất từng cơ thể, gương da mặt xám thẫm, từng làn môi nứt nẻ, từng cổ họng khô cạn, giọt nước miếng không đủ để nuốt trôi chất muối mặn, không đủ để làm người cơn khát nước, lương thực cạn khô, từng cơn đói của thể xác dày vỏ, những tia mắt nhìn nhau chừng như thật đói, cơn khát gào sủa mẹ, cháu van bà cho miếng nước trong, em cầu cầu thân chị vội xin ca nước, vợ nấc lên từng hồi van chồng thêm chút nước. Những đầu còn nữa, đã khô cạn giọt cuối cùng chỉ còn sót, chỉ là chiếc thùng không đang chịu sức mặt trời gay gắt, to nóng giữa khoang thuyền. Ôi nguồn quý giá nhất, nguồn cứu sinh đã không còn. Nước ơi! Nước đi lấy đâu mà có? Tìm đâu ra bây giờ? Mẹ ơi con khát quá! Anh ơi, chắc em chết khát mất! Chị ơi, cho em xin chút nước. Và: "Bà ơi, Bà ơi! Nước đâu? Nước đâu?": Rồi mọi mắt chờ trông nơi chân trời, bến bờ vẫn vô định, rồi câu niệm ước mong, vẫn không đáng tàu qua lại. Những cánh tay lờ lẩn, những hơi thở dập dồn hỗn hển, rồi những gương mặt hốc hác thẫm đen, giờ thì chẳng còn ai dư hơi sức. Mọi mồn, rã rời và chỉ còn buông theo mệnh số, ngổn ngang, hỗn độn, chồng chất lên nhau. Đã có nhự tiếng cười mất trí, đã có những tiếng thét kinh hoàng, đã có những ní non tê tái. Mẹ tức tuổi ghen ngào, lặng thắm bề xác con mình lần tay trên triển nước. Vợ gục đầu vào ngực chồng không hơi thở, gầy khấn, khô đét và cứng lạnh bên mạn thuyền. Trời ơi sao đó cuộc đánh lixa. Cơn phều phào lần môi tím ngắt, quở quạng trườn lê bên xác mẹ...

Từng nắm hình hải thả buông vào lòng biển. Rồi những ánh mắt nhìn một xác thân nằm đó như ngầy dại. Đói và khát đang hoành hành, đang thôi dục trong từng cơ thể hơn tất cả những mong muốn đòi hỏi của con người, và hơn hẳn cả tự do nơi phía trước kia. Và đi thăm trạng, ôi chẳng còn kiếp thân người, bởi vì khi ấy chỉ còn có mỗi sự sống là thiêng liêng nhất, là khan quý vô cùng. Một cơ thể đã trở thành những miếng thịt người, để giúp hồi sinh lại cho những con người đang sống còn ngạc ngoài. Ôi Trời có đóai hoài thương cảm đến cảnh tượng đã vượt qua khỏi trí thức của con người như lúc này chẳng?

Vẫn chưa hết, vẫn những thuyền nan chạy trốn, phía sau là quỷ Đồ vô thần, và phía trước kia đây đó là bầy sói lang đói hình người đang chực chờ sẵn dưới, bủa vây, những tiếng rú man rợ những gương mặt tằm kinh xuất hiện. Vĩ! Vĩ sát lại! Húc! Húc mạnh vào trước bao cặp mắt kinh hoàng. Bầy quỷ nháy sang, vỗ vập hung hãn... thoảng chốc đao đã kề tận cổ người, súng chìa thẳng vào mằng tai cho những lũ hành sa bầy. Rồi cướp, rồi giết, rồi thẳng tay đâm chém nạn nhân không kịp cất tiếng la, rồi dùng dùng quăng nhào những mạng người vào sóng nước, rồi trói gố lại dón xuống khoang thuyền đóng chặt đinh ván, và tàn nhẫn húc cán cho chìm sâu đáy biển. Rồi dành giết, rồi cầu xé thân xác nữ nhân, vừa cuồng điên, vừa man dại... Giữa phút tử sinh cận kề nhau trong từng ly tắc của không gian và thời gian ấy, chồng nóng lòng hy sinh cho vợ, bỏ nhào ra nắm lấy trong tay, và hứng đỡ bao đường đao mũi giáo, rồi trợn trừng gục ngã khi bầy quỷ đang cưỡi rú lên trên bao thú tính. Con nắm tay mẹ vẫy vùng kêu thét, chịu bao lần roi hung hãn bạo tàn in hằn lên da thịt, để rồi vẫn bất lực không cứu

được mẹ yếu, những bàn tay thô bạo những chiếc đầu tán tận lương tâm, những gương mặt không còn diện người, dấn lấy, hất tung lên, và quăng vào biển nước. Em ôm chầm lấy chị để cản ngăn bấy thú dữ. Và trời ơi! Thảm thương quá! Một nhát chém đứt lìa đôi tay đang bám víu. Cha long lanh ánh mắt sừng sọc, khi chân tay mình bị buộc ràng vô phương vùng vẫy, nhìn con mình đang gánh chịu đày đọa thể thảm, đang khiếp đảm rên la quần quai, đang chấp tay van xin bấy thú lang buông thả. Rồi máu rối nước mắt, rồi những xác thân không toàn vẹn. Tiếng kêu la, tiếng thét hãi hùng, tiếng van xin cầu khẩn, nào có giao động được gì lũ quỉ người man rợ đó. Và mới đó mà, cha mẹ đã mất con, vợ đã mất chồng, anh đã mất em, và còn bao rếp phân mất mát nữa. Ôi oán than vô tận, ôi bất nhân vô lương! ...

Nơi quê hương ta đó, cha già mẹ yếu vẫn héo hắt chờ mong, mong con thoát khỏi nanh vuốt Cộng nô kềm hãm, mong con vượt thoát ách nan, mong con tới được bên bờ tự do, và mong con vì chí cả ra đi để hẹn ngày phục quốc đoàn viên, cho dân tộc mến thương cho quê hương yêu dấu Có ngờ đâu trong từng khoảng cách bên bờ tự do thật gần ấy, vẫn chưa được đặt chân đến, mà độ chừng đã liêu vong vào lòng biển, để tiếc thương, để sầu nhớ xót xa cho hai mái đầu già đang ngậm ngùi tủi số.

Vì quốc hận, vì đất nước đang chịu đọa đày từ ải dưới gông cùm xích hóa của Cộng nô. Chông ra đi theo lời nguyện phục quốc, cha anh cất bước vượt trùng dương để tranh đấu tìm tự do để vui câu đoàn tụ dài lâu và mãi mãi cho gia đình, cho dân tộc và cho quê hương. Có hay chăng là lần vĩnh quyết sau cùng. Ước nguyện chưa thành bờ tự do chưa tới được, xác thân đã trôi giạt theo bọt nước đại dương. Đây là vợ, đây là con, đây là đàn em thơ đang mong ngóng đôi hoài. Mẹ ơi! Sao lâu quá ba không nhận tin về cho biết? Trời hỡi ba đâu còn nữa mà hỏi con! Và : Anh đi đã lạc bước trôi giạt về phương nào?

Bao kỳ vọng, bao ước mơ, bao dân đồ gửi gắm cho nhau, bấy giờ đã đổi thành lời trần trối, ai đâu hay được lời trần trối sâu cùng? ... Tang thương tâm tối, và đây sâu bị phủ trùm chỗ còn lại bao thân thương đậm đà đang sống nơi quê hương yêu dấu, bên kia bờ Đại Dương xa thăm của Mỹ Âu, của những thân thương nhưng nhớ đang sẵn sàng chào đón, của cha của mẹ, của anh chị em, của vợ chồng vẫn tưởng chừng đang mong đợi. Và còn nơi đây nữa, nơi phần đất đá là tự do nhân ái đây rồi, giữa bao tâm tình thương của bao người chân thiện. Con đã đặt chân đến được, nhưng cha mẹ con đâu rồi? Anh chị em con đâu mất? Gia đình tôi sao bỗng chốc nát tan phân lìa. Và nơi này, anh đã đến được, nhưng mình ơi! Con ơi! Đã mất mát nơi nào? Một đại gia đình sao bỗng cháng còn ai? Một đôi vợ chồng đã âm dương cách biệt? Một đàn anh chị em sau chặng đường gian khổ kinh hoàng giờ đây phân tán.

Đã chết, đã mất mát, đã trôi giạt, biết thuở nào còn gặp lại nhau ...
Mẹ khóc than cho ngàn đời vắng dấu con yêu, tiếc thương hình hài khi huyết do chính mình tạo nên, từ nay mất hẳn rồi. Cái gì đó không còn thuộc về mình nữa, mà còn lại đó là vấn vương sâu nhớ cho mẹ ở cõi đời.
Con thơ vợ đại tử tế ai oán, sầu khổ xót xa cho một hình hài chồng cha đã khuất, còn lại chẳng là ấp ủ yêu thương đã qua rồi trong cuộc thế.
Và cuối cùng là mất mát, mất mát đích thật rồi. Xác thân đã chẳng còn, rồi cũng sẽ chẳng còn đâu nữa.

Hỡi chư liệt vị hương linh! Đã trở về nơi vũ trụ vô biên, đã dứt nợ trần ai. Thôi cũng đừng thêm luyến ái. Hóa thân này đây đây khổ ải sâu bi, hóa thân này gánh chịu bao tai ương phiến toái, hóa thân này tái sinh giữa vòng nhiều loạn. Gió thoát kiếp rồi, xin hãy định thần mà đi ...

Hỡi chư vị hương hồn! Nghẹn lời rồi sao nói hết, uất hận ngút trời chẳng chút người ngoạ. Chúng tôi đây những người còn sống lại, cũng trải qua những giờ phút kinh hoàng với lắm bao xót xa sâu thẳm. Xin kính cẩn nghiêng mình triêu thỉnh chư vị thần hồn về đây chúng giám.

Hỡi chư vị hương linh! Chín năm mất nước trôi qua đã là cơn mộng dữ. Chín năm lên đênh trên biển nước bao vong hồn phiêu bạt. Người sống kẻ chết cùng mang hận non sông chưa vẹn lời thề ước. Xin hãy cùng về đây, trước ánh nền và ánh nhang nguyện của chúng tôi, đốt lên để thắp sáng niềm tin phục quốc. Và cũng xin hãy về đây theo bóng Phật đài, thức tỉnh phần hồn sau kính hải, để nghe tiếng Kệ cầu Kinh, để nương theo ánh Đạo vàng, Phật Tổ tử bi mà thoát siêu lạc quốc.

xem tiếp trang 78

bản dịch của Quảng Độ

THOÁT VÒNG TỤC LỤY

Chương 3

Hình dung của Vương tiểu thư càng ngày càng tiêu tụy. Không một vị danh y nào mà không được mời vào tướng phủ, song rốt cuộc chẳng có hiệu nghiệm gì cả, mà bệnh tình của tiểu thư mỗi lúc một trầm trọng thêm. Bầu khí khí tung bùng, vui tươi trong tướng phủ trước kia giờ đây đã bị một làn mây âm đạm che kín. Vương phu nhân vội viết thư cho người vào triều mời Tướng quốc về.

Họ hàng thân thuộc và những người quen biết đều lo thay, họ cho rằng Tướng quốc và phu nhân chỉ sinh được một mình Thiên Kim tiểu thư, giả sử tiểu thư có mệnh hệ nào, thì họ đau đớn biết mấy. Và lại tiểu thư cũng là người quý mến, từ trước đến nay không biết bao nhiêu người được tiểu thư giúp đỡ.

Tướng quốc và phu nhân lo sầu, bối rối, không biết làm thế nào, họ chỉ còn cách hy sinh bất cứ cái gì nếu có thể làm cho con gái họ qua khỏi. Song vẫn chưa ai biết rõ nguyên nhân chứng bệnh của tiểu thư.

Sau đó phu nhân thấy thắc mắc, bà cho rằng bệnh của tiểu thư thật kỳ dị; trong nhà không có điều gì làm nặng trái ý, nàng cũng không hề cảm gió, cảm nắng, mà cũng không ăn phải vật gì có thể gây nên bệnh, thế mà tự nhiên đau ốm rồi nằm liệt giường, liệt chiếu. Trong đó chắc có điều gì khúc mắc lắm.

Phu nhân gọi Thúy Hồng vào phòng riêng của bà :

- Thúy Hồng, bà chắc con biết rõ bệnh của cô con ?

- Thúy Hồng run sợ, rồi phân trần :

- Thưa phu nhân, con làm sao biết được bệnh của cô con ?

- Con hãy ngồi xuống kia! - Bà chỉ vào chiếc ghế gần cửa phòng rồi tự tôn nói :

- Từ khi con vào giúp việc trong tướng phủ,

bà và cô rất yêu mến con, hiện giờ cô đau nặng và con cũng biết bà chỉ có một mình cô chẳng may cô có mệnh hệ nào thì bà sống sao nổi? Nói đến đây bất giác hai hàng nước mắt phu nhân ứa ra.

- Xin phu nhân đừng lo buồn - Thúy Hồng sụt sùi nói - Con chắc cô con thế nào cũng qua khỏi.

- Tất cả thầy thuốc danh tiếng trong thiên hạ bà đã mời đến cả rồi, cô đau ra sao và bị bệnh gì, cho đến nay họ đều không biết.

- Con chắc nguyên nhân chứng bệnh của cô là

Thúy Hồng ngập ngừng, không dám nói tiếp.

- Con cứ nói đi, Thúy Hồng !

- Xin phu nhân đừng trách mắng cô con thì con mới dám nói !

- Chỉ mong cô con khỏi bệnh là mừng rồi, chứ bà còn trách mắng cô con cái gì ?

- Con chắc có lẽ vì cô con thấy ông Vạn Kim hòa thường mà về sinh bệnh...

Nghe xong, Vương phu nhân thở dài náo nức :
ái tình ở đời làm khổ người ta đến thế !

Vì quá thương con, bà quyết định đến hỏi lại con cho rõ để tìm cách lo liệu.

Wương phu nhân tiến vào phòng và ngồi bên giường bệnh của con gái.

- Con, hiện giờ con thấy trong người thế nào? Bà đưa tay sờ trán con rồi lại nắm lấy bàn tay nàng.

- Mẹ, con sợ con khó sống quá !

Wương tiểu thư nói qua giọng nức nở.

- Con đừng nói dại! Mẹ thương con lắm, con muốn gì con cứ nói, mẹ sẽ vui lòng làm cho con được như ý.

Wương tiểu thư ứa hai hàng lệ, nàng đưa bàn tay gầy yếu, trắng bệch, nắm chặt lấy bàn tay của mẹ nàng :

- Mẹ! Con biết mẹ thương con lắm, song con là đứa con bất hiếu! Con không còn muốn gì nữa con chỉ nghĩ đến công ơn của cha mẹ, con xin cha mẹ tha thứ, con nguyện kiếp sau đền đáp lại.

- Con! Vương phu nhân hiền từ gọi con - Mẹ đã hiểu rõ bệnh trạng của con, đợi cha con về mẹ sẽ bàn tính, mẹ nhất định làm đúng như ý nguyện của con.

- Mẹ nói gì cơ ?

Sau khi nghe mẹ nàng nói, Vương tiểu thư có cảm tưởng như vừa nghe tiếng sét đánh ngang đầu, toàn thân nàng nóng bùng.

- Con ạ, con không nên đau mẹ nữa, vừa rồi, Thúy Hồng đã nói cho mẹ biết hết rồi, con cứ yên tâm, mẹ có phải người xa lạ đâu? Mẹ có bốn phần phải lo liệu cho con kia mà.

Trên đôi má xanh xao, tiểu tụy của Vương tiểu thư, bỗng nổi lên một rúm hồng hồng.

- Con xin cha mẹ tha tội cho con, con đã không có đức tính của một người con gái, làm ô nhục gia phong tổn thương danh dự, thực con không

còn xứng đáng là một người con của một vị Tướng quốc! -vừa nói vừa khóc- Song thưa mẹ, con không biết làm cách nào để khắc phục được tình cảm của con, vì đâu sao, con cũng chỉ là một người con gái!

- Không phải nói gì nữa hết -Vương phu nhân an ủi con - Cha mẹ sẽ bàn tính việc này. Vì con không có anh em trai, cha mẹ có thể bảo sư bác ấy hoàn tục và bắt vào làm rể trong tướng phủ.

Nghe xong, Vương tiểu thư vừa mừng vừa thẹn và lập tức nàng cảm thấy trong người nhẹ nhõm, khoan khoái, bệnh tình thuyên giảm rất nhiều. Hy vọng và hạnh phúc lại bùng lên trng lòng nàng.



Vương tể tướng từ trong triều xin phép về, Vương phu nhân đem hết tình hình thuật lại và bày tỏ ý định của mình cho ông nghe, song Vương tể tướng cho rằng giải pháp ấy không thể được. Ông là người rất thông hiểu Phật pháp, theo ông thì việc xuất gia học đạo khá phải dễ; từ xưa đã có câu "Xuất gia học đạo là việc của kẻ đại tướng phu, không phải người tầm thường có thể làm được", mình đã không thể khuyến khích được người khác học đạo, thì thôi, chứ sao lại đi khuyên người xuất gia hoàn tục, đó là việc làm trái đạo lý và rất tội ác!

- Phật pháp cũng như lương tâm đều không cho phép chúng ta làm thế!

Vương tể tướng kiên quyết trả lời.

- Vậy ông nỡ nhân tâm ngồi nhìn con chết sao?

Vương phu nhân vừa khóc vừa hết sức thuyết phục chồng, cuối cùng Vương tể tướng buông 1 tiếng thở dài rồi đành nhân lời đến chùa Sùng An gặp hòa thượng Thiên Ân - sư phụ Ngọc Lâm - để thương lượng.

Sau khi gặp hòa thượng Thiên Ân, Vương tể tướng thành thật kể lại câu chuyện đau lòng trong gia đình ông cho hòa thượng nghe.

Hòa thượng Thiên Ân tự nghĩ:

1) Vì quyền thế của tể tướng nên không phải tội; 2) Mình đã biết rõ đây là nghiệp duyên của Ngọc Lâm từ kiếp trước còn rớt lại để thử thách đạo tâm của Ngọc Lâm, bởi thế ngài đáp:

- Theo ý lão tăng thì Phật pháp là đạo cứu

người, tể tướng đã nói là cần phải cứu sống lệnh ái thì việc đó có thể phương tiện được song không biết ý kiến của Ngọc Lâm thế nào. - Hòa thượng đã cho phép, chúng tôi có thể nói chuyện với Ngọc Lâm?

Hòa thượng trụ trì cho người gọi Ngọc Lâm lên, chỉ vào Vương tể tướng nói:

- Đây là đương triều Vương tể tướng, tự hôm Thiên Kim tiểu thư gặp bác đến nay nhónhưng mà thành bệnh, bệnh này là do bác gây nên, bởi vậy, sau khi bàn tính, tể tướng và thấy muốn bác đến để chữa cho tiểu thư...

- Bạch sư phụ, không được! -Ngọc Lâm sợ hãi, vội cắt ngang lời hòa thượng trụ trì - Con không hiểu gì về y học, mà từ trước đến nay cũng không học thuốc, vậy làm sao con có thể chữa được bệnh?!

Nghe Ngọc Lâm nói hòa thượng và Vương tể tướng nhìn nhau cười thầm.

- Chú ý của Tể tướng không phải muốn bác đến bắt mạch, kê đơn, mà là muốn bác vào làm rể trong tướng phủ! -Hòa thượng trụ trì bảo Ngọc Lâm ngồi xuống chiếc ghế nhỏ bên cạnh. Bây giờ Ngọc Lâm mới hiểu rõ câu chuyện.

Nhìn vẻ mặt tuấn tú và phong độ thanh nhã của Ngọc Lâm, Vương tể tướng trầm nghĩ: đẹp trai như thế không trách con mình mê như diều dồ là phải, mình được người con rể ấy cũng xứng đáng lắm. Rồi ông nhanh nhẩu tự giới thiệu với Ngọc Lâm:

- Nhà tôi có chút ít tài sản, nếu người vui lòng cứu con tôi, tôi sẽ giao tất cả cho ngài!

- Bạch hòa thượng, -Ngọc Lâm vừa nói vừa dựa mắt nhìn Vương tể tướng - việc này kỳ quá ạ. Người xuất gia, nếu không thể giữ được giới cấm, mà phải bỏ để hối tục, thì việc đó chính Phật cũng cho phép, không phải chuyện xấu xa. Song con xuất gia đầu Phật từ năm mười chín đến nay đã hai mươi lăm tuổi, con chưa từng phạm quy luật thuyên gia, mà cũng khá có tinh ý với Thiên Kim tiểu thư, nay lại bảo con bỏ giới để hối tục, thì ngay từ lúc đầu con xuất gia làm gì? Và nửa sự sống, chết và tất cả khổ não của kiếp người đều do lòng ái dục mà có, con vì sợ đắm chìm trong bể sinh tử, ái dục, nên mới bỏ cả cha mẹ, họ hàng, quê hương, bẻ bạn đến nương nhờ dưới bóng Phật đài, gần gũi hòa thượng để cầu học, tại sao bây giờ lại bắt con bỏ con đường sáng sủa, bằng phẳng, để trở về con đường tối tăm, khúc khuỷu, thì làm thế nào một ngày kia con vượt qua được bể khổ sinh tử?

Vương tể tướng và hòa thượng Thiên Ân tỏ vẻ cảm phục vô cùng.

- Bạch hòa thượng - Ngọc Lâm nói tiếp - con xuất gia học đạo không phải để cầu sự sống, vui thú tam bộ của kiếp người, và cũng không phải vì cuộc sống nhân tàn vô tử. Hòa

thượng đã từng dạy chúng con là một khi mất cái thân này rồi thì muôn kiếp khó được sinh lại, vậy chúng con không nên sống cuộc đời vô vi cho qua ngày đoạn tháng để lương phí một kiếp. Đại đa số người đời chỉ lăn lộn trong vòng tài sắc, danh lợi, họ không bao giờ nghĩ đến con đường chung cùng của họ sẽ đi đến đâu. Xin hòa thượng và Vương tế tướng nghĩ lại cho con cũng như mọi người đều được giải thoát yên vui.

- Song vì cứu người nên Phật pháp cũng cho phương tiện. - Vương tế tướng tuy rất khâm phục nhân cách của Ngọc Lâm, nhưng nghĩ đến con đang mê man trên giường bệnh và đôi mắt nhắm lè của phu nhân, ông bất đắc dĩ phải bày tỏ quan điểm của mình.

Ngọc Lâm sửa lại cổ áo và giọng nói năng nề - Tuy nói thì như thế, song trên thực tế, nếu làm ra, danh dự của Phật giáo cũng như gia phong trong quý phủ, đứng về phương tiện phong tục, tập quán mà xét, đều bị tổn thương. Vậy tốt hơn đừng để vấn đề cá nhân làm mất ảnh hưởng của đại thể.

Song Vương tế tướng là người rất thâm hiểu giáo lý nhà Phật :

- Tâm tốt thì có kết quả tốt, Bồ Tát cứu người không màng đến sự khen, chê của thế gian !

- Ngọc Lâm, lời Tế tướng nói rất đúng, con hãy bằng lòng đi! - Hòa thượng Thiên Ân lại chêm vào một câu.

Lòng Ngọc Lâm hoang mang, bao nhiêu tư tưởng bối bối trong đầu óc chàng. Chàng tư nghĩ : xưa nay hòa thượng là người coi việc giữ giới hơn cả tính mệnh, tại sao hôm nay lại để đại như thế? Nếu bảo sự uy quyền của Vương tế tướng thì không đúng, vì từ trước đến giờ hòa thượng vốn không sợ người quyền thế; còn ham tiền tài cũng không phải, vì hòa thượng có tiền cũng cho người khác chứ có giữ đầu. Có lẽ vì nghiệp chướng mình nặng nề? Hay mình kém phúc, không xứng đáng sống trơ cảnh thành tịnh trang nghiêm?

- "Chao ôi! Sao mình lại gặp ma nạn như thế này? - Ngọc Lâm than thầm.

- Ngọc Lâm! - Hòa thượng Thiên Ân cắt đứt dòng tư tưởng lan man của chàng - tinh thần lợi tha của Bồ Tát không phải xa lánh chúng sinh, mà là tùy duyên hóa hiện để cứu độ chúng sinh, đó mới là chân tinh thần của Bồ Tát, sao con cứ bó bó ôm lấy khí phách hẹp hòi như vậy?

Những lời thuyết pháp của hòa thượng trứ trứ bóng khiến Ngọc Lâm thức tỉnh, chàng trầm tư một lát, định tâm lại, rồi thân nhiên nói :

- Hòa thượng đã dạy thế, con cũng xin 1 việc - Việc gì?

- Nếu Vương tiểu thư y theo điều kiện của con, con sẽ bằng lòng ngay, bằng không, đã

chẳng cứu được người có khi lại bị người lôi cuốn.

- Rất dễ! Rất dễ! - Vương tế tướng mừng thầm.

- Xin người cứ nói, chỉ mong người nhận lời, còn bất luận điều kiện nào chúng tôi cũng xin theo.

- Điều kiện của tôi giản dị lắm, nghĩa là, phạm làm việc gì tiểu thư cũng phải theo tôi tôi bảo thế nào phải vâng như vậy.

Ngọc Lâm hùng dũng đưa điều kiện của mình nói với Vương tế tướng !

- Phu xướng, phụ tùy, cô nhân đã dạy như thế, điều kiện của người rất hợp tình hợp ý, tôi có thể thay cho con tôi để thừa nhận.

- Cũng cần tôn trọng sự tự do của tiểu thư, phải tự lệnh ai thừa nhận mới được !

Lúc ấy, lời nói, thái độ và âm thanh của Ngọc Lâm đúng như một người trung niên đã lão luyện và từng trải việc đời.

Wang Tế tướng cho ý kiến của Ngọc Lâm rất đúng, ông gật gù khen thầm, không ngờ người thanh niên tu hành, mà hiểu rõ sự lý như vậy nói câu nào cũng như đinh đóng cột. Ông có cảm tưởng cho rằng mình được người con rể có kiến thức như thế cũng đáng mừng cho giống họ Vương, và con mình có một người chồng trẻ tuổi, tuấn tú và có tài, thì chắc sung sướng trọn đời.

- Hòa thượng còn điều gì chỉ giáo thêm?

Wang tế tướng hỏi hòa thượng Thiên Ân.

- Thừa không còn điều gì.

- Vậy tôi xin kiêu. Tôi sẽ cho người đến trả lời ngay, song tôi có thể bảo đảm là nhất định con tôi sẽ chấp thuận điều kiện đó.

Nói xong, Vương tế tướng đứng dậy cáo từ rave

Không bao lâu, Vương tế tướng cho người đến nói là tiểu thư đã tự mình chấp nhận điều kiện của Ngọc Lâm. Tin ấy như một vết dầu loang truyền khắp trong chùa. Những người thiên kiến thấy hoàn cảnh của Ngọc Lâm mà thêm, vì họ cho rằng chàng sẽ sống trong cảnh vinh hoa phú quý, không còn phải buồn lo việc gì; còn những người tưởng đời có tâm tu học thì hối tiếc vô cùng, vì theo họ thì viên ngọc trong sáng từ đây sẽ trở nên nhòe nhòe, lấm lạp.

Ngọc Lâm là người Giang Tô, thân phụ chàng họ Dương, chàng rất có hiếu với cha mẹ, song nhất dân khẩn cầu cha mẹ cho phép xuất gia, học đạo. Nghe tin ai cũng sùng sốt, không ngờ một người thanh niên tự nguyện xuất gia, mà lại bỏ giới cấm để trở về với đời tục lụy.

Nhưng không một ai biết trong lòng Ngọc Lâm đã toan tính những gì.

(Còn tiếp)

Tin tức

• Trong những ngày cuối năm dương lịch năm 1984 quý Thầy và quý Cô đã vân tập về chùa Viên Giác tại Hannover để họp Chi Bộ. Trong buổi họp thường niên này quý Thầy và quý Cô đã kiểm điểm lại Phật sự trong năm qua tại trung ương cũng như địa phương và vạch ra 1 hướng đi cho năm 1985 trong công việc Phật sự tại nước Đức.

• Ngày 5 tháng 1 năm 1985 Ban Chấp Hành của Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Tây Đức đã nhóm họp tại chùa Viên Giác nhằm kiểm điểm những thành quả của Hội Phật Tử đã đạt được trong năm cũng như mổ xẻ những khuyết điểm đã có để cố gắng xây dựng một Tổ Chức Phật Tử vững mạnh trong mục đích phụng sự Đạo Pháp và Dân Tộc. Cũng trong phiên họp này Ban Chấp Hành đã bàn đến việc tổ chức Đại Lễ Phật Đản 2529 vào những ngày 3-5/5/1985 sắp đến.

• Vào ngày 12 tháng 1 năm 1985 đồng bào Phật tử Việt Nam tại München đã vân tập về Niệm Phật Đường Tâm Giác để tham dự lễ An Vị Phật. Buổi lễ An Vị Phật này đặt dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Minh Tâm viện chủ chùa Khánh Anh Pháp, Đại Đức Thích Như Điển trụ trì chùa Viên Giác Hannover, Đại Đức Thích Minh Phú trụ trì Niệm Phật Đường Khánh Hòa cùng với Ni Cô Thích Nữ Diệu Ân và Ni Cô Thích Nữ Minh Loan. Có khoảng hơn 100 Phật Tử đã về dự lễ từ các nơi Salzburg, Berlin, Hannover, München và các vùng phụ cận.

• Ngày 19 tháng 1 năm 1985 Đại Đức Thích Minh Phú đã đến Mannheim qua lời mời của Hội người Việt tại đây để chủ lễ một buổi lễ Phật và nói chuyện cùng đồng bào Phật tử qua các câu chuyện đạo. Đây là lần đầu tiên tại Mannheim đã tổ chức buổi lễ công cộng cho đồng bào Phật tử vùng này. Hy vọng buổi lễ Phật vào ngày 30.3 tới đây sẽ có nhiều người tham dự hơn.

• Ngày 27 tháng 1 năm 1985 vừa qua tại Tỉnh Thất Bảo Quang ở Hamburg dưới sự chủ lễ của Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm, đã có khoảng 50 Phật tử quanh vùng về tham dự. Sau buổi lễ Phật là câu chuyện đạo và quý Phật tử đã đàm đạo về các Phật sự tương lai ở vùng này trong tinh thần phát huy và phụng sự Tam Bảo khá sôi nổi.

• Từ 21 tháng 1 đến 16 tháng 2 năm 85 Đại Đức Thích Như Điển đã đến thăm đồng bào tại các trại tại Singapore, Bataan, Palawan Phi Luật Tân, Đài Loan, trại ở Tokyo và Fukuyama

thuộc Nhật Bản. Tùy theo từng trại một, Đại Đức đã nói chuyện với đồng bào, thăm hỏi những gia đình nghèo khổ, gọi đến các chùa, các Thầy và các Ban Đại Diện của các trại một số tịnh tài nhỏ nhỏ, do các Phật tử tại Âu, Mỹ và Úc đóng góp, để an ủi và khích lệ đồng bào trong khi còn chờ đi định cư các nước để tam quốc gia. Phần chi tiết xin quý vị theo dõi "ĐƯỜNG KHÔNG BIÊN GIỚI" kỳ thứ 25 và 26 để biết rõ ràng hơn.

• Vào lúc 13 giờ ngày 23 tháng 2 năm 1985 tại chùa Viên Giác Hannover Ủy Ban Văn Tự Kháng Chiến tại Tây Đức đã làm lễ cầu siêu cho các chiến sĩ Tự Do bị việt cộng xử tử tại Việt Nam trong tháng trước. Khoảng gần 100 người đã tham dự buổi lễ này.

CHƯƠNG TRÌNH THÁNG 3 VÀ THÁNG 4 NĂM 1985

• Ngày 9 tháng 3 năm 1985 sẽ có buổi lễ Phật tại Aachen.

• Ngày 23 tháng 3 năm 1985 lúc 15 giờ chiều sẽ có buổi lễ Phật định kỳ cho đồng bào tại Norddeich.

• Ngày 30.3.1985 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào tại Mannheim.

• Ngày 6.4.1985 lễ Phật của đồng bào Phật tử vùng Saarbrücken.

• Ngày 13.4.1985 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào Phật tử vùng Lünen.

• Ngày 27.4.1985 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào Phật tử tại Trung Tâm Độc Lập Stuttgart và quanh vùng.

• Ngày 3, 4 và 5 tháng 5 là lễ Phật Đản tại Hannover.

Thông báo

• Thư viện Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức thuộc chùa Viên Giác Hannover đã hoàn thành thư mục mới nhất của năm 84-85. Vậy quý vị nào cần có thư mục để mượn những sách mới nhất, xin liên lạc về chùa.

• Quyền LỄ NHẠC PHẬT GIÁO do Đại Đức Thích Như Điển biên soạn gồm 2 thứ tiếng Việt và Đức đã được xuất bản do sự bảo trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức. Sách dày 392 trang, bìa in 6 màu lộng lẫy. Quý vị nào muốn có sách xin gửi về chùa 3 DM tiền tem và việc ứng hộ xin tùy tâm.

• Ngoài ra Đại Đức Thích Như Điển cũng đã hoàn thành được quyển sách khác nhan đề là TÍNH ĐỐI NGHĨA ĐẠO. Sách dày 180 trang. Bìa in 2 màu rất trang nhã. Sách do chùa Khánh Anh Paris xuất bản, giá một cuốn là 14 DM kể cả tiền cước phí. Quý vị nào muốn có sách

xin liên lạc về chùa Khánh Anh-Pháp hoặc chùa Viên Giác Hannover. Nội dung của sách nói về tình đời và nghĩa đạo rất phù hợp với cuộc sống của người Phật tử trong hiện tại. Mong rằng mỗi gia đình nên có một quyển - đọc để ngâm ngùi, thương nhớ, cao thượng và thoát trần.

• Ban Tổ Chức Tết Ất Sửu vùng Saarland dự định tổ chức Tết vào ngày 9.3.1985 tại Thea-ter am Ring Saarlouis với mục đích bảo tồn truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như gây quỹ giúp đồng bào đang ở trại Đông Nam Á. Mọi chi tiết xin liên lạc về Ông Nguyễn Tấn Lê Ahrstr. 2 6600 Saarbrücken. Tel. 0681/740820.

Nhắn tin

• Huỳnh Hồng Hiệp sinh năm 1949 hiện ở tại Group 19 Balabac V.R.C. Palawan-Philippines (Cựu Thiểu Ủy Cảnh Sát Quốc Gia). Muốn tìm Nguyễn Hoàng Giang 34 tuổi cựu Thiểu Ủy truyền tin đơn vị 600 bộ Tổng Tham Mưu QLVN CH, cha là Trung Tá Nguyễn Hoàng Chương cựu chánh sở nhân viên Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia, đã định cư ở Tây Đức năm 1981 hoặc 1982 nay ở đâu xin liên lạc về địa chỉ trên để biết tin.

• Lê Tấn Ngọc hiện ở tại Zone 5, số ghe 2834 DDC 3, GR, 15 Manila-Philippinea, rời Việt Nam ngày 1 tháng 5 năm 1982 đến trại ngày 20.6.1982 trước ở Nha Trang, Phú Khánh. Muốn tìm Võ Hội và Võ Cù đã đến Đức năm 1979. Xin liên lạc về địa chỉ trên để biết tin tức.

• Tìm em Phan Duy Tiến du học tại Tây Đức năm 1970 diện con Quốc Gia Nghĩa Tử. Nay ở đâu xin thư về: Anh Phan Duy Tiến L/M 1896 No 4924 Chimawan Camp Hồng Kông hay em Phan thị Hoàng Anh 4407 LA-Cresta # 3 Stockton CA 95207 USA.

Giới thiệu

Trong thời gian qua chùa Viên Giác có nhận được những kính sách sau đây. Xin thành thật cảm ơn các Tác giả và xin giới thiệu đến các độc giả xa gần.

• Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện do Thượng Tọa Thích Chánh Lạc phiên dịch. Quý vị nào muốn có kính trên xin gửi về 1 Mỹ Kim cước phí bưu điện theo 2 địa chỉ dưới đây để có kính

1) Mr. Võ Kim Duy Linh
6802 Skillman Apts # 103 Dallas,
TX 75231 USA.

2) Trung Tâm Văn Hóa PGVN tại Paris

25, rue Jaffeux
92230 Gennevilliers France

• Quyển HỒN VONG QUỐC của nữ sĩ Huỳnh Dung là một quyển tiểu thuyết dã sử Việt Nam. Sách dày 490 trang. Giá bán tại Thụy Sĩ 30 FrS. Tại các nước khác 15 US + cước phí. Mọi chi tiết xin liên lạc về địa chỉ:

Trường Sơn
Box 70 3047 Bremgarten - Suisse

• ĐỨC :
Dân Chúa, Đặc San Xuân Ất Sửu 1985, Bản tin đặc biệt Liên Hội Người Việt tỵ nạn tại CH LB Đức, Độc Lập Xuân Ất Sửu số 1/85, Măng Non số 11/84, Tử Bi Âm số 12/84, Der Mittleweg, Hồn Việt tháng 11 và 12/84, Sông Việt số 7 và 8.

• PHÁP :
Quê Mẹ Xuân Ất Sửu 1985, Khánh Anh 26, Hoàng Pháp 35, Ai Hữu 46, Chiến Hữu 21.

• BỈ :
Hội Ai Hữu Người Việt tỵ nạn tại Bỉ, Vượt Sông 26, 27.

• ANH :
Linh Sơn số 9.

• ĐAN MẠCH :
Lạc Việt số 4

• HÒA LAN :
Việt Nam Nguyệt San số 11 và 12/84

• CANADA :
Tiếng Chuông Chùa, Kháng Chiến, Lửa Việt, số 49, Liên Hội số 8, Liên Hoa số 45 Xuân Ất Sửu Chánh Giác số 2, Dân Quyền 81, Lá Thư Bồ Lão 23.

• MỸ :
Vải nết về Tu Viện Kim Sơn, Ch'an, Xuân Ất Sửu chùa Phật Tổ, Bồ Đề, Phật Giáo Việt Nam 50, Bản Tin GĐPT Việt Nam, Chân Hưng số 1.

• ĐC :
Chiều Dương tuần báo số 51, Pháp Báo số 10 Xuân Ất Sửu, Phật Giáo Việt Nam số 4.

Xin chân thành cảm tạ quý cơ quan, tổ chức, đoàn thể và xin giới thiệu đến quý độc giả xa gần.



THỜI SỰ THẾ GIỚI

Việt nam

CSVN : DÃ MẠN VÀ HIẾU CHIẾN

Vào những ngày cuối của năm 84, khi một nửa dân số thế giới đang nô nức đón mừng lễ Giáng Sinh và Tết Dương Lịch. Thì chính quyền CSVN đã thực hiện 2 hành động man rợ và hiếu chiến của chúng.

- Vụ lên án tử hình một số kháng chiến quân
- Pháo kích và tấn công vào các trại tỵ nạn của người Kampuchea dọc biên giới Thái Lan, Cam Bốt.

Được biết ngày 18.12.84 toà án Nhân Dân Sài Gòn đã đem ra xử 21 người với tội trạng chống phá chính phủ Cộng Sản tại Việt Nam với sự hiện diện của báo chí thế giới, 5 bản án tử hình đã được tòa này tuyên xử. Kế đó 26.12.84 3 bản án tử hình khác cũng được công bố nhẹ khác với lần trước danh sách các can phạm được dấu kín. Tất cả các người này bị ghép tội là nhận sự giúp đỡ của Mỹ, Trung Quốc và Thái Lan mưu lật đổ chế độ Cộng Sản Hà Nội.

Ngay khi tin trên được loan đi đồng bào tỵ nạn Việt Nam trên khắp thế giới đã tổ chức những buổi hội họp và biểu tình để phản đối hành động dã man này của tập đoàn lãnh đạo Hà Nội. Tại Ba Lê hàng ngàn đồng bào ta đã không quản mùa Đông tuyết giá kéo nhau đi tuần hành và dâng kiến nghị lên Tổng Thống Pháp để nhờ can thiệp. Chính phủ Pháp đã gửi 2 luật sư tới Việt Nam để can thiệp với giới lãnh đạo Hà Nội về việc ngừng thi hành các bản án tử hình này.

Mặt khác đúng vào ngày 24/12 cuộc tổng công kích Giáng Sinh 84 của CSVN được mở đầu. Hơn 1000 quân với phi pháo yểm trợ, chúng đã pháo kích dữ dội vào các trại tỵ nạn của người Kampuchea dọc biên giới Thái Miên, làm cả trăm người tử thương và trên 60.000 người đã bồng bế nhau chạy thực mạng qua lãnh t h ở

Thái Lan. Cuộc tổng công kích mùa khô năm nay của CSVN đã diễn ra ác liệt hơn các năm trước và mục tiêu chính năm nay của chúng là lực lượng kháng chiến quân Khmer quốc gia của cựu Thủ Tướng Son Sann. Được biết lực lượng này được Hoa Kỳ và khối Asean yểm trợ với 12.000 kháng chiến quân, có dài phát thanh riêng.

Từ năm 1979 CSVN xua quân xâm lăng quốc gia láng giềng này với lý do giải phóng dân Khmer khỏi chế độ diệt chủng Pol Pot. Kampuchea diện tích 172.500 km2 với hơn 6 triệu dân, chỉ từ 10 năm qua hơn 1/2 dân số quốc gia này bị tàn sát vì chế độ Cộng Sản.

Bước qua năm thứ 10 kể từ ngày Cộng Sản chiếm trọn Việt Nam, trong những năm qua chế độ CS Hà Nội đã số dầy gần 60 triệu dân của 3 xứ Việt Miên Lào vào cảnh chém giết tàn bạo nhất trong lịch sử của 3 xứ Đông Dương này. Chiến tranh và nghèo đói luôn luôn ám ảnh mấy năm qua hàng triệu người của 3 nước đã ngã gục dưới mũi súng của Cộng Sản. Tuy nhiên chưa thấy dấu hiệu nào là những tên dốt nát Hà Nội ngừng tay chém giết, vì hàng triệu tàn vũ khí hàng năm vẫn được Số Viết đổ vào Việt - Nam.

Trong khi đó mức sống của người dân Việt đã xuống mức độ thấp nhất, nạn đói đã đe dọa nhiều nơi ở Việt Nam hạn hán, mất mùa liên tiếp xảy ra. Phong trào kháng chiến của nhân dân 3 xứ Đông Dương đã trên đà phát triển mạnh. Các lãnh tụ kháng chiến đã nói tới ngày chiến thắng. Sihanouk Tổng Thống chính phủ liên hiệp Miên đã tuyên bố 3 năm nữa trở về Nam Vang. Hoàng Cơ Minh Chủ tịch Mặt Trận kháng chiến Việt Nam "trẻ lắm là 10 năm nữa trở về" Sài Gòn trong vinh quang...

Cam bốt

TỔNG CÔNG KÍCH MÙA KHÔ CỦA CSVN BẮT ĐẦU

Cũng như mùa khô năm ngoái, năm nay chính quyền Cộng Sản Hà Nội đã chọn ngày lễ Giáng Sinh làm ngày tổng tấn công các lực lượng kháng chiến quân Khmer dọc biên giới Thái và Cam Bốt. Lực lượng Cộng Sản Việt Nam với xe Tank T-54 do Số Viết, viện trợ đã mở nhiều trận pháo kích và bắn phá dữ dội vào căn cứ số 43 gần Rithysen, còn gọi là Nong Samet của Thái Lan. Sau nhiều ngày chống cự căn cứ Ampil của phe kháng chiến quân Khmer do cựu Thủ Tướng Son Sann chỉ huy đã bị tràn ngập. Sau các vụ pháo kích và tấn công này của quân đội Cộng Sản Việt Nam, khiến cho 125 thường dân và du kích quân Khmer tử thương và trên 300 người bị thương, tổn thất về phía CSVN không được ghi nhận. Ngoài ra 62000 dân

chúng Khmer trong các trại tỵ nạn quanh vùng Rithysen và Ampil đá băng rừng, vượt suối chạy qua phần đất Thái Lan.

Được biết tại Cam Bốt phe kháng chiến quân Khmer chống Cộng Sản Việt Nam gồm 3 lực lượng Khmer đỏ, phong trào giải phóng quốc gia Khmer và 1 lực lượng của cựu hoàng Sihanouk. Trong 3 lực lượng này Khmer đỏ do Pol Pot lãnh đạo với quân số ước chừng 40.000 vũ khí được Trung Quốc yểm trợ, phe Quốc Gia Khmer do cựu Thủ Tướng Son Sann lãnh đạo có chừng 12.000 quân được Hoa Kỳ và khối Asean yểm trợ chiến cụ. Phe kháng chiến quân của cựu hoàng Sihanouk chừng 5.000 người được cả Trung Quốc và Asean yểm trợ. Mặt khác chính phủ liên hợp 3 phe đã thành hình do Sihanouk làm Tổng Thống... Tuy nhiên giữa 3 phe thường có những bất đồng, trong 2 mùa mưa qua các kháng chiến quân quân khmer đã mở những cuộc tấn công vào sâu lãnh thổ Cam Bốt, phá hủy những căn cứ địa của quân đội CSVN và chặn đánh những đoàn xe tiếp tế. Với các hoạt động du kích chiến trong mùa mưa, phe kháng chiến Khmer hy vọng rằng sẽ làm cho phía Cộng Sản Hà Nội mệt mỏi, cùng với sự lên án của dư luận thế giới về sự xâm lăng này, sẽ làm cho Liên Xô ngừng sự tiếp tế cho Hà Nội. Nhưng cho tới nay chưa có dấu hiệu nào báo hiệu sự mệt mỏi của CS Hà Nội vì chỉ trong một vài tuần vừa qua, 14 chiến đấu cơ MIG-23 đã được tàu Sô Viết cho cập bến Cam Ranh để viện trợ cho Cộng Sản Hà Nội.

Được biết Rithysen chỉ cách Bangkok thủ đô Thái Lan 140 dặm, và lần tấn công này Cộng Sản Việt Nam có chừng 1000 bộ binh với sự yểm trợ của xe tank và đại pháo. Từ năm 1979 sau khi CSVN sục quân chiếm Cam Bốt thì có khoảng 500.000 dân Khmer di cư tới lập thành những trại tỵ nạn dọc biên giới Thái Miên và các trại này là hậu phương cung cấp nhân vật lực cho các lực lượng kháng chiến Khmer. Theo sự bình luận của giới quân sự Âu Mỹ thì cũng như mọi năm cuộc tấn công của CSVN vào các lực lượng Khmer sẽ chấm dứt khi mùa mưa trở lại...

Bước qua tuần lễ thứ 2, chính quyền Hà Nội đã tăng cường số quân lên 4000 với xe tăng T54 và thiết giáp yểm trợ. Đã mở những đợt tấn công dữ dội vào Ampil nơi có 5000 quân Khmer quốc gia của cựu Thủ Tướng Son Sann dặt căn cứ. Lực lượng này đã bị tan vỡ và tháo chạy qua nội địa Thái - quân đội CSVN đã truy kích theo - Tại biên giới Thái Miên đã diễn ra những cuộc đấu khẩu giữa quân đội biên phòng Thái và bộ đội Việt Nam, phía CSVN tuyên bố nếu Thái nổ súng, CSVN sẽ cho đổ bộ quân vào đất Thái, cuối cùng 2 bên đã đồng ý lập vùng trãi dện 20 mét cho mỗi bên. Sau vụ tràn ngập Ampil, đài Hà Nội tuyên bố

đã hạ sát 100 du kích Khmer, phía CSVN thì tổn thất nhẹ. Được biết giữa 3 phe kháng chiến Khmer đã có sự chia rẽ, mặc dù đã có 1 chính phủ liên hợp nhưng các hoạt động quân sự vẫn đơn lẻ, không có sự hợp nhất.

Về phía Trung Quốc sau vụ tấn công này, chỉ lên án CSVN qua báo chí, truyền thanh, không có một hành động cụ thể nào như 1979 đổ quân tràn qua biên giới Việt Hoa để cảnh cáo sự xâm lăng của Hà Nội.

Chiến tranh Iran - Irak

CHIẾN TRANH CÓ CƠ TÁI PHÁT

Vào những ngày cuối năm, phi pháo của Iran và Irak lại tấn công các tàu dầu đi qua vùng vịnh Persian. Phi cơ của Iran đã bắn cháy một tàu chở dầu gần 300.000 tấn với 1,4 triệu thùng của Ả Rập Saudi, và tàu Kanchenjunga của Ấn Độ. Được biết từ tháng 6/1984 hai bên Iran và Irak đã ngừng bán để mua thêm chiến cụ, Iran đang vận động để mua 1 số chiến đấu cơ Mirage F 1 của Pháp trong khi đó Irak đã mua 28 chiến đấu cơ cùng loại này. Với loại Mirage F1 Irak có thể bắn phá sâu trong vùng cảng dầu quan trọng nhất của Iran là Kharg Island.

Trận chiến Iran-Irak lại hứa hẹn khốc liệt trở lại vào những tháng tới. Được biết Iran diện tích 1.621.866 km² với dân số trên 30 triệu, còn Irak diện tích gần 450.000 km² dân số hơn 10 triệu, hai quốc gia Hồi giáo này thù hằn với nhau trên 4 năm làm tàn phá hầu hết các cơ xưởng kỹ nghệ dầu hỏa của cả hai quốc gia.

Bi

PHÁ ÔNG DẪN NHIÊN LIỆU CỦA NATO

Sáu vụ phá hoại trong các thời gian và khu vực khác nhau trong vùng quốc gia Bỉ, nổ dặt trụ sở trung ương của khối Nato. Nhằm vào các hệ thống ống dẫn dầu dùng cho lúc chiến tranh.

Được biết hệ thống dẫn dầu này dài 3680 dặm chảy qua các quốc gia Bỉ, Pháp, Tây Đức, Luxemburg và Hòa Lan, nó được coi như hệ thống dẫn nhiên liệu quan trọng nhất của Đông Minh Nato trong thời chiến.

Trong thời gian gần đây những tổ chức khuynh tả và Cộng Sản đã sách động dân chúng trong các vụ biểu tình chống Hoa Kỳ dặt Pershing 2 tại Bỉ và lần này có sự nhúng tay của Cộng Sản vào các vụ phá hoại trên. Tổng thư ký khối

Nato Lord Carrington tuyên bố đã nghiên cứu những biên pháp bảo vệ an ninh cho các hệ thống dân nhiên liệu này và đang cho mớ cuộc điều tra về các hành động phá hoại có tính toán này...

Đức

LIÊN MINH GRÜNEN VÀ SPD THÀNH HÌNH

Trong tháng 12/84, hơn 700 đại biểu từ 11 tiểu bang trong nước Đức của đảng Grünen đã đại hội đảng lần thứ 7 tại Hamburg. Trong ba ngày đại hội, các đại biểu của đảng này, đã thảo luận về vấn đề từ 2 năm qua đang dấn trở thành một thế lực chính trị tại chính trường nước Đức. Trong khi đó một số đại biểu đảng không muốn đảng trở thành một tổ chức sinh hoạt chính trị; Petra Kelly 37 tuổi một trong những sáng lập viên quan trọng của đảng đã có chủ trương này.

Được biết đảng Grünen được thành lập 1980, mới đầu chỉ là một phong trào chống chiến tranh và sự ô nhiễm môi sinh. Qua thời gian phong trào đã lôi cuốn được số giáo sư trẻ, sinh viên và phụ nữ. Từ năm 1982 phong trào đã chiếm được ghế trong quốc hội của 6 tiểu bang trên 11 tiểu bang ở Đức. Kể đến 3/1983 trong tổng tuyển cử toàn quốc Grünend chiếm 5,6% số phiếu phổ thông và 28 ghế trong quốc hội liên bang.

Trong 3 ngày đại hội, đảng Grünen, đã thảo luận về thế liên minh với đảng SPD trong kỳ tổng tuyển cử 1987 tới đây, với sự liên minh này rất có thể đảng SPD và Grünen sẽ nắm chính quyền tại Đức. Giới chính trị Âu Mỹ đang lo ngại về sự lớn mạnh của Grünen, vì hầu hết nhóm kiểm soát đảng có tư tưởng Marxist. Và rồi đây nếu liên minh này thành hình nắm chính quyền thì kế hoạch phòng thủ Tây Âu của Hoa Kỳ và khối Nato sẽ đảo ngược. Vì trong thời gian qua đảng SPD và Grünen đã tích cực chống đối chính phủ Kohl về vấn đề cho Hoa Kỳ thiết bị Pershing 2 trên nước Đức

PERSHING 2 PHÁT NỔ

Đây là lần đầu tiên, hỏa tiễn Pershing 2 đã phát nổ tại thành phố Heilbronn, làm chết 3 lính Mỹ và 16 người bị thương. Được biết thành phố Heilbronn với 110.000 dân là một trong những thị trấn quan trọng trong vệt chiến lược phòng thủ của quân đội Nato, tại đây 54 Pershing 2 đã được đặt trong số 108 Pershing 2 toàn Tây Đức. Hỏa tiễn Pershing 2 dài 10 m 2, bắn xa 1100 dặm và mang một đầu đạn nguyên tử. Tướng Raymond E. Haddock chỉ huy 3 căn cứ Pershing 2 tại Đức đã tuyên bố sau vụ nổ rằng "không có một nguy hại nào

cho dân chúng của thành phố này cả".

Ấn độ

KỶ NGUYÊN MỚI CỦA XỨ ĐÔNG DÂN VÀ NGHÈO ĐÓI

Ngày 31.10.84, 11 phát đạn kết liễu cuộc đời của nữ Thủ tướng Indira Gandhi 67 tuổi, hai tháng sau Ấn Độ quốc gia có dân số 746 triệu đứng hàng thứ 2 về đông dân trên thế giới đã bước qua một giai đoạn mới.

Ngày 27.12.84, 379 triệu dân Ấn đã đi bỏ phiếu tại 479.000 địa điểm, đảng Quốc Đại của cố Thủ tướng Indira Gandhi đã cả thắng 401 ghế trên 544 ghế trong Quốc Hội. Rajiv Gandhi con trai của Gandhi đã thay mẹ nắm quyền. Đảng đối lập với số ghế nhiều nhất là 28 đại biểu của đảng Telugw Desam và kế đó đảng Cộng Sản 22 ghế, đảng này mất 14 ghế nhưng kiểm soát được chính phủ ở tiểu bang West Bengal.

Rajiv Gandhi là con trai lớn của Thủ Tướng Indira Gandhi sinh năm 1944. Rajiv từng theo học ở Imperial and Scientific College tại London và sau đó kỹ sư ở đại học Cambridge-Anh quốc. Năm 1968 lập gia đình với 1 con gái nhà thương mại người Ý tên Sonia. Rajiv đã có 2 con một trai một gái. Rajiv Gandhi trở thành Thủ Tướng thứ tư của Ấn Độ kể từ 1947 được Anh trao trả độc lập. Được biết dân số Ấn Độ hiện nay là 746 triệu với diện tích 3 triệu 260 km². Hơn nửa số dân này sống trong cảnh nghèo nàn, đói ăn. Sau 33 với kế hoạch phát triển kinh tế: Ấn Độ trở thành 1 quốc gia kỹ nghệ và có lực lượng quân sự hàng đầu trong các quốc gia để tam. Hiện Ấn có trên 1 triệu quân được trang bị bởi vũ khí tối tân của Tây phương và Số Việt. Năm 1974 Ấn c h o nổ trái bom nguyên tử đầu tiên. Với dân số đông đảo vấn đề cung cấp thực phẩm trở thành vấn đề số 1 của quốc gia này. Từ 1971, với cuộc cách mạng xanh, Ấn đã cung cấp được 40% số nhu cầu thực phẩm cho dân Ấn. Với số nợ 5 tỷ 2 dollar Mỹ của ngân hàng thế giới năm qua Ấn là quốc gia thứ 1 trong thế giới thứ 3 trả được 1 tỷ. Hiện nay ngân sách Ấn thâm thủng hàng năm là 6 tỷ dollar Mỹ.

Trong cuộc họp báo đầu tiên khi đắc cử Rajiv Gandhi đã tuyên bố sẽ có những liên hệ cởi mở hơn với Hoa Kỳ trong nhiều lãnh vực và tháng 6/85 sẽ viếng thăm Mỹ nhân dịp cộng đồng người Hoa Kỳ gốc Ấn tổ chức ngày lễ của Ấn Độ vào tháng trên.

Trung quốc

TIẾN DẪN TỚI CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Dặng Tiểu Bình 80 tuổi, người quyền thế nhất Trung Quốc hiện nay, trong tuần lễ đầu tiên của năm 1985 ông đã tuyên bố "không một quốc gia nào có thể mở mang mà cứ bệ quan tòa cảng". Từ năm 1979 khi trở lại chính trường họ Đặng đã thực hiện một cuộc cách mạng mới cho 1 tỷ 5 dân Trung Quốc khác với cuộc cách mạng văn hóa của Mao. Cuộc cách mạng lần này đã đẩy Trung Quốc xa dần Chủ Nghĩa Xã Hội. Rút kinh nghiệm từ phong trào trăm hoa đua nở trong năm 1957 và cuộc cách mạng văn hóa trong thập niên 60, lần này giới lãnh đạo Trung Quốc đã chủ trương 1 tinh thần mới: trao trả dần các quyền tự do cho dân chúng, với tinh thần này 800 triệu nông dân đã được làm chủ ruộng đất mình canh tác khiến năng suất đã tăng nhanh mùa gặt 1980 320 triệu tấn qua 1983 lên 400 triệu tấn. Mặt khác 80 triệu công nhân cũng được hưởng những quyền tự do trong vấn đề trao đổi các sản phẩm do họ sản xuất ra. Được biết hiện có trên 350 công ty Âu Mỹ đã bắt đầu bỏ vốn vào đầu tư tại Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình tuyên bố với chủ trương cách mạng kinh tế này của ông vào năm 2000, tổng sản lượng quốc gia của Trung Quốc sẽ là một triệu triệu (tức) (10.¹²) dollar Mỹ.

Được qua năm thứ 36, Trung Hoa dò với 40 triệu đảng viên, một đảng Cộng Sản có nhiều đảng viên nhất, đã bắt đầu buông bỏ chủ nghĩa Marx Lenin. Đây có phải là dấu hiệu cho thấy ngày tàn của Chủ Nghĩa Cộng Sản chắc chẳng còn bao xa...

Tây Âu

THẬT CHẶT HƠN CỦA KHỐI THỊ TRƯỜNG

Để tiện dân tới Hiệp Chúng Quốc Âu Châu (United States Europa), 5 trong số 10 hội viên của khối thị trường chung Âu Châu đã đồng ý làm chung một loại thẻ thông hành (Europa Passport) cho dân xứ họ, trong giấy này, vẫn ghi quốc tịch và quốc huy của người xứ đựng giấy. Được biết 5 quốc gia Pháp, Ý, Luxembourg, Denmark, Ireland, còn Hòa Lan, Bỉ, Hy Lạp sẽ thực hiện vào cuối năm 1985, Anh 2 năm sau, trong khi đó Tây Đức chưa quyết định tham gia sáng kiến này.

Mặt khác khối thị trường chung Âu Châu đã và đang đẩy mạnh sự phát triển về vấn đề thống nhất tiền tệ Âu Châu. Từ năm 1979 các quốc gia hội viên của khối thị trường đã lập ra khối tiền tệ Âu Châu (European Currency Unit) nó thì không như đồng Mark của Đức, Lira của Ý hoặc Franc của Pháp và giá trị của E.C.U. tương đương 70 Cent dollar Mỹ.

Vào cuối năm 1984 hội nghị thượng đỉnh của

khối thị trường đã họp tại Ái Nhĩ Lan. Nhiều vấn đề kinh tế, tài chính đã được đem rathảo luận, đặc biệt sự xin gia nhập của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha vào khối thị trường. Tuy nhiên 2 quốc gia này đã gặp những khó khăn, vì một số quốc gia hội viên không đồng ý. Được biết Tây Ban Nha là hội viên của khối Nato, hiện chính phủ thuộc đảng Xã Hội do Felipe Gonzalez Marquez làm Thủ tướng. Mới đây tại Madrid thủ đô Tây Ban Nha hàng trăm ngàn người biểu tình đòi Tây Ban Nha rút khỏi Nato.

Tại Tây Đức kinh tế sẽ tăng tiến 2,5%, mức lạm phát vẫn 2% và tỷ lệ thất nghiệp xuống còn 9% thay vì 9,1% của năm 84.

Tại Pháp kinh tế sút giảm còn 1,1% thay vì 1,5% của năm 84, lạm phát sút còn 5,8% và thất nghiệp tăng 11% thay vì 10% của 84.

Tại Anh kinh tế tăng 3,5%, lạm phát xuống 4,5% thất nghiệp vẫn 12,9%.

Tại Ý kinh tế tăng 2,7%, lạm phát tăng 9,3% thay vì 8,5% của 84, thất nghiệp tăng 10,5% thay vì 10,3% của 84.

Nhìn chung Tây Âu sự tăng tiến kinh tế 02,8%, lạm phát 5% và thất nghiệp 10,8%. Đây là những con số đầy khích lệ cho dân chúng Âu Châu trong những tháng tới đây của 85.

Mùa đông năm nay tại các quốc gia Tây Âu đã đắm chìm trong tuyết phủ và nhiệt độ xuống mức độ thấp nhất khiến hơn 100 người chết, phá hủy các mùa màng và trại chăn nuôi làm hao tổn cả hàng triệu dollars của các quốc gia này.

Tại Tây Đức nhiều nơi nhiệt độ xuống -37 C, tại Sô Viết -20 C, tại Áo -35 C được coi là lạnh nhất trong 55 năm qua.

Tại Thụy Sĩ -41 C coi là lạnh nhất trong 85 năm qua. Tại Pháp -21 C, Bắc Tây Ban Nha -10C Tại Ý -12 C, tại Anh -17 C.

Các quốc gia Bắc Âu vùng biển Bắc, nước đã đóng băng, người ta có thể đi từ Đan Mạch qua Thụy Điển bằng đường bộ. Mọi di chuyển bằng đường thủy đều ngưng trệ.

Mặt khác theo chuyên viên kinh tế thế giới đã đưa ra những tiên đoán về tương lai kinh tế Tây Âu trong năm 1985 với những lạc quan

Canada

MẬT THIẾT HỒN VỚI HOA KỲ

Trong lần thứ 2 viếng thăm Hoa Kỳ của tân Thủ tướng Canada Brian Mulroney, trước 1450 quan khách tại Câu Lạc Bộ kinh tế của thành

phố New York, ông Mulroney tuyên bố Canada sẽ mở cửa giao thông trở lại. Được biết qua 16 năm cầm quyền của cựu Thủ tướng Pierre Trudeau, nền thương mại giữa Hoa Kỳ và Canada đã có những giới hạn, khiến trong 2 năm đầu của thập niên 80 kinh tế Canada đã xuống dốc với trên 500.000 người mất việc làm và tỷ lệ thất nghiệp từ 6,8% tăng lên 12,8%.

Được biết trong năm qua ngân sách quốc gia Canada thâm thủng 26,5 tỷ dollar Mỹ, tân chính phủ đã chủ trương cắt giảm ngân sách chính phủ 2,65 tỷ dollar Mỹ trong nhiều lãnh vực và kêu gọi sự đầu tư của giới tư bản Mỹ. Tân chính phủ đã có sự liên hệ mật thiết với Hoa Kỳ, tháng 3/85 Tổng thống Mỹ Reagan sẽ viếng Canada.

Anh

NHÂN VẬT SỐ 2 SỐ VIẾT THĂM ANH

Cuộc đình công của 120.000 công nhân hầm mỏ vẫn tiếp diễn, lãnh tụ nghiệp đoàn Arthur Scargill một đảng viên Cộng Sản Anh quốc, đã kêu gọi và được sự ủng hộ của Số Viết và Libya. Scargill đã tới tòa đại sứ Số Viết ở London để nhận 1 triệu 3 dollar Mỹ, để tiếp tục khuyến khích công nhân đình công. Chợt nay sau gần 1 năm đình công về phi chính phủ thiệt mất 2 tỷ 4 dollar và mỗi công nhân mất 8000 dollar.

Trong khi đó vào cuối năm 84 nhân vật số 2 của Số Viết Gorbachev đã viếng thăm Anh quốc trong 8 ngày. Gorbachev được coi là nhân vật cao cấp nhất của Số Viết tới Anh kể từ sau cuộc viếng thăm của Thủ tướng Nga Kosygiu vào năm 1967. Gorbachev đã thảo luận hơn ba tiếng đồng hồ với Thủ tướng Thatcher về vấn đề liên hệ đông tây và hội nghị tài, binh và sau đó cũng hơn 3 giờ với ngoại trưởng Anh Howe. Gorbachev đã tuyên bố chìa khóa của cuộc hội nghị tại Genève giữa Số Viết và Hoa Kỳ là vấn đề chạy đua vũ khí không gian. Ngoài ra Gorbachev cũng tiếp xúc với lãnh tụ các đảng Lao Động và Tự Do. Được biết khác với các lãnh tụ Số Viết trước đây Gorbachev đã dẫn vợ là Raisa tháp tùng trong chuyến công du này, theo giới báo chí Tây phương Gorbachev là một bộ mặt mới của giới lãnh tụ Kremlin.

Mặt khác Thủ tướng Thatcher sẽ mở chuyến công du vòng thế giới qua Trung Quốc để ký hiệp ước trao trả Hồng Kông cho Trung Quốc vào năm 1997 và sau đó viếng Hoa Kỳ.

Ba lan

BIỂU TÌNH BỊ ĐÀN ÁP

Để kỷ niệm 14 năm ngày 12 công nhân Ba Lan bị quân đội và cảnh sát sát hại. Walesa và 3000 người đã diễu hành trên đường phố và tới đặt vòng hoa tưởng niệm tại nơi đã xảy ra cuộc bạo động vào năm 1970. Một đoàn biểu tình đã bị cảnh sát đàn chào, cuộc xô sát đã xảy ra, cảnh sát đã đàn áp thẳng tay với khối cay, với nước lạnh. Đoàn biểu tình đã phải trở lại địa điểm khởi hành là nhà thờ St Bridgid's.

Được biết cái chết của linh mục Jerzy Popieluszko đã tạo sự chống đối của giáo dân Thiên Chúa giáo Ba Lan (95% dân số).

Sự sai lầm của chính phủ trong chính sách kinh tế, Ba Lan thiếu nợ các ngân hàng Tây phương 26,4 tỷ dollar, vụ mùa năm 84 thất bại nặng. Các nhu yếu phẩm đã trở nên khan hiếm tại Warsaw và các thành phố khác. Gwiazda ngày năm 1981 tranh chức chủ tịch công đoàn Solidarity với Walesa, đã tuyên bố "đảng thì không làm được gì, chính phủ thì không làm được gì và phía đối lập cũng không làm được gì cho quốc gia Ba Lan cả....".

Số viết

TÁI TỤC HÒA HỘI TÀI GIÁM BINH BỊ

Sau cái chết của Tổng bí thư Andropov vào tháng 2/84, các lãnh tụ già nua của đảng Krem-lin tiếp theo nhau về chầu Marx Lénine vào cuối tháng 12/84. Dmitri Ustinov tổng trưởng quốc phòng Số Viết đã qua đời Ustinov sinh 1908 từng được coi là anh hùng lao động từ thời Stalin, là một kỹ sư dân sự, chưa từng chỉ huy quân đội trên chiến trường. Từ năm 1976 Ustinov nắm Bộ Quốc Phòng, là nhân viên Bộ Chính Trị, Ustinov đã phát triển kỹ nghệ quốc phòng Số Viết tới mức tối đa và thực hiện một cuộc chạy đua vũ trang với Hoa Kỳ, là một người chủ trương cứng rắn với Âu Mỹ.

Mặt khác ngày 7.1.85 Số Viết trở lại bàn Hội nghị Genève với Hoa Kỳ để thảo luận về vấn đề tài giám binh bị. Tháng 11/83 phái đoàn Số Viết đã bỏ phòng họp ra về, sau 4 năm cù của không kết quả. Lần này trở lại bàn Hội nghị, Số Viết đã đưa vấn đề vũ khí không gian lên làm phần chính để thảo luận, trong khi Hoa Kỳ đòi hỏi phía Số Viết phải thảo luận các loại vũ khí khác nữa, nhiều dấu hiệu cho thấy Hội nghị sẽ khó đi tới một kết quả khi cả 2 bên đều tỏ ra cứng rắn duy trì lập trường của mình.

Sau đây là bảng so sánh vài con số về các vũ khí của Mỹ và Số Viết :

	<u>Mỹ</u>	<u>Số Việt</u>
Hòa tiến liên lục địa	2132	5800
Hòa tiến đặt ở các tiềm thủy đỉnh	5728	2500
Phi cơ thả bom tầm xa	3280	400
Hòa tiến tầm trung	100	1358

Hoa Kỳ

TRỞ LẠI GENÈVE

Ngày 7.1.85 hai phái đoàn Mỹ Số đo 2 ngoại trưởng của 2 nước cầm đầu đã trở lại bàn Hội nghị tại Genève để thảo luận về vấn đề tài giảm binh bị giữa 2 siêu cường. Hội nghị này đã tan vỡ hồi 11/83 sau khi phái đoàn Số Việt bỏ phòng họp ra về.

Hơn một năm qua sau khi Hoa Kỳ đã thiết bị gần xong 572 Pershing 2 cho Tây Âu và Số Việt đã đặt thêm cả ngàn SS-20 tại Đông Đức và Tiệp Khắc. Chắc chắn rằng Hội nghị giữa hai siêu cường sẽ gặp nhiều khó khăn vì những vấn đề tài giảm binh bị bao gồm nhiều loại vũ khí chiến lược như hỏa tiễn tầm xa, tầm trung, hỏa tiễn đơn đầu và đa đầu, những căn cứ thiết bị, dưới biển, trên đất và trong không gian. Tuy nhiên vấn đề khó khăn là số lượng chính xác của mỗi bên và nơi đặt các loại vũ khí này, vì cả hai bên đều đưa ra những con số không xác thực của nhau. Trong khi đó với lời tuyên bố cách nay gần 2 năm của Tổng Thống Reagan là Hoa Kỳ đã hoàn bị 1 hệ thống vệ tinh phòng thủ với loại vũ khí cực kỳ tối tân này, tất cả các hỏa tiễn của Số Việt bắn ra đều bị phá hủy trước khi rớt xuống mục tiêu. Dựa vào lời tuyên bố này, năm nay trong lần Hội nghị này, Số Việt đã đặc biệt chovấn đề vũ khí không gian lên làm phần chính của nghị trình. Mới đây Mikhail Gorbachev nhân vật số 2 Số Việt trong lần viếng Anh quốc đã nhấn mạnh rằng nếu cuộc Hội nghị không đặc biệt bàn đến vấn đề tài giảm vũ khí không gian thì không hy vọng đi đến kết quả. Cho tới nay cả thế giới đang chú ý và hy vọng vào cuộc Hội nghị này của 2 siêu cường, còn sót của hòa bình thế giới bắt đầu được Mỹ Số hâm lại.

Về kinh tế sau khi OPEC đồng ý hạ giá dầu, và cuộc thắng cử về vang của Reagan, cùng chính sách cứng rắn đối với Số Việt đã kết quả, Cộng Sản đã phải trở lại bàn Hội nghị. Dựa trên những yếu tố trên bước qua 85 vấn đề kinh tế của Hoa Kỳ đã có rất nhiều dấu hiệu cho thấy tốt đẹp. Nạn thất nghiệp sẽ chỉ còn 7%, mức độ lạm phát của dollar Mỹ cũng giảm còn 4,6%, phát triển kinh tế ở mức độ

3,1%.

Bắt đầu bước vào nhiệm kỳ 2, với chiến thắng về vang, đảng Cộng Hòa của Tổng Thống Reagan đã nghĩ đến vấn đề chính đôn "hàng ngũ" để chờ đợi những "độc thủ" từ phía đảng Dân Chủ tung ra. Bài học đắng cay của Nixon qua vụ Watergate, đã làm giới lãnh đạo của đảng Cộng Hòa lưu ý.

Trong những ngày đầu của năm mới, Tổng Thống Reagan đã mở cuộc họp báo, cùng công bố nhữg thay đổi trong nội các của ông. Các Bộ Quốc Phòng, Ngoại Giao vẫn như cũ, duy có sự hoán chuyển giữa James Baker từ Trưởng Hành Chánh Bạch Ốc qua Tổng Giám Đốc Ngân Khố, Donald Reagen qua nắm chức xếp Hành Chánh của Bạch Ốc.

Sự ra đi của Tổng Trưởng nội vụ James Watt, Bộ Trưởng Năng Lượng Hodel qua nắm Bộ Nội Vụ Herrington từ Bạch Ốc qua nắm Bộ Năng Lượng Bennett từ Bộ Giao Tế qua Bộ Giáo Dục. Đại diện Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc Bà Kirkpatrick đang chờ nhận nhiệm vụ mới.

Với sự thay đổi nhỏ này, giới báo chí Mỹ đã đưa ra lời bình luận, sự thành công hay thất bại trong 4 năm tới của nhiệm kỳ 2 tất cả tùy thuộc vào tài lãnh đạo của Reagan trong vấn đề điều hòa giữa 2 khuynh hướng Điều Hâu và Bộ Câu trong Nội Các của ông.

Singapore

TỔNG TUYẾN CỬ

Thành phố quốc gia với diện tích 581 km², 2 triệu 5 dân. Singapore đã trở thành một trong những trung tâm thương mại quan trọng nhất ở Viễn Đông, sau Tokyo, Hồng Kông. Trong 25 năm qua Thủ Tướng Lý Quang Diệu 61 tuổi đã nắm quyền trải qua 7 nhiệm kỳ. Lý Quang Diệu xuất thân từ Đại học Cambridge (Anh) và thời gian là giáo sư Đại học Harvard (Mỹ). Trong thời gian qua dưới sự lãnh đạo của ông đã biến Singapore trở thành một quốc gia phồn thịnh lợi tức của người dân lên tới 6500 dollar 1 năm và tới 1999 lên tới 15.000 \$ đây là lợi tức tương đương với người dân Thụy Sĩ, hiện mức sống dân Singapore ở Á Châu sau Nhật và Miền Điện. Vào những ngày cuối năm tại Singapore đã có cuộc tổng tuyển cử để bầu 79 đại biểu trong Quốc Hội, đảng Hành Động của nhân dân của Thủ Tướng Lý Quang Diệu chắc chắn chiến thắng trước các đảng Công Nhân của J.B. Jeyaretnam, cũng như đảng Dân Chủ của Chaim See Tong và phong trào xã hội của Tiến sĩ Lee Siew Choh. Trong lần này đảng cầm quyền đã đưa phần lớn đại biểu là giới trẻ ra tranh cử.

Với mức phát triển kinh tế trong năm qua là 5% và vào 85 có thể 7%. Singapore đã trở thành một trung tâm thương mại quan trọng của thế giới. Được biết 80% dân Singapore gốc Hoa Kiều, chỉ 20% là người địa phương. Tương lai của Singapore sẽ có cơ phát triển sau khi Hồng Kông trao trả cho Trung Quốc vào 1997. Nhiều giới giàu có ở Hồng Kông đã di tản qua Singapore.

Ethiopia

VƯỢT BIÊN DƯỚI MƯA BOM

Hàng chục ngàn người đã băng núi vượt đèo, dưới làn mưa bom của phi cơ, do chính phủ CS Ethiopia ném xuống, nhằm mục đích ngăn chặn làn sóng người Ethiopia bỏ nước trốn qua các trại tỵ nạn ở biên giới Sudan. Được biết try mấy tháng qua Ethiopia lâm cảnh chết đói, chỉ trong 1984 có 900.000 người chết vì khê có gì để ăn, và cả triệu người đang trong tình trạng đói ăn.

Năm 1974 Trung tá Mengistu Haile Mariam được Sô Viết yểm trợ đã làm cuộc đảo chánh lật đổ chế độ quân chủ của Hoàng đế Haile Selassie biến Ethiopia thành quốc gia Cộng Sản. Trong khi đó một số lực lượng du kích chống chế độ Cộng Sản vẫn hoạt động và kiểm soát một số phần đất trong quốc gia và một số dân, cuộc nội chiến vẫn âm ỉ diễn ra, là một quốc gia nghèo đói trong số những quốc gia nghèo đói nhất thế giới.

Trong 10 năm qua chế độ Cộng Sản đã đẩy 30 triệu dân của quốc gia này xuống mức độ tàn cùng của đói khổ. Cho tới nay theo nguồn tin của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc thì có tới 250.000 người đã tới được các trại tỵ nạn ở Sudan và con số này sẽ tăng 350.000 vào tháng tới. Hoa Kỳ và các quốc gia Tây Âu đã gửi tới Ethiopia hàng ngàn tấn thực phẩm, quần áo và thuốc men tới để giúp tại các trại tỵ nạn ở Sudan và trong nội địa Ethiopia.

Thụy sĩ

MỸ SÔ TẠI TỤC HOA ĐÀM TÀI BÌNH

Ở một ngày mà thời tiết thật xấu, hàn thư biểu chi -10 C, tại Genève vào 7.8/1/85 hai phái đoàn Hoa Kỳ và Sô Viết đã gặp gỡ để nối lại các cuộc thảo luận bàn về vấn đề tài bình bị giữa 2 siêu cường. Hai ngoại trưởng của hai quốc gia đã gặp gỡ trong 14 giờ, cuối cùng đã đi đến quyết định 1 chương trình cho các cuộc hòa hồi như sau: Mỗi quốc gia sẽ lập những phái đoàn riêng để

bàn cãi về từng loại vũ khí của mỗi bên.

Nhóm I.

Thảo luận về các loại vũ khí chiến lược mang đầu đạn nguyên tử, hỏa tiễn liên lục địa, các tiềm thủy đình nguyên tử, các loại phi cơ thả bom.

Nhóm II.

Thảo luận về các loại hỏa tiễn tầm trung như Pershing 2, SS-20. Về 572 Pershing 2 ở Tây Âu và hơn ngàn SS-20 tại Đông Âu nhằm vào các quốc gia khối Nato.

Nhóm III.

Thảo luận về các hệ thống phòng thủ vũ khí không gian, các vệ tinh mang vũ khí, các dàn radar, hệ thống phòng không...

Với 920 nhà Báo và các chuyên viên kỹ thuật truyền hình, truyền thanh, ngoại trưởng Sô Viết Gromyko đã tuyên bố "chắc chắn rằng đây là những bước đầu để nối lại sự liên hệ giữa 2 quốc gia Sô Mỹ". Tuy giới quan sát viên chính trị quốc tế đã đưa ra những tiên đoán chắc chắn rằng hồi nghị sẽ kéo dài nhiều tháng hoặc nhiều năm với những căng đãn của đôi bên, để rồi có một vài đồng ý trên giấy tờ và cuộc chạy đua vũ trang vẫn âm ỉ diễn ra giữa 2 siêu cường.

tiếp theo trang 66

Hãy định thần nường theo lối Phật, thật yên bình, thật hiền hòa, thật dịu êm ...
Thời nhê xin vĩnh biệt cùng chung.

Khẩn bái! Khẩn bái!
Ô hô! Ai tai! Thượng hưởng!

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT
NAM MÔ TIẾP ĐẢN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT

Sungei Besi Răm tháng mười
Hà Nguyễn - Giáp Tý



Phương danh Quý Đạo hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường

Tính đến ngày 18 tháng 2 năm 1985.

ĐH. Đào Văn Chung(Hannover)60DM.ĐH Ngô Vĩnh Phúc(Norddeich)300DM.ĐH Phạm Văn Phụng(Hildesheim)10DM.ĐH Trưởng Thị Mai(M' Gladbach)30DM.ĐH Vũ Văn Cử(Stuttgart)16DM.ĐH Hữu Thái Phúc Quốc(Nhật Bản)5.000Yen.ĐH Nguyễn Ngọc Quang(Oberhausen)150DM.ĐH Đỗ Hữu Ai(")20DM.ĐH Quang Tú Hoa(Berlin)20DM.GĐĐH Tăng Bảo(")hồi hương hưởng linh ĐH Tăng Bảo 300DM.GĐĐH Hứa A Tri(Wilhelmshafen)hồi hương hưởng linh PT Hứa Kỳ Quang 500DM.ĐH Phạm Công Hoàng(Bremen)25DM.ĐH Vũ Bá Cử(Stuttgart)50DM.ĐH Phạm Hồng Sáu(Lingen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Tuyết(Stuttgart)100DM.ĐH Lê Văn Long(M' Gladbach)30DM.ĐH Phạm Thị Nhiêu(")30DM.ĐH Vũ Đông Văn Bé(Wilhelmshafen)32DM.GĐĐH Đặng Văn Ty(Freiburg)hồi hương hưởng linh Nhạc phụ Trần Đình Thâm 200DM.ĐH Đặng Văn Đình(")150DM.ĐH Huỳnh Kim Hoàng(")100DM.ĐH Nguyễn Thị Tú(")50DM.ĐH Nguyễn Bán(")20DM.ĐH Dũng V. Quang(Basel)100DM.ĐH Nguyễn Văn Tuyên(Freiburg)20DM.ĐH Nguyễn Thị Ngân(")20DM.GĐĐH họ Phạm họ Vũ và họ Huỳnh(Aachen)50DM.ĐH Quảng Phước(Minden)20DM.ĐH Ngô Thị Thắng(Frankfurt)15DM.ĐH Lôi Công Thành(Celle)10DM.ĐH Hữu Cây A Nhi 17DM.ĐH Huỳnh Lương(M' Gladbach)70DM.ĐH Lữ Văn Tân(")10DM.ĐH Giang Văn Tri(Flensburg)10DM.ĐH Ngô Ái Hoa(")20DM.ĐH Hữu Phùng Tuyết Khanh(Reutlingen)10DM.ĐH Lôi Tiến Dũng(Celle)20DM.ĐH Nguyễn Việt Nhân(Bielefeld)20DM.ĐH Wan Liu(Herford)10DM.ĐH Huỳnh Minh Toàn(Oberhausen)20DM.ĐH Lê Văn Long(M' Gladbach)80DM.ĐH Võ Thị Mỹ(Wiesbaden-Delkenheim)20DM.ĐH Châu Thị Thiệp(Paderborn)17DM.ĐH Hữu Đặng Thị Thê(Düsseldorf)50DM.ĐH Đàm Chuyên(Stade)100DM.ĐH Trần Kim Mến(Geilenkirchen)50DM.ĐH Giang Ngọc Loan(")20DM.ĐH Hữu Huỳnh Thuận Ý(Hannover)20DM.ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Braunschweig)200DM.ĐH Nguyễn Thị Hương(")200DM.ĐH Hứa A Tri(Wilhelmshafen)hồi hương hưởng linh PT Hứa Kỳ Quang 100DM.ĐH Cao Minh Yên(Pappenburg)20DM.ĐH Tăng Quốc Cở(Rottenburg)20DM.ĐH Nguyễn Quang Châu(Saarbrücken)10DM.ĐH Nguyễn Ngọc Thỏm(Düsseldorf)18DM.ĐH Vũ Đông Quang Sen(Dorsten)10DM.ĐH Như Duyên Lê Thị Minh Lương(Krefeld)50DM.ĐH Đặng Muội(Merzig Saar)20DM.GĐĐH Nguyễn Xuân Tân(Stuttgart)hồi hương hưởng linh Nhạc mẫu Lữ Thị

Dũng 500DM.ĐH Lê Đức Khiêm(Laatzten)100DM.ĐH Diệu Nhứt Lâm Thủy Liễu(Berlin)35DM.ĐH Nguyễn Thị Diễm Trường(Canada) hồi hương hưởng linh Lê Hữu Khải PD Tâm Trí 30Can.ĐH Nguyễn Thị Quý(Dorsten)50DM.ĐH Diệu Minh Lâm Liên Nguyệt(Berlin)hồi hương hưởng linh Lâm Thị Phùng PD Viên Nhôn 200DM.ĐH Nguyễn Thị Tiên(Hannover)50DM.ĐH Trưởng Tuy Thanh(Erding)10DM.ĐH Lý Lệ Nga(Salzbergen)20DM.ĐH Cam + Ngô(Berlin)100DM.Đào Shop(")20DM.ĐH Hồ Văn Diệu(Göttingen)10DM.ĐH Nguyễn Phước Hi(")50DM.ĐH Châu Nam Anh 4DM.ĐH Khử Thị Ngân(Bielefeld)100DM.ĐH Cẩm Châu Tông(Hallein Áo)30DM.ĐH Mai Lập(Siegen)50DM.ĐH Ấn danh(Schorndorf)50DM.ĐH Hà Thị Lan Anh (")32DM.GĐĐH Nguyễn Văn(Hannover) hồi hương hưởng linh Nguyễn Văn Jan 200DM.ĐH Ngô Bồn(Dörentrup)20DM.ĐH Quân Chi Nhan(Memmingen)20DM.ĐH Nguyễn Thị Bầy(Krefeld) hồi hương hưởng linh Lâm Văn Nền PD Minh, Nhân 50DM.ĐH Hà Thị Định(Hannover)hồi hương hưởng linh thân phụ Hà Văn Nghi 50DM.ĐH Hứa Ngọc Mai(Bielefeld)20DM.ĐH Trang Văn Huy(Recklinghausen)50DM.ĐH Minh Ngô(München)13DM. PT Tú Năng Âu Đức Toàn(Braunschweig)10DM.ĐH Ung Thị Mai(Đan Mạch)50Kr.ĐH Nguyễn Thị Kim(Berlin)20DM.ĐH Trần Thị Diệu Hoa(Raven-sburg)20DM.ĐH Đoàn Thị Mỹ Lộc(Koblenz)100DM.ĐH Trưởng Văn Ty(Mannheim)34DM.ĐH Mạch Phước(FN)10DM.ĐH Nguyễn Khắc Minh(Bochum) hồi hương hưởng linh thân phụ Nguyễn Khắc Bình 200DM.ĐH Đặng Nam Liêm 20DM.ĐH Nguyễn Bá Cử(Stuttgart)50DM.ĐH Hồ Hữu Diễm(Pforzheim)200DM.ĐH Nguyễn Đăng Hiếu(Esslingen)50DM.ĐH Hélène Antony(Düsseldorf)30DM.ĐH Hữu Võ Thị Lê(M' Gladbach)30DM.ĐH Nguyễn Bạch Tuyết(Geilenkirchen)10DM.ĐH Phạm Văn Dũng(Hildesheim)hồi hương hưởng linh Phụ Mẫu 120DM.ĐH Nguyễn Văn Ngọc(Hannover) hồi hương hưởng linh Nguyễn Văn Jan 100DM.ĐH Huỳnh Cẩm Diên(Truchtlaching)10DM.ĐH Nguyễn Thị Hằng(Weißenthurm)20DM.ĐH Trưởng Kim Học(Landstuhl)30DM.ĐH La Hai(Suisse)hồi hương hưởng linh Phạm Thị Sang 50FrS.ĐH Hồ Châu(Löningen)20DM.ĐH Trần Hữu Dũng(")20DM.ĐH Dũng Thị Út(")20DM.ĐH Trưởng Tô Hà(")20DM.ĐH Nguyễn Anh Phong(Berlin)hồi hương hưởng linh Đặng Văn Kiên 50DM.ĐH Giảng(Oberhausen)35DM.ĐH Diệu Niên Huỳnh Thị Dâu(Hannover)200DM.ĐH Lữ Huệ Muội(Wittmund)17DM.ĐH Du Diệp(")17DM.ĐH Nguyễn Hoàng H.(USA)50US.ĐH Phạm Văn Go(Geisingen)40DM.GĐĐH Hữu Diệu Thái Âu Thị Ba, Diệu Minh, Minh Đạt Ông Tân Thái(Gießen)hồi hương cứu huyền thất tôn ngoại 50DM.ĐH Phạm Văn Ken(Neuenstein)20DM.ĐH Nguyễn Thị Gái(Berg Gladbach)50DM.ĐH Lê Thị Nở(Belgique)1.000FrB.ĐH Phạm Ngọc Ảnh(Berlin)50DM.ĐH Nguyễn Trọng Phú(Canada)20Can.ĐH Huỳnh Văn Kỳ(Sobernheim)20DM.ĐH Trần Thị Hiệp(Canada)20Can.ĐH Tô Văn Phước 20DM

ĐH Tăng Anh Đào(Sweden)75Dem.ĐH Hữu Phan thị Ngọc Anh(")75Dem.ĐH Lâm Xuân Quang(Canada) 50Can.ĐH Nguyễn Mạnh Nam(Aachen)50DM.ĐHPHạm Ngọc Khôi(Essen)50DM.ĐH Tô Hoàng Chiêu(Em - den)30DM.ĐH Chang A Sang(Pforzheim)30DM.ĐH Nguyễn Hồng Kỳ(France)100FF.ĐH Hữu Diệu Ngọc Cindy Le Fuller(USA)50US.ĐH Nguyễn thị Lợi (")50US.ĐH Lê thị Bảy(Neuss)25DM.ĐH Lê thị Hai(")25DM.ĐH Lưu thị Hưởng(Spaichingen) 20 DM.ĐH Trần Hữu Khiếu(Usingen)30DM.ĐH Hữu Lưu Nguyệt và ĐH Huỳnh Mạch(Norge)hỏi hưởng cầu nguyện cho Bà Phan Anh và Bà Huỳnh Mạch mất được sáng tỏ 100DM.ĐH Ôn thị Lan Thanh (") hỏi hưởng cầu nguyện cho ông Vũ Ngọc Hương được sớm ra khỏi trại Cải Tạo 100DM.Đạo hữu Nguyễn Lưu(Pháp)100FF.ĐH Qiu You Qin(Müns - ter)100DM.ĐH Trần Vĩnh Cam(")20DM.ĐH Hữu Lưu văn Thanh(Heimenkirch)60DM.ĐH Ngô Thoại Bình (Bad Iburg)50DM.ĐH Huỳnh Xuân Hoa(")20DM.ĐH Ngô Mỹ Châu(")30DM.ĐH Lý Vĩnh Sanh(")20DM.ĐH Lý Thanh(")20DM.ĐH Diệu Thiên(")60DM.ĐH Hữu Trần thị Hoa(Bochum)hỏi hưởng hưởng linh Trần văn Xuân 100DM.ĐH Nguyễn Thành Công (Hannover)hỏi hưởng hưởng linh ĐH Diệu Tinh 200DM.ĐH Dương thị Quy(Essen)50DM.ĐH Hữu Trần thị Xuân Mai(Göttingen)10DM.ĐH Đỗ thị H ò a (Bremervörde)50DM.ĐH Lý Vĩnh Cường(Alfeld) 40DM.ĐH Nguyễn Ai(Bochum)100DM.ĐH Hữu Nguyễn văn Chín(Spaichingen)50DM.

.....

Tết và Rằm tháng Giêng

ĐH Hứa văn Sáu(Itzehoe)20DM.ĐH Võ thị Lý(Er - langen)20DM.ĐH Tiêu thị Thị(")30DM.ĐH Trần Phong Lưu(Saarburg)30DM.ĐH Trần Anh Dũng(Bad Iburg)20DM.ĐH Đặng Anh Dũng(Aachen)20DM.ĐH Trịnh Thủy Hương(München)20DM.ĐH Nguyễn văn Thảo(")15DM.ĐH Võ Ngọc Khải(Neuss)20DM.ĐH Hữu Tôn Nữ Chung Anh(Karlsruhe)20DM.ĐH Vũ Ân(") 10DM.ĐH Ngọc Bích(")10DM.ĐH Phan Ngọc A n h (Berlin)70DM.ĐH Nguyễn Hữu Thị Mừng Chi(O - berhausen)20DM.ĐH Võ Thanh Mai(Essen)20DM.ĐH Nguyễn Lệ Anh(Stade)30DM.ĐH Ngô Quân (M Gladbach)20DM.ĐH Trần Chí Lý(Emmendingen)20 DM.ĐH Nguyễn thị Anh(Berlin)50DM.ĐH Hữu Trần Hồng Nhy(Bad Iburg)50DM.ĐH Tấn Tông Khuôn (Aalen)50DM.ĐH Trương Quang Như(Preetz)20DM.ĐH Nguyễn Thanh Liêm(Heimenkirch)30DM.ĐH Hữu Cao thị Sâm(Spaichingen)50DM.ĐH Diệp thị Sơn (Aalen)20DM.ĐH Nguyễn văn Hùng(Kleimostheim 20DM.ĐH Lý Huỳnh Đăng(Gelsenkirchen)30DM.ĐH Trần thị Diệu Hoa(Ravensburg)20DM.ĐH Lê Sanh (Spaichingen)30DM.ĐH Nguyễn thị Hương(Köln) 50DM.ĐH Nguyễn Tri(Osnabrück)40DM.ĐH Dương Xuân Lang(Darmstadt)30DM.ĐH Châu thị Thiệp (Paderborn)50DM.ĐH Châu thị Châm(Darmstadt) 50DM.ĐH Huỳnh thị Tâm(Belgique)500FrB.ĐH Hữu Trần thị Nguyễn(Konz)20DM.ĐH Nguyễn văn Nhân (Holland)10DM.ĐH Nguyễn văn Minh(Köln)20DM.

ĐH Ngô Định Quốc(Düsseldorf)20DM.ĐH Võ thị Lang(Aalen)40DM.ĐH Trịnh văn Hải(Köln)20DM.ĐH Nguyễn thị Song(Hamburg)20DM.ĐH Nguyễn Thanh Đê(Stadthagen)20DM.ĐH Cao thị C h i (Berlin)10DM.ĐH Nguyễn Thanh Tuy(Reckling - hausen)30DM.ĐH Cao Minh Yên(Pappenburg) 30 DM.ĐH Nguyễn Anh Phong(Berlin)50DM.Đạo Hữu Nguyễn Thụy(Belgique)1.000FrB.ĐH Hữu Trương Trương Phát(Hürth Mitte)20DM.ĐH Trần Thọ Huân(Berlin)10DM.ĐH Phạm Tuyết Hoa(Bad I - burg)50DM.ĐH Giang(Oberhausen)50DM.ĐH Lâm văn Ba(Heimenkirch)20DM.ĐH Phạm Hữu Minh (Lampertheim)100DM.ĐH Ngọc Trinh(Úc)10ĐĐla.ĐH Hoàng thị Thủy(Fürth)15DM.ĐH Huỳnh Mộc Lan(Bad Pyrmont)70DM.ĐH Nguyễn Hữu Nghĩa (Köln)38DM.ĐH Nguyễn Khoa thị Thỏa(Eber - bach)85DM.ĐH Lâm Kim Liên(M Gladbach)50DM.ĐH Bùi văn Cho(Hamburg)50DM.ĐH Ung Hậu Khi (Berlin)20DM.ĐH Đào Hữu Đức(Belgique)30DM.ĐH Lý Mỹ Linh(Lüneburg)10DM.ĐH Hữu Huỳnh Lý (Aachen)100DM.ĐH Trịnh văn Bộ(Koblenz)20DM.ĐH Hermann Schell(Hürth)10DM.ĐH Trịnh Văn (Koblenz)20DM.ĐH Huỳnh Phi Hùng(Đan Mạch) 200Kr.ĐH Lý văn Vân(Gomaringen)10DM.ĐH Mã thị Kim Hồng(Nettetal)20DM.ĐH Ninh thị Muội (Köln)30DM.ĐH Lâm Cẩm Hồng(Braunschweig)30 DM.ĐH Trần văn Hưng(Sweden)34,72DM.ĐH Hữu Vũ Thanh Tâm(Heilbronn)10DM.ĐH Trần Kiệt(Lüne - burg)10DM.ĐH Huỳnh Cẩm Loan(Suisse)50FrS.ĐH Lê Tú Quỳnh(Belgique)1.000FrS.ĐH Hữu Lê Bửu Ngọc(")1.000FrS.ĐH Vogtlaender Lê thị Nga(K.O.Ruebenach)150DM.ĐH Hữu Lâm Kỳ Thạch (Pappenburg)30DM.ĐH Phùng Kim Liên(Norway) 100Kr.ĐH Nguyễn thị Phước(Bonn)20DM.ĐH Lê Thái(Krefeld)50DM.ĐH Trần(Braunschweig) 50DM.ĐH Đặng Ngọc Hải(Speyer)20DM.ĐH Chung Thái An(Konz)50DM.ĐH Phan thị Tròn(Reutlin - gen)20DM.ĐH Nguyễn văn Lo(Neu Ulm)20DM.ĐH Huỳnh Muội(Đan Mạch)50Kr.ĐH Đinh thị Hời (Aachen)50DM.ĐH Nguyễn văn Diên(Krefeld)20 DM.ĐH Tạ thị Chu(Wildbad)10DM.ĐH Hữu Lê thị Khang(Hamburg)50DM.ĐH Diệp văn Sơn(Wupper - tal)50DM.ĐH Trương Cẩm Minh(Darmstadt)20DM.ĐH Phạm Doãn Dương(Mannheim)50DM.ĐH Nguyễn văn Lộc(Hòa Lan)50Guld.ĐH Phạm văn Sáu(Ös - tringen)10DM.ĐH Tạ Nguyệt Trinh(Heilbronn) 20DM.ĐH Lâm Gia Văn(Bad Pyrmont)20DM.ĐH Hữu Phạm thị Kim Ngân(weiler)10DM.ĐH Đinh Ngọc Vượng(Berlin)10DM.ĐH Phạm thị Nhiều(Hòa Lan, 100Guld.ĐH Minh Lực(England)10L.ĐH Văn Vĩ Trung(Albstadt)20DM.ĐH Hữu Nguyễn văn Minh (Steinfurt)50DM.ĐH Trần thị Huỳnh Mai(Pfor - zheim)50DM.ĐH Nguyễn Đức Hạnh(Oberhausen) 50DM.ĐH Nguyễn Hữu Thu Hương(")20DM.ĐH Lê Quang Tường(Walsrode)20DM.ĐH Đoàn văn Thới (Pforzheim)120DM.ĐH Giang Ich Tuyên(Geilen - kirchen)20DM.ĐH Nguyễn Hiệp(Preetz)20DM.ĐH Lương Ngọc Văn(Hamburg)50DM.ĐH Đặng Ngọc Trân(Reutlingen)20DM.ĐH Phạm thị Bưởi(Düs - seldorf)30DM.ĐH Tô Tú Trân(Đan Mạch)500Kr.ĐH Nguyễn Ich Hiền(Oberhausen)20DM.Đạo Hữu

Nguyễn Thành Long(G.M.Hütte)20DM.ĐH Hữu Châu
 Tổng(Frankfurt)20DM.ĐH Mai thị Nữ(Bad Iburg
 20DM.ĐH Vương Tấn Phong(Ibbenbüren)40DM.ĐH
 Lý thị Kim Ngọc(Uelzen)20DM.ĐH Lê Nhật Hiền
 (Maintal)50DM.ĐH Lâm Anh-Phan Muội(BadIburg
 40DM.ĐH Nguyễn thị Sáng Đao(Recklinghausen)
 50DM.ĐH Lê văn Kết(Köln)20DM.ĐH Hữu Đố Trinh
 (Aalen)50DM.ĐH Nguyễn Bản(Freiburg)50DM.ĐH
 Trương Mỹ Dung(Geilenkirchen)10DM.ĐH Hữu Trần
 Tú Nguyệt(Heimenkirch)30DM.ĐH Hữu Hoàng Tuyết
 Thanh(Wuppertal)20DM.ĐH Đào Trọng Hiếu(Kar-
 lsruhe)20DM.ĐH Nguyễn Đắc Thắng(Hòa Lan) 20
 Guld.ĐH Lâm Liên(Norway)68,62DM.ĐH Trần Thu
 Hà(Göttingen)10DM.ĐH Huỳnh thị Chang(Filder-
 stadt)20DM.ĐH Nguyễn Việt Hùng(M Gladbach)
 10DM.ĐH Nguyễn Tuấn Kiệt(Aachen)10DM.ĐH Vũ
 thị Vàng(M Gladbach)50DM.ĐH Vương Quan Sen
 (Dorsten)20DM.ĐH Diệp thị Lạc(Laufen)20DM.
 ĐH Lâm Vĩnh Phong(Schweinfurt)50DM.ĐH Hữu Tô
 Khải Đức(")50DM.ĐH Lôi Công Thành(Celle) 10
 DM.ĐH Trần Phúc Bội(Berg Gladbach)20DM.ĐH Hữu
 Hồ Trần(Sweden)100Kr.ĐH Quảng Ngộ và Diệu
 Hiền(Fürth)40DM.ĐH Trần Như Sơn(Hannover)50
 DM.ĐH Tôn Nữ Thị Xuyên(")20DM.ĐH Huỳnh thị
 Hoàng(Spaichingen)30DM.ĐH Somphonephiaphaky
 (Gammertingen)50DM.ĐH Nguyễn thị Liên(Köln)
 30DM.ĐH Nguyễn Trung Ngôn(Berlin)50DM.ĐH Đố
 Tấn Phát(Uelzen)30DM.ĐH Mạch thị Phương(FN)
 50DM.ĐH Trần Hải Hòa(Spaichingen)20DM.ĐH Hữu
 Châu Nam(")10DM.ĐH Lâm văn Tốt(Laatzten)30DM

Định kỳ

ĐH Nguyễn Bình Dương(Lünen)40DM/11-12/84.ĐH
 Thiện Thông Nguyễn van Xiêu(Barntrup) 360DM
 1-12/84.ĐH Từ Sánh(Aachen)240DM/1-12/85.ĐH
 Diệu Niên Huỳnh thị Dâu(Hannover)240DM/1-12
 /85.ĐH Hoàng thị Thủy(Fürth)120DM/1-6/85.ĐH
 Nguyễn Bình Dương(Lünen)40DM/1-2/85.ĐH Hữu Tô
 văn Phước(München)40DM/1-2/85.ĐH Lâm Văn Tốt
 (Laatzten)120DM/1-6/85.

Cúng dường xây Chùa

ĐH Ngô Quang Huy(Viernheim)20DM.ĐH Hữu Phan
 Thanh Phước(Berlin)20DM.ĐH Hữu Trương Mỹ Dung
 (Geilenkirchen)20DM.ĐH Phạm Minh Nguyệt(CA-
 USA)50US.ĐH Đẳng Quốc Hùng(Stuttgart)20DM.
 ĐH Châu Chương(Karlsruhe)400DM.ĐH La Trung
 Triều(")100DM.ĐH Đào thị Công Châu(Ragens-
 burg)32DM.ĐH Tạ thị Xuân(Reisholz)30DM.ĐH
 họ Trương(Minden)50DM.ĐH Phan Hồng Mạnh(Ba-
 esweiler)10DM.ĐH Trần thị Kim Hằng(")10DM.
 ĐH Nguyễn Văn Thảo(München)50DM.ĐH Hữu Nguyễn
 thị Hương(Köln)15DM.ĐH Lâm Kim Khánh(Kre-
 feid)20DM.ĐH Ross Paul Henri(Pháp)20OFF.ĐH
 Huỳnh Phước Hùng(Eutin)500DM.Ấn danh 50DM.

ĐH Hoàng Quang Hân(Münster)14DM.ĐH Trương
 Xuân A(Pforzheim)50DM.ĐH Hứa Trương Hùng
 (Oldenburg)20DM.ĐH Ngô Trần ĐoànTrình(Thuy
 Sĩ)10FrS.ĐH Tô Tú Ai(Đan Mạch)200DM.ĐH Hữu
 Phạm Doãn Dương(Mannheim)200DM.ĐH Minh Lực
 (Anh)25L.ĐH Nguyễn thị Cẩm Vân(Preetz)10DM
 ĐH Trương thị Thanh Xuyên(Usingen)100DM.ĐH
 Đoàn(Braunschweig)50DM.ĐH Quảng Ngộ và Diệu
 Hiền(Fürth)40DM/1-2/85.ĐH Somphonephiapha-
 ky(Gammertingen)50DM.

Báo Viên Giác

ĐH Nguyễn thị Sơn(Reutlingen)50DM.ĐH Hữu Ngô
 Quang Huy(Viernheim)20DM.ĐH Hữu Phan Thanh
 Phước(Berlin)20DM.ĐH Ấn danh(Hannover)30DM
 ĐH Tăng Quốc Việt(Berlin)20DM.ĐH Trần Việt
 Hùng(")20DM.ĐH Lâm Thuận(Frankfurt)20DM.ĐH
 Diệu Thờ(Köln)10DM.ĐH Manoroth Thanasak -
 (Saar)20DM.ĐH Châu Mỹ Oanh(Frankfurt)10DM.
 ĐH Ấn danh(Osnabrück)50DM.ĐH Hữu Huỳnh Quốc
 Bình(Lausanne-Suisse)20DM.ĐH Diệu Thu(Okla-
 -USA)20US.ĐH Ngô thị Thắng(Frankfurt)10DM.
 ĐH Tạ thị Xuân(Reisholz)20DM.ĐH Hữu Nguyễn
 Dillen(Aachen)20DM.ĐH Vó thị Mỹ(Wiesbaden-
 Delkenheim)15DM.ĐH Ngô văn Sang(Stadthagen
 20DM.ĐH LCol Mrs.David Veith(Tích Lan) 20
 US.ĐH Nguyễn thị Chinh(Paderborn)30DM.ĐH Hữu
 Chơn Trung Đẳng thị Loan(Krefeld)20DM.ĐH Hữu
 Ngô văn Hoai(CT,USA)25US.ĐH Nguyễn văn Tra
 (Trossingen)16DM.ĐH Lưu văn Nghĩa(Schwal-
 bach)14DM.ĐH Nguyễn Hữu Thìn(Erlangen)20DM
 ĐH Huỳnh văn Hùng(Metzingen)20DM.ĐH Cao Thị
 Sâm(Spaichingen)20DM.ĐH Nguyễn thị Bầy(Kre-
 feid)20DM.ĐH Ấn danh 20DM.ĐH Hữu Trần Hữu
 Phúc(Stuttgart)50DM.ĐH Nguyễn Đẳng Hiếu
 (Esslingen)50DM.ĐH Hélène Antony(Düssel-
 dorf)20DM.ĐH Đố Trọng Hoàng(Vaihingen)10DM
 ĐH Giảng(Oberhausen)20DM.ĐH Đẳng,Trần thị
 Ngọc Tuyết(Duisburg)20DM.ĐH Tô Tú Ai (Đan-
 Mạch)100DM.ĐH Lê Tú Quỳnh(Belgique)500FrB.
 ĐH Đố Kim Hồng(Berlin)10DM.ĐH Phạm v.Trước
 (Canada)20Can.ĐH Phạm Doãn Dương(Mannheim)
 50DM.ĐH Phạm thị Kim Ngân(Weiler)10DM.ĐH Hữu
 Phạm Ngọc Lạc(Pháp)10OFF.ĐH Minh Lực (Anh)
 15L.ĐH Nguyễn Thanh Quang(Berlin)50DM.ĐH Hữu
 Lê văn Tứ(Pháp)50DM.ĐH Trương văn Tô (USA)
 20US.ĐH Đố Kim Hồng(Berlin)10DM.ĐH Hữu Đoàn
 (Braunschweig)30DM.ĐH Lưu văn Thanh(Heimen-
 -kirch)30DM.ĐH Diệu Thuật(CA-USA)10US.

Ấn tống Kinh sách

ĐH Thị Quang, Ngô Quang Huy(Viernheim)10DM.
 ĐH, Phạm Tuyết Muội(Bad Iburg)20DM.ĐH Vương
 Ứng(Köln)7DM.ĐH Phạm Hồng Sầu(Lingen)20DM.
 ĐH Lê thị Huệ Mỹ(Braunschweig)50DM.ĐH Hữu Mã

thị Kim Hồng(Nettetal)5DM.GĐĐH Trịnh thị Tiên,Trịnh Tuyên,Trịnh Quang(Köln)10DM.ĐHuứ Đấng Quốc Hùng(Stuttgart)20DM.ĐH Nguyễn văn Quan(Hanau)25DM.

...ĐH Giảng(Oberhausen) ủng hộ quyền LSPGVN HN 20DM.ĐH Dr.med.Wolf Herold(Wilhelmshaven) ủng hộ quyền Cuộc Đời của Người Tăng Sĩ 20 DM...ĐH Nguyễn thị Hương(Braunschweig)50DM

Trại Ty nạn

ĐH Giang Lăng Mai(Nürnberg)50DM.ĐHuứ Giang Lang Cui(")50DM.ĐH Lê văn Hiến(Düsseldorf) 30DM.ĐH Quang Tú Hoa(Berlin)20DM.ĐH Ẩn danh (Hannover)100DM.ĐH Trần văn Xương(Canada)20 Can.ĐH Trần thị Hiệp và gia đình(")50Can.ĐH Thiện Hóa(")20Can.ĐH Trúc Hương(")10Can.Đạo Huứ Đức Phước(")5Can.ĐH Trần Thanh Hồng (") 40Can.ĐH Lâm Tô Bông(")10Can.ĐHuứ Tư Thanh Liên(")10Can.ĐH Nguyễn Minh Dũng(")10Can.ĐH Tử Ngọc Duyên(")25Can.ĐH Phạm Hồng Sáu(Lingen)30DM.ĐH Nguyễn thị Tú(Freiburg)50DM.ĐH Châu thị Thiệp(Paderborn)50DM.ĐH Nguyễn thị Hương(Braunschweig)50DM.ĐH Lê thị Huệ Mỹ (Braunschweig)20DM.ĐH Nguyễn thị Chinh (Paderborn)50DM.ĐH Trịnh Trường Định(Mannheim) 5DM.ĐH Nguyễn Hải Hoàng(Bad Bentheim)30DM .ĐH Vương Thủy Lệ(Köln)10DM.ĐH Ẩn danh(Laatz-zen)50DM.ĐH Ẩn danh 30DM.ĐH Trần Như S ở n (Hannover)50DM.ĐH Thực Quyên(München)200DM.ĐH Tử Năng Âu Đức Toàn(Braunschweig)10DM.ĐH Ung thị Mai(Đan Mạch)50Kr.ĐH Đoàn thị Thanh Tú(Paris)500FF.ĐH Đoàn thị Thuận(Suisse)200 FF.ĐH Vũ Ngọc Hoat(")100FF.ĐH Đấng văn Căn (")200FF.ĐH Đoàn văn Đoan(")200FF.ĐHuứ Đoàn thị Tùng(Pháp)200FF.ĐH Bà Liên(")500FF.ĐHuứ Nguyễn Danh Đản(")100FF.ĐH Tường Vân(") 100 FF.ĐH Lai Kim Loan(")200FF.ĐH Laveau(") 100 FF.ĐH Lê thị Điều(")100FF.ĐH Vĩnh Dự(")50FF.ĐH Trợ(")50FF.ĐH Diệu Lý và ĐH Giác Ngộ (") 100FF.ĐH Nguyễn Hữu Đào(")200FF.ĐHuứ Nguyễn thị Lai(")100FF.ĐH Huệ Hòa(")100FF.ĐH Liễu (")100FF.ĐH Chúc Huệ(")100FF.ĐH Trí Hiền(") 50FF.ĐH Lê Quế Chi(")100FF.ĐH Bùi Xuân Bào (")100FF.ĐH Tâm Ngọc(")100FF.ĐH Phượng Lan (")100FF.ĐH Claude Carroubourg(")100FF.ĐHuứ Ngô Lãnh Yên(")100FF.ĐH Hồ Ngọc Hoa(")100FF.ĐH Hồ văn Nguyên(")100FF.ĐH Nguyễn Khoa Diệu Linh(")300FF.Hội Phụ Huynh và LiênĐoànHướng Đạo Sào Nam tại Berlin 1.500DM.ĐH Nguyễn Lê Nghĩa(Hannover)100DM.ĐH Cao thị Sâm(Spai - chingen)30DM.ĐH Quảng Ngộ và Diệu Hiền 100 DM.ĐH Võ văn Tiếp(Canada)50Can.ĐHuứ Lê Đức Khiêm(Laatzzen)50DM.ĐH Lê Quang Thông(Hanno-ver)30DM.ĐH Lâm văn Tốt(")20DM.ĐHuứ Vũ Đình Việt(Hannover)20DM.ĐH Nguyễn Khắc Căn(Mün - chen)50DM.

Mọi sự cúng dường, ủng hộ, Quý vị có thể gửi thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua một trong 2 số Konto của Ngân Hàng Deutsche Bank Hannover như sau: Chùa Viên Giác, Konto Nummer 8650228 - BLZ 250 700 70. Hoặc số Konto Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche e.V 8657470 - BLZ 250 700 70. Xin thành thật cảm ơn Quý vị.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Năm Ất Sửu đã về với người dân Việt khắp mọi nơi trên hoàn vũ, Đại Diện cho Chư Tăng Ni Việt Nam tại Tây Đức kính chúc Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Toạ Đại Đức Tăng Ni lãnh đạo tinh thần đồng bào Phật tử khắp mọi nơi, pháp thể khinh an, chúng sanh đi đò và cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho toàn thể quý vị Đạo hữu cũng như quý Phật tử 1 năm mới vạn sự hanh thông, Bồ Đề tâm kiên cố.

Trụ trì Chùa Viên Giác
THÍCH NHƯ THIỀN



Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức thành tâm kính chúc :

- Chư tôn Giáo Phẩm
- Chư Thượng Toạ Đại Đức Tăng Ni
- Quý vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo ban.
- Các Đoàn Thể, các Hội Đoàn
- Cùng toàn thể đồng bào Phật tử trên nước Đức và khắp mọi nơi.

gặp được nhiều thắng duyên trong cuộc sống hằng ngày và vạn sự kiết tường như ý.

BAN CHẤP HÀNH

GIÁ BIỂU KINH SÁCH VÀ PHÁP BẢO PHÁT HÀNH TẠI CHÙA

DANH MỤC	GIÁ TIỀN (ĐI)
1. Anh đạo vàng	10,00
2. Bài học ngàn vàng (tập 1-2)	10,00
3. Cuộc đời Đức Phật	15,00
4. Biện minh tu chứng	8,00
5. Câu chuyện dòng sông	15,00
6. Con người siêu việt	14,00
7. Cốt tủy Đạo Phật	15,00
8. Chìa khóa học Phật	7,00
9. Đại giới đàn Thiên Hòa	12,00
10. Đạo Phật và Tuổi trẻ	8,00
11. Đòng về Cực Lạc	23,00
12. Góp nhặt cát đá	7,00
13. Gương nhân quả	6,00
14. Hai ngàn năm Việt Nam và Phật Giáo	17,00
15. Hiện tình Phật Giáo Việt Nam	15,00
16. K.Á Di Đà và K.Quán Vô Lượng Thọ	14,00
17. Kinh A Di Đà Sở Sao trọn bộ	22,00
18. Kinh Duy Ma Cật	14,00
19. Kinh Đức Sư	5,00
20. Kinh Đại Bát Nhân Giác g.giải	8,00
21. Kinh Địa Tạng	18,00
22. Kinh Hiền Ngụ	14,00
23. Kinh Kim Quang Minh	12,00
24. K.Kim Cướng Bát Nhã Ba La Mật	13,00
25. Kinh Kim Cang giảng lục	9,00
26. Kinh Lăng Già Tâm Ấn	22,00
27. Kinh Lăng Hoàng Sâm	22,00
28. Kinh Pháp Hoa (Diệu Pháp Liên Hoa)	40,00
29. Kinh Sám Hối Diệt Tội	10,00
30. Kinh Tâm Địa Quán	19,00
31. K.Thu Lăng Nghiêm (tập 1-2)	40,00
32. Kinh Thủy Sâm	13,00
33. K.Vu Lan và K.Báo Ân Phụ Mẫu	5,00
34. Kiến thức căn bản Phật Giáo	20,00
35. Le Bouddhisme en quelques mots	7,00
36. Lăng Nghiêm Ảnh Hiện	12,00
37. Lịch sử gia đình Phật tử VN	14,00
38. Lịch sử tranh đấu Phật Giáo VN	17,00
39. Lối vàng ý ngọc	3,00
40. Mãi giữm phục quốc	20,00
41. Miền Thượng Uyên xưa	15,00
42. Niệm Phật thập yếu	17,00
43. Nét đẹp Đông Phương	10,00
44. Nghi thức tụng niệm	7,00
45. Nhân quả nghiệp luân hồi	9,00
46. Nhự dòng ý thức	6,00
47. Những mẫu chuyện đạo	17,00
48. Phật Giáo Việt Nam xưa và nay	7,00
49. Phật học phổ thông qu. 1.2.3	17,00
50. Phật học phổ thông (Bộ từ khóa 1 đến kh.12)	122,00
51. Phật học tinh hoa	22,00
52. Phật học tinh yếu	19,00
53. Phật pháp	15,00
54. Phật pháp con đường giải thoát	11,00

55. Phật pháp yếu nghĩa	13,00
56. Phật và thánh chúng	14,00
57. Phổ Môn thị hiện	8,00
58. Qui sơn cảnh sách thượng hạ	9,00
59. Sáu cửa Thiên Thất	9,00
60. Tánh không và Kinh Kim Cang	12,00
61. Tình đời nghĩa đạo	13,00
62. Tổ thiên tông	14,00
63. Tự tâm đường tánh	14,00
64. Tử Diệu Đề	10,00
65. Thâm ý qua hình tượng Phật, Bồ Tát	6,00
66. Thế giới quan Phật Giáo	9,50
67. Thiên sư Việt Nam	17,00
68. Thiên căn bản	10,00
69. Thiên đốn ngộ	16,00
70. Thiên đạo tu tập	22,00
71. Thoát vòng tục lụy	14,00
72. Thoát vòng sống chết	6,00
73. Triết học Phật Giáo	14,00
74. Truyền cổ Phật Giáo (Bộ 3 qu.)	24,00
75. Trục chi chơn tâm	13,00
76. Việt Nam Phật Giáo sử lược	16,00
77. Xuân trong cửa Thiên	15,00
78. Hình Phật Thích Ca	5,00
79. Hình Phật Quan Âm	3,00
80. Tượng Phật Thích Ca	50,00
81. Tượng Phật Quan Âm (đứng, ngồi)	40,00
82. Một bộ chuông mõ lớn	80,00
83. Một bộ chuông mõ nhỏ	65,00
84. Tráng hạt (108 hạt nhỏ)	25,00
85. Tráng hạt (24 hạt lớn)	12,00
86. Áo trắng	50,00
87. Nhang hộp (5 the)	7,00
88. Treo xe	12,00-15,00
89. Giấy chuyết	12,00

BẢNG KINH VÀ BẢNG NHẠC PHẬT GIÁO

90. Di Đà Cầu Siêu	10,00
91. Phổ Môn Cầu An	10,00
92. Tịnh Độ Sám Hối	10,00
93. Phật Đản Vu Lan	10,00
94. Lăng Nghiêm	10,00
95. Bảng thuyết pháp Th.Toạ Hộ Giác	10,00
96. Báo ân phụ mẫu	10,00
97. Kinh Vu Lan Nghĩa	10,00
98. Cúng vong cầu siêu	10,00
99. Em đến chùa	12,00
100. Mừng Đản Sinh	12,00
101. Quả tim Bồ Tát	12,00
102. Chí Tâm 1	12,00
103. Chí Tâm 2	12,00
104. Mélodies Nostalgiques	12,00
105. Văn Việt ngữ	12,00
106. Trách người di (Bảng thờ B.Thuận)	16,00

. Tất cả kinh sách phát hành tại chùa và những pháp bảo trên đây đều chứa tính cứu khổ phí gởi.

. Qui vị muốn rõ thêm chi tiết xin liên lạc về chùa Viên Giác.

MỪNG XUÂN ĐI LẶC

KIM MINH

Dùng lách tách dùng lách tách kia tiếng pháo nổ trong gió
mới. Dùng lách tách dùng lách tách kia tiếng pháo nổ vang khắp
trời. Nào cùng nhau ta hát ca vang, mừng mùa xuân đi lác mới
sang. Tiếng gió đi ánh nắng tươi với mùa xuân mới. Mừng mùa
xuân hoan hí xình tươi, sâu thòng chi ta cùng hát chơi. Ánh xuân
tươi, tiếng ca vui hoà trong gió nổ hoa muôn đời. Dùng lách....